

V. 17  
# 2  
Nov. '68  
V651  
DS 522

# VĂN-HÓA

## TẬP-SAN

### CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHÓ-THÔNG

文化

UNIVERSITY  
OCT 10 1968  
LIBRARY

NĂM THỨ XVII

SỐ 2 (tháng 11, 1968)

**GIÁ BÁN TOÀN-QUỐC :**  
1 số (tư nhân) . . . . . 248  
1 số (công sở) . . . . . 488  
(ở xa thêm tiền cước-phi)

**NHA VĂN-HÓA**  
**PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA**  
**SAIGON-VIETNAM**

# VĂN-HÓA

TẬP-SAN

CƠ- QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHÓ-THÔNG

NHA VĂN-HÓA PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA

XUẤT - BẢN

Năm thứ XVII, Số 2 (tháng 11, 1968)

NHA VĂN-HÓA  
PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA  
SAIGON-VIETNAM

# VĂN-HÓA

TẬP-SAN

CƠ QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỔ-THÔNG  
NHÀ VĂN-HÓA PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA

XUẤT-BẢN  
Năm thứ XVII, Số 2 (Tháng 11, 1968)

VĂN-HÓA  
NHÀ VĂN-HÓA PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA  
SAIGON-VIỆT-NAM

# VĂN-HÓA

## TẬP-SAN

CƠ QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỔ-THÔNG

NHÀ VĂN-HÓA PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA  
XUẤT - BẢN

Năm thứ XVII, Số 2 (THÁNG 11, 1968)

### mục lục

- Diễn-văn của Ông Quốc-Vụ-Khanh Mai-Thọ-Truyền, kiêm Viện-trưởng, Giám-sát-Viện, Đại-diện Thủ-Tướng Chính-Phủ đọc trong buổi Lễ Thánh-Đản Đức Khổng-Tử, tại Tòa Đô-Chánh Saigon ngày 28-9-1968.
- Diễn-văn của Ông Phụ-Tá Chuyên-môn Đặc-Trách Văn-Hóa (Bộ Văn-Hóa Giáo-dục và Thanh-niên) Trưởng-ban Tổ-chức ngày Lễ Thánh-Đản Đức Khổng-Tử, ngày 28-9-1968.
- Diễn-văn của Tổng-hội Khổng-Học Việt-Nam đọc trong buổi Lễ Thánh-Đản Đức Khổng-Tử, ngày 28-9-1968 tại Tòa Đô-Chánh Saigon.

#### Triết-học Đông-phương

Vương-đạo và bá-đạo trong Khổng-giáo . . . . .	Nguyễn-Đặng-Thục	12
Đức Khổng-Tử : nhà đại chính-trị, xướng thủy ra thuyết dân-quyền . . . . .	Hoàng-văn-Hoè	24
Khổng-Tử thế-gia . . . . .	Nguyễn-Đặng-Thục	53

**Lịch-sử — Phong-tục**

Giác mộng \* kinh-sus \* đời nhà chúa  
\* Linh-Mụ \* Phan-Du 58

(tiếp theo)

Sở-trường và sở-đoàn của Nguyễn-Huệ,  
người lưu-hung Xưa Kỳ-dụ (1789) Phạm-văn-Sơn 71

Âm-lịch và Dương-lịch. Ngọc-Tâm 84

(tiếp theo)

**Danh-nhân — Danh-văn**

Nguyễn-Trường-Tộ . . . . . Nguyễn-Hương 99

Cung-oán ngâm-khúc bình-chú . . . . . Trần-Cửu-Chấn 124

(tiếp theo)

Giai-thoại về Nguyễn-Công-Trứ hồi 79 tuổi  
(Xuân Đinh-tý, 1857) Lê-Xuân-Giáo 138

Phật-đạo Văn-Hóa 147

Phụ-trương 168

Siêng Phonemes . . . . . Ralph Hoopes 169

**CULTURE**

**PERIODICAL REVIEW**

PUBLISHED BY THE DIRECTORATE OF CULTURAL AFFAIRS  
MINISTRY OF STATE IN CHARGE OF CULTURAL AFFAIRS  
VOL. XVII, No 2 (November, 1960)

**contents**

- Address by Minister of State Mai-Thọ-Truyền, Chair man of the Inspectorial Institute, Representative of H. E. The Prime Minister, at the Commemoration of the Birthday Anniversary of Confucius (Sept. 28, 1960).
- Speech delivered by Professor Le Van, Assistant in charge of Cultural Affairs (Ministry Education, Culture and Youth), Master of ceremonies.
- Speech delivered by the Representative of the General Association for Confucian Studies on the occasion.

**Oriental Philosophy**

The Right Way and the Wrong Way in Confucianism . . . . .	Nguyen-Dang-Thuc 12
Confucius: the great politician, initiating the theory of civil rights . . . . .	Hoang-Van-Hoe 24
Confucius' family background. . . . .	Nguyen-Dang-Thuc 33

History — Custom

Origin of Linh Mu Pagoda (Hue) . . . Phan-Du 58

(continued)

The Hero of the Spring of Ky Dau (1789) or  
 Nguyen Hue's forte and weakness . . . Phan-Van-Son 71

(continued)

Lunar and Solar Calendar . . . Ngoc-Tam 84

(continued)

Great Men, Famous Writings

Nguyen Truong To . . . . . Nguyen Huong 99

Notes on Cung Oán Ngâm khúc  
 (Complaints of an Odalisque) . . . . . Tran Cuc Chan 124

(continued)

An Anecdote about Nguyen Cong Tru's retirement  
 at the age of 79 (Dinh Ty Spring, 1789) . . . . . Le Xuan Giao 138

Supplement

Stieng Phonemes . . . . . Ralph Haupers 169

# CULTURE

REVUE PERIODIQUE D'ÉTUDE ET DE VULGARISATION  
 PUBLIÉE PAR LA DIRECTION DES AFFAIRES CULTURELLES,  
 MINISTÈRE D'ÉTAT,  
 CHARGÉ DES AFFAIRES CULTURELLES

VOL XVII, No 2 (Novembre, 1968)

## table des matières

- Discours prononcé S.E. MAI-THO-TRUYÈN, Ministre d'Etat Chargé des Affaires Culturelles, Recteur du Censorat et Représentant du Premier Ministre, à l'occasion de l'Anniversaire de la Naissance de Confucius (28-9-1968).
- Discours du Professeur Lê Văn, Adjoint technique des Affaires culturelles (Ministère de la Culture, de l'Éducation et de la Jeunesse), Président du Comité d'organisation de la Cérémonie de l'Anniversaire de Confucius (28-9-1968).
- Discours du Représentant de l'Association Générale des Études Confucéennes du Viet-Nam à l'occasion de l'Anniversaire de Confucius (28-9-1969).

Philosophie Orientale

La Voie de la Violence et la Voie de la Non-violence dans la Doctrine Confucéenne.	Nguyen-Dang-Thuc	12
Confucius, grand homme politique, le premier qui proclamât les Droits de l'Homme.	Hoang-Van-Hoe	24
Confucius et sa noble ascendance	Nguyen-Dang-Thuc	33

(traduction)

Histoire - Mœurs et Coutumes

La Pagode de « Linh Mục » (Egends)	Phan-Du	58
Points forts et points faibles de Nguyen - Hue le héros de l'Année Ky-Dau (1789)	Pham-Van-Son	71
Calendrier Lunaire et Calendrier Solaire. (suite)	Ngoc-Tam	84

Hommes illustres - Œuvres célèbres

Nguyen-Truong-To	Nguyen-Huong	99
Annotations du <i>Chung Quan Nam Kieu</i> (Complaints d'une Odalique) (suite)	Tran-Cuu-Chan	124
Anecdotes sur Nguyen Cong Tru	Le-Nuan-Giao	138

Nouvelles culturelles 147

Supplément

Sieng Phonemes	Ralph Happers	169
----------------	---------------	-----

DIỄN-VĂN

của Ông Quốc-Vũ-Khanh MAI-THO-TRUYỀN, kiêm Viện-trưởng  
Giám-sát-viện, Đại-diện Thủ-tướng Chính-Phủ  
đọc trong buổi Lễ Thánh-Đản Đức Khổng-Tử tổ-chức  
tại Tòa Đô-Chánh Saigon ngày 28-9-1968

Thưa quý Vi,

Trong hoàn cảnh "thế suy đạo vi" "nhân dân đồ thân" của nước nhà  
tôi muốn xin phép quý Vi, nhân ngày kỷ-niệm trọng đại hôm nay, nhắc lại  
cái gọi là "Vương đạo" của "Vạn thế sư biểu" là Đức Khổng-Tử, mà tất cả  
chúng ta đồng tâm tưởng nhớ công ơn khai hóa.

Cụ Nguyễn-Đình-Chiều, một sư-biểu thời cận-đại của miền Nam nước Việt,  
đã tán dương đạo Khổng bằng mấy vần thơ sau đây :

*Biết ơn phụ tử, nghĩa quân thân  
Nhờ có trời sanh Đức Thánh Nhân  
Nét mực tu kinh ngăn đũa loạn  
Dấu xe hành đạo rạch phong trần  
Trăm đời còn cảm lời than phụng  
Muốn thờ đều thương tiếng khóc lân  
Phải dựng bút Châu biên sách Hán  
Mọi nào dám tới cạo đầu dân.*

Cứ như Cụ Đồ, đạo Khổng trước hết là đạo làm người, bởi lẽ " Đạo bất viễn  
nhân, nhân chi vi đạo nhi viễn nhân, bất khả dĩ vi đạo " = Đạo không xa người,

người làm Đạo mà xa người thì không gọi được là Đạo.

Lấy người làm gốc thì cái Đạo của Đức Khổng là Đạo Nhân-bản, không phải Thân-bản viên vong, cũng không phải Vật-bản thấp thời. Làm người tất phải có gia-đình, có gia-đình tất phải biết ơn nghĩa cha con, vợ chồng. Bản tánh loài người là sống tập-thể, vì vậy mà có xã-hội, có xã-hội tất phải biết nghĩa vua tôi, trên dưới. Xã-hội mà hỗn loạn, trên không ra trên, dưới không ra dưới, thì ắt có cảnh “ người đối với người như lang sói ”. Nhưng cơ bản của Nhân đạo hay đạo làm người của Đức Khổng như thế nào ? Ngài dạy : “ Nhân nhi bất nhân vi lễ hà, nhân nhi bất nhân vi nhạc hà ? ” = Người mà chẳng có lòng nhân thì Lễ để làm gì, Nhạc để làm gì ?

Đạo Nhân đã biến cải và hun đúc xã-hội Trung-Hoa cũng như xã-hội Việt-Nam suốt mấy ngàn năm, không thể trong chốc lát đảo thải, tày nào hết được ảnh hưởng. Một nhà Đông-phương-học Pháp, bàn về ảnh-hưởng của Khổng-giáo ở Á Đông, đã nói : Đặc điểm của Trung-Hoa là Khổng-học, nguồn phát sanh của một giai cấp thuộc loại không hoạt động riêng tư, hoặc về phương diện bác học, hoặc về phương diện giáo-lý, như các triết-gia và rất nhiều văn-si Tây phương hiện làm. Giai-cấp ấy, Khổng-Tử đã biến thành một giai-cấp đặc thù, có uy thế nhất trong Quốc-Gia, giai cấp của quan chức, bác lâm và triết gia. Như vậy Đức Khổng đã đạt được cái mà, trăm năm sau, Platon đã công nhận và tuyên dương như một lý-tưởng, và mô tả như một mộng đẹp trong tác-phẩm “ RÉPUBLIQUE ” của ông. Khổng-Tử và học-phái của Ngài đã thực hiện được điều mà, về sau, hàng “ tri thức ” hằng ao ước mong muốn, từ các nhà tiên-tri đến các nhà chánh-trị, từ Isaie đến Machiavel, và Ngài đã thực hiện niềm mong ước ấy dưới một hình thức tỏ ra bền bỉ đến độ bất ngờ, bền bỉ hơn nhiều các cơ-sở chánh-trị của những người tự xưng thực-tiến và những nhà cải cách hiểu chiến, đã theo gót Ngài cách sau lâu xa. Đây là hình ảnh của Xã-hội Việt-Nam mà cụ Đồ Chiểu đã truy hoài, mỗi khi cụ tưởng-niệm Đức Thánh Nhân.

Khổng-giáo là cả một ý-thức-hệ bán-văn-hóa, bán-chánh-trị, từ đây phát xuất một nền chánh-trị đạo đức, khác hẳn với thứ chánh-trị ngày nay là chánh-trị phương-tiện, coi rẻ sinh mạng của nhân dân, của con người.

Khởi đoan, Đức Khổng quan niệm đức Nhân như điểm phân biệt người với thú, cho nên Ngài định nghĩa chữ Nhân là Người : “ Nhân giả, nhân-dã ”.

Thứ đến, Ngài quan niệm đức Nhân là tình thương nhờ đó mà trong cuộc sống chung xã-hội, người ta biết hy sinh cho nhau, người ta cảm thấy đoàn-kết với nhau, thậm chí coi nhau như đồng-bào nếu cùng một nước, hay như huynh-đệ nếu nói rộng năm châu.

Do đây, Ngài lại cho chữ Nhân có nghĩa là yêu người (Nhân giả, ái nhân).

Sau hết, đức Nhân, đối với Ngài là sự sống chung của vũ-trụ, là đức hiếu sanh của Trời Đất, vừa sáng tạo vừa điều chỉnh và bảo-trì cái đại-hòa của vũ-trụ. Ngài đã bảo : “ Đức lớn của Trời Đất là sanh ” (Thiên Địa chi đại đức viết sanh).

Đức ấy chính là tình thương được dạy trong tất cả các tôn-giáo lớn trên thế-giới, đó là sức mạnh sáng-tạo cao tốt của vũ-trụ. Nho-si Cao-Bá-Quát của chúng ta, hồi thế kỷ 19, đã thêm hiểu chữ Nhân khi ông nói Nhân của Khổng-Tử là “ Kiền Khôn nhất sanh ý ”.

Bởi thế, đạo Khổng là đạo “ nhứt quán ”, quy về có một chữ Nhân ; đạo ấy đã trở thành ý-thức-hệ cha truyền con nối của hàng sĩ-phu khắp miền Á-Đông, chủ yếu lấy tu thân đức hóa làm lý-tưởng, bao trùm cái học kinh-luân và cái tài kinh-tế để giúp đời. Đứng giữa hai thế lực xã-hội chánh-trị, một bên là chánh quyền thống-trị thường có khuynh hướng lạm quyền, một bên là dân-chúng bị trị thường xử sự vô tâm, vai trò kẻ sĩ đối với nạn lạm quyền phải “ chính danh ”, đối với tính chất-phác của nhân-dân phải giáo-hóa. Lối cai trị “ danh giáo ” ấy là cái được gọi là “ vương đạo ”, khác hẳn với lối cai trị máy móc bằng pháp lệnh và uy quyền. Mạnh-Tử đã vạch rõ sự khác biệt giữa đôi đảng trong câu : “ Dem bạo lực ra mà giả làm điều nhân nghĩa, thì gọi là bá-đạo, đem đạo đức ra mà thực hiện nhân nghĩa, ấy là vương-đạo ”. Và Khổng-Tử cũng đã nói : “ Lấy chính lệnh mà cai trị, lấy hình phạt mà tề chỉnh thì dân sợ mà tránh nhưng vô liêm-sĩ. Lấy đạo đức mà hướng dẫn, lấy lễ nghĩa mà tu chỉnh, thì dân vừa biết liêm-sĩ vừa biết quý trọng nhân-cách ”.

Đù thấy rằng, trong ý-thức-hệ của Khổng-Giáo, chánh-trị hàm chứa đạo

đức, chứ không phải hoàn toàn là một phương-tiện vụ lợi nhất thời. Vì thế mà ở Việt-Nam, trải qua các thời-đại, thái-độ của hàng si-phu là dung hòa lý-tưởng với thực-tế, chính-trị với giáo-hóa, từ Chu-Văn-An đến Phan-Thanh-Giản, làm quan cốt chỉ để hành đạo, chứ không phải vì lợi tư, thậm chí nếu phải sát thân để thành tựu đạo Nhân cũng không từ. Vì cái cổ phong vương-đạo ấy mà hàng si-phu, trong vai tuồng quan chức, có nhiệm-vụ thiêng liêng gìn giữ đôn cân quân bình giữa hai thế-lực thống trị và bị-trị.

Nhìn lại quá khứ, chúng ta thấy sờ di Khổng-Tử xuất thân là một tiêu chức ở một nước hẻo lánh thuộc miền Hoa-Bắc mà đã trở nên một vị "tổ vương", được tôn thờ khắp miền Đông-Á, ấy là vì Ngài đã truyền lại cho đời sau một nền văn-hóa chánh-trị vừa thực-tiến để phụng sự quyền lợi của cộng-đồng, vừa lý-tưởng để bảo vệ thiên-tánh của con người. Thảo nào Vương-đạo chẳng thắng nền pháp-trị bá đạo của Tần-Thủy-Hoàng, tuy có công thống-nhất sơn hà, vẫn bị nhân dân sớm ruộng bỏ. Chúng ta hãy đọc lại lời tuyên-bố của một chính-khách Pháp cận-đại, thi-hào Lamartine, nhà lãnh-đạo cuộc cách-mạng chính-trị 1830, nửa thế-kỷ sau cuộc đại cách-mạng 1789. Lamartine nói :

"Mặc dầu người ta đã khoa-trường nhiều về luật tiến-hóa không ngừng, tôi vẫn chống với Rousseau và đứng về phía Khổng-Tử, bởi vì sự tiến-hóa ấy là một thứ tiến-hóa hạ đẳng, nó bắt từ chủ-nghĩa đạo đức của Khổng-Tử tuột lần xuống-chủ nghĩa duy-vật của Xã-Uớc".

Trong khung cảnh lễ Kỷ-niệm Đức Thánh Khổng và trước cảnh xã-hội điều tàn, Quốc-gia phân đoạn, những lời ấy đáng cho chúng ta đem ra suy ngẫm. Đã đến lúc cần phân tỉnh đề văn hời quốc vận đang bị sức mạnh của vật dục đe dọa nặng nề. Chúng ta có lợi mà ôn lại nền đạo đức cao quý đã được cụ Đờ Chiếu nhắc nhở. Mặc dầu thời-thế có đổi thay, mặc dầu sự khuyếch-trương kỹ-nghệ ở thị-thành có làm cho đồng ruộng thưa vắng, mặc dầu quả đất có trở thành bé nhỏ vì sự tiến-bộ của kỹ-thuật giao-thông, con người bất cứ ở vào hoàn cảnh nào, nếu thiếu lòng trắc-ân trước cảnh trẻ thơ mon men miệng giếng, thì không còn là con người nữa. Đức nhân ái mà mất, thì còn lấy gì mà bảo con người linh hơn vạn vật ?

## DIỄN-VĂN

của Phụ-Tá Chuyên-môn Đặc-trách Khối Văn-Hóa

(Bộ Văn-Hóa Giáo-Dục và Thanh-Niên)

Trưởng Ban Tổ-chức ngày Lễ Thánh-Đản Đức Khổng-Tử,

28 - 9 - 1968

Kính thưa Cụ Quốc-Vụ-Khanh, Đại-diện Thủ-Tướng Chánh-Phủ,

Kính thưa quý Vị,

Hôm nay, dưới quyền chủ-tọa của Cụ Quốc-vụ-Khanh Đại-diện Thủ-Tướng Chánh-Phủ, Lễ Thánh-Đản Đức Khổng-Tử được cử-hành trọng-thể như thường lệ, với sắc-thái trang-nghiêm của một ngày Quốc-Lễ.

Ban Tổ-chức chúng tôi xin thành-kính cảm-tạ Cụ Quốc-vụ-Khanh và toàn-thể liệt quý Vị đã hiện-diện trong buổi Lễ hôm nay để cùng dâng nén hương lòng tưởng-niệm công-đức của Vị Vạn-thế Sư-biêu.

Ngài sinh tại nước Lỗ thời Xuân-Thu, trước Dương-lịch 551 năm. Ngài là dòng-dõi các bậc Thánh-hiền đời Nhà Ân, bẩm thụ được tư-chất thông-minh thánh-trí mà lại hiếu học : học Lễ với Lão-Tử, học Nhạc với Trương-Hoàng, học đàn cầm với Sư-Tướng.

Khi Ngài nổi tiếng là nhà Bác-học, si-phu các nước theo học có đến hơn 3000 người.

Việc giáo-hóa, Ngài chia làm bốn khoa : Đức-hạnh, Ngôn-ngữ, Chính-sự, Văn-học.



Về phần luân-lý thì lấy Tam-cương, Ngũ-thường làm gốc. Tam-cương là ba giường mỗi, như Vua làm giường mỗi cho bề tôi; cha làm giường mỗi cho con; chồng làm giường mỗi cho vợ.

Ngũ-thường là năm đạo thường, như Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín để chỉ cho người đời biết cách tu-thân, tề-gia, làm lương-dân một nước, và nhất là để dạy con người biết đạo làm người muôn thuở, qua không-gian và thời-gian, ngoài và trên tất cả dị-biệt về lịch-sử, địa-lý, chủng-tộc, tôn-giáo, văn-hóa...

Ngài sinh vào cuối đời Nhà Chu, giữa lúc đạo-đức suy-vi luân-thường đảo-lộn, các Vua chư-hầu đua nhau tranh bá đồ vương, dùng toàn bạo-lực để tiêu-diệt nhau, để xâm-chiếm giang-sơn bờ cõi của nhau.

Họ coi học-thuyết Vương-đạo của Ngài quá thanh-cao, vô-hiệu, viễn-vọng, nên không đắc-dụng.

Ngay ở nước Lỗ là Tề-quốc của Ngài cũng chỉ trọng dụng Ngài trong một thời gian rất ngắn. Tuy thu được thành quả tốt đẹp khiến nước Tề phải kính nể, trả lại phần đất Mãn-Vương, nhưng rồi vua tôi nước Lỗ mắc kế ly-gián của nước Tề, ngày đêm say mê nữ nhạc, không quan-tâm đến việc nước, khiến Ngài phải từ bỏ quê hương để đi chu-du liệt-quốc.

Sau 13 năm chu-du thiên-hạ, nhận thấy các Vua chư-hầu mù-quáng, kiêu-căng, không thi-hành được học-thuyết kinh-bang tế-thể của mình, Ngài đành quay về nước Lỗ.

Khi trở về cố quốc, Ngài đã 68 tuổi, bây giờ Ngài mới chuyên-chú vào việc trước-thư lập-ngôn, để truyền đạo-lý lại cho hậu-thế. Ngài san Thi, Thư, định Lễ Nhạc và tu Xuân-Thu. Nói một cách tổng quát, Ngài muốn dạy người ta tề-gia trị quốc, đồng thời biết cách xử-thế nho-nhã, bỏ thói tà-dâm, theo đường lễ-giáo, vui cùng thiên-nhiên, chim muông, cây cỏ, an bần lạc-đạo.

Kinh Thư thuật lại những lời hay, gương sáng đời Ngũ-Đế Tam-Vương để dạy Vua tôi, Cha con... biết giữ tròn đạo.

Kinh Lễ, Kinh Nhạc dạy người ta di-dưỡng tính-tình, biết trọng lễ phải, luyện tính ôn hòa.

Trong Kinh Xuân-thu, Ngài phê phán tài-tình, chỉ dùng một vài chữ nh-

nhận bóng bầy nhưng sâu-sắc, đề thường kẻ hay, phạt kẻ ác, khiến cho loạn-thần tặc-tử phải e-dè, sợ-hãi.

Ngoài ra, Ngài còn biên-soạn thêm hào-từ, Kinh Dịch để dạy về những biến-dịch, chế-hóa của Ngũ-hành, của khí âm, khí dương, tức là cả một vũ-trụ-quan, một khoa-học huyền-bí về vũ-trụ.

Nói tóm lại, đạo-lý của Ngài, khi mở rộng thì mông-mênh như trời biển, khi thu lại thì không ngoài luân-lý cương-thường, cốt để duy-trì nhân-tâm thế-đạo, thật là hợp-thời giữa lúc phong-hóa suy-đổi, quốc-gia nghiêng-ngửa, công-cuộc chấn-hưng đạo-đức cổ-truyền đang nâng lên hàng quốc-sách.

Trải qua 25 thế-kỷ, triết-học ấy hay đạo-đức ấy không những không bị lu-mờ mà còn tồn tại quang-minh và vẫn là tinh-hoa vô giá trường-cửu trong kho-tàng giá-trị tinh-thần của nhiều dân-tộc Á-Đông.

Nước ta được thấm-nhuần Khổng-học từ ngàn xưa, nên có thể nói rằng luân-lý cổ-truyền căn-bản của dân ta là một nền luân-lý nho-giáo.

Nhờ ảnh-hưởng Nho-giáo chúng ta biết bao anh-hùng hào-kiệt, công-thần khai quốc, trung-quân kiên quyết, yêu nước thương nòi, đáng là những gương sáng cho trăm họ soi chung.

Không sao kể xiết những giai-thoại cao đẹp, kỳ thú về những nho-sĩ lừng danh: Tô-Hiến-Thành, phụ-chánh trung-kiên phò hai Vua Cao-Tôn và Anh-Tôn nhà Lý, không nghe lời Thái-hậu dụ dỗ với bả lợi-lộc vinh-hoa, làm thế nước vững-vàng; Lý-Thường-Kiệt, khẳng khăng một mực « Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư » bình Chiêm phá Tống; Trần-Hưng-Đạo ba lần đại phá quân Nguyên, un-đúc lòng diệt thù cứu nước với bài hịch tướng-sĩ bất hủ; Trần-Bình-Trọng « Thà làm ma nước Nam, chứ không làm Vua Bắc-Quốc »; Đặng-Dung, đầu đã bạc phơ vẫn nóng lòng giết giặc, cứu dân, mài grom dưới bóng nguyệt; Nguyễn-Trãi theo cha là Nguyễn-Phi-Khanh bị bắt đến tận ải Nam Quan, rồi tuân lời thân phụ quay về quê hương, trả thù cho cha phò Vua dựng nước, ban bố « Bình Ngô Đại-Cáo ».

Gần đây dưới thời Pháp-thuộc, các nhà nho chân-chính là những nhà Cách mạng, ái-quốc, hiên-ngang, cầm đầu nhiều cuộc khởi nghĩa: Ngoài Bắc, có Hoàng Hoa-Thám, anh-hùng Yên-thế; ở Trung có Phan-Đình-Phùng nổi tiếng thao lược,

Phan-Bội-Châu, Phan-Châu-Trinh gần suốt đời bốn-ba nơi hải-ngoại để giành độc-lập cho Tổ-Quốc; trong Nam, có Trương-Công-Định, Nguyễn-Trung-Trực, Nguyễn-Thông phát cờ khởi nghĩa khắp nẻo miền Nam.

Cũng nhờ Nho-giáo, còn biết bao liệt-nữ, tiết-phụ, hiếu-tử, từ-tôn, tiếng thơm còn ghi trong sử sách.

Do đây các Triều-Đại xưa của nước nhà luôn luôn nhớ công ơn đức-dục của Đức Khổng-Tử: hơn ngàn năm trước đây, Vua Lý-thánh-Tôn đã cho dựng Văn-Miếu, tạc tượng Thánh-Hiền, truyền tế-lễ xuân-thu nhị kỳ để tỏ lòng tri-ân, sùng bái. Văn-Miếu lại còn là trung-tâm Văn-Hóa Giáo-Dục để cho Hoàng-tử tới đó đọc sách làm văn, suy ngẫm. Về sau, Nhà Trần, Nhà Lê, Nhà Nguyễn cũng lấy Nhà Lý làm gương, xây dựng Văn-Miếu ở khắp các Tỉnh. Còn những văn-từ hàng huyện, văn-chỉ hàng xã, thì do thân-hào địa-phương, nâng lòng hâm mộ đạo thành góp công, góp của xây nên.

Thề theo truyền-thống ấy, ngày nay chúng ta cử-hành Lễ Thánh-Đàn Đức Khổng-Tử để biểu-dương nền đạo-đức luân-lý cổ-truyền.

Đành rằng chúng ta hấp-thụ trau-giồi khoa-học, kỹ-thuật nhưng chúng ta vẫn trở về nguồn phát-huy Khổng-Học để bảo-tồn những giá-trị truyền-thống ngõ hầu chặn đứng văn-hóa đồi-trụy, những ảnh-hưởng sâu-độc đang soi mòn, tàn-phá quốc-gia Việt-Nam.

Chúng ta tin rằng tinh-hoa Khổng-học chính là một trong những yếu-tố xây-dựng tốt đẹp cho tương-lai đất nước.

Với niềm tin-tưởng ấy, một lần nữa, xin chân-thành cảm-tạ Cụ Quốc-Vụ-Khanh Đại-diện Thủ-Tướng và liệt quý Vị.

## DIỄN-VĂN

của Tổng Hội Khổng-Học Việt-Nam

đọc trong buổi lễ Thánh-Đàn Đức Khổng-Tử ngày 28-9-1968

tại Phòng Khánh-Tiết Tòa Đô-Chánh Saigon

Kính thưa Ông QUỐC-VỤ-KHANH, Đại-diện THỦ-TƯỚNG CHÍNH-PHỦ,

Kính thưa quý Vị,

Thay mặt Tổng Hội Khổng-Học Việt-Nam, chúng tôi trân-trọng kính chào mừng Ông Quốc-Vụ-Khanh, Đại-diện Thủ-tướng Chính-Phủ và toàn thể quý Vị.

Hôm nay, dân-tộc Việt-Nam cũng như Trung-Hoa Dân-Quốc, Nhật-Bản, Đại-Hàn và hàng chục hiệp-hội Khổng-Học trên thế-giới, từ Á sang Âu long trọng kỷ-niệm lễ Thánh-Đàn đức Khổng-Phụ-Tử, là bậc Chí Thánh Đại Thành, Vạn Thế Sư Biều.

Trong dịp này, chúng tôi thiết-tưởng ôn lại luân-lý đạo-đức của Khổng Mạnh là rất cần thiết.

Nói về đại-cương, Khổng-giáo chủ-trương đề-cao giá-trị con người, khiến cho người có thể sánh cùng trời và đất làm "tam tài". Đạo người phải cố-gắng theo đạo Trời mà tiến-hóa đến chỗ chí thiện chí mỹ.

Khổng-giáo lấy luân-lý đạo-đức làm căn-bản khiến cho mọi người biết Tu Thân, cho gia-đình được tốt (Tề gia), quốc-gia được yên (Trị quốc) và thế-giới được Hòa bình (bình Thiên-hạ).

Khổng-giáo được truyền-bá sang Việt-Nam khoảng 2.000 năm nay, trước tất

cả các nền văn-hóa và các tôn-giáo Đông Tây. Khổng-giáo ăn sâu vào tập-quán, phong-tục, nếp sống của nhân-dân, đã nhập vào xương vào tủy của mọi người, không những trong giới tri-thức mà còn tất cả các tầng lớp quần-chúng nữa.

Khắp trong nước đều có văn-miếu, văn-chỉ ở cấp tỉnh, quận, xã, hàng năm có quốc-tế và có đại-diện của chánh-quyền đến dự. Tại tỉnh, vị quan tỉnh dự lễ là « khâm phụng sắc chỉ » tức là theo lệnh và thay mặt vua.

Khổng-giáo ở nước ta có một ưu-điểm đặc-biệt là vẫn dung-hòa sống chung với tất cả nền tư-tưởng và các tôn-giáo khác. Xưa kia trong nước vẫn thường gọi « Tam Giáo » là nói đến Lão-giáo, Khổng-giáo và Phật-giáo, sau này khi có Thiên-Chúa-giáo, Cao-Đài-giáo, và Hòa-Hảo-giáo thì vẫn có rất nhiều tín-đồ của các tôn-giáo này cũng lại là giáo-đồ của Khổng-Học. Nói tóm lại, tất cả dân-chúng Việt-Nam chẳng ít thì nhiều đều có thấm-nhuần giáo-lý của Khổng-Học trong huyết quản xương tủy.

Xét theo lịch-sử, mỗi lần có biến-cổ quan-trọng trong nước như họa ngoại xâm, là có những văn-thần vũ-tướng hầu hết là xuất thân ở nho-học đứng ra chống xâm-lăng, phù vua cứu nước.

Như đời giặc nhà Nguyên, có đức Trần-Hưng-Đạo ;

Đời giặc nhà Minh, có ông Nguyễn-Trãi ;

Hồi Pháp sang xâm chiếm Việt-Nam có Hoàng-Diệu, Nguyễn-Tri-Phương Phan-Thanh-Giản ;

Hồi Pháp đô hộ có những phong trào Cần-Vương, Văn-Thân, Đông-Kinh-Nghĩa-Thục, Đông-Du trong đó có Phan-Đình-Phùng, Phan-Bội-Châu, Cường-Đề, Phan-Chu-Trinh, Nguyễn-Thượng-Hiền, Lương-Văn-Can, Nguyễn-Hải-Thần.

Các vị-nhân trên đều là đệ-tử của Khổng-giáo.

Dưới thời Pháp-thuộc, người Pháp đã dụng tâm bóp nghẹt nền văn-hóa và hệ-thống cổ-truyền của Việt-Nam là Khổng-giáo, chỉ cần dạy chữ Pháp để có người sai-khiến trong việc cai-trị. Vì vậy mà nho-học suy đồi, và cả nền tảng văn-hóa căn-bản của dân-tộc bị suy-sụp, đưa đến phong-hóa đồi-trụy, xã-hội rối-ren, nhân tâm ly tán ; đây là lý-do sâu-xa cho tình trạng nhiễu-loạn, phân-hóa ngày nay. Nho-học càng suy vi thì xã-hội càng rối loạn, xã-hội càng

rối loạn thì lại có kết-quả là nho-học lại càng suy vi nữa, hai cái trào-lưu đó cứ thế mà lồi cuốn nhau đưa đến tình-trạng trầm-trọng bi-đát ngày nay.

Vì nho-học suy-vi, nên trong nước dân con không hiểu thế nào là trung nên mới có kẻ phản-bội Tổ-quốc, trong gia-đình không biết thế nào là hiếu đễ, nên mới có cảnh con cái nghịch-nghịch với cha mẹ, anh em bất đễ với nhau, cảnh vợ chồng bất nghĩa với nhau, ngoài xã-hội mới có nạn tham nhũng và có những kẻ trộm cướp du-đăng.

Đẹp loạn cần đẹp tận gốc, nếu có đủ trung, hiếu, tiết, nghĩa, lễ-nghĩa, liêm-sĩ dạy trong Khổng-giáo thì mầm-mống loạn-lạc sẽ hết.

Nếu ví quốc-gia như một cơ-thể con người thì có thể coi các mối tệ-đoan trong nước như các bệnh-tật đang hoành-hành cơ-thể, còn giáo-lý của Khổng-học có thể coi như là liều thuốc bổ không nhằm chữa thẳng các tật-bệnh trên, nhưng có công-dụng là bồi-bổ nguyên-khi, tăng-trưởng sức-lực cho cơ-thể, tức là giúp cho cơ-thể có khả-năng chống-đối tất cả các tật-bệnh mà thành ra lành mạnh.

Muốn cứu văn-tinh-thể hiện thời, Tổng Hội Khổng-học Việt-Nam chúng tôi hô-hào quốc-dân nên có một phong-trào phục-hưng nền Nho-giáo, chính-quyền nên có một chương-trình giáo-dục phục-hồi địa-vị đặc-biệt của Nho-giáo không những ở cấp đại-học mà ở cả cấp trung và tiểu học, để cho giáo-lý của Nho-học được phổ-biến đến khắp quần-chúng.

Nói tóm lại, trong tình-trạng hỗn-loạn của Quốc-Gia hiện tại, các vấn-đề quân-sự, chính-trị, kinh-tế, xã-hội thực là cấp-bách, nhưng về vấn-đề văn-hóa, và riêng về vấn-đề phục-hưng Khổng-học, chúng tôi thiết-nghi rằng việc phục-hưng Nho-giáo không thể xao-lãng được, trái lại còn phải đặt-đề lên hàng đầu, vì Nho-giáo là nền-tảng của trật-tự xã-hội, có đặc-thể quân-bình tình trạng Quốc-Gia.

Trân-trọng kính chào quý Vị.

## vương-đạo và bá-đạo trong không-giáo

Không-học ở Trung-Hoa và Việt-Nam là một hệ-thống tư-tưởng triết-học hầu như đối lập với Lão-giáo. Người ta thường cho nó là đại diện cho phái tư tưởng nhập thế hữu-vi, nghĩa là nó thừa nhận xã-hội nhân-loại và người ta là một loài xã-hội chính-trị "Zoon politikon" chỉ sống được với xã-hội nhân-quần, cho nên phải ở trong đường-mối xã-hội để cải thiện nhân-loại. Vậy Không-giáo thừa nhận những trọng quan xã-hội, về tinh-thần cũng như về thực-tế, là có thực và cần thiết hợp lý. Còn Lão-giáo tuy không phủ nhận hẳn nhưng muốn trở về với tự-nhiên để tìm sự tự do phóng khoáng cho tinh-thần và hòa-bình cho nhân loại.

Tuy nhiên cả hai phái đều tở thuật ở một nguồn mà ra, nguồn ấy là quan niệm Dịch về vũ-trụ. Đứng trước vũ-trụ luôn luôn biến chuyển sự vật đổi thay không ngừng "tuông ảo hóa đã bày ra đây", thì thái độ hợp lý nhất là phủ nhận "cánh phủ du" để khỏi "trông thấy mà đau", để đi tìm cái gì không thay đổi, không biến hóa, vĩnh viễn trường tồn; ấy là thái độ của Lão-Tử với cái bản-thể-luận của ông trong nguồn gốc của Đạo, ở ngoài thời gian, không gian và nhân quả tương đối.

Nhưng cũng còn một thái-độ nữa là nhảy vào guồng "máy huyền vi mở đóng khôn lường" để lẫn lộn học tập đường lối vẫn xoay từ chỗ thô-sơ đến chỗ tinh-tế, từ chỗ thấp đến chỗ cao, để lẫn theo từng vòng, từng lớp mà từ từ

ngoi ra ánh sáng bằng hành-động và kinh-nghiệm, ấy là thái độ của Không-Tử với quan niệm luân-lý chính-trị, xã-hội lý-tưởng của Ngài. Cái quan-niệm ấy đã có một ảnh hưởng sâu-xa vào xã-hội Trung-Hoa, Nhật-Bản, Cao-Ly và Việt-Nam trong bao nhiêu thế-kỷ; cho tới ngày nay nó vẫn còn sinh lực động cơ trong các tầng lớp xã-hội. Cái sức mạnh ấy tự đâu mà có, ấy là mục tiêu của sự nghiên cứu học-thuyết Không-Tử dưới đây.

Cái hệ-thống tư-tưởng ấy đã từng thăng được tư-tưởng siêu-hình thần-bí của Lão, Phật, cùng là tư-tưởng Cộng-Sản nguyên-thủy và chủ-nghĩa kiêm ái của Mặc-Địch, Hứa-Hành. Ngày nay nó đang bị mất ảnh-hưởng trước sự tấn công dữ-đội của các tư-tưởng chính-trị, kinh-tế của Thái-Tây. Tuy nhiên nó có thể mất ảnh-hưởng vì không thích-hợp với một xã-hội kỹ-nghệ hóa, về các chủ trương chính-trị kinh-tế của nó, nhưng dù sao về lý-tưởng nhân-bản của nó thì thế-lực vẫn còn tồn-tại lâu bền ở xã-hội Á-Đông và do đấy nó gián-tiếp ảnh-hưởng vào chính-trị quốc-gia làm thay đổi hay biến hóa cả tư-tưởng xã-hội khoa-học của K. Marx đang cố đột nhập vào xã-hội Trung-Hoa và Việt-Nam.

Trước khi phân tích rõ ràng triết-học và thân-thể nhà Socrate Á-Đông, ta hãy khái- quát cái hệ-thống tư-tưởng của Không-Tử như sau đây.

Không-học bênh vực một nền trật-tự xã-hội hợp-lý, trong một xã-hội thiết lập trên nền-tảng kinh-tế nông-nghiệp lấy gia-đình làm bản-vị cho đoàn-thể. Cái trật-tự xã-hội ấy nhìn ở quan-điểm luân-lý xã-hội và căn cứ vào sự tự sửa con người nội tại. Nó nhằm mục-đích thực-hiện một chế-độ chính-trị căn cứ vào một hệ-thống luân-lý để đi đến một hòa-điều chính-trị bằng cách xây dựng hòa-điều tinh thần ở chính tại con người. Đây là tất cả cái cá-tính riêng biệt của Không-Tử ở chỗ xóa nhòa biên-giới giữa chính-trị và luân-lý không còn phân-biệt. Và đây cũng là chỗ sở-trường và chỗ sở-đoan của Không-giáo. Vì chính đây là cái mộng xã-hội đại-đồng Vương-Đạo và cũng là cái động-cơ làm cho người ta sống có một ý-nghĩa cao thượng không phải chỉ biết có cái đời thực-tế vật-dục để đưa đến chỗ chán nản. Không-giáo bắt đầu mỗi từ quan-điểm luân-lý cho nên khác với quan-điểm của các Pháp-gia muốn xây dựng một quốc-gia hùng mạnh bằng một hệ-thống

luật-pháp chặt chẽ như Quán-Trọng (708-643), Hàn-Phi-Tử đã chủ trương ở Trung-Hoa.

Nhà văn-sĩ Trung-Hoa Lâm-Ngũ-Đường phê bình Khổng-giáo có viết về chỗ này :

« Cái quan-niệm hoàn toàn thực-tiến ấy tự phân-biệt với chủ-nghĩa « bất-nhân tiêu-cực của đạo Lão ở chỗ nó ý-thức sâu sắc. « Những nhiệm-vụ đối với đồng loại và trật-tự xã-hội nói chung. « Tại nền-tảng là một thái-độ nhân-bản, coi nhẹ tất cả siêu-hình « và thần-bí vô-dụng không chú-ý đến một thế-giới tâm-linh hay « vào cõi bất-tử, mà chỉ chú-ý vào những giếng-mối tương-quan « cốt yếu giữa người với người. Cái điểm chính của chủ-nghĩa « nhân-bản đặc-biệt ấy cho ta hiểu ảnh-hưởng lâu dài của nó. « Điểm ấy là « dĩ nhân trị nhân — lấy người làm mực thước cho « người ». Như thế bất cứ ai cũng có thể trở nên đệ-tử Nho-giáo, « chỉ cần tuân theo lương-năng cao thượng nhất của nhân-tính, « không phải gọi đến một lý-tưởng thiêng-liêng mới đạt tới sự « thành-tựu của con người ». (Lin Yu Tang, *La sagesse de Confucius* « ed. Attinger. p. 13, 14. 1949.

Nước Trung-Hoa sau khi nhà Chu (khoảng 1122 trước T.C.) chịu ảnh-hưởng văn-hóa nhà Thương rồi cướp nhà Thương dựng Đê-nghiệp được một thời long-thịnh với Văn-Vương, Chu-Công, cho đến Bình-Vương là bắt đầu suy-vi. Các Chư-hầu bành-trướng thế-lực, không tôn-trọng nhà Chu nữa, bởi vậy mới có sự khuyến-kích công-nghệ, thu-dụng nhân-tài, ấy là bước vào thời Xuân-Thu đến 403 thì chuyển sang giai-đoạn khác.

Sang giai-đoạn Chiến-Quốc thì các Chư-hầu thi Bá-đồ Vương, tự chinh-chiến lẫn nhau, kiêm-tính lẫn nhau, mạnh được yếu-thua. Ấy là thời-đại nhiều-nhương, can qua giặc-giã, dân quê bỏ đồng ruộng mà tập-trung nơi kẻ chợ-khuếch-trương công-nghệ và thương-nghiệp. Trong số hàng trăm các nước Chư-hầu của nhà Chu, thu lại chỉ còn mấy nước như Triệu

Hàn, Vệ, Sở, Yên và Tề. Nhà Chu tạm coi như đã tắt, giòng giới nhà Tần trở nên làm chủ Trung-Quốc, cho đến năm 221 Thành-Vương thống-nhất thiên-hạ lên ngôi là Tần-Thủy-Hoàng-Đế. Tần-Thủy-Hoàng nổi tiếng nhất về hai việc có giá-trị lịch-sử là xây Vạn-Lý-Trường-Thành và Phàn-Thư Khanh-Nho thuộc phái Khổng-giáo. Vạn-Lý-Trường-Thành tượng-trưng sự chống đỡ với Bắc-dịch luôn-luôn đột nhập Trung-Quốc. Phàn-thư Khanh-Nho có ý nghĩa là khùng-bổ tinh-thần Vương-đạo, có tính-cách cách-mệnh lý-tưởng can trở công việc Bá-đạo của nhà Vua thống-trị.

Vậy Vương-Đạo của Nho-gia và Bá-Đạo của Pháp-gia là gì? Ta cần phải biết sơ qua để định rõ lập-trường hành động của các lý-thuyết chính-trị ở Trung-Hoa và ở Việt-Nam.

Theo Mạnh-Tử thì « Đem sức ra mà giả làm nhân-nghĩa, gọi là đạo Bá; Bá thì tất có nước lớn mới làm được. Đem đạo-đức ra mà thực-hành nhân-nghĩa, gọi là đạo Vương, Vương thì không cần phải đợi nước lớn. Xem như Vua Thang mới khởi lên chỉ có 70 dặm, Vua Văn khi mới khởi lên chỉ có một trăm (100) dặm. » (*Mạnh-Tử*, thiên Công-tôn-Sứ).

Vậy Vương-đạo là lấy đức để trị, Bá-đạo là lấy quyền-lực để trị. Khổng-học bênh-vực lập-trường Vương-đạo với một quan-niệm pháp-luật tự-nhiên tức là Thiên-Mệnh, căn-cứ vào sự điều-hòa giữa quan-hệ của xã-hội với quan-hệ của vũ-trụ tự-nhiên. Chỗ này, giáo-sư Escarra dịch Lương-Khải-Siêu có phê-bình:

« Quan-niệm những quan-hệ xã-hội phải khuôn theo nghi-lễ của « định-luật tự-nhiên hơn là những mệnh-lệnh quyết-đoan của nhà « Vua và sự phục-tòng lễ-nghi là cách-thức duy-nhất có thể thực-« hiện sự quân-bình giữa quyền - lợi mâu-thuần khác nhau : « do đây mà có sự ghê tởm rõ rệt đối với những giải-pháp dứt « khoát của luật-pháp thực-tiến và một sự ưa chuộng bản-nhiên « đối với giải-pháp hòa-giải, điều đình bằng nghĩa lý. » (Trích dẫn « *Tiên-Tân chính-trị tư tưởng sử* » lời tựa, trang XX).

Lời Khổng-Tử nói ở Luận-Ngũ :

“Thỉnh tụng ngô do nhân dã, tất dã, sử vô tụng hồ?!” = Sử án thì tôi cũng như mọi người nhưng cần làm thế nào cho không có “án-tù, kiện-cáo thì mới là phải”.

Như thế thì ta đủ thấy cái lý-tưởng của Khổng-giáo là một xã-hội không cần có chính-phủ nữa, nhà Vua lấy đức của mình mà làm gương mẫu cho dân, người trên lấy đức để hóa người dưới. Sách Trung-Dụng bắt đầu tuyên-bố cái luật pháp tự-nhiên do trời đã ngẫm đặt vào tâm-khảm mọi người; cái đạo ở Khổng-giáo tức là đường lối hành-dộng nên phải theo đúng với luật-pháp tự-nhiên (Loi naturelle): người ta do sự giáo-hóa mà cố giữ gìn trong đường đạo-lý ấy. Bản phận của bậc Vua hiền, Thánh-Chúa là truyền-bá cái giáo-hóa cho dân; ông Escarra nói tiếp:

“Làm thế nào đạt tới kết quả ấy? Bằng một sự nội-sát để khám phá bản-tính nội-tại của sự-vật và những quan-hệ do đấy xuất ra giữa người với người. Kết-quả của sự nội-sát ấy, nhà Vua phải trước hết qui-thức hóa chặt chẽ và giới-thuyết cho tất cả sự vật một cách minh-xác. Đây là thuyết Chính-danh vậy.” (Tr. 22, sách-đã trích-dẫn).

“Danh chẳng chính thì nói chẳng thuận với sự thật: nói chẳng xác thực thì việc mưu làm chẳng nên; việc đã không nên thì Lễ, Nhạc không chấn-hưng lên được. Lễ, Nhạc điều-thị tiết-điệu đã không chấn-hưng thì hình-phạt chẳng trúng lý. Hình-phạt đã chẳng trúng lý thì dân còn biết đặt chân, tay vào đâu cho phải. Cho nên người quân-tử cho sự dùng danh-từ đúng phép là một sự cần thiết. Nói được, tất là phải làm được. Người quân-tử nói năng điều gì không thể cầu-thả được”. (Khổng-Tử — Luận-Ngữ)

Cái ý-chí luôn-luôn muốn Chính-Danh là một phương-pháp có hiệu-nghiệm nhất để tránh sự hỗn-loạn ở tinh-thần về phương-diện tri-thức và đạo-đức.

Nhờ có sự phù-hợp giữa sự Chính-Danh và các hòa-điều trong đường-mối cương-thường của xã-hội, nhà Vua thấu-đạo đến bản-tính của sự-vật và biết định-nghĩa rành mạch mới có thể tu-sửa cho đến trình-độ có thể phỏng theo đúng với luật-pháp tự-nhiên. Đến bây giờ, nhà Vua hay các bậc lãnh-đạo mới lấy

minh làm gương-mẫu cho dân noi theo và trật-tự đại-đồng sẽ do đấy mà biểu-hiện.

Trong cái quan-niệm ấy, hòa-điều của những tương-quan xã-hội phản-ảnh cái trật-tự của tự-nhiên thì nhờ có Lễ, Nhạc nó duy-trì gây-đựng tự trong tiềm thức con người mà ra, còn pháp-luật thì tức là hình-phạt, không còn mục-dịch gì khác là bảo-vệ lễ-nghi và chấn-hưng trật-tự của tự-nhiên do đi-dịch làm rối loạn. Xem đấy, ta thấy rõ tính-cách hình-phạt vi-cảnh trong quan-niệm về pháp luật của Khổng-giáo.

Ông Escarra viết:

“Một mô những bôn-phận (Quần-Thần, Phụ-tử, Phu-Phụ, Huỳnh-Đê, Bàng-Hửu) mà không có quyền-lợi, đây là giới-thuyết Khổng-Nho về tương quan xã-hội. Nó thật xa với quan-niệm La-Hy coi luật-pháp thực tiễn như “là mệnh-lệnh quyết-đoán mạnh hơn hết”. (Sách trích-dẫn, tr. 24)

Nếu Khổng-giáo không quan-niệm luật-pháp một cách thực-tiến khách-quan, thì trái lại nó lại là chủ-trương của phái chính-trị-học Trung-Hoa thuộc về môn Pháp-Gia kể từ Quản-Trọng với bộ sách Quản-Tử (708 — 643) Hàn-Phi-Tử (ce prince de légistes — 233 trước Thiên-Chúa), và Thận-Đào, Doãn-Văn, Công-Tôn-Dương cho đến Gia-Cát Khổng-Minh, Chính Hàn-Phi và Lý-Tư (vốn học trò của Tuân-Tử, một cụ-tử trong Khổng-giáo đối lập với Mạnh-Tử về chủ trương tính ác) đã phủ Tàn-Thủy-Hoàng thống-nhất thiên-hạ. Về quan-niệm «đi pháp tri» của Hàn-Phi, ta thấy nói ở đoạn văn sau đây:

“Khi một nước đó được ông Vua hiền tại vị thì nhà Vua không chờ đợi cho nhân-dân làm điều thiện để vừa lòng mình mà chính nhà Vua phải làm thế nào cho nhân-dân không làm điều ác...nếu nay phải chờ tìm được một cành gỗ thẳng tự-nhiên thì người ta không làm nổi một cái tên bắn sau roo thế-hệ. Nếu người ta chờ tìm được một miếng gỗ tròn tự-nhiên thì rooo thế-hệ nữa người ta chưa làm nổi một cái bánh xe bò... Tuy có thể có được cành cây thẳng tự-nhiên, khúc gỗ tròn tự-nhiên, nhưng người thợ không

“chú-ý vào đấng ấy. Tại sao? Bởi vì người đi xe không phải chỉ có một hai người. Và những kẻ bán cung không phải chỉ bán có một phát. Chủ-trương không dùng thưởng phạt mà căn-cứ vào cái tình-thiện tự-nhiên của nhân-dân thì nhà Vua biết chính-trị không chú-ý. Tại-sao? Bởi vì pháp-luật của một nước không thể để mắt và những dân để trị không phải là một người dân, nghĩa là pháp-luật phải có một thực-tại khách-quan và nhà trị-dân không trị một người. Cho nên nhà Vua có thuật chính-trị không trông vào điều thiện nó chỉ có tính-cách bất-thường mà phải sử-tri với cái gì thông-thường”.

Kém như thế thì Khổng-giáo so với đạo-giáo của Lão-Trang, còn có vẻ thực-tế, ít siêu-hình hơn. Nhưng nếu so với Pháp-Gia về phương diện hành-dộng chính-trị thì Khổng-giáo lại kém phần thực-tiến, có vẻ không-tương là khác nữa. Bởi vì đã có một lý-thuyết để áp-dụng vào chính-trị mà chủ-trương về pháp-luật một cách lờ mờ, nửa tình nửa lý thì thực khó bề áp-dụng cho con nhà chính-trị. Cần nhắc làm sao cho công bằng và trong khi còn cần nhắc đến do thì thời cục đã đi qua mất rồi. Cho nên triết lý chính-trị của Khổng-giáo hay làm cho người ta lưỡng-lự, không dám quyết-đoán.

Phải chăng vì lý do ấy mà Tân-Thủy-Hoàng đã khùng-bố nhà Nho, và đốt sách Khổng-Mạnh.

Dù sao triết-học Khổng Mạnh tuy so với triết-học của Lão-Trang có vẻ thực-tiến hơn nhưng với quan-niệm chính-trị Vương-đạo, như giải-thích trên đây thì tỏ ra vẫn có một bối-cảnh siêu-hình, trái với sự nhận xét của Lâm-Ngữ-Đường.

“Chính cái phương-diện siêu-hình ấy đã làm cơ-sở cho chủ-nghĩa nhân-bản của họ Khổng.”

Nay hãy tóm lược mấy điểm chính-yếu của triết-ly ấy như sau này:

#### A. Triết-ly chính-trị Vương-đạo.

Theo Khổng-Tử chính-trị chỉ là phương-tiêu để thực-hiện trật-tự điều-ly xã-hội. Cái trật-tự điều-ly ấy là cứu-cánh mà Khổng-Tử biểu-thị bằng Lễ Nhạc

tức là hòa-diệu. Đệ-tử Tử-Trương hỏi Phu-Tử về chính-trị, Ngài trả lời:

“Ta chẳng đã bảo người rồi đấy ư? Người quân-tử thì cầu hiệu cho mình bạch Lễ Nhạc rồi thì đem ra mà thi-hành ở chính-trị có thể thôi.”

(Lễ-Ky)

Bởi vì theo Khổng-Tử chính-trị là: “Chính giả chính dã, nghĩa là chính-trị làm trở nên ngay thẳng nhân-quần xã-hội.” Khổng-thi chỉ nghĩ đến cơ-bản tinh thần của xã-hội do đấng mà xuất ra hòa-bình chính-trị. Loạn trong xã-hội bắt đầu loạn tự trong lòng người, lòng người mà ngay thẳng thì xã-hội sẽ có trật-tự.

Có kẻ hỏi Ngài sao không ra làm chính-trị? Ngài trả lời: “Chỉ phải hiếu thảo với cha-mẹ anh-em làm chính-sự ở một nhà thế cũng đã làm chính-trị rồi. Hà tất phải ở địa-vị làm quan, làm Vua mới là làm chính-trị”. Khổng-Tử cho lý tưởng chính-trị tối cao là một xã-hội không có chính-quyền trong đó nhân-dân sống trong một hòa-diệu tinh-thần không cần đến pháp-chế hay võ-lực bắt-buộc, đấng chẳng phải là một xã-hội không tưởng đó ư. Ngài nói ở Luận-Ngữ: “Sự kiện cho phân-minh thì ta cũng như người khác mà thôi nhưng làm thế nào cho nhân-dân không còn kiện tụng nhau nữa mới là khó”.

Tri dân lấy chính-lệnh hướng-dẫn, lấy hình-pháp điều-chỉnh thì dân chỉ có cầu tạm khỏi hình-phạt nhưng không biết liêm-sĩ. Nhưng lấy đức-hạnh mà dẫn-dụ, lấy lễ-nghĩa mà chỉnh-tề thì dân đã biết làm ác là si lại còn có nhân-cách nữa.

Vậy đối với Khổng-giáo thì chính-phủ, pháp-luật, Lễ, Nhạc cùng đi đến một mục-dịch chung như nhau, ấy là gây ở trong nhân-dân một cộng-đồng về nguyện-vọng để đạt tới một trật-tự xã-hội và chính-trị. Ngài không bao giờ mãn-nguyện với một chế-độ chính-trị do hình-pháp ấn-định một cách chặt chẽ. Khổng-Tử quan-niệm hai trình-độ chính-trị của một dân-tộc là trình-độ hình pháp như ở nước Tề hồi bấy giờ, và trình-độ đạo-trị hay là hòa-diệu chính-trị vì như ở nước Lỗ. “Tề nhất biến chí ư Lỗ, Lỗ nhất biến chí ư đạo = Nước Tề biến cải thì đến trình-độ nước Lỗ, nước Lỗ biến cải một lần nữa thì đến trình-độ văn-minh” là ý nghĩa ấy.

**B. Lễ Nhạc.**

Triết-lý chính-trị của Khổng-giáo đã đồng nhất luân-lý và chính-trị thì ở phương-diện thực-hành lấy Lễ, Nhạc làm phương-trạm quan-trọng hơn là hình-pháp. Vậy Lễ, Nhạc không những là phương-tiện chính-trị mà tinh-thần Lễ, Nhạc còn là cứu-cánh của chính-trị Vương-đạo nữa. Khổng-Tử quan-nhiệm: 'Lễ' 禮 là 'lý' 理 là trật-tự của trời đất, 'Nhạc' 樂 là tiết 節 là hòa-diệu của trời đất. Người quân-tử tức là người hiền, nhà chính-trị Vương-đạo không để cho tâm-hồn xúc-cảm không hợp với lý tự-nhiên, và không hợp với thời, không hòa với trời đất vũ-trụ thì không hành-động.

Vậy ý-nghĩa của Lễ là kính lấy hình-thức bên ngoài mà gây cho con người luôn luôn để ý đến cái gì tồn kính thiêng-liêng ở tại mình. Còn ý-nghĩa của Nhạc là hòa, lấy sự điều-hòa bên trong tâm-hồn để ảnh-hưởng ra ngoài xã-hội.

Đối với Khổng-thi, Lễ, Nhạc, Hình, Chính đều nhằm một mục-dịch cả, ấy là để hòa đồng lòng người mà thực-hành trật-tự chính-trị Vương-đạo. Bởi vì theo Khổng-Tử thì Lễ có mục-dịch hướng dẫn ý-chí, Nhạc để điều-hòa tình-cảm của người ta, chính-trị để thống-nhất hành-động, hình-pháp để phòng ngừa sự gian-tà.

Khổng-Tử sinh trưởng ở thời-đại phong-kiến khi xã-hội Trung-Hoa đang sắp sửa bước vào giai-đoạn thống-nhất tức là giai-đoạn chính-trị nửa thần-quyền nửa pháp-quyền. Cho nên Lễ, Nhạc chiếm được một địa-vị tối quan-trọng trong việc chính-trị.

Và chẳng xã-hội-học của Khổng-Tử là một xã-hội-học tiêu-chuẩn lấy tâm-lý con người làm cơ-bản. Ảnh-hưởng vào tâm-lý quần-chúng không gì bằng Lễ, Nhạc vì quần-chúng chất-phác, sống bằng tiềm-thức nhiều hơn là bằng lý-trí cho nên lấy Lễ, Nhạc để điều khiển lòng người không phải không có hiệu-quả, lợi-hại.

**C. Nhân-Bản chủ-nghĩa.**

Chủ-nghĩa nhân-bản, hay là đạo-nhân, là trung-tâm của triết-học Khổng-thi. Phạm-triết-lý chính-trị hay triết-lý Lễ, Nhạc đều lấy đạo-nhân ấy làm cơ-bản.

Và chính cái đạo-nhân ấy đã làm cho triết-học của Khổng-tử có được một ảnh-hưởng sâu-xa và lâu bền ở các tầng lớp xã-hội Trung-Hoa, Việt-Nam và Nhật-Bản.

Khổng-Tử đã từng tuyên bố: 'Đạo của ta chỉ lấy có một mối để quán-thông hết cả' hay là

'Ta không phải người học nhiều và nhớ nhiều, ta chỉ có một đầu mối để quán-thông tất cả thôi'.

Cái đầu mối duy-nhất ấy là gì? Tức là đạo-nhân vậy.

Chữ Nhân (仁) với chữ nhị (二) hợp lại, ngụ ý hai người đối đãi giao thiệp với nhau, tức là cả đường-mối tương-quan giữa người với người trong xã-hội.

Tăng-Tử cho chữ Nhân 仁 của Khổng-Tử là gồm hai chữ 'Trung-Thứ' 忠 Trung (忠) là hết lòng mình với người. Thứ (恕) là suy mình ra người. Cái gì mình không muốn thì đừng làm cho người khác phải chịu đựng. Theo nghĩa này thì đạo-nhân là đạo yêu người cũng như mình và tình-yêu ấy bắt đầu từ trong nhà với lòng yêu cha-mẹ của đứa trẻ lòng yêu anh-chị-em cho nên Khổng-Tử cho 'Hiếu, Đễ' là gốc của đạo-nhân.

Khổng-Tử không tìm những nguyên-lý xa xôi huyền-bí như Lão-Tử để lập đạo cho đời theo. Khổng-Tử cho là phải tìm nguyên-lý cơ-bản của đạo ở ngay tại nơi người với người. Ngài nói: 'Đạo không xa người, người đi tìm đạo ở chỗ quá cao xa với người thì không thể thực hành được cái đạo ấy. Cho nên người quân-tử phải lấy người mà sửa người (đi nhân trị nhân) (l'homme est la mesure de l'homme).

Đấy là tất cả đạo-nhân của Khổng-Tử. Và chữ Nhân 仁 đấy là cả một con người lý-tưởng trong xã-hội, con người xã-hội đầy đủ mà bắt đầu thì từ trình-độ rất thấp thuận với khuynh-hướng tự-nhiên, bản-năng bảo-tồn và tập-hợp, ấy là tình hiếu-đễ, để rồi tiến mãi lên đến trình-độ hòa-đồng với vũ-trụ như các bậc chi-thánh 'do thiên địa tham' đã đạt tới tinh-thần của Lễ, Nhạc là biểu-thị



cái hòa-điều của tự-nhiên.

**D. Trật-tự xã-hội đại-dồng căn-cứ vào sự tu thân, hay là Nhân-cách tiêu-chuẩn.**

Khổng-Tử đã lấy đạo-nhân làm cơ-bản để lập lại hòa-bình thế-giới. Và đạo-nhân ấy lấy người làm kiểu mẫu để tu sửa cho người (đi nhân trị nhân). Lễ tất nhiên Ngài phải quan-niệm một con người kiểu-mẫu để làm gương giáo-hóa chung cho xã-hội. Ngài nói : « Vi như người thợ đẽo cán búa kiểu-mẫu không ở đâu xa, tay cầm búa đẽo cán búa mắt liếc nhìn còn lấy làm xa, cho nên người quân-tử lấy người để trị người (Phạt kha, phạt kha kỳ tác bất viên, chấp kha đ; phạt kha nghệ nhi thị chi do đi vi viên, cố quân-tử đi nhân trị nhân).

Khổng-Tử đứng ở quan-điểm luân-lý để giải-quyết các vấn-đề chính-trị. Ngài tin rằng một dân-tộc gồm những người con hiếu, những người em đề dủ làm nên một nước có trật-tự và an-ninh. Vận-mệnh quốc-gia, xã-hội căn-cứ vào vận-mệnh gia-đình, vận-mệnh gia-đình lại căn-cứ vào sự phát-triển con người nhân-vị ở mỗi cá-nhân. Ngài không nhìn tiền-đồ của nước loạn, vận-mệnh của dân-tộc, cứu-cánh của con người do điều kiện kinh-tế hay chính-trị tuy Ngài cũng chú-trọng vào điều-kiện kinh-tế và chính-trị coi như những phương-tiện đưa đến cứu-cánh là nhân-bản toàn-diện. Thậm chí Tử-Cống hỏi Ngài về chính-trị của một nước, Ngài trả lời : « Phải lo cho dân đủ ăn đủ binh-lực thì dân sẽ tin. »

Tử-Cống lại hỏi : « Nếu bắt buộc đi trong ba yếu-tố ấy phải bỏ đi, thì bỏ cái gì trước ? »

Ngài trả lời : « Nên bỏ binh-lực đi trước ! »

Tử-Cống lại hỏi : « Nếu trong hai yếu-tố còn lại phải bỏ đi một thì bỏ gì trước ? »

Ngài trả lời : « Bỏ ăn đi, bỏ ăn thì chết, tự cổ lai vẫn có người chết, đến như lòng tin mà không có thì một dân-tộc không đứng được vậy. (Luận-Ngữ)

Bởi vậy mà việc giáo-hóa trong triết-lý chính-trị của Khổng-Tử đã giữ một địa-vị tối trọng đại để đào tạo lấy một lớp cá-nhân kiểu-mẫu có cái học kinh-luân và có cái đức cảm-hóa, một hạng người quân-tử đứng giữa hai thế-lực một bên

chống với thế-lực chính-phủ khi nào chính-phủ có khuynh-hướng lạm quyền chiếm công vi tư, một bên chống với nhân-dân quá u-mê mà chính mình phải giác-ngộ. Do đấy mà ở xã-hội Á-Đông hiện ra cái thế quân-bình giữa phe thống-trị và phe bị-trị nhờ có giai-cấp Nho-Si đứng làm thế-lực thứ ba đứng lên trên quyền-lợi của phe thống-trị cũng như phe bị-trị để y-thức quyền-lợi chung của toàn-thể. Ông Alfred Doebelin trong cuốn Confucius có viết :

« Đặc tính của Trung-Hoa là giáo lý Khổng-Phu-Tử đã đề ra một loại giai-cấp « không hoạt-động riêng cho khoa-học, cho giáo-điều như các triết-gia và nhiều « văn-si ở Tây-phương. Khổng-Tử đã có thể tạo nên một giai-cấp ưu-đãi « ảnh-hưởng mạnh nhất vào chánh-quyền tức là giai-cấp công-chức vừa bác- « học vừa triết-nhân. Vậy nên Ngài đã đạt được cái mà một trăm năm sau « Bá-Lập-Đồ (Platon) đã công-nhận và tuyên bố như một lý-tưởng và mô « tả như một mộng-tưởng trong sách « Cộng-Hòa » (République). Khổng-Tử « và môn-đệ đã thực-hiện được cái mà sau này những nhà tri-thức hoài- « bão kể từ các nhà Tiên-Tri cho đến các chính-khách từ Isaie cho đến « Machiavel. Và Khổng-Tử đã thực-hiện những hoài-bảo ấy ở một hình- « thức tỏ ra bền vững lâu dài một cách bất ngờ, bền vững hơn cả những « tổ-chức chính-trị của các nhà tự xưng là thực-tiến và chiến-si cách-mệnh « đã xuất-hiện về sau này ». (Trích dẫn sách Confucius trang 9. Nhà xuất-bản « Corra Paris — A. Doebelin.).

**ĐỨC KHÔNG-TỬ :**

**nhà Đại-chính-trị,**

**xương thủy ra thuyết dân quyền**

Ngày 28-9-68 là ngày dân nhật năm thứ 2519 của Đức Không-Phụ-Tử, hằng năm đến ngày thánh-đản, đều có một cuộc hành lễ long-trọng, đề tuyên dương đạo thống và sự nghiệp của Ngài.

Từ trước đến nay, đề tôn sùng ngài là nhà Đại-Triết-Học, đời sau đã dùng những câu : " Vạn-thế-sư-biêu," nghĩa là thầy dạy tiêu-biêu cho muôn đời. Câu : " Quần-thánh-đại-thành " nghĩa là ngài hợp lại mọi thành công lớn lao của mọi tiền-thánh. Còn 2 chữ " Tổ-Vương " là nói ngài có đức mà không có địa-vị như thế-ông vua ngồi không vậy.

Thật thế, bao nhiêu những câu nói của Ngài mà ta gọi là cách-ngôn (lời nói chỉ lý) gọi là tâm-ngôn (lời nói răn đời) mà chép ở bộ sách Đại-học, bộ sách Trung-dụng, bộ Hiếu-kinh bộ Luận-ngữ v.v... đều là cổ kim bất dịch.

Về phần triết-học của ngài, từ trước tới nay, biết bao nhiêu người đã phân tách kỹ càng, chúng tôi cũng không phải thuật lại. Duy có một điểm, Ngài còn là một nhà Đại-chánh-trị thời it người đã suy luận.

Ngài chỉ là một người dạy học, mà không những đệ-tử của ngài, vua quan nước Lỗ là nước của Ngài ở, hỏi ngài về chánh-trị, mà trong khi ngài chu du các nước, các vua chư-hầu đều nói cho ngài nghe biết chánh-trị của nước mình, và còn hỏi ngài về đường lối hành-chánh.

[Tập XVII, số 2 (Tháng 11, 1968)]

1. Tự ngài khuyến cáo cả đường lối làm chánh-trị.

Ngài nói : " Làm chánh-trị bằng đường lối có ân đức với dân, thời dân quy phục với mình, ví như ngôi sao bắc-thần (tức là Bắc-đẩu) ở nguyên một nơi mà mọi sao khác châu lại. (Vi chánh dĩ đức, thì như Bắc-Thần cư kỳ sở nhi chúng tinh cùng chí).

Ngài nói : " Trị một nước chư-hầu lớn có ngân cổ xe binh, nên kính cần làm việc mà thủ tín với dân, tiêu dùng tiết-kiệm mà yêu người, sai dân làm công tác phải chọn vào lúc không phải mùa làm ruộng (Đạo thiên thặng chí quốc, kính sự như tín, tiết dụng nhi dĩ nhân, sử dân gì thời).

Ngài nói : " Nếu người làm chánh-trị mà thân mình ngay thẳng thời việc hành chánh có khó gì, trái lại không ngay thẳng từ thân mình thời làm ngay thẳng sao được người dân. (Cửu chánh kỳ thân hi, ư tông chánh hề hà hữu, kỳ thân bất chính như chánh nhân hà ?)

2. Ngài trả lời các đệ tử về việc làm chánh-trị.

Ông Tử-Cống hỏi việc chánh-trị Đức Không-Tử bảo rằng : " Phải làm cho dân đủ ăn, nước đủ binh lính, và dân tin cậy ở mình (tức thực, tức binh, dân tin chi hi). Ông Tử-Cống lại hỏi : nếu bắt đắc đi mà phải bỏ đi một việc, thời trong ba việc ấy bỏ đi việc gì trước ? Đức Không-Tử bảo rằng : " Bỏ việc binh lính ". Ông Tử-Cống lại hỏi : " nếu bắt đắc đi mà lại phải bỏ đi một việc thời trong hai việc ấy, bỏ đi việc gì trước ? " Đức Không-Tử bảo rằng : " Bỏ việc ăn, từ trước loài người ai cũng phải chết, nhưng người ta không có điều tin thời không đứng vững được. Tử-Cống viết : tất bắt đắc đi nhi khứ ư tư tam giả hà tiên ? Viết : khứ binh. Tử-Cống viết : tất bắt đắc đi nhi khứ ư tư nhị giả hồ tiên ? Viết khứ thực, tự cổ giai hữu tử, dân vô tín bất lập. "

Ông Trọng-Cung làm quan tể hộ Quý, hỏi việc chánh-trị, Đức Không-Tử bảo rằng : " Mình phải trách cứ trước ở người giúp việc, tha mọi lầm lỗi nhỏ, cất cứ người hiền tài " (Tiên hữu tư, xá tiểu quá, cử hiền tài).

Ông Tử-Lộ hỏi việc chánh-trị, Đức Không-Tử bảo rằng : " Mọi việc mình phải đứng ra làm trước và chịu khổ nhọc trước người dân " (Tiên chi lao chi).

Ông Nhan-Uyên hỏi việc trị nước, Đức Không-Tử bảo rằng: "về bốn mùa thời theo như nhà Hạ, xe nhà vua đi thời theo như nhà Ân, mũ miện thời theo như nhà Chu, âm nhạc thời mùa nhạc 'Thiệu' của vua Thuần". (*Hành Hạ chi thời thừa Ân chi lệ, phục Chu chi miện, nhạc tắc Thiệu vũ*).

Ông Tử-Hạ làm quan Tề ấp cử-Phú, hỏi việc chánh-trị, Đức Không-Tử bảo rằng: "Làm việc đừng nên ham chóng, đừng thấy lợi nhỏ, muốn chóng thời việc không xong xuôi, ham lợi nhỏ thì việc lớn không thành công" (*Vô dục tốc, vô kiến tiểu lợi, dục tốc tắc bất đạt, kiến tiểu lợi tắc đại sự bất thành*).

Ông Tử-Trương hỏi việc chánh-trị. Đức Không-Tử bảo rằng: "Làm việc không nên ngại mệt mà lưỡi biếng, lại phải một lòng tin thực với dân" (*Cử chí vô quyền, hành chí dĩ trung*).

Đức Không-Tử sang nước Vệ. Ông Nhiễm-Hữu theo hầu, Đức Không-Tử nói rằng: "Sao nước này đông người đến như vậy?" Ông Nhiễm-Hữu hỏi: "Đã đông người thì phải làm thế nào?" Đức Không-Tử bảo rằng: "Phải làm cho dân được phong-phú." (*Phú chi*). Ông Nhiễm-Hữu lại hỏi: "Dân đã phong-phú thì phải làm thêm việc gì?" Đức Không-Tử nói: "Phải giáo dục họ" (*Giáo chi*).

Cứ mọi câu ngài trả lời các đệ-tử mà đã trình bày ở trên, bảo ông Tử-Cống thời việc chánh-trị cần nhất phải thủ tín với dân.

Bảo ông Trọng-Cung phải chú-trọng về tuyển dụng nhân tài trong công-việc chánh-trị.

Bảo ông Tử-Lộ không nên quản khó nhọc trong công-việc chánh-trị.

Bảo ông Nhan-Uyên: Về việc chánh-trị phải tham khảo chế độ mọi thời trước, mà điều gì nên theo thì ta theo, điều gì nên đời thì ta đời.

Bảo ông Tử-Hạ: về việc chánh-trị phải thận trọng, phải thực tự, mà đừng tham lợi nhỏ.

Bảo ông Tử-Chương: về việc chánh-trị, phải chịu khó và thực tâm với nhiệm vụ.

Bảo ông Nhiễm-Hữu: về việc chánh-trị, phải làm cho dân chúng phong-phú và có giáo-dục.

Dù ngài bảo mỗi người một khác là theo trình độ từng người, mà ai nên bỏ

túc điếm gì thì Ngài bỏ túc về điếm ấy. Nhưng mấy điều đó, những nhà chánh-trị dù nước nào, đời nào mà đem thực hành cũng có thể thành công được.

3. Ngài bảo vua quan các nước về chánh-trị.

Vua nước Diệp hỏi về việc chánh-trị, Đức Không-Tử bảo rằng: "Phải làm thế nào cho người gần đẹp lòng mà người xa quy phục với mình" (*Cận duyệt viễn lai*), vì nước Diệp nhỏ dân ít nên ngài bảo như trên.

Vua Cảnh-Công nước Tề hỏi việc làm chánh-trị, Đức Không-Tử bảo rằng: "Vua tôi với cha con đều ăn ở cho phải đạo" (*Quân-quân, thân-thần, phụ-phụ, tử-tử*).

Vua Ai-Công nước Lỗ hỏi làm thế nào thì dân quy phục? Đức Không-Tử bảo rằng: "Đem người ngay thẳng để làm khuôn phép cho người không ngay thẳng thời dân phục. Trái lại, đem người không ngay thẳng để bắt buộc dân phải ngay thẳng thời dân không phục." (*Cử trực thố chủ ưông tắc dân phục, cử ưông thố chủ trực tắc dân bất phục*) như vậy là ngài bảo đường lối làm cho dân tâm phục với mình.

Ông Quý-Kháng-Tử hỏi việc chánh-trị, Đức Không-Tử bảo rằng: "Lấy sự ngay thẳng xướng xuất cho dân thời ai còn dám không ngay thẳng" (*Tả xuất dĩ chánh, thực cảm bất chánh*), như vậy là làm chánh-trị cần phải ngay thẳng tự mình.

Một lần nữa, ông Khang-Tử hỏi: "Nếu giết kẻ vô đạo để bắt dân đi đến chỗ hữu đạo thời như thế nào?" Đức Không-Tử bảo rằng: "Làm chánh-trị việc gì phải dùng chém giết, ông muốn làm điều thiện thời dân làm điều thiện mà thôi, người trên như gió mà dân chúng như cỏ, gió đã đi qua thì cỏ phải lứt" (*Tử vi chánh yên dụng sát, quân-tử chi đức phong giã, tiểu nhân chi đức thảo giã, thảo thượng chi phong tất yên*).

Một điều rất lạ là Ngài đến nước nào là vua quan nước ấy cho Ngài biết việc chánh-trị của nước ấy. Chính ông Tử-Cầm lấy làm ngạc nhiên mà đem điều ấy hỏi ông Tử-Cống.

Lại nói đến ngài ra chấp chánh, Ngài làm chức Ủy-Lại nước Lỗ thời

việc đóng lương bằng phẳng, làm chức Tư-lại thời chần nuôi phần thịnh, làm quan Tề-áp Trung-đô thì trong áp được trị an. Sau ngài làm chức Tư-Không và Tư-Khẩu đều tỏ ra xuất sắc.

Đến khi Ngài quyền nhiếp việc Tướng-quốc tức là chức Thủ-Tướng, chỉ trong 3 tháng mà nước Lỗ rất thịnh trị, con gái con trai đi đường đều riêng biệt. Vua nước Tề sợ nước Lỗ mạnh hơn, đã đưa biểu Nữ-nhạc để vua tôi nước Lỗ say đắm bỏ việc, vì thế Ngài tự ý xin thôi việc.

Chính Ngài đã tự nói: « Nếu có ai biết dùng ta, thời ta có thể làm được nhà Chu thịnh trị ở phương đông nay » (Nhu hữu dụng ngã, giả ngô kỳ vi Đông-chu hồ). Ngài lại nói: « Người thiện trị nước 7 năm, thời có thể thăng được kẻ tàn bạo bỏ được sự chém giết » (Thiện nhân vi bang thất niên, tắc khê dĩ thăng tàn khê sát dĩ).

Ông Tử-Cống đã nói: « Đức Phu-tử điều-khiển chánh-trị tại một nước nào, có thể nói là xây dựng được ngay, hóa dân là dân theo, vỗ yên dân thời người phương xa lại với mình, thì thổ là thiên-hạ được thái hòa » (Phu-tử chi đức bang giả, giả sự vị lập chi tự lập, đạt chi tự hành, tuy chỉ tự lai, động chi tự hòa).

Tóm lại, về đường lối hành chánh của ngài, là lấy đức trị dân, mà cũng chú trọng về thực tế, như binh, tài, lương, chánh, chứng minh bằng khi làm tướng nước Lỗ mà phải giết Thiếu-Chánh-Mão, và khi nước Tề đánh nước Lỗ mà Ngài sai ông Tử-cống đi thuyết phục để ngăn trở, thì đường lối chánh-trị của ngài thật là biến hóa khôn lường, chứ không phải là nhất thiết thiên về khoan-nhu.

Tuy thế, bao nhiêu đường lối hành chánh của ngài cũng bởi ở triết-học uyên thâm mà ra, vậy triết-học và chánh-trị của ngài một mà là hai, hai mà vẫn là một. Như vậy, ai còn bảo Đức Không-Tử chỉ là một nhà đại triết-học mà không phải là nhà đại chánh-trị?

Ngoài những điểm kể trên, có một số người hoài nghi Đức Không-tử quá ư nệ cổ và nhất thiết tôn quân...

#### A. Về điểm hoài nghi Ngài là nệ cổ:

Chữ 'dịch' nghĩa là tùy thời biến đổi. Đức Không-Tử làm thiên 'Hê-tử'

để chú thích Kinh Dịch có câu: « Nghĩa tùy thời to tát lẫn thay » (Thy thời chi nghĩa đại hi tai).

Hai chữ « trung dung » nghĩa là vừa phải không thái quá mà cũng không bất cập. Sách Trung-dung do học trò Đức Không là ông Tăng-Tử trước tác, dẫn nhiều cách ngôn của Đức Không-Tử, trong đó có câu: « Người quân-tử giữ đạo trung dung mà kẻ tiểu-nhân thì trái lại, hoặc chấp nệ quá hay là thay đổi quá » (Quân-tử trung dung, tiểu-nhân phản trung dung).

Sách Luận-ngữ chép lời Đức Không-Tử có câu: « Mũi bằng gai là lẽ đời xưa, hiện nay dùng mũi màu thâm để đỡ công làm và đỡ tốn tiền, thì ta theo về kiếm tước » (Mũi miện lễ giáo, kim giả thuận tiện, ngô tòng chúng) thế là ngài gạt lẽ mà theo thời.

Ngài là bậc thánh « thời-trung » (thy thời mà chấp trung) cần thông biến mà ghét kẻ cố chấp. Sách Luận-ngữ có chép « Ngài tuyệt đối không phạm vào bốn điều mà 'vô cố' nghĩa là không cố chấp là một trong bốn điều ấy », vậy quyết nhiên ta không thể hoài nghi Ngài là nệ cổ.

#### B. Về điểm hoài nghi ngài là tôn quân.

Tình thế thời Xuân-Thu, không thể giúp riêng một nước nào để thay thế cho nhà Chu, vậy chỉ có thể đem hai chữ « Tôn Chu » để vấn hồi tình thế chứ không phải ngài quá thiên về tôn quân.

Xem thầy Mạnh-Tử học đạo của ngài, mà đến thời Chiến-quốc, nhà Chu quá suy yếu mà liệt cường tranh nhau đến cực độ, khi ấy lại nên giúp một nước nào có thể thay cho nhà Chu, thì thầy Mạnh-Tử lại không tôn nhà Chu nữa mà vẫn là học về đạo Không. Chứng minh bằng thầy Mạnh-Tử đã đến nước nào là khuyên vua nước ấy làm nhân chánh để làm vua thiên-hạ.

Xem Đức Không-Tử chú thích kinh Dịch có câu: « Vua Shang đổi mạng trời của nhà Hạ, vua Vũ đổi mạng trời của Nhà Thương, là thuận ở lòng trời mà ứng với lòng người » (Thang Vũ cách mạng thuận hồ thiên nhi ứng hồ nhân) thế là ngài cho cách mạng là hợp với tình thế.

Ngài xếp đặt kinh Thương-Thư, trong thiên Thái-thê có câu « Làm cho ta được yên ổn thì là vua, trái lại với dân thời lại là kẻ thù » (Phủ ngã tắc hạp,

ngược ngữ tức thù) như vậy là Ngài cho việc chính-phạt để thay đổi triều đại là hợp với đường lối.

Hơn nữa, Ngài là một người dân mà làm kinh *Xuân-Thu* tức là một bộ dã-sử, ngụ lời khen chê từ vua thiên-tử trở xuống, để đời sau phân biệt kẻ hay người dở. Đời sau đã khen bộ sách *Xuân-Thu* bằng những câu : "Được một chữ của ngài khen vinh hơn người mặc áo long-côn, phải một chữ của ngài chê nghiêm hơn là chết vì búa rìu" (*Nhất tự chi bao vinh u hoa côn, nhất tự chi biêm nghiêm u phủ việt*). Vậy có phải là ngài bắt đầu xuống khỏi ra chủ nghĩa dân-quyền không?

Như vậy, chúng ta không nên hoài nghi đức Khổng-Tử là nhất thiết tôn quân.

Như tôi đã trình bày ở trên, Đức Khổng-Tử không những là nhà đại triết-học, đại chính-trị mà còn dạy ta lấy nghĩa tủy thời cũng là mở đầu cho chủ nghĩa dân-chủ dân-quyền.

Hơn nữa, dạy ta về hợp quần thời Ngài đã có câu : "Người quân-tử hòa vui mà không a dua, hợp quần mà không bè đảng" (*Quân-tử hòa nhi bất đồng, Quân-tử quần nhi bất đảng*).

Bảo ta về ái quốc, thời có những câu : "Quốc gia hưng thịnh hay diệt vong, người dân thường cũng có trách nhiệm" (*Quốc gia hưng vong thất phu hữu trách*). Không những thế, các việc thường hành như đong lượng và chăn nuôi v.v... không gì là ngài không hiểu biết. Chính ông Thái-tể nước Ngô đã phải đặt câu nghi vấn rằng : "Phụ-Tử là bậc thánh hay sao? sao mà nhiều tài năng đến như vậy?". Khiến ông Tử-Cống phải trả lời là thầy tôi trời vẫn bùông cho là bậc thánh, lại thêm nhiều tài năng mà thôi, như vậy nhiều tài năng chỉ là mất điếm thêm của Ngài.

Còn một điếm rất lạ, là các việc trên vũ-trụ không gì là Ngài không hiểu thấu, như ngài bảo ông Tử-Lộ phải tùm lầy cạnh sườn con cái 'nhân ngư' thì mới có thể bắt được. Vậy không rõ Ngài nghiên cứu ở đâu mà hiểu biết đến như vậy. Thiên vạn thế tôn sùng Ngài là bậc thánh 'sinh tri' thật không phải là quá đáng.

Đề chứng tỏ từ khi có nhân loại, chưa có ai được như Ngài, ông Tử-Cống đã có câu : "Đức Khổng-Tử cao vượt hơn cả nhân quần" (*Xuất hồ kỳ loại, bạt hồ kỳ tụy*).

Đề ca ngợi ngài là một người quân tuyệt cổ kim, ông Tử-Cống đã dùng những câu : "Đức Khổng-Tử ở trong nhân quần, như thế con kỳ-lân ở trong loài thú, con phượng-hoàng ở trong loài chim" (*Kỳ-lân u tâu thú giả, phượng hoàng u phi điều giả*).

Đề nói học đạo Khổng không còn gì cho bằng, ông Tăng-Tử đã có câu : "Chúng ta học đạo của Đức Khổng-Tử, khác nào giặt bằng nước sông Giang sông Hán, mà phơi bằng nắng mùa thu" (*Giang-Hàn đi trạc tri, thu đương đi bực chi*).

Đề vì Đức Khổng-Tử không ai sánh bằng được, ông Tử-Cống đã có câu : "Đạo Khổng như mặt trời mặt trăng mà ta không thể vượt qua được, như trời cao mà ta không thể trèo lên được" (*Như nhật nguyệt chi bất khả du, như thiên chi bất khả giai như thặng giả*).

Bài sách-văn của Vua nhà Tống bên Tàu phong cho ngài là "Văn-Tuyên-Vương" có những câu : "Nói về đạo-thống thì vua Nghiêu trao cho vua Thuần truyền đến vua Văn-Vương nhà Chu, xét thể-hệ thời từ ông Tiết đến ông Thang rồi đến ông Chánh-Khảo-Phủ, có minh đức hăng bao nhiêu đời mới sanh ra bậc thánh sanh-tri" (*Ngữ đạo-thống tắc Nghiêu thu Thuần truyền chi Chu Văn-Vương, Khảo thể-hệ tắc Tiết Chi Thang hạ đại Chánh-Khảo-Phủ, kỳ minh đức giả viễn hi, cổ sinh tri giả xuất yên*).\*

Tuy nhiên, đạo của ngài dù khó mà kỳ thực là dễ, vì chỉ là đường lối phải chăng (Trung dung) mà hằng ngày chúng ta phải thi hành, nên đạo của ngài không bao giờ suy vi, thành ngữ đã có câu "bất đi Tần nhi dẫn, bất đi Hán như hưng", nghĩa là đạo của Đức Khổng-Tử không vì nhà Tần đốt sách chôn học trò mà mất đi, cũng không vì nhà Hán tế Đức Khổng dạy dân học ngữ kinh mà

\* Ông Tiết là bề tôi thánh đời vua Nghiêu. Vua Thang là Thánh quân sáng nghiệp cho nhà Thương, còn Chánh-Khảo-Phủ là thần phụ của đức-Khổng-tử, câu đó là kẻ dòng dõi Đức Khổng-Tử.

được phục hưng, vậy chúng ta không lo gì đạo của Ngài không có một ngày lại phát minh sự sống.

Nước ta trong khi đạo Khổng thịnh hành, về thời Lý Cảnh nhà Tống, về thời Trần thắng quân Nguyên, vua Lê Lợi đánh quân nhà Minh, vua Quang-Trung đánh quân nhà Thanh, về thời Pháp thuộc, trước sau bao nhiêu nhà cách mạng nổi lên để chống đối mà đa số là các nhà thân-sĩ cũng là do chữ 'dưng' và chữ 'nghĩa' ở Khổng Giáo mà ra.

Kinh Dịch có câu: "Đạo của trời hay vòng tròn, không việc gì đã đi mà không trở lại", (Thiên đạo hiếu hoàn, vô dưng bất phục) phải chăng ngày nay là ngày mà đạo Khổng lại phát minh?

Đã mấy năm nay, đến ngày Thánh-dân (28 tháng 9 dương lịch) mà Chánh phủ tỏ-chức một buổi lễ long trọng, là để quốc-dân biết rằng nước nhà sở dĩ có bốn ngàn năm văn-hiến mà chính người Trung-Hoa đã tấn dương là do nền nhân-chúng ta đã thấm nhuần đạo-giáo của Đức Khổng-Phu-Tử. Vậy ta không nên vì ảnh hưởng ngoại lai mà sao những quốc-hồn, quốc-tử từ ngàn xưa

Người ngoại quốc đều biết rằng: "Dân tộc ta có bốn ngàn năm văn-hiến, là một nền văn-hóa có nhiều tinh-hoa và tinh thần bất-khuyết".

### khổng - tử thế gia \*

(551 - 523 trước T. C.)

Khổng-Tử sinh ở đất Lỗ, quận Xương-Bình, ấp Xu, tiên-tổ người đất Tống là Khổng-Phong-Thúc. Phong Thúc sinh Bá-Hạ, Bá-hạ sinh Thúc-Lương-Ngột. Ngột đi lại (đã hợp) với nàng họ Nhan đẻ ra Khổng-Tử. Cầu tự ở núi Ni-Khâu, được Khổng-Tử. Khổng-Tử ra đời vào năm Tương-Công nước Lỗ thứ 22. Sinh ra, có bướu trên đỉnh đầu, cho nên đặt tên là Khâu, tên chữ là Trọng-Ni, họ Khổng. Khi Khâu ra đời thì Thúc-Lương-Ngột mất, chôn ở Phong Sơn, phía đông nước Lỗ do đấy mà Khổng-Tử nghi ngờ phần mộ của cha mẹ kiêng sợ mà giấu đi vậy. Khổng-Tử thừa nhỏ chơi đùa, thường bày đồ cúng-tế, trần-thiết lễ-nghi. Khi mẹ mất, Khổng-Tử bèn chôn tạm đường Ngũ-phụ, là ý cần-thận vậy. Về sau một bà già, người đất Xu bảo cho Khổng-Tử biết phần-mộ của cha, thì mới đem cả mẹ đến hợp-táng ở Phong-Sơn. Khổng-Tử còn có tang, họ Quý nước Lỗ thiết tiệc cho kẻ sĩ, Khổng-Tử định đến, Dương-Hồ nói đêm "Họ Quý đãi kẻ sĩ không dám đãi ông". Vì thế mà Khổng-Tử rút lui.

Năm Khổng-Tử mới mười bảy tuổi, quan Đại-phu nước Lỗ là Mạnh-Ly hấp hối, khuyên con là Ý rằng: "Khổng-Khâu là dòng-dõi thánh-nhân, bị diệt ở nước Tống, tôi là Phất-phụ-Hà mới có nước Tống mà truyền-nối, nhường cho

\* Dịch theo SỬ-KÝ, QUYỀN IV 47 TƯ-MÃ-THIỆN.

ĐINH GIANG  
KHÔNG-TỬ

Lê-Công. Kịp đến Chính Khảo-Phụ, phù tá vua Đái, vua Vũ và vua Tuyên, ba lần chịu mệnh càng thêm nhún nhường, cho nên có lời bia trên đỉnh rằng :  
"Nhất mệnh nhi lữ, tái mệnh nhi khu, tam mệnh nhi phủ, tuần tường nhi tâu, diệc mạo cảm dư vũ. Chiên ư thị, cúc ư thị, dĩ hồ dư khâu."

"Một lần chịu chức mà cúi mình, hai lần mà khom lưng, ba lần nằm rạp, luôn theo chân tường mà chạy, chẳng ai dám kinh lớn ta, cháo đặc ở đây, cháo loãng ở đây để lót miệng ta."

Tính nhún-nhường như thế ! Người ta thường bảo dòng dõi thánh-nhân, tuy không gặp thời cũng có chỗ đạt. Nay Không-Khâu còn trẻ đã hiểu Lễ, đây là đạt chăng ? Ta mất đi rồi, con phải theo học. Đến khi ông Ly mất, ông Ý cùng với nước Lỗ là Nam-Cung Kinh-Thức theo Không-Tử học Lễ. Năm ấy, Quý-Vũ-Tử mất, Bình-Tử nối vị. Không-Tử nhà nghèo, ở địa-vị thấp. Khi lớn thường coi văn thư cho nhà họ Quý. Căn lương công bình thường làm chức Tư-chức-lại mà các giống nuôi phần-thịnh. Do đấy làm chức Tư-Không, xong rồi bỏ nước Lỗ đi, bị bài-bác ở nước Tề, bị đuổi ở nước Tống, nước Vệ, bị cùm-quản ở khoảng giữa nước Trần, nước Sái. Bây giờ mới trở về nước Lỗ.

Không-Tử thân cao chín thước sáu tấc, người ta đều cho là một người cao mà lấy làm lạ. Nước Lỗ lại trọng đãi Không-Tử, cho nên Ngài lại quay về nước Lỗ. Nam-Cung Kinh-Thức mới nói với vua Lỗ xin cho Không-Tử sang chơi nước Chu. Vua Lỗ bằng lòng cho một cỗ xe hai ngựa với một người đánh xe. Đến nước Chu hỏi về chế-độ lễ-pháp. Hình như Không-Tử có vết kiến Lão-Tử. Đến khi cáo từ ra về, Lão-Tử có tiên đưa mà nói rằng : "Ta nghe nói người giàu sang tiễn đưa người bằng tiền của, bậc nhân-đức tiễn người bằng lời nói. Ta nay không được là giàu sang, trộm danh hiệu là hạng nhân-đức, ta xin lấy lời nói tiễn đưa ông :

"Thông minh thâm sát nhi cận ư tử giả, hiểu nghị nhân giả dã. Bác biện "quảng đại nguy ky thân giả, phát nhân chi ác giả dã. Vi nhân tử giả vô dĩ

"hữu kỷ, vi nhân thần giả vô dĩ hữu kỷ.

(Kẻ sáng suốt xét sâu thì gần với sự chết vì ưa nghị luận người vậy. Kẻ biện bác rộng thì nguy hại cho thân mình vì phát triển điều ác

của người vậy. Làm người con không lấy có mình, làm người bày tỏ không lấy có mình.)

Từ 30 tuổi đến 50 (522-503 tr. T. C.)

Không-Tử từ nước Chu về nước Lỗ, học-trò càng tăng tiến hơn. Lúc bấy giờ, vua Bình Công nước Tấn đem-dặt, sau quan khánh chuyển quyền cầm quân chinh phạt các nước chư-hầu phía Đông. Vua Linh-Vương nước Sở có đội quân hùng-mạnh, lần át cả Trung-Quốc. Nước Tề lớn gần với nước Lỗ nhưng tiều, nương vào Sở thì Tấn giận, nương vào Tấn thì Sở đến đánh, không đủ với Tề thì quân Tề xâm. Chiêu-Công nước Lỗ năm thứ XX, Không-Tử bấy giờ ba mươi tuổi. Tề Cảnh Công cùng với tề-tướng An-Anh đến thăm nước Lỗ. Cảnh-Công hỏi Không-Tử :

- Tấn Mục-Công xưa kia nước nhỏ, vị trí hẻo lánh mà làm được bá-chủ thiên-hạ là thế nào ?

Không-Tử đáp lại :

- Nước Tấn tuy nhỏ, nhưng có chí lớn, vị trí tuy hẻo lánh, nhưng thi hành chính nghĩa. Nhà vua tự thân cỡi trời cho Bách-Lý-Hề cử lên làm chức Đại-phiu, cùng thảo luận suốt ba ngày rồi giao cho quyền chính, do đấy mà lấy được ngôi bá. Tuy có thể làm được ngôi vương chứ ngôi bá còn là nhỏ vậy ?

Cảnh-Công rất vừa lòng câu trả lời.

Năm Không-Tử ba mươi lăm tuổi, vì Quý Bình-Tử với Hậu-Chiêu bá trợ giá, có lời với Lỗ-Chiêu Công. Chiêu-Công xuất quân đánh Bình-Tử. Bình-Tử cùng với họ Mạnh, họ Thúc-tôn, ba nhà hợp đánh lại Chiêu-Công. Chiêu-Công thua, chạy sang nước Tề, Tề để Chiêu-Công ở thành Can-Hầu. Sau đấy thì nước Lỗ loạn. Không-Tử đi sang nước Tề, làm gia thần cho Cao Chiêu Tử, hy vọng sức-tiếp với vua Tề Cảnh-Công. Chính dịp này, Không-Tử cùng với Thái-sư nước Tề bàn luận về âm-nhạc và được nghe điệu nhạc Thiệu. Ngài bèn học tập ba tháng không biết đến vị thết. Người nước Tề lấy làm xung-tung việc ấy.

Cảnh-Công hỏi Không-Tử về chính sự, Không-Tử đáp :

- Quân quàn, thân thân, phụ phụ, tử tử.

Vua Cảnh-Công khen rằng :

— Thiên tai, tin như quân bắt quân, thần bắt thần, phụ bắt phụ, tử bắt tử, tuy hữu túc ngộ khởi đắc nhi thực chư ? ” ( = Hay thay, thật như vua không ra vua, bầy tôi không ra bầy tôi, cha không ra cha, con không ra con, tuy có thóc há có được mà ăn chăng ? )

Bữa khác nhà vua lại hỏi Khổng-Tử về chính-trị. Khổng-Tử nói :

— Chính tại tiết tài ( Chính-trị cốt ở sự tiết kiệm tài-chính. )

Cảnh-Công rất vừa lòng, muốn đem ruộng đất Ni-Kê phong cho Khổng-Tử. Nhưng An-Anh ghen tị, liền tâu vua rằng :

“ Nhà Nho nói nhiều không thể làm phép tắc được. Họ kiêu ngạo và tự-thuần không có thể làm bầy tôi được. Họ chủ trương ai tang ma chay quá đáng phá sản vì hậu tang không thể dùng làm phong-tục cho dân được. Họ du thuyết để vay xin không thể dùng làm vào việc nước được. Từ khi các bậc đại-hiền mất đi rồi, nhà Chu đã suy sụp, lễ nhạc thiếu sót có chỗ quên đi, nay Khổng-Tử muốn trang sức tô điểm lễ nghi, giảng thuyết chi tiết, thì suốt mấy đời không thể học hết được, hàng năm cũng không nghiên cứu hết lễ nghi được. Vua-muốn dùng để biến đổi phong tục cho nước Tề thì không phải dễ lo cho dân trước vậy ”. Sau đây Cảnh-Công vẫn tiếp Khổng-Tử nhưng không hỏi đến lễ nghi nữa. Một bữa khác, vua Tề nói với Khổng-Tử : “ Trẫm không thể đãi thầy như họ Quí được, Trẫm xin đãi thầy ở bậc giữa họ Quí và họ Mạnh. ” Nhưng rồi các quan đại-phu nước Tề mưu làm hại Khổng-Tử, Khổng-Tử hay tin và nhân Cảnh-Công đã nói với Ngài rằng : “ Trẫm già rồi, không thể dung được chính sách của thầy ”, Khổng-Tử bèn rút lui mà đi về nước Lỗ.

Bấy giờ Khổng-Tử đã 42 tuổi (511), vua Lỗ Chiêu Công mất ở thành Can Hậu, Định-Công lên ngôi, và năm năm sau, vào mùa hạ thì Quí Bình-Tử nước Tề cũng mất, Hoàn-Tử kế vị.

Quí Hoàn-Tử đào giếng được đồ sành ở trong như con dê, cho người hỏi Trọng-Ni bảo là được con chó. Trọng-Ni nói : “ Cứ như Khâu này được biết là con dê. Khâu nghe truyền rằng quái vật ở gỗ đá là quí không, lớn, quái vật ở nước là rồng không có hình thể, quái vật ở đất là dê lớn. Nước Ngô đánh nước Việt, phá hủy thành Cối-Kê, bắt được khúc xương lớn bằng cổ xe. Nước

Ngô sai sứ đến hỏi Trọng-Ni xương gì lớn nhất. Trọng-Ni đáp : Vua Vũ chủ-tọa các thần ở núi Cối-Kê, họ Phòng-phong đến sau, vua Vũ giết đi, xương lớn bằng cổ xe, thế là lớn vậy. Sứ nhà Ngô hỏi : Ai làm thầy ? Trọng-Ni nói : Thần sông núi, dù để giữ phép tắc cương kỷ của thiên-hạ. Giữ việc ấy làm thần. Xã-tắc làm công-hầu đều thuộc về nhà Vua.

Sứ hỏi : Phòng-phong giữ việc gì ?

Trọng-Ni nói : Vua họ Uông-Vông giữ núi Phong-Ngu, là tỉnh Hy. Ở nhà Ngu, nhà Hạ, nhà Thương là Uông-Vông. Ở nhà Chu là Trương Địch, đến nay cho là một người lớn nhất.

Sứ hỏi : Người ta lớn chừng bao nhiêu là cùng ?

Trọng-Ni đáp : Họ Tiêu-Nghiêu ngắn ba thước là ngắn hết sức vậy, còn lớn không quá mười thước là hết mức vậy.

Đến đây, sứ nước Ngô nói : Hay thay thánh nhân ! Bấy giờ ở nước Lỗ, người gia-thần thân tín của Hoàn-Tử là Trọng-lương-Hoại có hiềm khích với Dương Hồ, Dương-Hồ muốn đuổi Hoại đi, Công-Son Bất-Nữ can lại. Đến mùa thu, Hoại càng kiêu căng, Dương-hồ bắt Hoại. Hoàn-tử bắt binh, nhân thế Dương-Hồ bỏ tù cả Hoàn-Tử và chỉ cho ra với một mình nước. Do vậy, Dương-Hồ càng kiêu hơn họ Quí. Họ Quí cũng tiếm quyền ở công thất, bởi nhân giữ quốc-chính. Như thế là ở nước Lỗ từ quan đại-phu trở xuống đều tiếm quyền, bỏ chính đạo nhà Chu vậy. Bởi thế cho nên Khổng-Tử không làm quan mà rút lui về tu sửa Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Nhạc. Học trò càng ngày càng đông, từ phương xa đến đều theo học Khổng-Tử chấp chính (502-496). Năm Đinh-công thứ VIII, Công-Son-Bất-Nữ không đắc ý với họ Quí, nhân việc Dương Hồ làm loạn, muốn bỏ con trưởng của Tam-Hoàn để lập con thứ của vợ thiếp, bèn bắt giam Quí Hoàn-Tử. Hoàn-Tử trá mưu trốn thoát. Năm Đinh Công thứ IX, Dương Hồ không thắng bỏ chạy sang nước Tề. Bấy giờ Khổng-Tử đã 50 tuổi. Công-Son-Bất-Nữ lấy ấp Phí phán Quí Hoàn, sai người đến mời Khổng-Tử. Khổng-Tử bỏ chính-trị từ lâu, ấp-ủ không có chỗ để thi thố, chẳng ai có thể dùng được mình tự nhủ rằng : Bởi vì Văn



Mười, Vũ-Vương nổi lên từ đất Phong đất Cáo làm bầy dựng nghiệp vương nay cấp Phi tụy nhỏ, hoặc giả may nên chăng, muốn đi. Tề-Lô là cao-đệ không vui lòng để cho thầy đi ngai lại. Không-Tử nói: "Kìa người mời ta, nó mưu đồ gì chẳng, như muốn dựng ta, có thể làm lại thời Đông-Chu chăng?" Nhưng rồi sau cũng không đi.

Sau đấy thì Định-Công giao chức giám sát Trung-đô cho Không-Tử, mới một năm mà bốn phương đều vào khấu-phép kiểu mẫu. Từ chức Giám sát Trung-đô, Ngài lên chức Tư-Không trông nom công chính, rồi từ chức Tư-Không lên chức Tư-Khẩu trông nom việc pháp-bình. Định-Công năm thứ X mùa Xuân (500 tr.T.C) nước Lỗ ký hiệp-trước với nước Tề. Mùa hạ năm ấy, quan đại-phu nước Tề là Lê-Tư nói với Cảnh-Công rằng: Nước Lỗ dùng được Không Khâu, thế lực nguy cho nước Tề, mới sai sứ nói với vua Lỗ mở hội nghị hòa-hiếu ở đất Giáp-Cốc. Lỗ Định-Công định ngồi xe đến hội-hiếu. Không-Tử lấy danh nghĩa nhiếp-tướng sự, khuyên rằng: "Thần nghe nói có việc vẫn tất có việc vỡ-bị, có vỡ sự tất có đổ vỡ sự. Xưa kia các vua chư-hầu ra biên-giới ắt phải có đủ quan văn võ đi theo, xin nhà vua đem theo tả hữu từ-mã đi." Định-Công bằng lòng đem đủ tư-mã tả-hữu đến Giáp-Cốc gặp Tề-Hầu. Dựng rạp cao ba tầng để làm lễ gặp nhau trong cuộc hội-hiếu. Hai bên vui như bước lên đài, sau khi làm lễ chào mừng, quan Hữu-tư nước Tề bước lên nói: "Kính mời tấu nhạc bốn phương". Cảnh-Công ưng thuận. Thế rồi có xiếc múa, múa gươm đao là chân tướng pháp-tâm ngộ mà đến. Không-Tử nói bước ra khỏi hàng mà tiến lên giữa một tầng thứ nhất, cầm tay áo mà thưa: "Vua hai nước chúng ta hiệp-hợp vì hòa-hiếu, âm-nhạc man mọi/sao lại dựng ở đây, xin quan Hữu-tư ra lệnh. Hữu-tư từ chối không đi, từ từ nhìn lên. Từ từ và Cảnh-Công. Cảnh-Công có ý dẫu hồ, vậy tay Tề-Hầu. Lát mai quan Hữu-tư nước Tề tiến bước lên, nói: Xin tấu nhạc trong cung tiên. Cảnh-Công cũng đồng, con hát tấu-múa đưa cợt tiến lên. Không-Tử ở nước Tề đứng hàng đầu, chừa một bước thứ nhất mà nói: Kể kể phu-mã hoặc vua chư-hầu, Cảnh-Công nói: Xin quan Hữu-tư ra lệnh. Hữu-tư từ chối không đi, tay Cảnh-Công sợ và động lòng

biết không phải nghĩa rất sợ trở nên với quần thần: "Nước Lỗ lấy đạo quân-tử phò vua mà các người chỉ lấy đạo của man mọi dạy ta khiến phạm lỗi với vua nước Lỗ, bây giờ biết làm thế nào?"

Quan Hữu-tư bước lên thưa: "Người quân-tử có lỗi thì lấy thực hành để tạ lỗi, kẻ tiểu-nhân có lỗi thì lấy văn-về để tạ lỗi. Nếu nhà vua hối lỗi thì lấy thực chất mà tạ lỗi. Bây giờ vua mới trả lại cho nước Lỗ những đất Vạn, đất Vạn-Dương, đất Qui Âm đã chiếm được của Lỗ trước đấy, để tạ lỗi."

Định-Công năm thứ XIII (497) mùa hạ, Không-Tử nói với vua Định-Công rằng: "Thần dân một nước không được chứa binh giáp, quan đại-phu không được có thành trì kiên cố". Vua bèn sai Trọng-Do đệ tử của Không-Tử làm quan Tề cho họ Qui và phá hủy thành trì của ba họ. Bây giờ họ Túc Tôn bắt đầu phá thành Hậu, họ Qui phá thành Phi, Công-Tôn-Bất-Như, Thúc Tôn liên tiếp xuất nhập dân ấp Phi nổi lên đánh nước Lỗ. Định-Công với ba con vào trong cung của họ Qui, treo lên đài quan võ, dân Phi công phá, không thắng, nhập cả vào bên cạnh nhà vua. Không-Tử sai tướng Thân-Câu-Tu, Nhạc-Kỳ-Hạ đánh dẹp. Dân Phi chạy về phía Bắc, nhân dân nước Lỗ đuổi đánh bại ở đất Cô-Miết. Hai con chạy sang nước Tề và thành Phi mới phá hủy đi. Kịp đến lúc phá hủy đến thành Thành, quan chính-án thành ấy nói với chủ là Mạnh-Tôn rằng: "Thành Thành mà phá hủy đi, dân nước Tề ắt đến do phía Bắc, và thành Thành là cửa bầu của họ Mạnh. Không có Thành thì không có họ Mạnh nữa, ta không nên phá đi. Tháng 12, Định-Công cho vây thành Thành, không thắng."

Năm Định-Công XIV, Không-Tử tuổi đã 56, từ chức Đại-Tư-Khẩu thăng là Tề-Tướng nhiếp-tướng sự. Ngài có vẻ vui mừng. Học trò nói: "Nghe thầy dạy người quân-tử họa đến không sợ, phúc đến không mừng". Không-Tử đáp: "Ta có nói thế nhưng chẳng nói vui vì Qui được ở trên người thường sao? Rồi thì cho giết quan Đại-Phu nước Lỗ làm loạn chính sách là Thiệu-Chính-Mào. Sau ba tháng cầm quyền, kẻ bán dè lộn không bày ra cửa hàng, nam nữ đi trên đường riêng biệt, đường cái không ai nhất của rồi, khách bốn phương kéo đến không cần đến quan công-an Hữu-tư, đều như về nhà. Người nước Tề nghe tiếng lấy làm lo sợ, nói "Không-Tử làm chính-trị thì ắt là bá-chủ thiên-hạ. Đất nước ta gần cận ắt

là bị thôn tính trước tiên. Sao không nhường đất trước đi. Lê Thu nói: "Xin trước hết hay ngăn bằng mưu. Nếu đúng mưu phá không được sẽ nhường đất Dung-Trì chẳng?" Thế rồi lựa chọn trong nước Tề lấy tám mươi gái đẹp, ăn mặc hoa mỹ, múa điệu Khang, ba mươi cỗ xe bốn ngựa đưa sang cho vua Lỗ bày nữ-vũ và ngựa vấn ở ngoài cửa thành phía Nam. Quí Hoàn-Tử trá hình đi xem ba lần muốn nhận lấy, mới nói với vua Lỗ đi lôn đường quanh đến xem suốt ngày, bỏ cả triều chính. Tề-Lộ nói với Khổng-Tử: "Thầy trò đến lúc bỏ đi thôi?" Khổng-Tử nói: "Nay nhân dịp tế Giao như nếu vua Lỗ còn chính tay chia phần lễ cho quan đại-phu thì chúng ta còn thể ở lại được." Hoàn-Tử rút cục thu nhận nữ-vũ nước Tề, ba ngày không ra dự nghe chính sự, đến lúc tế Giao tại không thân hành phân phát lễ phần cho quan đại-phu, Khổng-Tử bèn bỏ đi, tạm ngụ ở đất Đôn phía Nam nước Lỗ. Quan Sư-Kỳ tiến đưa nói: "Thầy bỏ đi là phải, không phải lỗi của thầy". Khổng-Tử đáp: "Ta có thể hát được rằng: "

Bỉ phụ chi khâu **Miệng lưỡi dân bà**  
 Khả đi xuất tầu **Có thể bỏ chạy**  
 Bỉ phụ chi yết **Tiếp kiến dân bà**  
 Khả đi tử bại **Có thể thất bại**  
 Cái ưu tại, du tại **Nhàn thay, nhả thay**  
 Duy đi tốt tuế **Cho hết năm chầy.**

Sư-Kỳ trở về, Hoàn-Tử hỏi: "Khổng-Tử nói gì?"  
 Sư-Kỳ bá-cáo thực tình. Hoàn-Tử ngậm ngùi mà than: "Khổng-Tử trách ta vì phương nữ-nhạc đấy."

**Năm năm lưu-lạc (496-492)**  
 Khổng-Tử bèn đi sang nước Vệ, ở tại nhà Nhan-độc-Trâu là anh vợ của Tề-Lộ. Vua Vệ Linh-Công hỏi Khổng-Tử ở bên nước Lỗ bằng lộc bao nhiêu? Khổng-Tử thưa là 6 vạn hộc thóc. Vua Vệ cũng cấp bằng ấy thóc cho Khổng-Tử. Chẳng bao lâu, có kẻ gièm pha với Linh-Công, sai Công-tôn Tử-hà ra ra vào vào uy-hiệp với vũ-khí. Khổng-Tử sợ mắc tội, sau mười tháng thì bỏ đi

sang nước Tàn qua thành Khuông, bấy giờ Nhan-Uyên theo hầu, lấy gậy chỏ vào Thành nói: "Trước kia thầy trò ta vào chỗ thành hồng này!" Người đất Khuông nghe thấy cho là bọn Dương-Hỗ nước Lỗ. Dương-Hỗ vốn từng tàn bạo đối với dân Khuông. Vì thế mà chúng giữ bọn Khổng-Tử lại vì Ngài có bộ mặt giống với Dương-Hỗ. Chúng bắt giữ Khổng-Tử, năm ngày rồi sau mới gặp Nhan-Uyên. Thấy được Nhan-Uyên, Khổng-Tử nói: "Ta tưởng anh chết rồi?" Nhan Uyên đáp: "Thầy còn, Hồi này đâu dám chết!" Dân Khuông càng vây chặt lấy bọn thầy trò Khổng-Tử. Học-trò lo sợ, Khổng-Tử nói: "Văn-Vương ký một, văn bất tại tư hồ? Thiên chi tượng tắng tự văn dã, hậu tử giả bất đắc dư vu tư văn dã. Thiên chi vị tắng tự văn dã, Khuông nhân ký như dự hà?" (Vua Văn mất đi rồi, tất cả văn-hóa thời ấy chẳng ở nơi ta đây sao? Trời mà muốn tiêu diệt nên văn-hóa ấy đi, thì sau khi ta chết rồi không còn ai được biết đến nên văn-hóa ấy nữa vậy. Trời mà chưa muốn tiêu diệt nên văn-hóa ấy đi, thì dân Khuông có làm gì được ta).

Khổng-Tử sai người đi theo là Ninh-Vũ làm quan ở Vệ rồi sau mới đi được. Đi qua đất Bờ, hơn một tháng lại trở về nước Vệ, trọ ở nhà Cù-Bá-Ngọc. Vua Linh-Công có nàng ái-phi Nam-Tử. Nàng cho người nói với Khổng-Tử rằng: "Bốn phương quân-tử không lấy làm nhục muốn kết nghĩa anh em với vua ta, ắt ra mắt với vua nhỏ của vua. Vua nhỏ của vua xin được tiếp kiến." Khổng-Tử tạ lỗi, bắt đực đi phải ra mắt nàng Nam-tử. Nàng ngồi trong màn mông, Khổng-Tử vào cửa, cúi đầu hướng về phương Bắc. Nàng từ trong màn vái lại hai vái, tiếng rung động của vòng ngọc vang cả lên. Khổng-Tử nói: "Ta trước kia không ra mắt, ra mắt lấy lễ đáp lại." Tề-Lộ không bằng lòng. Khổng-Tử thề rằng: "Ta mà trái đạo, Trời bỏ ta, Trời bỏ ta!" Ở lại nước Vệ hơn một tháng, vua Linh-Công xuất giá cùng với Nàng Nam-tử một xe, quan hoạn Ung Cừ cùng ngồi xe đi theo, mời Khổng-Tử ngồi xe thứ nhì cùng theo sau, nghênh ngang đi qua chợ. Khổng-Tử nói: "Ta chưa từng thấy người ta yêu đạo đức hơn yêu sắc đẹp". Do đây Ngài lấy làm xấu hổ, bỏ đi sang nước Tào. Năm ấy vua Định-Công nước Lỗ mất, Khổng-tử bỏ nước Tào đi sang nước Tống. Một hôm

thầy trò cùng nhau học tập Lễ dưới gốc cây lớn. Quan Tư-Mã nước Tống là Hoàn Khôi muốn giết Không-Tử mới cho chặt cái cây đi. Không-Tử bỏ đi, học-trò bảo nên đi mau. Không-Tử nói: "Thiên sinh đức ở dư, Hoàn Khôi kỳ như dư hà?" (Trời cho ta cái đức tính, Hoàn Khôi làm gì được ta?)

Không-Tử đi sang nước Trịnh thầy trò lạc nhau. Không-Tử đứng một mình bơ vơ ở đồng thành phía Đông. Người nước Trịnh có kẻ nói với Tử-Cống rằng: "Ở cửa Đông có một người trán như trán Nghiêu, gáy như gáy Cao-đạo, vai như vai Tử-Sân. Nhưng từ lưng trở xuống kém vua Vũ ba tấc, loanh quanh như chó mất nhà" (luy luy như tảng gia chi cầu.) Tử-Cống nói lại với Không-Tử tình thực ấy, Không-Tử vui cười mà rằng: "Hình dáng không đúng, nhưng giống như chó mất chủ thì đúng lắm, đúng lắm".

Không-Tử bèn đến nước Trần (Trịnh với Tống láng giềng với nhau), ngụ tại nhà quan Tư-Thành là Trình-Tử hơn một năm. Bấy giờ có chiến tranh giữa nước Ngô, vua là Phù-Sai đang đánh nước Trần, chiếm mất ba ấp rồi bỏ đi. Triều-Uông đánh Triều-Ca (494). Quân Sở vây nước Sái và dân Sái đi sang nước Ngô. Ngô đánh bại vua nước Việt là Câu Tiễn ở Cối-Kê (phía Nam Triết-Giang hiện nay). Có một con chim ưng sà xuống đình nước Trần mà chết, mình nó bị một chiếc tên xuyên qua. Chiếc tên bằng gỗ Ngô, mũi đá lửa dài 1 thước 1 phân. Vua Trần là Mẫn Công sai người đến hỏi Trọng-Ni, Trọng-Ni nói: "Chim ưng từ xa đến. Đây là tên bắn của dân Túc-Thận. Xưa kia vua Vũ chinh phục nước Thương, mở thông xuống đến chín rạ trăm mọi đời mỗi nước đem lễ vật thổ sản đến triều cống, khiến không quên chức phận nghề nghiệp. Bấy giờ dân Túc-Thận sống ở Thạch-Ngô, dài một thước một phân. Tiên Vương muốn tỏ cái thế lực của mình, mới lấy tên nó của dân Túc-Thận chia cho Thái-Cơ con gái trưởng của vua Vũ. Nàng lấy Ngụ-Hồ-Công phong làm vua nước Trần. Chia ngọc quý cho họ cùng họ để tôn trọng thân thích, chia cho người khác họ phẩm vật ở phương xa, ngộ hầu không quên phục tòng vương triều. Bởi thế mà lấy tên nó của dân Túc-Thận chia cho nước Trần. Nay thử tìm ở trong kho tàng ngày xưa thì quả thấy được."

Không-Tử ở tại nước Trần ba năm, gặp lúc nước Tấn (nay là Sơn-Tây) và nước Sở (nay là Hồ Bắc) tranh nhau bá chủ, luôn luôn đánh nhau với Trần. Kịp khi nước Ngô xâm chiếm nước Trần, luôn luôn nước này bị giặc dã. Bấy giờ Không-Tử than rằng: "Về thôi, về thôi. Bọn trẻ nhà ta hoặc nông công hay giân đi, tiền thù không quên bản chất ban đầu" (Qui dư, qui dư, ngô dang tiêu tử cuồng giân, tiền thù bất vong kỳ sơ). Rồi Không-Tử từ giã đất Trần, qua ấp Bồ gặp lúc họ Công Thúc phản loạn đất Bồ, và dân Bồ vây giữ Không-Tử lại. Học-trò có Công-Lương Nhu lấy xe riêng năm cỗ đi theo Không-Tử. Ông là người cao lớn, khôn ngoan, có dũng lực, thưa với Không-Tử rằng: "Tôi kỳ trước theo thầy gặp nạn ở đất Khương, nay lại gặp nạn ở đây. Số mệnh vậy. Thầy trò hai phen gặp nạn vậy hăm. Xin tranh đấu đến chết!" Rồi ông đánh nhau hết sức dữ dội, dân Bồ sợ, xin với Không-Tử: "Nếu không đi sang nước Vệ thì chúng ta giải vậy." Không-Tử thề với chúng. Không-Tử đi ra cửa Đông, bèn đi ngay sang nước Vệ. Tử-Cống hỏi: "Thề mà bội lời thề được sao?" Không-Tử đáp: "Bất ép phải thề, lời thề ấy thần mình không nghe!"

Vua Vệ Linh Công nghe tin Không-Tử đến, vui mừng, đón ở ngoài thành, và hỏi rằng: "Đất Bồ có thể đánh được không?" Không-Tử thưa "Có thể". Linh-Công bảo: "Quan-đại-phu của trăm cho không có thể đánh được, vì đất Bồ là một cái đèm ngăn Sở và Tấn. Nước Vệ như thế không nên đánh Bồ có phải không?" Không-Tử đáp: "Đàn ông nước Bồ có chí khí chống giữ đến chết. Đàn bà có chí bảo vệ quê nhà. Ta có đánh chỉ là trừng trị bọn bốn năm người thôi." Linh-Công khen phải, cho nên không đánh Bồ.

Linh-Công già rồi, chênh mảng việc chính-trị, không dùng Không-Tử. Không-Tử bèn nghỉ than rằng: "Nếu dùng ta chỉ ba tháng đã đủ thấy, đến ba năm thì nên sự nghiệp bá-vương" (Cầu hữu dụng nhất giả, kỳ nguyệt nhi di, tam niên hữu thành). Không-Tử lại bỏ đi. Bấy giờ Phật-Bật đứng đầu ấp Trung Mâu. Triệu Cảnh-chống Phạm Trung Hành đánh ấp Trung Mâu. Phật-Bật phản loạn sai người mời Không-Tử. Không-Tử muốn

đi. Tử-Lộ nói: "Do này thường nghe thầy bảo người quân-tử không đến với kẻ tự mình làm điều bất thiện kia mà?" Nay Phật Bất tự thân làm phản loạn đất Trung-Mẫu, thầy lại muốn đến sao?"

Không-Tử đáp: "Có nói như thế. Nhưng chẳng cũng nói chất rắn đầy ư, mài mà chẳng mỏng. Chẳng có nói chất trắng đầy ư, nhuộm mà không đen. Ta có phải quả bầu rỗng đậu, chỉ để treo mà không ăn được." (Bất viết kiên hồ! ma nhi bất lân. Bất viết bạch hồ? niết nhi bất chuy. Ngã khởi bào qua dã tai, yên năng hệ nhi bất thực..!)

Không-Tử gõ khánh, có người gánh củ qua cửa, nói: "Có tâm thay, người gõ khánh, cánh cánh thay chẳng tự biết mình đầy. Thì thôi vậy!"

Không-Tử học đàn cầm Sư Nhượng. Sau mười ngày không thấy tiến bộ. Sư Nhượng nói: "Có thể học thêm được". Không-Tử nói: "Khâu này đã tập luyện cái khúc điệu của bản nhạc, nhưng chưa đạt được cái khúc vận của nó". Một thời gian sau Sư Nhượng bảo đã tập được khúc vận rồi, có thể tiến thêm.

Không-Tử nói: "Khâu chưa đạt được cái ý của bản nhạc muốn biểu thị". Thời gian sau, Sư Nhượng nói: "Đã tập xong đến ý nhạc của nói rồi, có thể tiến thêm."

Không-Tử nói: "Khâu chưa đạt được con người sáng tác ra bản nhạc". Thời gian nữa, Sư Nhượng nói: "Người làm ra chìm đắm trong ý nghĩ thâm trầm vui vẻ, có chỗ vui vẻ hướng vọng lên cao siêu và để chỉ vào xa xăm".

Không-Tử bảo: "Khâu đạt được con người ấy rồi: âm đạm mà đen, cao lớn thay, mắt nhìn như trông để lòng như muốn làm vua bốn cõi, chẳng phải Văn-vương thì còn ai có thể như thế".

Sư Nhượng đứng lên vái hai vái mà nói: "Chính thầy nói bản đàn của Văn-vương đấy." (Không-Tử học cổ cầm Sư Nhượng từ, thập nhật bất tiến. Sư Nhượng từ viết: "Khả di ích hỹ". Không-Tử viết: "Khâu di tập kỳ khúc hỹ! vi đặc kỳ số dã".

Hữu gian viết: Di tập kỳ số, khả di ích hỹ.

Không-Tử viết: Khâu vi đặc kỳ chí dã.

Hữu gian viết: Di tập kỳ chí, khả di ích hỹ.

Không-Tử viết: Khâu vi đặc kỳ vi nhân dã.

Hữu gian viết: Hữu sở mục nhiên thâm tư yên, hữu sở di nhiên cao vọng nhi viển chí yên.

Viết: Khâu đặc kỳ vi nhân. Âm nhiên nhi hắc, cơ nhiên nhi trường, nhân như vọng dương, tâm như vượng tứ quốc, phi Văn-Vương kỳ thù năng vi thứ dã.

Sư Nhượng từ tị tịch tái bài viết: Sư cái văn Văn-Vương tháo dã.

Không-Tử không được dùng ở nước Vệ, đi sang phía Tây gặp Triệu Giản-tử. Đến Đông Hoàng Hà, nghe tin Đâu-Minh-Độc, Thuấn-Hoa bị giết. Ngài đứng trên bờ sông mà than rằng: "Đẹp thay nước, chảy chảy hoài. Ta không qua sông, ấy là mệnh số vậy". Tử-Cống bước ra trước mặt hỏi: "Xin thưa như thế là sao?"

Không-Tử đáp: "Đâu-Minh-Độc, Thuấn-Hoa là hai quan đại-phu hiền lương. Khi Triệu Giản-tử chưa làm nên, chờ hai người để sau làm chính-trị. Đến khi đã đắc chí rồi, thì giết đi để làm chính-trị. Khâu nghe thấy, mở thai, giết non súc vật, thì kỳ lân không xuất hiện trong lãnh vực, tất ao đề cạ cá thì giao long không phối hợp khí âm khí dương. Lật tổ chim để hủy trứng thì phượng-hoàng không liệng. Tại sao? Quân-tử tránh kẻ giết đồng loại của mình. Kia chim muông bắt nghĩa còn biết mà tránh đi, huống chi Khâu này".

Không-Tử bèn quay trở về nghỉ ở ấp Thú, làm bài nhạc Thú-thao đề thương tiếc hai nhà hiền.

Ngài trở về nước Vệ vào nghỉ nhà Cù-bá-Ngọc.

Có một hôm vua Linh-Công hỏi về chiến trận.

Không-Tử đáp: "Việc tế-lễ thì tôi còn biết, đến như việc quân lữ thì tôi chưa từng học."

Hôm sau, nhà vua đang cùng trò chuyện với Không-Tử, thấy đàn ngỗng trời ngang lên nhìn, không để ý vào lời nói của Không-Tử. Không-Tử

bèn bỏ nước Vệ mà đi nơi khác. Lại đi sang nước Trần. Đến mùa hè năm ấy (493) thì Vệ Linh-Công mất, được cháu lên nghiệp chính. Ấy là Vệ Xuất Công Triệu-Uông đem thái tử Khoái-Hội sang ấp Thích. Đương-Hồ sai phái-bộ đến điệu tang Thái-tử, tám người mặc đồ tang tiếp đón và đưa đi coi như vua Vệ chính thức. Người đưa khóc lóc đi vào. Khoái-Hội bèn ở lại đất Thích. Mùa đông sau, kinh-đô nước Sái thiên sang Châu Lai. Năm ấy là năm Ai-Công nước Lỗ thứ III. Không-Tử đã sáu mươi tuổi. Nước Tề giúp nước Vệ vây đất Thích, vì có Thái-tử nước Vệ ở tại đấy. Mùa hạ, miếu tổ tiên của Hoàn-Lý nước Lỗ cháy. Nam-Cung Kinh Thúc tổ chức việc cứu hỏa. Bấy giờ Không-Tử còn ở nước Trần, nghe tin, nói ngay là tai-họa chắc xảy ra ở tại miếu Hoàn-Lý. Quả nhiên như thế.

Mùa thu Quý-Hoàn bị bệnh, cho chỗ đến kinh thành nước Lỗ. Thấy bờ thành, Quý-Hoàn than rằng: "Xưa kia nước này có cơ hưng thịnh lên vì ta có lỗi với Không-Tử, mới không làm cho hưng-thịnh lên được." Rồi Quý-Hoàn nhìn lại Khang-Tử nổi nghiệp mà rằng: "Khi ta mất đi rồi, anh sẽ làm tề-tướng nước Lỗ. Khi ấy, anh phải triệu mời Trọng-Ni". Máy ngày sau thì Quý-Hoàn mất. Khang-tử thay vị, tổng táng cha xong, muốn mời Trọng-Ni. Công-Chi-Ngư nói: "Trước kia vua ta dùng Trọng-Ni mà không có thủy chung, khiến làm trò cười cho các nước chư-hầu. Nay lại muốn dùng mà không trọn vẹn thì lại làm cho chư-hầu đàm tiếu lẫn nữa". Khang-Tử hỏi: "Thế thì có thể mời ai được?" Đáp: "Ắt phải mời Nhiêm Cầu là một đệ-tử của Không-Tử". Thế rồi cho người mời Nhiêm Cầu. Nhiêm Cầu sắp đi, Không-Tử nói: "Người Lỗ mời Cầu, không phải là dùng vào việc nhỏ, chắc là dùng vào đại sự vậy". Hôm ấy, Không-Tử nói: "Về thôi, về thôi, bọn thiếu-niên nước ta cuồng giận, vấn vè rõ rệt, ta không biết chỗ để tài bồi."

Tử-Công hiểu ý Không-Tử muốn về, cho nên khi tiễn đưa Nhiêm-Cầu có dặn rằng: "Khi nào anh đắc dụng, nên nhớ mời Không-Tử về".

Khôn ở đất Trần Sái (491 - 589 tr. T.C.)

Nhiêm Cầu đi rồi, năm sau Không-Tử từ nước Trần đi sang nước Sái. Sái Chiêu-Công đi sang nước Ngô đáp lời gọi của vua Ngô. Trước đây vua Chiêu-Công khinh bầy tôi mà thiên sang Châu Lai, về sau khi sắp sửa đi, quan đại-phu là Công Tôn Phiên mới bán chết Chiêu Công. Nước Sở bèn xâm lược nước Sái, đến mùa thu thì vua Cảnh Công mất. Sang năm sau (490) Không-Tử từ nước Sái sang nước Diệp. Diệp Công hỏi về chính-sự, Không-Tử đáp:

« Chưnh tại lai viên phủ nhĩ » (Chính sự cốt ở sự làm cho người xa đến gần và phủ dụ được người gần). Hôm khác, Diệp Công hỏi Tử-Lộ về Không-Tử. Tử-Lộ không dám trả lời. Không-Tử nghe nói thế, bảo Tử-Lộ rằng: « Nay Do, sao anh không trả lời? đây là một người học đạo không mỗi, dạy người không chán, phân phát về một vấn-đề thường quên ăn, vui sống để quên lo nghĩ, không biết tuổi tác già nua sắp đến nữa. (Kỷ vì nhân dã, học đạo bất quyện, hối nhân bất yếm, phát phán vong thực, lạc dĩ vong ưu, bất tri lão chi tương chí vân nhĩ).

Ngài bỏ nước Diệp đi sang nước Sái. Trương-Thư, Kiệt-Nịch song đời mà cậy. Không-Tử cho là hai nhà ăn dật, sai Tử-lộ đến hỏi đường. Trương Thư nói:

— Người cầm xe kia là ai?

Tử-Lộ đáp:

— Là Khổng Khâu.

Trương Thư hỏi: Có phải Khổng Khâu nước Lỗ không?

Tử-Lộ đáp: Thưa phải.

Trương Thư nói: Vậy là người biết đường rồi.

Kiệt-Nịch gọi Tử-Lộ bảo: "Anh là ai?"

Tử-Lộ đáp: là Trọng Dở.

Hỏi: Có phải là học trò Khổng Khâu không?

Đáp: Thưa phải.

Kiệt-Nịch: Cuốn cuộn ấy là cảnh thế giới loạn lấy ai mà thay đổi loạn ra thì được? Và sớ ra đi theo kẻ sĩ mà người lãnh, sao bằng anh đi theo kẻ sĩ làm đời".

Nói rồi, cứ làm cỏ hoài không thôi. Tử-Lộ trở về nói với Không-Tử những lời ấy. Không-Tử bùi ngùi mà nói rằng: "Chim muông không thể cùng đoán với ta. Thế-giới có đạo thì Khâu này không còn lo thay đổi nữa vậy." (Điều thứ bất khả dự tổng-quần, thiên-hạ hữu đạo, Khâu bất dự dịch dã). Bữa khác, Tử-Lộ đang đi, gặp một ông già gánh củ, hỏi:

— Ông có thấy thầy tôi không?

Ông già đáp: Chân tay không dùng đến, nắm thứ thóc không biết phân biệt, thầy anh là ai? Rồi cầm gậy mà bừa cỏ. Tử-Lộ nói lại với Không-Tử. Không-Tử bảo đây là người ở ần đây. Trở lại tìm thì không thấy nữa.

Không-Tử đi sang nước Sái, ở đây ba năm. Nước Ngô đánh nước Trần, nước Sở đem quân sang cứu nước Trần, quân đóng ở Thành Phụ, nghe tin Không-Tử ở khoảng Trần và Sái bèn cho người đến thăm Không-Tử. Không-Tử sửa soạn sang đáp lễ. Quan đại-phu nước Trần nước Sái bàn mưu rằng: Không-Tử là bậc hiền tài. Chỗ chê bai của ông ta đúng với nhược điểm của các vua chư hầu.

Nay ông ta từng ở lâu trên đất Trần, Sái, những điều các quan đại-phu hành-dộng đều không hợp với ý nguyện của Trọng-Ni. Nước Sở hiện nay là một nước lớn, đến thăm Không-Tử, nếu Không-Tử đặc dụng ở nước Sở thì công việc của các đại-phu ở nước Trần nước Sái sẽ nguy mất. Bấy giờ họ bèn cho quân đến vây ngăn Không-Tử ở giữa cánh đồng hoang, không cho đi nữa, cắt hết đường lương thực. Học-trò đi theo Không-Tử làm bệnh, không còn đứng dậy được nữa. Nhưng Không-Tử cứ ngâm thơ gảy đàn không thôi. Tử-Lộ có vẻ bất bình ra mặt nói: Quân-tử cũng có lúc cùng quần sao?

Không-Tử đáp:

— Người quân tử bền lòng lúc cùng, kẻ tiểu nhân lúc cùng thì làm liều.

Tử-Cống cảm động, Không-Tử nói: "Này Tử anh cho ta là học rộng biết nhiều phải không?" Tử-Cống đáp: "Thưa vâng, không phải như thế sao?" Không-Tử nói: "Không phải thế đâu, ta lấy một điều để quán suốt tất cả đấy thôi!"

Không-Tử biết đệ-tử có lòng bất bình, bèn gọi Tử-Lộ mà hỏi rằng

Kinh Thi có nói: "Chẳng phải trâu rừng, chẳng phải hổ, lang thang trong đồng hoang." Đạo ta sai chẳng, làm sao chúng ta lâm vào cảnh này?

Tử-Lộ thưa: "Chừng như thầy trò ta chưa được là bậc hiền nhân, cho nên người ta chưa tin theo vậy. Ý chừng thầy trò ta chưa được là bậc hiền trí, cho nên người ta không làm theo chúng ta vậy."

Không-Tử nói: "Có như thế thật ư? Này Do, vì thử người hiền nhân tất được người ta tin cả thì đâu còn có Bá-Di, Thúc Tề. Vì thử người hiền trí tất được người ta theo làm cả, thì đâu còn có Vương-tử Tỉ Can?"

Tử-Lộ đi ra rồi, Tử-Cống vào ra mắt. Không-Tử lại hỏi: Này Tử, Kinh Thi nói: "Chẳng phải trâu rừng, chẳng phải hổ, lang thang nơi khoảng dã." Đạo của ta sai chẳng? làm sao chúng ta đến nỗi này?

Tử-Cống thưa: "Đạo của thầy cao rộng quá cho nên thiên hạ chẳng ai có thể dung được thầy. Đáng như thầy phải hạ thấp xuống một chút chẳng?"

Không-Tử nói: Này Tử, kẻ làm ruộng hay có thể cấy mà không có thể gặt; kẻ làm thợ khéo có thể khéo làm mà không thuận chiều theo người. Người quân-tử có thể tu sửa đạo mình, làm cho ra kỷ cương, hệ thống cho ra mạch lạc mà không có thể vì sự hưởng ứng. Nay anh không tu sửa đạo của anh chỉ cần cho người ta dung. Tử Ạ, chí của anh không được cao xa!

Tử-Cống ra khỏi đến lượt Nhan Hồi vào. Không-Tử cũng nhắc lại câu hỏi như trên: Hồi, Kinh Thi nói: "Chẳng phải trâu rừng, chẳng phải hổ, lang thang đồng hoang." Đạo ta sai chẳng? làm sao ta đến nỗi này?

Nhan-Hồi thưa: "Đạo của thầy cao rộng quá nên thiên hạ chẳng ai có thể dung. Tuy vậy, thầy cố gắng mà thực hành, không có người dung hại gì? Không có người dung rồi sau mới thấy được quân-tử thế nào. Kia đạo mà không tu sửa ấy ta lấy làm xấu hổ. Đạo vốn cao rộng như thế, tu sửa mà không được dùng lỗi xấu ở nhà cầm quyền trị nước, không được dùng có hại gì. Không được dùng thì sau mới thấy được là quân-tử."

Không-Tử nghe nói, hớn hở mà cười, Ngài nói: "Có thể chẳng, con nhà họ Nhan; vì anh là người giàu có, ta sẽ làm quản gia cho anh."

Rồi Ngài sai Tử-Cống đến nước Sở. Vua Sở Chiêu-vương cất quân đến đón Không-Tử, rồi mới được thoát nạn. Chiêu-vương sắp phong cho đất bảy trăm lý (mỗi lý là hai mươi dặm gia-dinh), nhưng quan lệnh-đoàn nước Sở là Tử-Tây nói: Vua cử sứ giả đi các nước chư hầu. Có ai được như Tử-Cống không? Vua đáp: Không. — Nhà vua có Tề-tướng được như Nhan Hối không? Đáp: Không. — Nhà vua có đại-tướng được như Tử-lộ không? Đáp: Không. — Nhà vua có quan-đoàn được như Tề-đư không? Đáp: Không. Và tể-tiên của nước Sở là tước phong của nhà Chu, danh hiệu là Tử Nam với lãnh thổ năm chục lý. Nay Không-Khâu, tể-tuất lại phép tắc của tam-vương, làm sáng tỏ cơ-nghiệp của nhà Chu nhà Triệu. Nhà vua nếu muốn dùng Không-Tử, thì nước Sở còn làm sao đòi đòi, đường đường làm chủ hàng ngàn lý vương-nhà. Kia vua Văn ở đất Phong, vua Vũ ở đất Cáo làm vua trên lãnh thổ một trăm lý mà cuối cùng bá chủ cả thiên hạ. Nay Không-Tử mà được đóng ở một lãnh thổ, có học-trò là những bậc hiền năng giúp thì đây không phải là cái phúc cho nước Sở sau này. Vua Chiêu-bền thối. Mùa thu năm ấy, Sở Chiêu-vương mất ở Thành-Phụ. Người cường nước Sở là Tiệp-Dư qua xe Không-Tử hát rằng:

*Chim phượng kia, chim phượng kia*

*Sao đức của mày suy*

*Việc đã qua không can được*

*Việc sắp tới còn theo kịp*

*Thời thì thời đi*

*Ngày nay hoạt động chính-trị rất nguy*

Không-Tử xuống xe, muốn cùng nói chuyện, nhưng, Sở Cường vội bước đi khỏi, Không-Tử không được cùng nói chuyện.

(488 — 484)

Rồi Không-Tử từ nước Sở trở về nước Vệ. Năm ấy Không-Tử đã 63 tuổi.

(488) Ai-Công, nước Lỗ thứ VI.

Sang năm sau, Ngô và nước Lỗ có hội-ước, làm lễ sinh-tế một trăm con trâu. Quan Thái-Tề là Bi mời Quí Khang-tử, Không-Tử sai Tử-Cống đi thay để được khỏi dự. Không-Tử nói Lỗ với Vệ là anh em một nhà. Bây giờ vua nước Vệ chuyên quyền, người cha không được ở ngôi, lưu vong nước ngoài. Các chư hầu đòi Vệ nhường đất. Học-trò của Không-Tử phần nhiều làm quan ở Vệ. Vua Vệ muốn được Không-Tử giúp chính sự. Tử-Lộ hỏi Không-Tử: Vua Vệ mời thầy làm chính sự, thầy định làm việc gì trước?

Không-Tử: Ất phải trước hết làm việc chính danh chẳng?

Tử-Lộ nói: Có vấn đề ấy sao? Thầy nói đúng đấy. Làm cho ngay chính cái gì?

Không-Tử: Ngu lắm, Do ạt. Kia danh không chính đáng thì nói năng không thuận lẽ phải. Nói năng không thành thuận lẽ phải thì sự việc không thành được. Sự việc không thành, thì chế độ lễ nhạc không phát triển. Lễ nhạc không phát thì hình phạt không công bình. Hình phạt không công bình thì nhân dân không biết đặt chân tay vào đâu mà làm. Kia người-quản-tử làm điều gì ắt có thể danh được nói được ắt phải làm được. Người-quản-tử nói năng không có thể hàm hồ, cầu thả được.

Năm sau (484), Nhiêm-Hữu làm sự tướng cho họ Quí, cầm quân giao chiến với nước Tề. Thắng quân Tề ở Lang (Tứ-Châu), Quí Khang-tử nói: "Tài cầm quân của ông là học được hay là do bản tính sẵn có?"

Nhiêm-Hữu nói: Tôi học được ở Không-Tử.

Quí Khang-tử nói: Không-Tử là người thế nào?

Đáp: Là người dùng đến thì có danh tiếng. Chủ nghĩa của ông ấy phò cập cho nhân dân, đem hỏi qui thân, qui thân cũng không chế được. Ông ta chỉ mong thực hiện đến cái đạo ấy. Nếu giao cho ông ta một ngàn xã (tức 25.000 gia-dinh), ông ta cũng không nghĩ đến trục lợi cho riêng mình vậy.

Khang-tử nói: Ta muốn với có được không?

Nhiêm-Hữu thưa: Muốn với thì không được, lấy thói tiền nhân đối đãi

mới được.

Bấy giờ Không Tử nước Vệ cầm quân đánh Thái-Thúc, hỏi kẻ sách Trọng-Ni. Trọng-Ni khước từ nói là không biết. Khi thoái lui, ông bèn lên xe bỏ đi nói: "Chim khôn có thể chọn cây mà đậu, cây đậu có thể chọn được chim?"

Văn-tử còn muốn giữ Không-Tử. Rồi Quý Khang-Tử đuổi Công-Hoa, Công-Tân, Công Lâm đem lễ vật đón Không-Tử trở về nước Lỗ, sau khi xa cách mười bốn năm trời mới lại trở về.

Vua Lỗ Ai Công hỏi chính-sự, Không-Tử thưa: Chính-sự cốt ở sự lựa dùng bầy tôi.

Quý-Khang-tử hỏi chính sự.

Không-Tử thưa: Cắt nhắc người thăng thân lên mà bỏ kẻ cong queo đi thì người cong trở nên ngay thẳng.

Khang-tử lo trộm cướp. Không-Tử nói: Nếu ông không tham thì có chó cũng không lấy.

Tuy vậy rút cục nước Lỗ không dùng được Không-Tử. Không-Tử cũng không còn muốn cầu ra làm sĩ nữa.

(484 - 481) San định kinh sách.

Thời Không-Tử bấy giờ, nhà Chu suy vi mà chế độ Lễ Nhạc bỏ hư, sách Thi và Thư thiếu sót. Ông tìm lại vết tích của chế độ ba đời vua trước (Hạ, Thương, Chu) ghi chép để truyền lại kể từ nhà Đường, Ngu xuống đến vua Mục nhà Tấn, xếp đặt chỗ có thứ tự. Không-Tử nói: "Chế độ nhà Hạ ta có thể nói được, nước Kỳ không đủ chứng. Chế độ nhà Ân ta có thể nói được, nước Tống không đủ chứng. Nếu đủ thì ta có thể lấy làm chứng cứ vậy."

Nghiên cứu sự tiến hóa thêm bớt ở chế độ nhà Hạ nhà Ân, Không-Tử nói: "Về đời sau đến trăm đời có thể biết được vậy. Một đảng thì vẫn về (nhà Ân) một đảng thì chất phác (nhà Hạ), nhà Chu thì noi gương cả hai đời, rục rờ thay văn hiến nhà Chu, ta noi theo nhà Chu".

Bởi thế mà truyền lại thư tịch ghi lại chế độ bắt đầu từ Không-Tử

vậy. Không-Tử nói với quan Thái-sư nước Lỗ về âm-nhạc rằng: "Nguyên ý âm-nhạc có thể biết được, một bản nhạc bắt đầu êm đềm, lên cao mở rộng vui hòa, sáng tỏ, miên man dễ hoàn thành. Ta từ nước Vệ trở về nước Lỗ, rồi sau Không-Tử lại nói: "mới chính đốn lại điệu nhạc cổ-truyền, thơ Nhã thơ Tung mới thấy ở tại chỗ chính thức của chúng."

Xưa kia Kinh Thi có hơn ba trăm thiên, đến Không-Tử mới bỏ những thiên trùng điệp, rút lấy những bài có thể thi hành điều lễ độ nhân-nghĩa kể từ thời vua Khế, vua Hậu-Tắc, xuống đến thuật sự việc thịnh vượng nhà Ân, nhà Chu, sau cùng đến suy đồi của vua U vua Lệ. Mở đầu là tình vợ chồng (nhâm tịch) cho nên bảo làm rơi loại thơ Quán Thư là bắt đầu của thơ Phong, thơ Lộc Minh là mở đầu cho thi Tiểu Nhã, thơ Văn Vương là mở đầu thiên Đại Nhã, Thanh miếu là bắt đầu thiên Tung. Tất cả ba trăm thiên thi ca Không-tử đều họa theo đàn để tìm đúng với âm điệu vũ-thiệu nhã-tụng. Từ đấy về sau Lễ Nhạc mới còn truyền lại để phát triển nền vương đạo, lập nên cái học "lục nghệ" là Lễ, Nhạc, Sạ, Ngu, Thư, Số, hay là lục Kinh: Kinh Thi, Kinh Thư Kinh Nhạc, Kinh Lễ, Kinh Xuân Thu và Kinh Dịch, sau đó diễn vậy.

Về già, mấy năm cuối cùng, Không-Tử ham học Kinh Dịch, làm lời Tự, lời Thoán, lời Hệ, lời Tượng, lời thuyết quái và lời Văn-gôn. Đọc Dịch đến đứt lẽ sách ba lần, nói: Chờ ta ít năm nữa được thế thì ta về Dịch học chắc hoàn hảo.

Không-Tử lấy Thi, Thư, Lễ, Nhạc dạy học trò, chừng vào số ba ngàn người, thông suốt lục nghệ chừng bảy mươi hai người, như họ trò Nhan-Trác-Châu. Có nhiều người đến theo học lắm. Giáo lý của Không-Tử gồm có bốn điều: Văn học, đạo đức. Biết mình và trung-thực với người. Tuyệt nhiên tránh bốn điều: Không định ý, không tất nhiên, không có chấp, không tự ngã. Thận trọng khi làm việc tế-lễ, khi có chiến-tranh, khi làm bệnh tật. Không-Tử ít khi nói đến điều lợi, mệnh trời, và nhân đạo. Học-trò không phân chỉ tìm hiểu ý nghĩa lý thì Không-Tử không giảng rõ. Chỉ đưa ra một góc trong bốn góc, nếu học-trò không tìm ra ba góc còn lại, thì Ngài không dạy nữa. Ở trong hương đảng, Ngài chất-phác thực thà như không hay nói,



nhưng ở trong tông miếu triều đình thì biện thuyết rất hùng, chọn lời cần thận. Ở trong triều cũng nói với quan đại-phu bên trên thì tranh biện rõ ràng, với các quan đại-phu bên dưới thì chuyện thì cứng cỏi mà nói. Vào chỗ công, Ngài cúi đầu và tiến bước kính trọng. Trước Sự-giả nhà vua đến, sắc mặt trang nghiêm. Vua triệu mời, không chờ có xe mới đi.

Ăn uống thì Không-Tử không ăn cá wọn, thịt ôi, cắt không ngay, ngần không ăn, chiếu giải không ngay, ngần không ngồi. Ăn uống ở nhà có tang ma, thường không bao giờ ăn no, và bữa nào đã khế ở nhà có tang thì hôm ấy không ca hát. Trên đường gặp người dễ tạp hay kẻ mù lòa dù là con trẻ cũng biến sắc mà nghiêm trang. Ngài nói : Trong ba người đi đường ắt có người đáng làm thầy ta. Kẻ nào đức không tu sửa, học không giảng giải, nghe điều nghĩa không có thể đổi theo, có điều bất thiện không chịu đổi, ấy là điều đáng cho ta lo nghĩ vậy.

Khi nào Không-Tử nghe người ta ca hát, thì mời người ấy ca lại để cùng hòa. Ngài không nói đến những việc quái lạ, bạo-lực, loạn tặc, và quỷ thần.

Tả-Công than nói : Văn-chương của thầy ta, có thể được nghe, đến như nói về đạo trời và tính mệnh thì không được nghe vậy.

Nhan-Uyên búi ngủi than rằng : Ngang trông càng cao, cúi vào càng gần, gần thấy ở trước mặt, bỗng đã tại sau lưng. Thầy ta tuấn tú khéo dạy dỗ, người mở mang văn-chương cho ta, lấy lễ độ thức học. Ta muốn thời không được, đi hết tài lực ta như có chỗ cao vượt. Tuy muốn, thầy không theo kịp.

Người trong thân đảng, có đứa trẻ nói : "Lớn thầy Không-Tử, học rộng mà chẳng dùng danh gì." Không-Tử nghe thấy, nói : Ta chuyên giữ gìn, giữ gìn chẳng để cùng bản chúng, thời ta chuyên giữ, mà vậy. Học-tập Tác-lão nói : Không-Tử bèn không được dùng cho nên học nghĩ chẳng.

Năm Lỗ Ai-Công thứ 327 (481) vào mùa xuân, có một số sĩ ở quê được. Người khác về cho Tác-lão bắt nước con thú, vào gần không thấy. Trong

nhìn thấy bảo, đây là con kỳ lân, bắt đem về.

Bấy giờ Không-Tử nói : Ta hết rồi, sông Hà không có Đò xuất hiện, sông Lạc không có sách xuất hiện !

Nhan-Uyên mắt, Không-Tử than : Trời hại ta ! Rồi đi sản phía Tây thấy kỳ-lân nói : Đạo ta đến lúc cùng rồi. Rồi búi ngủi mà than : chẳng có ai biết ta. Tử-Công hỏi : sao là chẳng ai biết thầy? Không-Tử đáp : "Không oán trời, không trách người, học từ thấp đạt lên cao, biết ta có chẳng chỉ Trời thôi !"

Về các vị hiền thuở trước, Không-Tử bảo : "Không chịu nhục đến bản thân, không thay đổi ý-chí của mình ấy là Bá-Di, Thúc Tề chẳng ? Bảo Liêu-hạ-Huệ, Thiệu Liên là chịu nhục thân và thay đổi ý-chí. Bảo Ngu Trọng, Di Dật là hạng ở ăn, nói vấn đề cao siêu, giữ được trong sạch, bỏ trung thời thế. Ta thì không thế, không có gì là được, không có gì không được." Không-Tử còn nói : "Hồng rồi, hồng rồi. Người quân tử lo tròn một đời không xứng đáng với danh nghĩa, đạo ta không làm được, ta làm sao còn thấy được với đời sau."

Rồi thì nhân bộ sử-ký, Không-Tử lấy tài liệu mà viết sách Xuân Thu, trên từ Ân-Công (722) xuống đến Ai-Công (481) năm thứ XVI. Tất cả gồm có mười hai Công, lấy nước Lỗ làm chủ yếu mà trung thành với nhà Chu, ngược lên đến nhà Thương mà trình bày sự tiến hóa của ba triều đại. Lời văn rất sắc thiết, mà nghĩa rất sâu rộng, cho nên vua nước Ngô nước Sở tự xưng là Vương thì trong sách Xuân Thu chê mà đổi làm Tử. Về các hội nghị chư hầu, vua Thiên-tử nhà Chu thực bị triệu đến, thì sách Xuân Thu nói chệch đi mà bảo là Thiên-tử đi tuần thú ở Hạ Đường, lấy cách ấy để giáng buộc thời bấy giờ, chế bai nghĩa bất chính. Về sau có nhà Vua nào nêu ra để khai thác. Nghĩa lý của sách Xuân Thu được thi hành, thì loạn thân tặc tử trong thiên hạ sẽ sợ vậy. Khi Không-Tử làm quan xét kiện cùng với đồng liêu, xét công tác xem xét tài liệu, chứ không phải chỉ một mình giải quyết. Đến sách Xuân Thu chỗ nào viết liền viết, bỏ liền bỏ, để như bọn Tử Hạ thì không nói đến một lời tán dương. Khi đem sách Xuân Thu ra dạy học trò. Không-Tử nói : "Đời sau biết đến Khâu này là do sách Xuân Thu

trách tội Khâu này cũng do sách Xuân Thu.”

479 — Tạ thế và giòng dõi.

Năm sau, Tử-Lộ mất ở nước Vệ, Khổng-Tử lâm bệnh. Tử-Cống xin vào thăm. Ngài than và ngâm rằng: Thái Sơn đồ chẳng? Cột ngang gãy chẳng? Người hiền nguy chẳng? Nhân thế mà rõ nước mất, gọi Tử-Cống nói: Thiên hạ không có đạo đã lâu rồi, chẳng ai có thể theo ta. Người nhà Hạ đề quan tài ở thềm bên Đông, người nhà Chu đặt ở thềm phía Tây, người nhà Ân ở khoảng giữa hai cột trụ của đền thờ. Đêm qua ta mộng thấy ngồi và rót rượu ở giữa hai cột, có lẽ ta là dòng dõi nhà Ân. Bầy ngày sau, Khổng-Tử mất, thọ bảy mươi ba 73, vào năm Ai-Công nước Lỗ thứ XVI, tháng tư, ngày kỷ-sửu (479).

Vua Ai-Công hiểu rằng: Trời cao chẳng thường, không để cho ta một ông già. Để mặc cho ta một mình tại vị, ta cô quạnh bệnh hoạn. Ôi thôi: thương thay, cha già Trọng-Ni, chớ quên ta! Tử-Cống nói: Khổng-Tử chẳng mất ở nước Lỗ đấy ư? Thấy ta nói rằng: Khi nào Lễ bỏ thì âm mưu, danh nghĩa bỏ thì sự vật hỗn độn. Người mất chí hướng gọi là hôn mê, sự vật ở sai chỗ của chúng là hỗn độn, khi sống không đặc dụng, lúc chết mà điều tang, chẳng phải là lễ vậy, tự xưng ta một người cô quạnh, là không phải danh nghĩa vậy.

Khổng-Tử được chôn ở Kinh thành nước Lỗ, phía bắc sông Tứ. Đệ-tử chịu tang ba năm, ba năm tân tang xong cùng nhau từ biệt mà đi mỗi người một ngã. Có kẻ khóc lóc hết sức thương đau, hoặc có còn lưu lại. Chỉ có Tử-Cống làm lễ trên mộ, ở đấy sáu năm rồi mới đi. Học-trò người nước Lỗ đến làm nhà chung quanh mộ có hơn trăm gia-đình, họp thành xóm gọi là Khổng-lý. Nước Lỗ đời đời truyền nhau làm lễ kỷ niệm hàng năm tại mộ Khổng-Tử, mà các nhà nho cũng làm lễ hương-âm và hội-nghị ở tại mộ. Mộ Khổng-tử rộng một khoảng (66.600 mét vuông) có thể chứa đệ-tử trong từ-đường. Về sau xây miếu ở đấy chứa cất mũ áo, đàn, xe, sách, của Khổng-tử để lại, đến đời Hán, hơn hai trăm năm vẫn còn chưa mất. Vua Hán Cao-Tô qua nước Lỗ, lấy lễ thái-lao tế Khổng-Tử. Các chư hầu đến đấy, việc trước tiên là đến bái yết trước mộ, rồi sau mới bàn chính-sự.

Khổng-Tử sinh ra Lý, chữ là Bá-Ngư. Bá-Ngư thọ năm mươi tuổi, mất trước Khổng-Tử. Bá-Ngư sinh ra Cấp, tên chữ là Tử-Tư, thọ sáu mươi hai tuổi. Tử-Tư sinh ra Bạch tên chữ là Tử-Thượng, thọ bốn mươi bảy tuổi. Tử-Thượng sinh ra Cầu tên chữ là Tử-Gia thọ bốn mươi lăm tuổi. Tử-Gia sinh ra Kỳ tên chữ là Tử-Kinh thọ bốn mươi sáu tuổi. Tử-Kinh sinh ra Xuyên tên chữ là Tử-Cao, thọ năm mươi một tuổi. Tử-Cao sinh ra Tử-Thận thọ năm mươi bảy tuổi, thường làm tướng văn cho nước Ngụy. Tử-Thận sinh ra Phủ thọ năm mươi bảy tuổi, làm quan bác-sĩ cho Trần-Vương-Thiếp, chết ở nước Trần. Phủ sinh ra Trường thọ năm mươi bảy tuổi, làm quan bác-sĩ cho vua Hiếu-Huệ, rồi dời đi làm thái thú ở Trường Sa, cao chín thước sáu thốn, Tử-Trường sinh ra Trọng thọ năm mươi bảy tuổi. Trọng sinh ra Vũ, Vũ sinh ra Diên-Niên và An-Quốc. An-Quốc hiện nay, đầu nhà Hán, làm quan bác-sĩ cho vua Hán, rồi thăng đến Thái-thú đất Lâm-Hoài và chết yểu. An-Quốc sinh ra Cung, Cung sinh ra Hoan.

Thái-sử công (Tư-Mã-Thiện): nói Kinh thư có câu: “Núi cao ta ngưỡng trông lên, càng nâng càng phấn khởi, tuy không có thể tới nhưng lòng vẫn hướng đấy mà đi.”

“Ta đọc sách họ Khổng, tưởng như thấy được con người. Sang nước Lỗ, xem miếu thờ Trọng-Ni, xe, áo, đồ thờ, học-trò thường tập lễ ở tại nhà, ta bởi hỏi không dứt, không có thể bỏ đi được.

Trong thiên-hạ làm vua đến bậc hiền cũng nhiều, lúc sống thì vinh quang, chết thì hết Khổng-Tử áo vải, truyền tụng hơn mười đời mà học-giả còn sùng bái. Tất cả những người bàn về “lục nghệ” từ vua đến chư hầu ở Trung-Quốc đều lấy Khổng-Tử làm triết-trung có thể gọi được là Chí Thánh vậy.

## giấc mộng "kinh sư" dưới mái chùa "linh mục"

(xin đọc V.H.N.S, Số 3 & 4, Tháng 11 & 12, 1967)

### Nguyễn-Phủ ở Kim-long dưới thời Hiến-vương.

Nhưng sau những ngày tang khó khăn-người, Kim-long lại thu-hồi cảnh-sắc tươi-phú, phần-vinh, dễ tiến-triền, thịnh-dạt hơn, qua bảy năm trời yên bề lặng, lửa dập khói tan, kể từ trận thảm-bại của quân Trịnh nói trên.

Mức phú-túc của dân dân thị-từ ngày càng tăng-tiến, và, theo với cái đà thăng-hoa này, phong-thói xa-xi, nề-nếp đài-các, phong-lưu, cái văn-vệ của nền giáo-hóa thiện-hạnh chớm nở, lần hồi ăn sâu từ các giới quyền-qui đến tận hàng sĩ-thứ, đồng-thời lan rộng cả một vùng thôn hoa, lục dã, ít nhất là từ Kim-long đến tận phường Phú-hòa bên tả-ngạn sông Hương hiện nay, đồ-xưởng thâu ranh giới Địa-linh, Thanh-hà, và ở phía hữu-ngạn, tới vạn Phú-cam cùng các khu vực ven sông của những phường Phú-ninh, Phú-vinh.

Ngọn gió ngoại-thương ngày càng mang thêm về nơi này — qua sự chuyên-vận, phân-tiêu của thương-khẩu Thanh-hà — nhiều loại hóa-phẩm ngoại-lai qui lạ, để đánh động thị-hữu của đám người phần-hoa thừa ăn, thừa để, do những thương-thuyền từ các xứ Âu-châu, hoặc từ Trung-quốc, Đài-loan, Nhật-bản, hay từ Phi-luật-tân, Malacca đổ về Hội-an<sup>77</sup>, một mã-đầu lớn vào thời đó. To lụ, gấm vóc, sa đoạ, đồ sành, đồ sứ, đồ đồng, họa-phẩm, đao kiếm, giày, bit-

<sup>77</sup> Việt-Nam Pháp-thuộc-sử (1862-1945) của Phan-Khoang (Người Âu-châu đến buôn bán ở Việt-nam) Trang 13.

[Tập XVII, Số 2 (Tháng 11, 1968)]

tất, các loại rượu và hào-soạn, thuốc men cùng các chất bổ dưỡng hiếm, lạ. Cũng vào lúc bấy giờ, một vài thứ công-nghệ trong xứ đã bắt đầu phát-triển, đáng lưu-ý nhất là nghề dệt các thứ hàng quý như: *thời-đạc*, *sả-lãng*, *cầm-truyền*, cùng các loại *hàng có hoa*. Viên-tử của các phường dệt nổi tiếng thuở đó là người phủ Thăng-hoa, thuộc *Quảng-nam dinh*<sup>78</sup>. Hội-an, như vừa nói, là một mã-đầu lớn, có sức quyến rũ khá mạnh đối với bọn thương nhân tới. Mà sức quyến rũ của Hội-an lại chính là sức quyến rũ của nguồn *thần-sản* sung-thiện ở *Quảng-nam dinh*, một vùng mà Lê-Quý-Đôn đã từng cho là: "*một xứ phi-nhiều bậc nhất trong thiên-hạ*", và một thương-khách họ Trần, người *Quảng-dông*, từ *Trung-quốc* qua đã phải nhìn nhận rằng: "*...buôn ở Quảng-nam thì trăm thứ chẳng thiếu hàng gì, các *Phiên-bang* chẳng nơi nào sánh kịp*"<sup>79</sup>. Của núi, của rừng công-thiến thì có: *trâm-hương*, *tóc-hương*, *sáp ong*, *mật ong*, *dầu sơn*, *cây gỗ*, *sừng tê*, *ngà trắng*; của sông, của bể cung-cấp thì có: *cá*, *muối*, *đôi-mồi*, *hạt trại*; của đất đai thết đãi thì có: *lúa*, *kê*, *đường*, *chè*, *hạt cau*, *hồ tiêu*<sup>80</sup>, toàn là những loại sản-phẩm đáp ứng đúng sự thèm khát của những lòng thuyền câu tài, cầu lợi, từ mười phương viễn-xứ đổ về. Cho nên rất sớm, kể từ buổi đầu thế-kỷ thứ mười bảy, Hội-an đã mở rộng cánh tay chiêu-khách, đón tiếp các thương-thuyền Âu-châu, và sớm hơn nữa, từ cuối thế-kỷ thứ mười sáu, Hội-an đã là nơi tới lui, lưu-trú của các thương-gia Nhật-bản, Trung-hoa, nhiều nhất là Trung-hoa, với những thương-thuyền Phúc-kiến cập bến khá tập nập, kể từ mùa xuân năm Vạn-lịch thế-năm (1577)<sup>81</sup>. Nhờ có sự tiếp xúc, chung đụng sớm-sủa như thế với đám người *Tiên-triều*, mà một số người địa-phương ở *Quảng-nam dinh*,

<sup>78</sup> Y-phục của người Việt qua các thời đại của Thái-vân-Kiểm. Tạp-chí Đại-học số 39, tháng 4-1964, Trang 244.

<sup>79</sup> Phụ-biên tạp-lục, quyển VI của Lê-Quý-Đôn, mục Việt-sản. Phong-tục (Trích dẫn trong "*Làng Minh-hương và phố Thanh-hà thuộc tỉnh Thừa-thiên*" của Giáo-sư Trần-Kiến-Hòa. Tạp-chí Đại-học, số 21, tháng 7-1961, Trang 99.

<sup>80</sup> — nt.

<sup>81</sup> Toàn-Chiến-Bình-Chế-khép của Hữu-Văn-Cơ, quyển II, thu-lục. *Cao-bản-Giới-thích* (trích dẫn trong "*Làng Minh-hương và phố Thanh-hà thuộc tỉnh Thừa-thiên*" Trang 99).

đã học được nghề dệt các thứ hàng quý nói trên. Vì sản óc thông-minh, sản có xảo-tứ, lại giàu đức-tính cần-cù, chịu khổ công tìm tòi, học hỏi cái khôn cái khéo của người, nên "người Phú Thăng, Phú Điện dệt được các thứ the đoạn lụa-là, hoa hòe, tinh xảo chẳng kém gì hàng Quảng-dông" <sup>82</sup>, và đời này qua đời, khác, truyền cho con cháu, phổ biến ngày thêm sâu rộng. Cả một vùng Thuận-Quảng, dưới thời Hiền-vương, đã có rất nhiều phường dệt lừng danh trong cõi. Ngay ở Thuận-hóa, gần Nguyễn-phủ, có phường dệt Thái-ngệ, ở mạn sau Phú-cam, trong địa-phận các làng Sơn-diễn, Dương-xuân, Vạn-xuân, số thợ đông-đảo có non năm trăm, chuyên sản-xuất những loại cầm-trừu, sa đoạn, đẹp nổi tiếng. Lại có làng Quang-xuyên, dân làng rất thiện-ngệ về lối đan mũ mã-vi, hay đan những con rồng, con phượng, các kiểu vạt-thợ, tam-sơn, bát bảo cùng các thứ hoa để chế khăn đạo-sĩ, trông thấp-thoảng như sa-huyền <sup>83</sup>. Ngoài ra, ở huyện Phú vinh (nay gọi là Phú-vang), có nhiều thợ thêu, chuyên thêu hoa vào cờ áo phụ-nữ và các túi đựng trà bằng hàng, gấm, đường nét thêu thùa trông thật tinh-xảo. Cũng tại huyện này, lụa vàng, lụa trắng của làng An-lưu sản-xuất rất được hạng giàu sang ưa chuộng.

Tơ lụa trong xứ sản-xuất đã nhiều, nghề dệt lụa và hàng quý lại rất phát-đạt, thợ thêu, thợ may khéo-léo, nên lối ăn mặc của đám dân thị-tứ thuộc đó thực là điểm lệ xa hoa. Ở Kim-long, hạng quyền-quý "quần áo may thuần gấm vóc. Những người sắc-mục ở dân-gian, quần áo mặc thường cũng thuần sa đoạn, chứ mặc áo vải thì lấy làm xấu hổ" <sup>84</sup>. Đến như nếp sống hàng ngày, thì cái phong-khí xa-xỉ, hào-phóng quả đã tạo thành một trào lưu đua đòi từ trên xuống dưới, bày ra cái cảnh-tượng "phượng-hoàng đua, bìm-bịp cũng đua". Chẳng những hạng quan-quyền, từ lớn đến nhỏ, đua tranh nhau khoa-trương về phú-quí, sang trọng "nhà cửa chạm trổ, thêm đá tường xây, chẵn màn toàn bằng sa đoạn, vung nổi

83 — nt —

<sup>83</sup> Phú-biên tập-lục, Lê-Quý-Đôn (Bản điều-trả về công-ngệ, trích-dẫn trong "Y-phục của người Việt qua các thời-đại" T.C. Đại-Học số 38, tháng 4/1964, Tr.244)

<sup>84</sup> Phú-biên tập-lục của Lê-Quý-Đôn (Bản hiều-thị của Nhà môn-quên Trịnh, tháng 7. Giáp-ngọ (1774), trích-dẫn trong "Y-phục của người Việt qua các thời-đại. Tr.242.

thuần bằng đồng thau, sập ngồi ghế tựa, mâm sứ chén hoa, yên cương ngựa nam thuần vàng bạc" <sup>85</sup>, mà đến hạng lính tráng cũng nhiễm nặng thói phong-lưu, trường-giã "ngồi chiếu mây, ghế dựa", ghiền cả cái thú thưởng-thức trà Tàu bên cạnh đỉnh trầm <sup>86</sup> nhẹ tỏa khói thơm, dùng "chén sứ bịt bạc, ống nhổ bằng thau". Hầu hết các thứ vật-dụng, tiện-nghi sang trọng đều do Hoa-thương cung cấp. Đàn-bà con gái thì chăm-chút tô điểm, chưng diện, "áo quần toàn bằng tơ lụa, cổ áo thêu, coi tiền bạc thóc gạo rẻ như bùn" <sup>87</sup>. Cái cảnh "thương mãi giới sơn phấn, quan dân diện áo xanh, khăn gấm đựng trà, chân hoa trở bước" <sup>88</sup> thường đập vào mắt Đại-Sán Hán-ông, dưới thời Quốc-Chúa Nguyễn-Phước-Châu sau này, có thể đã rất thịnh-hành phổ-biến dưới thời Hiền-vương. Đàn-bà, con gái Kim-long, vì đó, từng nổi tiếng quyến rũ, lẳng-lơ trắng gió một thời. Cái di-phong ấy còn kéo dài mãi về sau, để một nhà vua si-tinh - chừng như Vua Thành-Thái thì phải - đã đắm say đến độ quên mình đường đường là một đấng chí-tôn trên ngôi cửu-ngũ, lên-lớt vi-hành lên xuống nhiều lần, làm nảy sinh trong đám dân-gian một câu ca-dao đầy giọng phúng-thích sâu cay :

Kim-long lắm gái mỹ-miệu,

Trăm thương, trăm nhớ, trăm liều, trăm đi !

Phong thái sinh-hoạt của Nguyễn-Phủ, vào thuở đó, lẽ tự-nhiên, về xa-hoa, nghiêm lệ càng được tăng thêm hơn trước. Công cuộc khai-hoang, dinh-diễn phát-triển, quan-thuế cũng như sự đi chác các loại hồ-tiêu, vẩy cá, trăm hương, yến sào cho bọn khách buôn ngoại-quốc để lấy hàng-hóa, mang lại cho Nguyễn-phủ một nguồn lợi không nhỏ. Công-khố đã sung dật, các vật-liệu, tiện nghi cần thiết cho nếp sống vương-giã và triều-nghi lại được cung-cấp dồi dào hơn trước bởi đám Hoa-thương. Thủ-sản ngự-tiến từ các vùng xa đò về Kim-long, thực chẳng thiếu gì của ngon, vật lạ. Thuế lụa Quang-lãng ở Quảng-

85 86 87

— nt —

<sup>88</sup> Hải-ngoại ký-sự của Thích-Đại-Sán (trích bài thứ 19 trong 27 bài thơ "Khách trung khiên hứng" Tr.69.

nam đình, thuế vải trắng Thanh-hào ở Quảng-ngãi, thuế gấm ở Thuận-hóa, và các loại *châm kim đoan, hồng-phương ty, bạch-phương ty, hồng sò; bạch quyển hoa* lũng do các Cai-bạ Tàu dâng nộp vào các ngày chính-đán<sup>80</sup>, lễ lạc, hay do thương-thuyền Trung-quốc thường mang từ Hội-an tới, làm trội thêm vẻ hoa mỹ, thanh-lich, kiêu sa của lối phục-sức trong phủ Chúa. Thêm vào đó, còn có sự phục-vụ rất tận-tâm và đặc-lực—vào những dịp khánh-điều—của dân xã Minh-hương hay bọn khách buôn ở Thanh-hà-phố, vốn là những người rất thành-thạo, khéo tay về các công-tác thường được Nguyễn-phủ trao phó như trang-trì, trần thiết, xe đèn sắp, viết liên đối, bày biện cỗ bàn, yến tiệc v.v.<sup>90</sup>

Giữa cuộc đời “*đông dầy, phượng gáy*” ấy, chúa Nguyễn-Phước-Tần—hay vị thế-tử thanh niên anh-hùng, từng lập nhiều võ-công oanh-liệt, trên bộ cũng như dưới thuyền, lúc Thần-tôn còn tại thế—sau khi kế-thừa đại-nghiệp, có thể vì quá say sưa với cảnh vinh-quang chiến thắng vừa thu đạt, tưởng mình đã có quyền được nghỉ nhiều đến sự hưởng thụ các thú vui chơi hoan-lạc, nên đã có lúc nhắm mắt buông mình, đắm-đuối trong nguồn ma-lực của nữ-sắc, đến độ xao nhãng cả di-chí hưng-nghiệp của các Tiên-vương. Chuyện chẳng lành ấy hầu như đã xảy ra vào năm thứ tư đời Hiền-vương, Thái-tôn Hiếu-triết hoàng-đế (1648-1687), khi giữa đám ca-nhi trong Nguyễn-Phủ đột nhiên xuất-hiện một ngôi sao sáng chói. Nàng Thừa, hay ngôi sao ấy—một áng đào-kiềm trở-sinh ở đất Nghệ-an—vốn có một thứ điểm-sắc thanh qui, lộng-lẫy mười phân vẹn mười, và hào-quang của nó đã làm tái nhợt lu mờ tất cả mọi vẻ mỹ-tú của đám phi-tần dày công tô-diễm, trau luyện sắc, duyên quyến rũ. Cho nên Hiền-vương, một phen vừa giáp mặt và được thưởng-thức tài-nghệ, liền đem lòng sủng-ái. Thế rồi, tiếng đàn ngọt, giọng hát hay, phối hợp với cái mãnh-lực ma-túy của sóng khuynh-thành, đã lôi cuốn một vị chúa-chủ anh-hùng, minh-mẫn như Hiền-vương

<sup>80</sup> *Phủ-biên tạp-lục* quyển VI, Lê-Quý-Đôn (Bản điều-tra về công-nghệ, trích dẫn:—nt—).

<sup>90</sup> Xem “*Làng Minh-hương và phố Thanh-hà thuộc tỉnh Thừa-Thiên*”, Cs Trần-Kinh-Hòa (Công việc đình-thương thế-lệ nộp thuế và các công-vụ phải thừa-hành của Thanh-hà phố) Tr.107. Tạp-chí Đại-Học, số 21 tháng 7-1961.

vào giữa cái mịt-mờ của đám mê-vân sắc-dục.

Nhưng với cái vận-số đang lên, cái thế thăng-tiến đang phấn-phát, nghiệp lớn của họ Nguyễn vẫn còn mang sẵn những yếu-tố khả di giúp nó thoát vượt được những cạm bẫy làm đổ nát cơ đồ. Một tru-diễm rất may-mắn của các Chúa Nguyễn là, để đáp-ứng nhu-cầu nhân-sự cần-thiết cho công cuộc khai-quốc Nguyễn-phủ đã có một chủ-trương chiêu nạp hiền-tài sâu rộng, không hề câu nệ về đẳng-cấp, dòng-đôi, quốc-tịch, ngay trong đường lối tiến-cử, cũng như về đường khoa-cử, và, để bảo-chứng tinh-thần trọng-dụng kẻ hiền, đã tỏ ra rất hào-phóng về tước lộc, áo mũ, cân đai. Trong đám người phò-tá, vì thế không thiếu những hạng có tài kinh-luân, mà cũng không hiếm gì những hạng nghĩa-khí, trung-trực, có can-đảm nhẹ xem tính-mệnh để đóng vai “*tránh-thần*”, mỗi lúc xét ra cần-thiết. Một cụ-thần trong số đó—có thể là Chương-Dinh Nguyễn-cửu-Kiều—một hôm, đã thăng-thần tâu gởi những lời can gián, vạch rõ cái họa nữ-sắc nguy-hại cho vận-mệnh đại-nghiệp như thế nào, và khẩn-thiết yêu-cầu Thái-tôn phải xa lìa con đường sắc-dục, thu hồi tắc lòng sủng-ái từng dành cho ả can-nhi xứ Nghệ. Thái-tôn cả giận, và, trong một phút thiếu tự-chủ vì cơn lôi-đỉnh thịnh nộ, đã đập bàn, xẵng giọng phán bảo:

— Ta đã từng năm gai, ném mật để bảo-vệ cơ-đồ, đến nay giềng mối vững-vàng, trăm họ an-lạc, há ta chẳng có quyền được cung-dưỡng bằng cái vui thanh-sắc, yến-âm hay sao?

Tiếng nói của chính-khí đâu có chịu chùn bước trước cái uy sấm sét trên chín bệ cao:

— Cung-dưỡng bằng-ca-vũ, yến-diên, để thỏa cái thích tình của ngũ-quan không hẳn là điều kiêng-ky đối với quân-đạo. Nhưng quá buông lung theo sở-thích, mê đắm tửu-sắc đến độ lãng quên trọng-trách trị-quốc, an-dân, cớ kim chưa hề tránh được cái họa nghiêng đổ giềng mối. Vùng Thuận-Quảng này mặc dầu là nơi *hổ ngồi, rồng nằm*<sup>91</sup>, quân Trịnh mặc dầu vì thâm-bại phải tạm người ngoại tham vọng xâm tính, nhưng nếu vì đó mà kỹ-cương buông lỏng, pháp-

<sup>91</sup> Chỗ đất hiểm-yếu (*Long bàn hổ cứ*).

lệnh bỏ-bê, thì cái cơ suy-vong chẳng mời gọi cũng tự-nhiên tìm đến. Gương Oai-Mục-Đế và Trương-Dực-Đế đầu đã phai nhoà, mai một, Chúa-Thượng há sớm quên sao ?

Và, tiếng nói của Chính-khi đã gây được cái tác-dụng của một hồi chuông cảnh-tỉnh. Hình-ảnh cung điện dọc ngang trên trăm sở, đài cao đến chín tầng, hình-ảnh những chiếc long thuyền vàng son chói-lọi, dùng-đỉnh rẽ nước Tây-Hồ rạng tỏa gấm sen, với những kiều-nữ phô-diễn thân ngà, vóc ngọc lộ-liễu, trần-trướng, uốn lượn nét mềm thanh-tú theo nhịp mái chèo và ca nhạc, hình-ảnh một hôn-quân dâm-dăng bị phanh thây, xé xác trước họng thần-công, hình-ảnh một bạo-chúa, đắm đuối giữa bề truy-hoan, bị hạ-sát một cách thâm nhục tại Bích-câu và xác bị ném vào lửa đỏ, vụt nhiên hiện ra, sống động, trước mắt Thái-tôn. Những lời trung-ngôn chưa hẳn đã được vui tai, nhưng trong men nồng của rượu quý, trong cái mãnh-lực quyến rũ của thanh, sắc đã nghe có thoảng qua những gì khác lạ. Và, đêm hôm ấy, chẳng biết bàn tay hữu-y nào đã đặt trên án-thư một tập sử-tích "*Ngô-Vương*". Cáo thom lần dở trước đèn, Thái-tôn hốt-nhiên tỉnh-ngộ, và cuộc phản-tỉnh cam go, đau xót, đã đưa tới một quyết-định tàn-nhẫn, nào-nùng. Tựa cửa lầu khuya, hướng nhìn về phía núi Thạch-hàn xa-xăm, và sau những phút vô-biên trầm ngâm, tư lự, Thái-tôn thở dài nhưng cương-quyết :

— Chính kẻ đã dám can gián ta sẽ có đủ quyết-tâm để thi-hành ý-định của ta.

Sáng hôm sau, người đẹp được sủng-ái — nàng Thừa — thể theo mỹ-y của Thái-tôn, mang đến tận nhà vị Chương-dinh họ Nguyễn một bộ triều-phục mới tinh. Vui-vẻ tuân-hành mệnh-lệnh, con người đáng giá nghìn vàng ấy có biết đâu rằng : gót sen, một khi đã tiến về phía tư-thất của Chương-Dinh Nguyễn-Cửu-Kiều, là sẽ phải tiến thẳng vào thế-giới U-linh. Vì, hồi-đi, với bức mặt-thư mà Thái-tôn đã lồng vào tay áo của bộ triều-phục do nàng mang đến, Chương-dinh họ Nguyễn được ủy-thác cái nhiệm-vụ kết-liều đời nàng bằng một thanh gươm sắc bén.<sup>92</sup> Vụ hành-quyết âm-thảm, tàn nhẫn ấy đã xảy ra tại nơi nào

<sup>92</sup> *Liệt-truyện tiền-biên* IV, 3a — *Thực-lục tiền biên* IV, 4a (Trích-dẫn trong "*Les Européens qui ont vu le vieux Hué, le P. de Rhodes*". L. Cardière, des Missions étrangères de Paris B.A.V.H, p.231-249.

trong vùng Hương-Ngự ? Không có sử-văn ghi chép rõ-ràng. Nhưng trong lòng thuyền lạnh-lùng, cô-tịch, giữa cảnh sương mờ, trăng xế, trên mặt sông Hương, mỗi lúc nhắc lại câu chuyện phong-tinh cổ-lục, du-khách có thể như còn nghe oan-hồn của khách hồng-nhan, rú tóc sàu, ôm ngực huyết, khóc than đầu đó trên cồn Giả-viên hay bên cầu Bạch-hồ !

Cái họa nữ-sắc được chặn đứng kịp thời, Thái-tôn, vươn dậy từ chỗ hôn mê, sa ngã, càng tỏ ra xứng đáng hơn trước, trên cương-vị chân-chủ phương Nam.

Bảy năm hưu-chiến giữa Nam Bắc thay vì trôi qua trong cảnh an nghỉ, vui chơi, đã được Hiến-vương, sau cơn hồi-ngộ; khai-thác đủ mọi lợi-thế để chỉnh-dốn nội-trị, ngoại-an, và mở-mang bờ-cõi. Qua gần bốn chục năm trời tại vị, Thái-tôn quả đã đáp-ứng đúng kỳ-vọng của các đảng Tiên-vương, nhất là của Tiên-Chúa, từng đặt đề ở những người kế-thừa đại-nghiệp.

Trong Phủ Chúa, sự kiểm-ước được thay thế cho những phong thái xa hoa, lãng-phí. Các công-tác tu-trúc lâu dài, cung thất, cũng được hạn-chế đúng mức. Đề phòng-vệ biên-cương, *Cai-suất đại-viên* và binh đồn-trú được đặt thường xuyên tại Lưu-đồn-đạo hay Dinh Mười (Thập-Dinh)<sup>93</sup>, lũy Trấn-ninh và lũy Sa-phụ được xây đắp (1662). Công việc thao-luyện quân-sĩ, cải-tiến kỹ-thuật và tăng cường phương tiện chiến-đấu, trên bộ cũng như dưới thuyền, được xúc-tiến thường xuyên, trong tinh-thần nghiêm-chỉnh, khẩn-trương. Ở khắp các đồn trại hiểm-yếu, quân số được bổ-sung. Tại Quảng-bình, *Thủy-dinh Tham-tướng* Tôn-Thất-Tráng được mạng rèn thêm binh-khí, huấn-luyện si-tốt. Tại Thuận-hóa, núi đất ở bến đò Thanh-phước — đắp từ đời Thần-tôn — được xây 4 cao thêm ba chục thước và trang-bị đầy-dủ để thường xuyên tổ-chức các cuộc thi bắn cho quân-sĩ và các thủy-sư<sup>94</sup>. Mặc dầu đã nhiều phen chiến-thắng quân Ô-lan trên mặt bể cả — ngay từ thuở còn là Thế-tử — Thái-tôn vẫn không chủ-quan, khinh địch, trái lại, càng đặc-biệt chú-trọng về mặt chỉnh-bị chiến-thuyền

<sup>93</sup> *D.N.N.T.C.*, quyển 8, Tỉnh Quảng-bình (*Cổ-tích* : Dinh cũ Võ-xá, Tr.143.

<sup>94</sup> *D.N.N.T.C.*, Thừa-thiên-phủ (tập thượng), (*Tân-độ* : Bến đò Thanh-phước, Tr.107.

Vào năm 1674, tổng-số chiến-thuyền của Đàng Trong đã có tới 133 chiếc<sup>95</sup> với cái khả-năng cướp gió, vượt sóng nhằm lẹ "phi-thường, và cái khí-thể chiến đấu táo-bạo, dũng mãnh khiến cho địch quân thoát thấy bóng đã kinh-hồn khiếp vía.

Thay vì những cuộc hội hè, vui chơi do Nguyễn-phủ thường tổ chức rằm-rộ vào các dịp khánh-điền, nhân-dân Kim-long được vui xem, nhiều hơn trước, các cuộc thao-diễn của quân-sĩ, phi ngựa, bắn cung, múa kiếm của hàng công-tử vương tôn, những cuộc tập trận tại *Tập-trọng-trường* — hoạt-động nhộn-nhip hơn xưa — với số thị-tượng được tăng-gia hoặc bằng lối săn bắt, dụ dỗ từ rừng già về, hoặc do sự triều cống của các man và nước Chân-lạp.

Với ý-chí thiết thạch và tài trị-quốc, Thái-tôn còn được phò-tá bởi một đám bề tôi tận trung, thuộc hạng *luong đồng, can thành*<sup>96</sup>, đáng kể nhất trong số, như *Chiêu-Võ-hữu* Nguyễn-Hữu-Dật (từng được triệu-bổ Văn-chức từ năm mười sáu tuổi, dưới thời Hy-tôn) và *Quận-công* Nguyễn-Hữu-Tiến (vốn là Cai-đội dưới thời Hy-tôn), cả hai có công đánh bại Trịnh quân nhiều phen, xây đắp lũy Trấn-ninh, Sa-phu, và được người đương-thời xưng tụng là hai « *hổ-tướng* »; *Chương-dinh* Nguyễn-Cửu-Kiều, từng phá được thủy-binh họ Trịnh tại cửa bể Đan-nhai, triệu-phủ các hạt Kỳ-anh và Thạch-hà, được quân dân theo rất đông-đảo<sup>97</sup>, *Chương-phủ-trấn* Nguyễn-Dương-Hữu có công đánh dẹp Chân-lạp; *Chương-cơ* Nguyễn-Đức-Bảo, Trấn thủ Quảng-nam, từng được Thái-tôn hạ *tỉ-thư* khen ngợi về cái đức thân-dân, đồng thời ban thưởng cho *kiệu đen, âu đồng*<sup>98</sup>. Và nhất là

<sup>95</sup> *Le Việt-nam, Histoire et Civilisation* par Lê-Thánh-Khôi (Sécession du Nord et du Sud) P.244-251.

<sup>96</sup> *Luong đồng, can thành*: chỉ hạng có tài năng giúp việc quốc-gia, cần thiết cho nước nhà như ruộng nhà, như đôn đốc, và hạng tướng gấn giữ được việc nước vững-vàng như cái mộc đỡ binh, cái thành chống giặc.

<sup>97</sup> Đ.N.N.T.C. Tỉnh Thanh-hóa (tập họ), Á-nam Trần-tuấn-Khải phiên dịch (*Nhân-vật bản-triều*: Nguyễn-cửu-Kiều. Tr.128.

<sup>98</sup> Đ.N.N.T.C. Thừa-thiên-phủ (tập họ) Tu-trai Nguyễn-Tạo phiên dịch (*B.Nhân-vật bản-triều*: Nguyễn-đức-Bảo, tập số 11, 1961.Tr.36.).

Chương-cơ Tôn-thất-Hiệp, con thứ tư của Thái-tôn, mới hai-mươi tuổi, đã lãnh mệnh Nguyễn-soái, đóng quân ở Cư-hà, chống cự anh-dũng quân-Trịnh xâm lăng, chiếm phần toàn-thắng.<sup>99</sup>

Chính vì những yếu-tố trên đây, mà về thời Thái-tôn, sử-văn đã ghi nhận được rất nhiều thắng-lợi của họ Nguyễn trong cuộc Nam-Bắc phân-tranh, cũng như về mặt nói rộng bờ cõi, bành-trướng thế-lực xa lẫn về Nam.

Năm Ất-vị (1655) — sau bảy năm hưu-chiến — nhân cơ Trịnh-quân xâm lấn Nam Bộ-chính, Thái-tôn liền từ thế thủ xưa nay, đột khởi thế công. *Tiết-chế* Nguyễn-Hữu-Tiến và *Độc-chiến* Nguyễn-Hữu-Dật, một phen vượt sông Linh-giang, với cái mãnh-lực đập thành nhũ núi của đoàn-quân Bắc-phạt, đã thực-hiện được cái chí *thành tiền mong tiến bề rồng*. Cả bảy huyện ở Nghệ-an, nằm về phía nam sông Cả, lọt trọn vào tay Chúa Nguyễn<sup>100</sup>. Mặc dầu về sau, vì sự bất hòa giữa các tướng Nguyễn, Trịnh-Cán lại có cơ giành được ưu-thế, thắng được nhiều trận, bảy huyện qui-hoàn chủ cũ<sup>101</sup>. Nhưng cũng bắt đầu từ đây, quân Trịnh phải lần-lượt rước hết thảm-bại này đến thảm-bại khác, qua các cuộc Nam Phạt do Trịnh-Tạc chỉ-huy. Với cuộc Nam-phạt vào năm 1661, Trịnh-Tạc và vua Lê Thần-tông, vì cái mưu cố-thủ thành-tri kéo dài ngày tháng, để đánh úp vào một đêm bất ngờ của Nguyễn-Hữu-Dật, đã phải đại-bại, kéo vội tàn quân sang sông, ôm hận quay về phương Bắc.

Nhưng về-vang và quan-trọng hơn nữa là chiến-thắng năm 1672. Cũng như Trịnh-Tráng trong cuộc Nam-phạt năm Mậu-tí (1648) trước kia, Trịnh-Tạc và vua Lê Gia-tông lần này, khi vượt qua Linh-giang, vây bức được lũy Trấn-ninh, lấp bằng được hào rãnh, những tường đá nằm chắc được phần thắng trong tay, diệt trừ được hiểm-họa họ Nguyễn, nhưng rồi, với cái tài điều-khiển và hiệu-lệnh

<sup>99</sup> Đ.N.N.T.C. Thừa-thiên phủ (tập họ), *Tôn-thất bản-triều*: Tôn-thất-Hiệp.Tr.18).

<sup>100</sup> Xem *Việt-nam Sử-lược* của Lê-thần Trần-trọng-Kim (*Sự chiến tranh*: đánh nhau lần thứ năm) Tr.298,299. Tân-việt xuất bản (in lần thứ năm). Bảy huyện là: Kỳ-hoa, Thạch-hà, Thiên-lộc, Nghi-Xuân La-sơn, Hương-sơn và Thanh-chương.

<sup>101</sup> *Le Việt nam. Histoire et Civilisation* par Lê-Thánh-Khôi (Sécession du Nord et du Sud) P.244 251.

nghiệm-mình của Nguyên-súy Tôn-thất-Hiệp, tinh-thần quyết chiến, quyết thắng của các tướng tá, binh-sĩ, quân Trịnh lại thêm một lần đại bại, Trịnh-Tạc và vua Gia-tông đành phải rút lui<sup>102</sup>. Khói lửa của cuộc Nam-Bắc phân-tranh được dập tắt kể từ ngày ấy, và được thay thế bởi một cuộc hữu-chiến, kéo dài trên trăm năm, tạo thêm rất nhiều lợi-thế cho sự phát-triển, củng cố Đại-nghiệp của họ Nguyễn-Phước ở phương Nam.

Kim-Long lại được khoác áo hoa gấm, mở hội liên-hoan để đón tiếp đoàn quân chiến-thắng. Thái-tôn còn muốn đi xa hơn, trong việc chào mừng một thắng-lợi đưa tới cho Đại-nghiệp cái vận-hội long-hưng, Quang-cảnh khải-hoàn, vì thế càng tưng-bừng, long-trọng hơn mọi lần trước, với lễ-tế Trời Đất và lễ Hiến-phu tại Tôn-miếu. Đồng-thời, các lò ở xóm Phường-Đức, theo lệnh Nguyễn-phủ, hoạt động rộn-rịp ngày đêm. Bao nhiêu tay thợ lành nghề, từng học hỏi, trau luyện thuật đúc súng với người xứ Bồ, được huy động để trở tài nghệ qua một công-tác đặc-biệt nhằm kỷ-niệm ngày chiến-thắng, vinh-quang. Những chiếc vạc đồng to lớn, tượng trưng cho uy-quyền và sự bền vững của Đại-nghiệp họ Nguyễn bắt đầu xuất-hiện,<sup>103</sup>

Không những chân đưng được tham-vọng năm-tính của họ Trịnh ở mặt Bắc, Nguyễn-Phủ, dưới thời Thái-tôn, còn gây được thế-lực sâu rộng trên lãnh thổ Chiêm-thành, Chân-lạp, đề ngay những lưu-dân Việt-nam, sống xen lẫn với dân Miên, mở mang đất ruộng, tại những vùng xa xôi như hai xứ Mối-xui (tức huyện Phúc-chánh, tỉnh Biên-hòa sau này) và Đon-nai (tức Biên-hòa), ở địa-đầu Gia-định, cũng được thờ-dân hương nê, không dám tranh trở, nhường lãnh đi nơi khác vì sợ oai-đức của Triều-định<sup>104</sup>. Bờ cõi được nói rộng trên lãnh-thổ Chiêm-

<sup>102</sup> Việt nam sử lược Lê thần Trần-Trọng-Kim (Sự chiến tranh : đánh nhau lần thứ bảy) Tr. 303, 304.

<sup>103</sup> Le Việt nam, Histoire et Civilisation par Lê-Thánh-Khôi (L'Art eux XVIIIème et XVIIIème siècles) P. 83.

<sup>104</sup> Theo Gia-định thông-chí, Cương-vực-chí, mục Phiên-an trấn (trích dẫn trong phần chú thích "Thành trì chí của Trịnh-Hoài-Đức", GS. Trần Kinh Hòa, Tạp chí Đại học số 24, tháng 12-1961. Tr 54.

thành, với sự thành-lập dinh Thái-khang và Phủ Diên-khánh (tức Khánh-hòa), vào năm 1653, sau khi đàn-áp cuộc quật-khởi của vua Bà Thâm<sup>105</sup>. Về phía Chân-lạp vùng Gia-định ao chuôm rừng rú được bắt đầu khai-thác, với sự xây cất đồn dinh, tại chợ Diêu-khiển hiện nay, và đặt dinh Phiên-trấn ở gần ấp Tân-thuận, cho dân được trưng chiếm đất dư chung quanh để lập làng mạc, chợ phố<sup>106</sup>.

Trong cái thế hưng thịnh của họ Nguyễn, dưới thời Hiếu-Triết hoàng-đế, Thiên-mụ-tự, lễ tất-nhiên không những chỉ được chứng kiến mà còn được chia sẻ cái vinh-dự thăng-hoa.

Với cảnh phồn-vinh của Kim-long và ảnh-hưởng Phật-giáo về thời đó, Thiên-mụ-tự chắc hẳn là một cửa thiên-quan rạng tỏa bóng xuân. Đền sập, hương khói, các đồ tự-khi bằng đồng do các thương-thuyền Trung-Quốc du-nhập và qua sự ứng-dường của khách thập-phương đông-dào, đã làm tôn-trưởng vẻ trang-nghiêm, tráng-lệ của nơi cung Thiên, Phật tọa. Nhưng cũng chính vì cái cơ-duyên phát-triển này của mây lành, mưa pháp, mà Thiên-mụ-tự, xét về cơ-cấu và lối kiến-trúc đơn giản lúc đầu, quả không xứng đáng chút nào với cái phong-thê ngày càng trọng-vọng nhất là sau trên nửa thế-kỷ phải chịu đựng sự thử-thách của phong-sương.

Người lưu-ý đến diêm này trước hết phải là Thái-tôn, vì chân-chủ đã sẵn có lòng sùng mộ Đạo-pháp, lại từng thoát vượt được cạm bẫy của lòng mê dục, tránh khỏi cái họa nghiêng đổ giềng mối. Có thể mỗi lúc nghĩ đến sự may-mắn lớn lao này cho cơ-đồ, cũng như cái vận long-hưng, Thái-tôn hẳn phải liên-tưởng tới mối liên-hệ huyền-nhiệm, kỳ bí giữa dòng họ mình với câu chuyện "trich-tiên" và "long-mạch" ở gò Hà-kê. Cho nên, cũng dưới thời Thái-tôn, cùng vào một năm mà tại Bình-định, ngôi chùa Thập-Tháp (Amitábha) được xây cất tại phủ Quy-ninh, do ý-nguyện của

<sup>105</sup> Le Việt-nam, Histoire et Civilisation, par Lê-Thánh-Khôi (La Poussée vers le Sud), P. 265.

<sup>106</sup> Thành-trì-chí của Trịnh-Hoài-Đức, do GS. Trần Kinh-Hòa dịch-thuyết (Gia-định thông-chí, thính-trị chí chú thích) Tạp chí Đại học số 24 tháng 12, 1961, Tr. 36.



một nhà sư Trung-quốc, Tạ-Nguyên-Thiều, đồ đệ của Khoáng-viên hòa-thượng, từ Quảng-dông vượt bể qua Đại-Việt, mở đường giác ngộ<sup>107</sup> thì ở Kim-long, công-tác tu-trúc Thiên-mụ-tự được tiến-hành vào tháng bảy năm thứ mười bảy đời Hiền-vương, tức năm 1665<sup>108</sup>.

Dự hưởng sự hưng thịnh của đại-nghiệp họ Nguyễn dưới thời Thái-tôn, Thiên-mụ-tự, với cái qui mô lớn-lao hơn trước cùng về lộng-lấy vàng son do công-trình tu-trúc lần này mang lại, càng được tôn-trưởng thêm phong độ và có đủ tư-thế hơn để lưu-ý khách thập-phương về cái kỳ tích phát-nguyên đã dành cho nó sự đãi-ngộ hậu hi của dòng họ chân-chủ qua cái cảm-tưởng:

*Trích-tiên chuyện cũ truyền Thiên-mụ*

*Hồn mộng mơ-màng trở lại đây*<sup>109</sup>

Và cũng từ ngày ấy, cơ-duyên phát-triển của ngôi cổ-tự ngày thêm tăng-tiến theo với cái đà hưng-khởi của họ Nguyễn, đề sau non nửa thế kỷ, càng trở nên huy-hoàng lộng-lấy hơn, với công-trình bồi đắp của Chúa Nguyễn-Phước-Châu, tức Hiền-tôn Hiếu-Minh hoàng-đế.

<sup>107</sup> Đại-Nam liệt-truyện tiền biên quyển 6 (Trích dẫn trong phần khảo cứu của Gs. Trần Kinh-Hoà về quyền Hải-ngoại ký-sự: III - Cuộc dự hành Quảng-nam của Thích-Đại-Sán) Tr.257, Viện Đại-học Huế xuất bản 1965.

<sup>108</sup> Đại-nam thực lục tiền biên (Trích dẫn trong "La Pagode Thiên-Mẫu: historique), par A.Bonhomme, B.A.V.H. 1915. Pages 251-286.

<sup>109</sup> Trích bài thơ vịnh chùa Thiên mụ của Thích Đại-Sán, Hải ngoại ký sự, quyển III, Tr.200.

PHẠM-VĂN-SƠN

## SỞ-TRƯỜNG VÀ SỞ-ĐOÁN CỦA NGUYỄN-HUỆ, NGƯỜI ANH HÙNG XUÂN KỶ-DẬU (1789)

Mỗi danh-nhân thế-giới và lịch-sử thường có những cá-tính đặc biệt để người đời có thể nhìn vào đó mà biết được sự-nghiệp và tương-lai của họ ngay khi họ mới đi bước đầu vào chánh-trường. Trong truyện Vương-thúy-Kiều của Nguyễn-Du ta thấy trong cuộc tiếp xúc giữa Từ-Hải và nàng Kiều, Từ-Hải đã khen Kiều có cặp mắt xanh qua câu:

"... Anh hùng đoán giữa trần ai mới già!"

sau khi Kiều nói Từ-Hải sẽ có những ngày rất huy-hoàng, vua biết mặt chúa biết tên, sự quý hiển hết sức lớn lao — Và lời nói của nàng cũng rất tế-nhị bởi đã diễn tả ý trên một cách gián tiếp nhưng khéo léo vô cùng:

*Thưa rằng lượng cả bao dong*

*Tấn-dương được thấy mây rồng có phen.*

*Rộng thương có nội hoa hèn*

*Tấm thân bèo bọt dám phiền mai sau...*

và quả nhiên chỉ nằm sau với cái tài khuấy nước trọc trời của người anh hùng họ Từ, chánh quyền đời Gia-Tĩnh đã phải bối-rối lao đao vì Từ đã đánh phá được nhiều Thị-trần của miền Nam Trung-Quốc, gây cho triều Minh nhiều cuộc kinh-hoàng.

"... Trương phu thoát đã động lòng bốn phương"

Như vậy Kiều đoán trước thân thế của Từ sớm có ngày rục rở và sự việc đã thực hiện rất đúng, như thế nàng là kẻ có mắt tinh đời vậy. Nếu Từ đã thành-chúa tể bốn phương mà nói thì có khác đâu là khen phò-mã tốt áo.

[Tập XVII, số 2, Tháng II, 1968]

Tào-Tháo cùng Lưu-Bị một hôm ngồi luận anh hùng và thời thế, Tào nhìn thẳng vào mặt Lưu-bào: "Anh hùng trong thiên hạ ngày nay chỉ có tôi với sứ quân..." Lưu-Bị hoảng hốt vì thấy Tào đã "đi guốc được vào bụng mình" nhân có tiếng sét nổ vội giả dò sợ hãi bụng tai tỏ ra ta hèn nhất lắm. Tào-Tháo cười biết mách lới của Lưu-bào y đã hơn ai hết thấu đáo triết đề các sự đồ vi đại của Lưu. Y cười bởi Lưu cố tình che mắt hân, trong khi tia mắt của y đã chiếu thẳng vào tin đen của Lưu.

Dưới đời chúa Duệ-Tôn ở Nam-Hà cuối thế kỷ 18, ông Giáo Hiến là thầy dạy cả văn lẫn võ cho ba anh em Tây-Son: Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Lữ và Nguyễn-Huệ. Ông cũng nhận thấy anh em Nhạc sau này sẽ đóng những vai trò quan trọng trên đất nước. Lúc đó ông sống một cách ẩn dật lòng đầy căm hận bởi tuổi đã già không giúp ích được cho xứ sở trong khi quyền thần Trương-Phúc-Loan là cậu vua đang thao túng chính quyền, vơ vét của dân và của nhà nước cho đầy túi tham không đáy của hân, bắt kè công luận và không hề cúi lòng trước cảnh đời khổ lầm than của nhân dân. Bạn thân của ông là Trương-Văn-Hạnh làm quan tại triều vì chống lại chế độ mục nát của Trương mà bị Trương hãm hại. Ông Giáo Hiến do sợ cái nạn cháy thành và lấy vợ bỏ kinh-thành Thuận-Hóa mà đi. Ông về Bình-Thuận gõ đầu trẻ trong một thôn ấp hẻo lánh kẻ đất Tây-Son, do đó đã có dịp thấu anh em Nguyễn-Nhạc làm môn đệ. Ông thấy Nhạc, Lữ, Huệ khác người nên khi tiếng nhỏ, khi tiếng to mang thời sự ra dẫn giải và khích động óc cương cường của ba anh em Nhạc. Theo ông, chính sự Nam-hà mục nát quá rồi, sớm muộn phải đi đến chỗ sụp đổ, những kẻ có tài, có chí sẽ có cơ hội lập công danh và cứu vớt nhân dân. Rồi ông khích lệ Nhạc, Lữ, Huệ rằng thời cơ đã tới và họ có thể đảm đương được vận mệnh và tương lai của đất nước. Ông còn bịa ra lời sấm "Tây khởi nghĩa, Bắc thu công", nghĩa là đất Tây-Son sẽ có người khởi nghĩa rồi sẽ thành-công cả ra ngoài Bắc-Hà. Ông tiêu di thêm rằng ở ấp Tây-Son còn ai hơn bọn Nhạc, Huệ. Lời sấm này có mãnh lực thúc đẩy anh em Nguyễn-Nhạc đi đến chỗ quyết-định. Họ coi lời thầy Hiến còn là một lời tiên tri nữa rồi họ hăng hái bước chân lên trường tranh-đấu vào những năm sau.

Nói chớ đúng ba anh em Nguyễn-Nhạc cũng phải là những người có chí khi

hiên ngang, có óc hùng cường mới được thầy Hiến lựa chọn để ra tranh tài với thiên hạ và quả sau này họ đã làm được những sự nghiệp lẫy lừng lấy sử xanh thì ta phải khen Giáo Hiến có con mắt xanh như Kiều đã nhìn vào Từ-Hải dưới đời Gia-Tĩnh.

Trong ba anh em ông Nhạc, Lữ, Huệ mỗi người đều có những sở trường sở đoản khác nhau nhưng trong một giai đoạn lịch sử nào đó, họ đã tỏ đủ tài đánh đổ một chính quyền thời nát, đóng một vai trò lịch-sử hiển hách và đưa lịch-sử Việt-Nam sang một khúc quanh. Rồi như ta thấy, 30 năm sau (1771-1802) anh em nhà Tây-Son quả đã làm biến chuyển thời thế từ Nam ra Bắc chớ đâu họ chỉ đánh gục bọn Trương-Phúc-Loan ở cái việc "gian-nhân hiệp đảng" mà thôi trong phạm vi xứ Nam-Hà bấy giờ gồm giải đất phía Bắc giáp Đồng-Hới, phía Nam giáp Diên-Khánh, Bình-Thuận.

Nhạc là con người có mưu trí nhưng không có nhiều kỳ-vọng. Mỗi ngày một lớn tuổi, đầu óc ông cũng mòn mỏi dần rồi thiên về cầu an hưởng lạc nên chỉ khư khư đóng vai Hoàng-Đế trong cái Đế-quốc nhỏ xíu Qui-Nhon của ông mà thôi. Người ta gọi ông là "Tây-Vương" tuy ông tự xưng là "Trung-Uông Hoàng-Đế".

Nguyễn-Lữ còn thua sút hơn về tinh-thần đấu tranh. Ông ít thiết-tha đến việc quân sự mà chỉ nghiêng về tôn giáo (Phật-Giáo). Ông được người ta quý trọng như là một giáo-chủ và ông đã có nhiều ảnh hưởng đến dân chúng Miền-Nam Trung-Việt và miền Thượng Vùng An-Khê, Phú-Phong về phương diện này nên khi anh em ông khởi nghĩa, riêng ông Lữ cũng đã quy tụ được khá nhiều đồng bào dưới lá cờ đào bay trước nhất ở triền núi An-Khê. Năm 1784, Tây-Son bắt giết được Duệ-Tôn và đuổi được Nguyễn-Ánh, thu phục được toàn cõi Việt-Nam, ông lãnh tước Đông-Định Vương nhưng bởi ông lơ là với chánh sự, năm sau Nguyễn-Ánh quật khởi ở Gia-Định Tổng-Đốc Chu-Tư-Khấu-Uy của Tây-Son bị thua. Ông liền kéo hết quân đội về Trung-Việt chẳng để lại dư âm nào nữa từ đó.

Đến người thứ ba trong gia-đình Tây-Son là Nguyễn-Huệ, chúng ta thấy là cả một pho lịch sử đầy chuyện lạ nhiều tình tiết ly-kỳ. Ngày nay chúng

ta thường nhắc tới ông một cách hào hùng.

Quả vậy, Huệ có một cuộc đời rất đặc biệt, một chí-hướng trùm trời, ít hào kiệt cỡ-kim như ông ở nước nhà. Xét về tài ba ông cũng vượt thế nhân nhiều lắm. Tuy nhiên người anh hùng Nguyễn-Huệ của chúng ta có nhiều sở trường thì cũng có nhiều sở đoản như bao nhiêu danh nhân khác, đó là một thông lệ xưa và nay.

Chúng tôi hãy mời bạn đọc cùng chúng tôi phân tách các sở trường, sở đoản của Nguyễn-Huệ nó đã ảnh hưởng đến hành-động của ông và đến thời cuộc của đất nước trong suốt cuộc đời ông thế nào để rồi có thể khen ngợi ông Giáo Hiến đã có con mắt xét người rất tinh khi vị hào kiệt của chúng ta còn ở trong vòng trứng nước.

### 1. Huệ, con người có chí lớn.

Làm được sự nghiệp vĩ-đại tất nhiên phải có tài lớn, nhưng tài lớn vẫn phải kèm theo chí lớn. Nguyễn-Huệ vào đời từ 1771 là năm đầu tiên anh em Tây-Sơn phát cờ giải phóng đồng bào Nam-Hà khỏi ách tham tàn của Trương-Phúc-Loan. Lúc này ông vào khoảng trên 20 tuổi và vài năm sau ngôi sao của ông sáng chói dần, rồi chỉ mười năm kế tiếp nữa ông đã thành giương cột cho tân triều-đại. Trong nước cũng như ngoài nước, nói đến nhà Tây-Sơn người ta hầu chỉ biết có ông mà thôi, nhất là Nguyễn-Ánh chỉ có lùi bước co giò trước lá cờ tướng của Huệ. Vào giai đoạn này Huệ vừa bị giàng buộc vào việc đánh chiếm miền Bắc, lại vẫn phải lui tới vào miền Nam, trong lúc ông Nhạc mệt mỏi chỉ biết có vui thú với cái triều đình của ông, đã không nghĩ đến bành trướng ra Bắc là đất của em mà cũng không muốn tiến vào Nam là nơi bọn quốc thù Nguyễn-Ánh đang hoạt động ráo riết, rồi ta thấy Huệ ba phen mang quân và cho quân ra Thăng-Long diệt họ Trịnh (1786) đuổi quân Thanh và mấy lần vào Gia-Định truy kích con cháu Nguyễn-Hoàng khiến từ đó 1784, toàn cõi Nam-Việt đã về tay ông sau khi ông tiêu diệt được trên 20.000 quân xâm lược Xiêm-La mà họ Nguyễn cống về rất đáng kể là tai hại và nguy hiểm. Trong đầu óc của ông lúc bấy giờ đã có vấn đề thống nhất xứ sở mặc dầu ở khoảng giữa của xứ sở có cái đế-quốc của anh ông là Trung-Uông Hoàng-Đế Nguyễn-Nhạc. Quả vậy, năm

1786 trên thực tế nước Việt-Nam đã hoàn toàn thuộc ảnh hưởng của triều đại Tây-Sơn tức là nước Việt-Nam đã thống nhất vì thế trong tờ chiếu lên ngôi, Nguyễn-Huệ đã chính thức tuyên bố: "vài ngàn dặm đất ở cõi Nam đều thuộc về ta hết" (Hàn các anh hoa).

Chí lớn của ông còn nhằm sang lãnh vực khác: cải cách thuế khóa, mở mang công thương nghiệp, khuyến khích việc buôn bán với nước ngoài, điều mà các tiền chúa họ Nguyễn rất kiêng kỵ vì ích kỷ. Đáng chú ý là ông có chủ trương làm sống lại giới bần nông mà đa số không có ruộng đất, từ đời ông đến đời cha, đời con chỉ đi làm tá-điền hay nông nô cho địa-chủ và là nạn-nhân thường trực của bọn phú-nông chuyên bóc lột người nghèo bằng nghề cho vay nặng lãi. Nguyễn-Huệ đã kêu gọi những kẻ tha phương cầu thực siêu bạt vì chiến-tranh trở lại làng cũ. Ông chia cho họ những ruộng đất ông trấu hữu của bọn quan-liêu, địa chủ bất lương từ các thời trước theo chính sách người cấy có ruộng và ông chấm dứt cái tình trạng thủ đắc bất hợp pháp cả về công điền, công-thổ nữa.

Các việc mở mang trong nông, công, thương nghiệp kể trên của Nguyễn-Huệ đủ nói lên rằng ông đã có ý xây dựng cho nước Việt-Nam một nền kinh-tế thuận chiều với quyền lợi của đại chúng. Nền kinh-tế này ít tính chất phong kiến hơn dưới triều Trịnh, Nguyễn mặc dầu còn nằm trong phạm-trù của một chế độ phong kiến. Nó tiến bộ hơn nền kinh-tế đời Lê, Trịnh, Nguyễn bởi nó hướng rõ rệt về dân nghèo, nó mở ra nhiều sinh lộ cho các lớp người xấu số, nó hạn chế những quyền lợi bất chính của bọn quan liêu, hào phú trên nguyên tắc cũng như trên thực tế.

Đối với tầng đồ, ông đặt ra việc sát hạch theo lệ chỉ những người thật tâm đạo đức và có hiểu biết rõ ràng giáo-lý mới đủ tư cách thờ Phật và truyền đạo, ngược lại những kẻ trốn việc quan đi ở chùa hoặc mượn cửa thiền làm chuyện mờ ám hoặc ăn bơ làm biếng phải hoàn tục. Cùng với sáng kiến này, ông cho phá bỏ các chùa nhỏ, tập trung gạch ngói làm chùa lớn ở phủ hay ở huyện không ngoài mục đích ngăn ngừa các việc lạm dụng hủn đã xảy ra rất nhiều đời bấy giờ, đồng thời lãnh-mạnh-hóa Phật-giáo, mà cũng như quốc dân, ông coi là quốc giáo. Với các giáo-sĩ Tây-Phương ông cũng đề cho tự do truyền giáo, xây dựng nhà

thờ và còn trừng trị những kẻ gây kỳ thị. Chính Giáo-Sĩ Diégo Jumlila đã hết lời ca ngợi chúa Tây-Sơn (Nguyễn-Huệ) về điểm này và tỏ lòng biết ơn. Có nên nói rằng việc cho các Giáo-sĩ Tây-Phương tự do truyền bá đạo thiên-chúa đã đủ tỏ ra Nguyễn-Huệ có tinh thần khoáng đạt gần như táo bạo? Sự thực sau ông đã có cả một khối dân tộc nhiệt liệt ủng hộ ông thì ông sợ gì?

Ông còn cho chúng ta thấy tinh thần độc lập của ông ở sự cải cách học thuật bằng việc đặc dụng chữ Nôm trong các chiếu, chỉ, văn thư, từ lệnh tại các nha môn cũng như ngoài quân chúng. Ông cho dịch Tứ thư, Ngũ-Kinh ra tiếng nôm để phổ biến luân-lý đạo-đức, văn-hóa cho nhân dân được học hỏi dễ dàng và việc này được phải mở nhiều trường học xuống tới các cấp xã thôn. Những đời vua chúa trước đây đã nghĩ đến việc đại chúng hoá giáo-dục, như thế cái ước mơ của Nguyễn-Huệ rõ ràng không có lần quần chúng quanh cái ngai vàng. Trong cuộc đời chính-trị của ông tương đối chẳng dài bởi chỉ có mười lăm năm, lại nay đánh Đông mai dẹp Bắc, mà ông vẫn lo thực hiện chương trình, hoài bão gây dựng một nước Việt-Nam tiến bộ mau, một nước Việt-Nam giàu, bình hùng tướng mạnh và có cả một sự tăng tiến về văn-hóa học-thuật, thật đáng phục lắm thay.

Còn rau áo vải, học hành ít ỏi mà có những sáng kiến sáng suốt về thời vụ như vậy, hỏi những ngài khoa bảng, quý tộc trăm anh nghĩ thế nào về Nguyễn-Huệ?

## 2. Huệ đối với nhân tài.

Cuối thế kỷ XVIII tầng lớp nho giả Việt-Nam bị cột chặt vào chủ-nghĩa trung-quân ái quốc một cách thiên cận, cổ chấp do đó họ chỉ biết nhìn vào một dòng họ, một ông vua — Điền hành là Nguyễn-Đặng-Trường ở Đàng trong, Trần-công Sán, Phạm-Thái ở Đàng ngoài. Họ u mê tới mức chỉ biết có vua chúa mà không biết có nhân-dân. Họ có thể hy-sinh cả cho những ông vua hôn ám, ích kỷ, đi ngược với quyền lợi của nhân dân, khiến trong một thời gian khá dài họ đã bất cộng tác với ông và đã gán cho Tây-Sơn là một nguy-triều, họ còn chiêu mộ "nghĩa binh" để chống lại nữa. Thậm chí đến cả Nguyễn-Thiếp là một tột đỉnh trí thức đời bấy giờ được ông cho mang vàng bạc và có lần thân đến núi Thiên-Nhân tha-thiết mời ra giúp nước cũng kháng không từ chối. Chỉ

tới năm 1789, Lê-Chiều-Thống đã lộ ra bộ mặt ngu đại công rắn cắn gà nhà, Nguyễn-Thiếp mới chịu xuống núi nhận chức Sùng chính viện Viện-Trưởng của Nguyễn-Huệ.

Nhưng một loại kẻ sĩ khác là các ông Ngô-thời-Nhiệm, Trần-văn-Kỳ, Phan-huy-Ích, Nguyễn-huy-Lượng v.. v.. khoáng đạt hơn nên ông đã trọng dụng họ đến mức tối đa và họ đã không phụ lòng tri kỷ.

Trần-văn-Kỳ là một danh sĩ ở Thanh-Hóa theo Nguyễn-Huệ từ năm ông đánh Phú-Xuân (1786) và được Nguyễn-Huệ dùng vào địa vị một Tham-Mưu-Trưởng, một Cố-Vấn. Rồi nguru tầm nguru, mã tầm mã, Kỳ đã giới thiệu Ngô-thời-Nhiệm cho Nguyễn-Huệ sau khi Nhiệm bị tiếng dèm pha phải trốn tránh hơn 6 năm và còn bị Võ-Văn-Uớc hãm hại.

Nguyễn-Huệ phong Nhiệm là Tả-thị-lang Bộ Lại Tước tinh phái hầu để xứng với tài học uyên bác và thực thời vụ. Sau này quân Thanh tràn sang Việt-Nam, chính Ngô-Thời-Nhiệm đã khuyên Ngô-văn-Sở rút thủy bộ chư quân về dãy Tam-Điệp theo kế-hoạch bảo toàn lực lượng trong khi chờ đợi đại quân. Kế này được Nguyễn Huệ khen ngợi là rất khôn ngoan. Tới khi chiến tranh chấm dứt giữa hai dân tộc Việt-Thanh, Ngô được giữ các việc ngoại giao, từ lệnh rất khéo léo, khi cứng khi mềm khiến đối phương phải kính nể nước ta.

Ngoài đám nho thần kẻ trên, Nguyễn-Huệ còn đào tạo ra một số nhân tài quân sự như Ngô-văn-Sở, Trần-quang-Diệu, Bùi-thị-Xuân, Nguyễn-văn-Tuyết, Phan-văn-Lân, Đô-Độc Bảo, Đô-Độc Miru, Đô-Độc Lộc v..v..các người này đã có nhiều công hiến cho sự nghiệp của nghĩa quân Tây-Sơn và đã lập được nhiều chiến tích huy hoàng nhất là trong trận đuổi Thanh đầu tháng giêng năm Kỷ-dậu (1789).

Đặc biệt hơn nữa là Nguyễn-Huệ được kể là ông vua đầu tiên trong lịch sử Việt-Nam dám dùng phụ nữ làm tướng và vị nữ tướng Bùi-Thị-Xuân của ông đã tỏ ra có nhiều tài năng, quả cảm. Một thời "quân của bà Thiệu-Phó" (tức Bùi-Thị) từng làm quân Nguyễn nhiều phen bờ vĩa, kinh hồn. Năm 1804 nhà Tây-Sơn đến lúc tàn, ưu thế quân sự đã nghiêng hẳn về phía Nguyễn-Ánh mà Bùi-thị-Xuân cùng chồng còn chiến đấu đến phút cuối cùng. Bà cùng Trần-Quang-Diệu đem 5000 quân công phá dữ dội đồn Đầu-Mậu suýt chuyển thế bại ra thế

thắng và đã làm cho Nguyễn quân tồn thất lớn.

Tóm lại do Nguyễn-Huệ biết dụng người, biết hậu đãi nhân tài nên các tướng lĩnh và quan lại của ông đã tận tụy với ông cho tới ngày chót của triều đại.

### 3. Nguyễn-Huệ tự tín, tự cường.

Trong trận đánh quân Thanh cuối năm Mậu-Thân qua đầu năm Kỷ-dậu (1789) đứng trên đèo Tam-Điệp ông tuyên bố trước ba quân "Nay ta đến đây, tự đốc việc quân, đánh giặc đã có kế, chỉ trong 10 ngày thế nào ta cũng quét sạch giặc Thanh". Rồi chưa đến 10 ngày ông đã cùng tướng sĩ vào được thành Thăng-Long mở tiệc khánh hạ và giặc Thanh đã bị tan vỡ toi bời.

Trước đó Nguyễn-Hữu-Chỉnh và Võ-Văn-Nhậm là hai tay kiệt-hiệt có hàng vạn tinh binh dưới quyền, khi ông muốn triệt hạ, ông đã giết họ dễ dàng như trở bàn tay, những việc này làm cho tướng sĩ của ông tin tưởng vào ông như tin thần thánh, nghĩa là ông nói được là làm được....

Nguyễn-Huệ lại có tinh thần dân tộc rất cao : Có lần ông nói ở Nghệ-An : " Trong vòng trời đất chia theo phận sao Dực, sao Chần, Nam, Bắc vẫn riêng một non sông... Từ-Hán về sau, họ cướp đất đai ta, cá thịt nhân dân ta, vợ vét của cải, nông nổi ấy thật là khó chịu. Người nước ai cũng phải nghi đánh đuổi chúng đi. Đời Hán có Trưng Nữ-Vương, đời Tống có Lê-Đại-Hành, đời Nguyên có Trần-Hưng-Đạo, đời Minh có Lê-Thái-Tổ. Các ngài không chịu bó tay ngồi nhìn quân tàn bạo nên đã thuận lòng người dấy quân nghĩa, đánh đuổi chúng. Trong những khi ấy Nam Bắc đâu lại phận đó, bờ cõi yên ổn, vận nước lâu dài. Từ nhà Đinh đến nay, chúng ta không còn phải cái khổ Bắc thuộc".

Rồi tinh thần quốc-gia và dân-tộc của ông đã phản ảnh trong cuộc ngoại giao với nhà Thanh mặc dầu chiến tranh Việt-Hoa bấy giờ đã chấm dứt. Đề cho quân dân nghỉ ngơi và có thì giờ đầy đủ để chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh tương lai qua đất Tàu ông đành nhất thời hòa hoãn với vua Kiền-Long và lủ bề tôi, vậy mà ông cũng không chịu quá nhún nhường họ trong các cuộc xúc tiếp cả trên giấy mực vì vấn đề thế diện quốc-gia Ngô-thời-Nhiệm viết biểu cầu hòa nhưng ông

góp ý chính như sau :

" Ôi ! đường đường là thiên triều lại đi tranh hơn thua

" Với tiêu di thì tất chiến tranh phải liên miên để thỏa

" Lòng tham. Đó là điều thánh thượng không nỡ. Vạn nhất

" Chiến sự kéo dài, thế đến như vậy, thì cũng không

" phải là điều thần không muốn và cũng không dám biết "

Nói theo thuật- ngữ ngày nay, những câu trên có nghĩa là : Chúng tôi không muốn chiến tranh nhưng nếu các ông đề chiến tranh xảy ra thì đó là lỗi các ông. Tờ biểu này gửi cho Lương Quảng Tổng-Đốc Phúc-Khang-An và Binh bị đạo Quảng-Tây Thang-hùng-Nghiệp mà ông biết rõ cái tâm sự " kinh cung chi điều " của chúng. Lần khác ông viết riêng cho Thang-hùng-Nghiệp lời lẽ cứng hơn : " Thiên triều không chịu khoan dung một chút, cứ muốn động binh, thế là làm cho nước nhỏ không được phục nước lớn, thì bấy giờ Đại-Quốc có dậy bảo gì tôi cũng xin theo " Nói trắng ra là : Các ông muốn đánh thì cứ việc đánh, chúng tôi sẵn sàng đón tiếp các ông. . .

### Sở-đoản của Nguyễn-Huệ.

Các sở trường của Nguyễn-Huệ thực ra còn nữa nhưng kể như vậy là tạm đủ và dưới đây một số sở đoản của ông. Cỗ nhân thường nói : " Nhân vô thập toàn " thì con người của Nguyễn-Huệ cũng phải có những chỗ dở của nó.

A. Một vài nhà sử-học ngày nay đã trách Nguyễn-Huệ quá tự cao, tự đại và chủ quan sau khi đánh bại tan tành hai chục ngàn quân Xiêm-La ở Vinh-Long, tiêu diệt gần trọn hai mươi vạn binh sĩ của nhà Thanh tại Bắc-Hà nên vào năm 1792, ông sai người dâng biểu cầu hôn với công-chúa nhà Thanh tỉnh khiêu khích vua Kiền-Long và lấy cớ xua quân vào Trung-quốc<sup>1</sup>, người ta cho rằng ông đã có những tư tưởng quá phiêu lưu, đại dốt nguy hiểm. Lời khiển trách này theo chúng tôi có thể hợp lý và cũng có thể Nguyễn-Huệ có lý vì các dân Mông-Cổ, Hung-Nô, dân Mãn (Bắc-dịch, Tây-di, Đông-di theo sử thần Trung-quốc) đã từng xâm-lãng Trung-quốc và làm vua Trung-quốc thì tại sao không có Việt-Nam ?

<sup>1</sup> Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập, Quyển 30 từ 42 b.

B. Những điều số đoán rõ rệt là mấy vụ đã xảy ra dưới đây: cuộc chiến tranh giữa Nhạc và Huệ năm 1787. Huệ giặc Nhạc đã gian dâm với một người vợ của mình lại đòi chia vàng bạc, châu báu mà Huệ đã đoạt được của vua Lê chúa Trịnh năm trước. Thực ra Huệ đã chia hết các vàng bạc, gấm vóc cho các tướng sĩ ngay tại Bắc-hà nên khi trở về Phú-Xuân, Huệ không có gì trong tay nữa. Dầu sao Huệ cũng có lỗi là để cuộc chiến tranh thù tặc xảy ra khiến số quân đem vào vây Qui-Nhơn chết hại đến một nửa<sup>2</sup>. May thay Huệ còn biết mũi lòng khi Nhạc quá nguy quần đứng trên thành khóc kêu gọi:

“Chú Thơm,<sup>3</sup> Chú định làm cái việc nổi da xáo thịt sao?!”

Cũng trong năm cuối cùng này Nguyễn-Ánh nhờ chỗ anh em ông bắt hòa đã tha hồ hoành hành ở Nam-Việt còn tiến ra Bình-Thuận, Diên-Khánh rồi đem chiến thuyền từ cửa Cần-Giờ ra đốt phá thủy trại của Nhạc ở Qui-Nhơn. Đáng lẽ lúc này anh em ông phải khuyến bảo nhau đem quân vào đánh Gia-định, cộng tác với nhau tiêu diệt Ánh thì làm gì Nguyễn-Ánh trở thành hậu hoạ. Đàng này ông bất động khiến miền Nam bị ung thối dần, cuối cùng đế-quốc của Nhạc mất trước thì đến con cháu ông bị cựu Nguyễn triệt hạ sau rồi triều đại của Gia-định ông lập ra phải xóa nhòa trên lịch sử sau 24 năm oanh liệt.

C. Đối với Nguyễn-hữu-Chính và Võ-văn-Nhậm, ông đã tỏ ra rất tàn nhẫn. Ông thẳng tay giết hại người này mặc dầu cả hai đã giúp ông rất đắc lực trong việc bình Bắc. Riêng Nhậm lại là con rể của vua Thái-Đức tức là cháu rể của ông.

Năm Nhâm-dần (1782) Bắc-Hà có nạn Kiêu binh là bọn lính Thanh, Nghệ cùng quê với vua Lê chúa Trịnh. Bọn này được coi từ lâu là thân quân, sau ý vào công tôn lập được chúa Trịnh-Khải và phế lập Trịnh-Cán khi chúa Trịnh-Sâm qua đời. Chúng đảo chính xong liền vào triều giết Huy quận công Hoàng-Đình-Bảo là người cầm đầu phe Trịnh-Cán.

Nguyễn-Hữu-Chính đồ Hương-Cống có tài biện bác và giỏi cả quân sự được Thượng tướng Hoàng-Ngũ-Phúc trọng dụng. Phúc chết, Chính sang phục vụ Bảo

<sup>2</sup> Giáp sĩ Doussain trong thư đề tháng 6 năm 1787 viết: Huệ, Nhạc đánh nhau tới nay đã được 3 tháng rồi. Huệ bị mất tới nửa số quân, phải động viên dân chúng khổ nhiệm. Giáo sĩ Labartette cũng có viết như vậy vào dịp này và cũng kể rằng dân bị bắt lính rất nhiều và đã bị hy-sinh nhiều ở chiến trường.

<sup>3</sup> Tên tục của Huệ.

cũng được tin cần. Tới khi Bảo bị tiêu diệt, Chính hoảng sợ bỏ Bắc-Hà vào Nghệ-An tinh cộng tác với Võ-tá-Giao trấn-thủ nơi này để tự lập thì Giao từ chối. Cùng đường Chính đến với Tây-son, nhờ có nhiều khả năng nên được đãi làm thượng-tân. Ông ta không còn nơi nào dung thân nữa nên đã hết lòng phò tá chủ mới thứ nhất để được sống yên ổn, thứ nhì cũng muốn có đất dụng võ.

Do thấy ông đã có tài lại có nhiều cơ mưu Huệ tuy dùng ông ta mà vẫn có sự e ngại bên trong. Dưới mắt Huệ, Chính là con chim bạt gió nhưng vẫn là thứ chim Bểng (như người ta đã đặt tên cho ông) vì thế ông nghi chỉ có thể chấp nhận sự giúp đỡ của Chính trong một giai đoạn nào mà thôi. Trong lúc này Chính vẫn ra công lo liệu mọi việc lớn nhỏ của anh em ông.

Chính đã khuyến Huệ đem quân ra Bắc và sắp đặt mọi kế hoạch. Từ lâu, Huệ đã có ý định này nhưng nay được Chính trình bày rõ rệt tình hình Lê suy Trịnh diệt tại Bắc-Hà và đưa ra những sách lược rất tinh vi và khéo léo nên đã kéo quân ra Thăng-Long (1786), quả nhiên ông đã thành công. Chính dặn dò Huệ từng đường đi nước bước nên ngoài việc hạ được ông chúa cuối cùng của họ Trịnh, Huệ đến triều Lê như César bước vào xứ Gaule nghĩa là được sĩ dân hoan nghênh nhiệt liệt. Huệ được phong tước Nguyên-Soái Uy-Quốc-Công, lại được vua Hiền-Tôn gả Ngọc-Hân công-chúa. Gần xa đều khen Huệ làm được sự nghiệp phù nguy cứu khổ nhất là Huệ đã đưa hoàng tôn Duy-Kỳ lên nối ngôi vì vua Hiền-Tôn băng vào ít ngày sau.

Huệ đã trả công người tô son điểm phấn cho mình thế nào?

Ngày 17-8 năm ấy Huệ bắt tình lính cùng Nhạc rút quân vào đêm khuya về Phú-Xuân cố tình bỏ rơi Chính cho người Bắc-Hà sát hại vì Chính đã mang tiếng rước quân đội Tây-Son vào cõi. Được tin Tây-Son về rồi, Chính hết hoảng chạy theo đến Nghệ-An thì bắt kịp. Huệ hơi ngượng với Chính tìm lời cáo lỗi rồi bảo Chính ở lại giữ xứ này cùng Nguyễn-Tuệ.

Đến giờ Chính vỡ mộng biết mình ngồi trên lưng cọp, không sao tránh được sự đụng độ với Huệ chỉ có sớm muộn mà thôi. Chính đành chiêu mộ binh sĩ chờ thời thì chỉ ít lâu sau vua Lê-Chiêu-Thống lại cho mời Chính ra dẹp đảng Trịnh-Bồng vì Bồng đã tiếp tục hiệp chế vua như các tiền bối. Chính ra Bắc chuyển

này cũng rất gian nan là phải đánh dẹp phe nghịch.

Ở đây Chính cũng vẫn không khỏi cảnh cơ cực như khi còn gần gũi Phú-Xuân bởi đa số quan lại nhà Lê vẫn oán Chính. Chính đành lại lo bành trướng thế lực để phòng cả người Bắc lẫn người Nam, do đó khi Huệ phái Võ-văn-Nhậm mang quân ra hỏi tội Chính dầu muốn hay không cũng phải mang cái khối Bắc-Hà hỗn tạp ra chống lại thì chống sao nổi. Chính bị giết.

Trước vấn đề này ta phải công bằng mà đặt câu hỏi: Giữa hai người Huệ và Chính, ai đã phụ ai? Xét ra Chính đã như là cô gái bị chồng tình phụ đi lấy người khác cố ở cho yên thì lại bị ngờ vực rồi lại bị hắt hủi phen nữa.

Huệ nếu không đưa Chính đến con đường cùng thì Chính vẫn có thể còn trung thành với Huệ, tiếc rằng Huệ đa nghi nhất là Chính lại là kẻ có tài thì chính cái tài đó cũng đã giết Chính rồi.

Với Võ-văn-Nhậm, Huệ cũng có thái độ tương tự. Ông sai Nhậm ra Bắc-hà diệt Chính nhưng bởi Nhậm là rề của anh ông vừa dây bắt hoà với ông, lòng ông chưa vui cảm giận nên không tin Nhậm và chỉ tin Ngô-văn-Sở. Sở với Nhậm trong khi cùng thi-hành công tác của Huệ ở Thăng-Long đã lúng cụng với nhau rồi Sở báo cáo Nhậm có ý phản. Tức thì ông lên đường, tới Thủ-đô nhà Lê vào đêm khuya bắt Nhậm ra cột vấn. Nhậm trả lời đầu ra đây, nhưng vẫn không khỏi chết. Câu chốt của Huệ đã như lời phán quyết cho một bản án tử: "Mày không có tội thật, nhưng làm cho ta sợ đã có tội rồi!" Liền đó ông cho võ sĩ Hoàng-Văn-Lợi đâm chết Nhậm.

Trước con mắt chúng ta ngày nay các người giỏi không khác gì những con thú dữ. Nếu ở chung một chuồng chúng sẽ hại nhau. Chỉ có con nào mạnh nhất thì sống. Các nhà làm chánh-trị kim-cổ, Đông-Tây đều thế cả. Nhân nghĩa đạo đức là những chữ vô nghĩa trong các tự điển chánh-trị. Nếu đây là một sở-đoán của người anh hùng Nguyễn-Huệ thì đời xưa, đời nay mấy người ở vào hoàn cảnh Nguyễn-Huệ mà không hành động như Nguyễn-Huệ? Và có phải rằng muốn làm anh hùng thì phải ít sợ tội, phải tàn nhẫn, phải phụ người hơn là để người phụ mình chăng?

Để kết luận bài này chúng tôi xin nhắc lại hai điểm: những người có mắt xanh

mới thấy anh hùng trong thiên hạ, những người mắt xanh đã tạo nên nhiều danh nhân danh tướng và nếu danh tướng danh nhân có công với đời thì người đoán anh hùng giữa buổi trần ai cũng phải được kể là người có công nữa.

Ngoài ra danh nhân, anh hùng đã có những sở trường để làm được những sự nghiệp lẫy lừng nhiều ơn ích cho nhà cho nước thì thường cũng không mấy ai tránh được khỏi những sở đoản có khi là những nguyên nhân cho những tội lỗi kinh hồn. Thế mới biết vào đời một cách óng chuốt, ra đời một cách sạch trong, hoạ chăng chỉ có thánh-nhân mà thôi.

## âm - lịch và dương - lịch lịch tàu, lịch ta

(xin đọc V.H.N.S., từ số 1 & 2, tháng 11 & 12, 1967)

### 4. Những ngày tết truyền-thống (Fêtes traditionnelles).

Từ lâu đời, các ngày lễ-tết này đều theo âm-lịch và phong-tục cổ-truyền ăn sâu vào nếp sống dân ta trong khung-cảnh gia-đình. Xin kể ít nhiều thí dụ theo thứ-tự thời-gian trong âm-lịch.

#### a. Tết Nguyên-đán (1-1-âm-lịch)

Nguyên-đán nghĩa là ngày đầu năm, đồng nghĩa với chữ *Nguyên-nhật*. Người ta có thể gọi tết Nguyên-đán là tết Nguyên-nhật. Bấy giờ, thường thường, người ta bỏ cả chữ Nguyên-đán hay Nguyên-nhật và chỉ nói vắn tắt là Tết (viết hoa). Chữ Tết đã thành một danh từ riêng để chỉ ngày lễ tết đầu năm âm lịch và đã được phổ biến khắp nơi, ra cả ngoại quốc nữa. Mới rồi, nhân dịp Tết Đính-Mùi, các nước liên hệ đến chiến cuộc Việt-Nam, trong đó có nước Mỹ, đều thảo luận về việc kéo dài cuộc hưu chiến 4 ngày nhân dịp Tết (người ta dùng một chữ Tết mà thôi). Các nước ấy đều hiểu Tết là Tết Nguyên-đán âm-lịch.

Nước Tàu đã bỏ Tết âm-lịch một cách chính thức (chứ không phải trong thực tế) thành ra Tết Nguyên-đán là Tết đặc biệt của dân-tộc Việt-Nam.

Tuy gọi là Tết Nguyên-đán, nhưng Tết thường kéo dài quá ngày mừng một và thời hạn tối thiểu là 3 ngày, nên người ta thường nói "no say trong 3

[Tập XVII, Số 2 (Tháng 11, 1968)]

ngày Tết."

Thật ra, Tết Nguyên-đán bắt đầu từ đêm Giao-thừa.

Trong mấy ngày Tết, người ta cố gắng gạt bỏ mọi ý lo buồn, đen tối, tránh mọi vẻ bề bối, làm than, kiêng mọi điềm xúi quẩy, để hưởng vài ngày vui tươi, nhân hạ, tựa hồ người ta làm lại một tâm hồn mới, một cuộc đời mới.

Mục đích chính của Tết Nguyên-đán là cúng lễ gia-tiên, nên trong 3 ngày Tết, ở mọi nhà Việt-Nam, giàu cũng như nghèo, tại thành thị cũng như tại thôn quê, bàn thờ mọi gia-đình đều có khói hương nghi ngút, cỗ bàn linh đình để tỏ lòng thành với vong linh tiên tổ. Trong khuôn-khố bài tiêu-khảo này, tác-giả không đi sâu vào chi tiết đã được nói nhiều trong tạp-san Sứ-Địa, số 5, 1967.

#### b. Ngày Thượng-nguyên (15-1-âm-lịch)

Nửa tháng sau Tết Nguyên-đán là ngày *Thượng-nguyên*, tức là ngày rằm tháng Giêng.

Ngày *Thượng-nguyên* (*Thượng*: trên, trước; *Nguyên*: đầu, lớn, quan trọng) được gọi như vậy vì ngày rằm tháng giêng là ngày cúng lễ quan trọng vào đầu năm âm-lịch, trước ngày *Trung-nguyên* và ngày *Hạ-nguyên*. Phong-dao có câu:

*Đi lễ quanh năm, không bằng ngày Rằm tháng Giêng.*

*Thượng-nguyên* là một trong tam nguyên<sup>48</sup>: lễ *Thượng-nguyên*, lễ *Trung-nguyên* hay lễ ngày rằm tháng bảy và lễ *Hạ-nguyên* hay lễ ngày rằm tháng mười.

*Thượng-nguyên* làm ta liên tưởng đến *Nguyên-tiêu* hay *Nguyên-dạ* (*Nguyên*: đầu tiên; *Tiêu* hay *Dạ*: đêm) là đêm đầu tiên trong năm, ngụ ý đêm đầu năm có trăng tròn, lớn và sáng, vậy là đêm rằm tháng Giêng.

Trong Kiều, có câu:

*Đêm đêm Hàn-thực, ngày ngày Nguyên-tiêu*

Theo nghĩa sát từng chữ, thì câu trên nghĩa là: đêm nào cũng đồng đúc, như ngày *Hàn-thực*, ngày nào cũng nao nức như đêm *Nguyên-tiêu*.



## c. Tết Hàn-thực (3-3 âm-lịch)

Hàn-thực (nghĩa đen là ăn lạnh, ăn đồ nguội) là Tết, kỷ niệm ngày Giới-Chi-Thôi, một cao si nhà Tấn, đời Xuân-Thu, theo Tấn-Văn Công di trốn.

Sau này, Văn-Công trở về làm vua, không nhớ đến ông, ông bèn đi vào ở ẩn trong núi. Hay tin, Văn-Công mời ông ra làm quan, ông không chịu ra, nên nhà vua ra lệnh đốt núi để bắt ông bỏ rừng, nhưng ông ôm cây mà chịu chết cháy. Theo tục Tàu, ngày tết Hàn thực, người ta tổ chức nhiều cuộc vui chơi (hội thi thuyền hoa, cuộc đua bơi trái trên sông), người đi xem rất đông trong một bầu không khí hội hè vui vẻ.

Cũng theo tục Tàu, nhất về đời Đường, đêm Nguyên-tiên, ở Tràng-An, người ta mở hội hoa đăng, đốt pháo bông, lễ Phật rộn-ràng, thức suốt đêm xem hội. Trống ồn ào vang dội tới mười dặm ngoài Tràng-An.

Tết Hàn-thực ăn vào ban ngày, còn hội Nguyên-tiên thuộc về ban đêm. Vậy có sự mâu-thuẫn giữa những chữ *đêm đêm* và *Hàn-thực, ngày ngày* và *Nguyên-tiên*; không nên so sánh đêm với ngày, ngày với đêm. Câu Kiều trên hình như không được ổn.

Nếu chỉ muốn nói cho hợp-lý chứ không phải muốn làm thơ hay, thì có thể viết: "Ngày ngày Hàn-thực, đêm đêm Nguyên-tiên; — Ngày như Hàn-thực, đêm như Nguyên-tiên; — Ngày thì Hàn-thực, đêm thì Nguyên-tiên, — Ngày là Hàn-thực, đêm là Nguyên-tiên.."

Tuy nhiên, câu Kiều rất êm tai và gợi ý nhiều đêm, nhiều ngày nhờ điệp ngữ "đêm đêm...ngày ngày..."

Nguyễn Du để hồn thơ trên lý-trí. Lý trí không phải yếu-tố mẫn-túc của thơ.

Và lại, nói cho cùng kỳ lý, thì có thể đứng riêng về phương-diện huyền-náo và so sánh sự huyền-náo của một đêm với sự huyền náo của một ngày và so sánh ngược lại.

Tết Hàn Thực khác Tết Hàn-thực

Đó là tiết trước tiết Thanh-minh hai ngày.

Tết Thanh-minh thuộc về nửa thứ nhất tháng ba âm lịch và ngày chính

được ghi vào mùng 5, mùng 6 tháng ba âm-lịch.

Chữ *tết* (tiết đọc chạnh đi) gợi ý ngày tết nhất vui tươi, hơn ý thời tiết đặc biệt, còn chữ *tiết* nêu đặc điểm về thời tiết hơn về lễ tết.

Ngày tết Hàn-thực người ta cấm dùng lửa, phải ăn đồ nguội, để kỷ-niệm Giới-Chi-Thôi (hay Giới-Tử-Thôi) chết thiêu.

Theo phong tục cổ truyền, ngày ấy, chúng ta thường ăn bánh trôi bánh chay là đồ ăn nguội, không dùng đến lửa.

## d. Tết Đoan-ngọ hay Đoan-đương, cũng gọi là Trùng-ngũ (5-5 âm-lịch)

Đời Chiến-quốc, Khuất-Nguyên, một trung-thần kiêm đại-chí-sĩ và đại-thi hào làm tột nước Sở. Khi Sở-Vương toan sang Tần, ông can hết sức nhưng vua không nghe, cứ qua Tần rồi quả nhiên bỏ xác bên đó. Thấy nước suy vi, vua mê ám, mình không được trọng-dụng, ông đau lòng vô cùng, chán đời thắm thía, sáng tác thi-phẩm *Ly-Tao* để bày tỏ chí khí, rồi tự trầm ở sông Mịch-La, thuộc tỉnh Hồ-Nam nước Tàu.

Do đó, ở bên Tàu, hàng năm, đến ngày mùng 5 tháng 5, người nước Sở tổ chức hội đua thuyền, ngụ ý để vớt thây Khuất-Nguyên. Lễ đó biến đổi dần dần thành ra Tết Đoan-ngọ, lan rộng sang bên ta.

Dân ta có tập-quán ăn cơm rượu nếp, các thứ trái cây, tục gọi là giết sâu bọ. Chúng ta không thấy rõ mối liên quan giữa tục giết sâu bọ và việc cứu trợ trung Khuất-Nguyên.

## e. Tết Trung-nguyên hay Trung-nguyên tiết (15-7 âm-lịch)

Tết này nhằm vào ngày rằm tháng bảy âm-lịch và là một trong tam nguyên.

Tết Trung-nguyên được gọi như vậy, vì đó cũng là một ngày cúng lễ quan trọng (nguyên) ở vào khoảng giữa (trung) năm âm-lịch.

Tết Trung-nguyên thường gọi là *ngày xá tội vong nhân*, bắt nguồn ở sự tích *Mục-Liên cứu mẫu* có ghi chép trong kinh sách Phật-giáo.

Mục-Liên mở cõi cha từ thuở nhỏ. Lớn lên, chàng mở một tiệm buôn thịnh

vượng ở tỉnh Khiêm-liên. Chàng không lập gia-đình và gửi phần lớn tiền về biếu mẹ là Thanh-Đề ở quê nhà. Bà mẹ ăn tiêu phung phí hết sạch, rồi bỏ nhà ra đi.

Mục-Liên về quê thăm mẹ, biết chuyện đau lòng, mắc chứng thổ huyết. Mẹ chàng ngày đêm săn sóc con đến kiệt sức, rồi từ trần.

Thương xót mẹ vô cùng, chàng làm nhà bên mộ, để tang ba năm, rồi qui-y cửa Phật và được trú-tri ở chùa La-mi.

Mục-Liên van lơn Phật-Tổ cho phép chàng xuống âm-phủ tìm mẹ. Thấy mẹ bị giam cầm, tra tấn rùng-rợn vì đã hoang phí và phạm tội ở cõi trần, chàng bèn chạy khắp mọi cửa cõi âm, xin ân xá cho mẹ. Tâm động quỷ thần tri, Thượng-Đế thương hại, tha cho mẹ chàng và cho phép hai mẹ con trở về dương thế.

Về cõi trần, Mục-Liên gặp một con chó quẹo-luyển đặc-biệt, quấn quít liếm tay chàng: chính là mẹ chàng đã đầu thai làm kiếp chó.

Nhờ phép màu, chàng cứu mẹ thoát xác chó, nhập vào xác người. Từ đó, mẹ chàng giác-ngộ, hối cải, hết sức tu hành để thoát kiếp luân hồi, được tròn quả phúc.

Đêm Trung-nguyên, cả hai mẹ con đều thành Phật.

Đề mừng thành quả huy-hoàng ấy, tục truyền rằng tất cả vong-nhân đều được xá tội.

Ngày Trung-nguyên — có khi cả một vài ngày trước — tại các chùa, người ta làm lễ Vu-lan.

Năm Nhâm-ngọ (1966), một đại lễ Vu-lan đã được tổ chức trọng thể vào những ngày 13, 14 và 15 tháng bảy âm-lịch (tức những ngày 28, 29 và 30 tháng tám dương-lịch).

Đúng ngày rằm tháng bảy, chính lễ Đại-trai-đàn cầu siêu cho anh-hồn tử-si đã được cử hành tại nghĩa-trang quân-đội với tất cả lòng tưởng-niệm thành-kính, tri-án, thương-xót.

Ở nhà, người ta cũng lễ-bái, cúng cháo, đốt mã, tụng kinh, gõ mõ, lạy tràng hạt, cầu nguyện cho mọi vong-nhân được xá tội, mọi vong-linh được siêu-thoát.

Tết Trung-nguyên là một tết buồn, làm người ta liên tưởng đến các vong hồn, đến cõi chết. Chính tết này đã khơi nguồn cảm nghĩ vô cùng ưu-hoài trong bài *Văn-tế thập-loại chúng-sinh*, của Nguyễn-Du, như khóc than nước nỏ các cô-hồn phiêu-bạt thuộc mọi tầng lớp xã-hội.

#### g. Tết Trung-thu (15-8 âm lịch)

Cũng gọi là thu-tiết, nhằm vào giữa mùa thu, tức vào ngày rằm tháng tám âm-lịch.

Tết này thường được gọi là Tết trẻ con, nhưng thật ra người lớn cũng tham dự một phần nào và có gia-đình tốn kém rất nhiều.

Ban ngày người ta làm cỗ cúng tổ tiên; đến tối, người ta bày cỗ thường trăng.

Cỗ gồm có nhiều thứ bánh: bánh mặt trăng là bánh tiêu biểu nhất, quan trọng nhất, có khi lớn bằng cái mâm đồng; bánh nướng từ bánh thập cẩm nhận yếm đến bánh rất thường giá rẻ; nhiều thứ hoa quả nhuộm nhiều màu sắc xanh, đỏ, tím, vàng, tươi đẹp, vui mắt.

Phụ nữ thì thành khoe tài khéo léo, trở các thứ hoa mềm-mại, nhất là bằng đu đủ trắng tinh hay nhuộm đủ màu; nhào bột nặn các con giống đủ loại, xinh xắn, sắc-sở.

Đồ chơi trẻ con thường làm bằng giấy bồi hình dung đủ thứ: người (ông Tiên-si giấy, ông Sư gõ mõ, Ngư ông câu cá...), súc vật (đầu sư-tử hay, đồng hơn, đầu kỳ lân, con thiềm-thù, voi, ngựa, cá, tôm, bươm bướm, bọ ngựa...), hoa lá (nhiều thứ hoa, giàn mướp, giàn thiên lý). Tối đến, nhiều kiểu đèn được thắp lên, trông thật vui-vẻ, tung-búng: đèn xếp đủ các hình thức, đèn kéo quân, đèn cù, đèn xe rành...

Sau này, giấy bồi nhiều khi được thay thế bằng sắt tây sơn màu, bền hơn nhưng chưa chắc đã đẹp bằng.

Bây giờ, các đồ chơi Nhật-Bản, Âu-Mỹ tràn ngập thị trường Việt-Nam và các đồ chơi trung-thu không còn giữ tính chất cổ-diễn, màu sắc truyền-thống nữa.

Về một vài phong-tục liên hệ đến tết Trung-thu, Phan-lê-Dinh viết: "Tục rước

đèn, bày cỗ chắc do ở đền Vua Đường-Minh-Hoàng<sup>49</sup>, hôm ấy là ngày sinh nhật vua Minh-Hoàng truyền cho thiên-hạ đầu đầu cũng treo đèn bày tiệc ăn mừng, rồi ta cũng theo mà thành tục<sup>50</sup>.'"

Nordemann cũng viết: "Đến đời nhà Đường, vua Minh-Hoàng, tối hôm ấy (đêm Trung-thu) cùng đi với mấy thầy đạo-sĩ<sup>51</sup>, lên chơi cung Quảng-Hàn<sup>52</sup> ở trong mặt trăng, thấy hơn mười cô nàng tiên ra sân múa hát hay lắm. Khi Vua trở về mới chế ra khúc Nghê Thường<sup>53</sup> như lúc xem trên cung Quảng-Hàn, bây giờ gọi nôm là múa bài bông<sup>54</sup>. Sau, dân bắt chước, làm ra những thức đèn cù<sup>55</sup>, đèn máy bằng giấy, theo các tích ngũ-lão, bát-tiên<sup>56</sup>."

Đêm Trung-thu, ở các vùng quê, nhất là ở Bắc-ninh, dưới ánh trăng tròn, rong vắt, có tục hát Trống quân.

Phan-Kế-Bính cho rằng điệu hát này có từ đời vua Quang-Trung. Khi Bắc-Bình-Vương đem quân ra Bắc, một số binh sĩ nhớ nhà, Vương bèn đặt ra lối hát Trống quân, cho quân sĩ chia làm hai bên, một bên trai, một bên gái, hát đối đáp với nhau để mua vui, đỡ nhớ nhà. Vương biết sâu xa tâm lý của những chàng trai hào hùng nhưng vẫn nặng tình đối với người yêu-dấu ở cố-hương.

Trai gái thường ngồi hai bên một sợi dây dài căng thẳng trên một cái thùng cộng-minh (caisse de résonance), có thể là một thùng sắt tây trống rỗng trước kia đựng dầu lửa; để gõ nhịp cho lời hát của trai gái, người ta đánh vào sợi dây, gây ra những tiếng *thình thình thình* na ná giống tiếng trống. Tục gọi hát ấy là hát Trống quân<sup>57</sup>.

#### h. Tết Hạ-nguyên (15-10 âm-lịch)

Là một trong tam nguyên, vào ngày rằm tháng mười âm-lịch.

Theo Từ-nguyên thì Hạ-nguyên có nghĩa là một ngày lễ quan trọng vào cuối năm (nguyên nghĩa là lớn, quan trọng; tháng mười ở vào cuối năm).

Trong thực tế, ngày Hạ-nguyên không quan trọng bằng ngày Thượng-nguyên và ngày Trung-Nguyên: người ta đi lễ ở các chùa không đông bằng hai ngày Thượng-Trung-nguyên.

Cũng như Thượng-nguyên và Trung-nguyên, Hạ-nguyên là một ngày tôn

giáo trong khung cảnh chùa chiền hơn là một ngày lễ tết trong không khí gia đình.

#### i. Tết ông Táo hay Táo-quản hay Vua bếp (23-12 âm-lịch).

Những đồ cúng Ông Táo thay đổi tùy theo gia cảnh. Gia-đình nghèo thì đành cúng thanh đạm ba nén hương và một tách nước trong. Gia-đình khá giả hay giàu có thì cúng đầy đủ hơn: một đĩa xôi, một con gà luộc, mũ áo bằng giấy. Đồ cúng cổ truyền thì gồm có một con cá chép sống, 3 cái mũ bằng giấy, 2 cái cho đàn ông, một cái cho đàn bà. Nhờ vậy, Tam vị Táo-quản lên trời trên lưng cá chép,—người ta tin cá hóa long,—có y phục hoàng khi chầu dâng Ngọc-Hoàng Thượng-Đế.

Tại sao lại 3 mũ, 2 mũ đàn ông và một mũ đàn bà? Là vì trong thần-thoại bị đày về Táo-quản, có 3 vị: 2 ông, 1 bà.

Một chuyện cổ tích quen thuộc kể rằng: ngày xưa, Thị-Nhi kết duyên cùng Trọng-Cao. Hai vợ chồng ăn ở với nhau ngọt ngào năm nhưng không có con. Đó là lý do ngầm ngầm khiến hai vợ chồng thường cãi nhau.

Một hôm, Trọng-Cao nổi giận đánh vợ. Thị-Nhi buồn tủi bỏ nhà ra đi. Đường xa thân gái, nàng mỗi một ngày nghỉ trên một mỏ đất bên đường. Một chàng thanh niên tên là Phạm-Lang trông thấy, nghe nàng giải bày tâm sự, vừa động lòng thương, vừa cảm vẻ đẹp của người thiếu phụ mà nổi đau buồn không làm phai mờ nhan sắc. Thị-Nhi làm lại cuộc đời với Phạm-Lang. Trọng-Cao ở ngoài đồng về, thấy nhà vắng, bèn đi tìm vợ, nhưng vô hiệu. Chàng sống hai năm trong cô quạnh, nhớ thương, đau buồn, hối hận. Một lần nữa, chàng nhất định đi khắp nơi tìm vợ cho bằng được. Một hôm, tình cờ, chàng gặp vợ ở nhà Phạm-Lang. Hai người mừng mừng tủi tủi, cảm động vô cùng. Thị-Nhi không quên tình xưa nghĩa cũ, mời Trọng-Cao vào nhà, làm cơm thiết đãi. Đồng thời, nàng hết sức lo ngại, vì sắp đến giờ Phạm-Lang về. Nàng trông ra sân, ánh nắng đã bắt đầu ngả về tây. Nàng bèn đưa người chồng cũ ra sau vườn, bảo ăn núp trong đồng rơm.

Rủi thay, khi về nhà, Phạm-Lang đốt rơm làm tro bón ruộng cần. Cái gì phải đến đã đến: Trọng-Cao chết cháy, Thị-Nhi thương xót nhảy vào lửa chết

theo, Phạm-Lang cố cứu vợ cũng chết nốt.

Tác-giả H.V.Đ. kể một chuyện hơi khác: "Theo cổ tích kể lại, trong chuyện ông Táo có 3 người: 2 ông, 1 bà. Hai vợ chồng nhà kia, người chồng mắc bệnh nặng như bệnh hải, nhưng được người vợ hiền đức, chịu khổ làm ăn nuôi chồng. Chồng rất thương vợ, khuyên vợ nên tránh xa, vợ không nghe. Chồng già cách mạng chữ, đuổi vợ đi, vợ cũng không đi. Một hôm, có người ăn mày tới xin, người vợ hiền đức xưa nay, cho người ăn mày tiền và gạo. Chồng thấy thế, nghĩ ngay được một kế để đuổi vợ. Chồng liền vu cho vợ có tình ý gì với người ăn mày nên mới cho tiền, gạo. Vợ uất ức quá, bị oan ứng một cách nhục nhã, mới ra sân tự tử. Khi nhảy xuống nước thời người ăn mày kia vừa đi qua đó, vội vàng nhảy theo cứu lên. Người vợ biết sự oan ứng của mình lại càng khó tỏ ra được, đành theo người đã cứu mình vậy.

Người chồng có một thân một mình, không ai giúp đỡ nên phải đi hành khất. Đi lang thang vào xin một nhà kia thời thấy vợ mình đem tiền gạo ra cho. Vừa nhìn thấy vợ, chàng ta bỏ chạy. Chạy được một quãng, thấy có đồng củi khô đưng cháy to ở bên đường, chàng liền nhảy vào đồng lửa tự tử. Người vợ biết ngay là chồng cũ của mình, chạy theo giữ lại không kịp, cũng nhảy theo vào đồng lửa. Người chồng sau của bà thấy bà đã chết ở trong đồng lửa, cũng nhảy vào đó chết theo <sup>58</sup>".

Ngọc-Hoàng Thượng-Đế thấu hiểu nỗi tình phu phụ bộ ba thắm thiết ấy bèn phong họ làm tam vị Táo-quân, có nhiệm vụ trông coi mọi việc trong mọi gia-đình, rồi tâu Ngọc Hoàng rõ vào ngày 23 tháng chạp âm lịch mỗi năm.

Do những truyền thuyết hay thần thoại kể trên, Táo-quân có 3 ngôi nhưng chỉ có một nhiệm vụ. Trong trách vụ nhất này thường được các hoạt họa thể hiện bằng một vị Táo quân đội mũ đi hia chằng mực quần, cưỡi cá chép lên châu Trời, cầm một bài sớ dài lê thê để tâu Ngọc-Hoàng Thượng-Đế. Còn về 3 ngôi ông Táo tại, theo tác giả H.V.Đ. 3 ngôi ấy được cụ thể hóa trong cách này: 3 ông bếp thành 3 ông Đờ rau, tức 3 phiên gác sát cao gần bằng 3 phiên gác ở dưới trên đó người

ta đặt nồi, niêu, xanh, chảo để thổi cơm, nấu nướng. Có lẽ vì ông Đờ rau là hình tượng Tam vị thần linh, nên người ta không dám làm gì ô uế, bậy bạ trong bếp là nơi trị vì của Ba ngôi vua bếp.

Tam vị Táo-quân tương-tự với Gia thần (dieux lares) trong thần-thoại La-mã, cũng là mấy vị thần-linh bảo vệ gia đình trong thế giới La-mã xưa.

Hồi đầu, Gia-thần là Đồng-thần (dieux champêtres) chuyên coi việc đồng áng.

Gia-thần chỉ che chở riêng một gia đình; mỗi gia đình chỉ có một Gia thần (lar familiaris).

Sau này, Gia-thần được đồng-nhất-hóa với vong-linh tổ tiên (mânes) và với gia-sản thần (pénates) chuyên coi của cải trong nhà và thành ra đa-gia-thần.

Trong mỗi nhà, người La-mã dâng Gia thần những lễ vật nhỏ nhỏ như ta dâng hương hoa, thực phẩm, mũ, hia, cá chép để cúng Táo-quân, tỏ lòng tôn kính với hy vọng Ngài làm những sớ-trình khoan dung khi Ngài lên châu Ngọc-Hoàng Thượng-Hế.

Từ ngày 23 đến ngày 29 hay 30 (tùy theo tháng chạp âm-lịch thiếu hay đủ), người ta rộn-rịp ráo-riết chuẩn bị ăn Tết Nguyên-đán.

Một hôm, vào ngày 27 hay 28 tháng Chạp, một ông bạn đồng nghiệp rủ tôi đi mua một đôi liễn ở góc đường Lê-Lợi và Công-lý. Trong khi chờ đợi một cụ nhà nho viết đôi liễn, chúng tôi đứng ngắm những dòng người và xe cộ cuồn cuộn chảy trên hai đại lộ nói trên. Ông bạn rỉ tai tôi nói đùa một câu bằng cách nhại Phạm-Quỳnh: "Âm lịch còn, Tết ta còn, Tết ta còn, dân ta còn, dân ta còn, nước ta còn".

Đêm âm lịch được kết thúc bằng đêm Giao-thừa.

Đã là người Việt-Nam, hầu hết chúng ta đều có những kỷ-niệm cảm động về đêm Giao-thừa, những kỷ niệm êm đềm trong cảnh xum họp ấm cúng của gia đình hay những kỷ niệm tẻ tái trên đường đơn lạnh chónh đất khách quê người, nơi tha phương cầu thực. Dù dù dằng hay buồn tủi, đêm Giao-thừa thường là đêm thăm thía trong cuộc đời tình cảm của dân ta.

Đêm Giao-thừa, hầu hết các nhà đều đặt một cái bàn nhỏ ở ngoài

sân; trên bàn, có bày hương, hoa, đèn, nến, lễ vật, thực phẩm một cách thành kính, trang nghiêm; hồi nửa đêm, khoảng giữa giờ Tý, gia-chủ, quần áo chỉnh tề, cúi đầu đứng lễ, đề "tổng cụy nghinh tân", đề đánh dấu giờ phút thiêng liêng giữa năm hết tết đến, giữa năm cũ qua, năm mới tới.

Người ta cảm thấy như có một sự thay đổi trọng-đại, một cuộc biến dịch sâu xa thấm nhuần cả vũ trụ. Thật là một đêm quan trọng như đêm Giáng-sinh, tuy không được đánh dấu bằng một sự kiện lịch sử rõ ràng biến đổi cả nhân-sinh.

Đêm Giao-thừa thường tối đen như mực, trăng không có đã đành và đến ngay cả sao cũng thưa thớt, lu mờ. Đó cũng thường là một đêm thao thức; pháo thường nổ rền từ lúc bắt đầu cúng Giao-thừa đến sáng mồng một Tết, tức là Nguyên-đán hay Nguyên-nhật, ngày bắt đầu năm âm-lịch (đã nói ở trên).

Chắc rằng bài tiêu-khảo này còn thiếu sót, xin các vị cao minh lượng thứ cho.

Như ở trên đã trình bày, qua những phong tục tập quán, lễ tết, hội hè, đình đám..., chúng ta nhận thấy một số ngày âm lịch đánh dấu sâu-dậm nếp sống cổ truyền, cuộc đời tình cảm của dân-tộc Việt-Nam.

Tác-giả không có ý đề cao âm-lịch và chỉ cố gắng sưu-khảo với một tinh thần khoa-học khách-quan.

### CHÚ - THÍCH

<sup>43</sup> Tam-nguyên còn chỉ ba vị: Trời, Đất, Người. — Người đồ đầu ba khoa thi quan trọng, tức đồ Giải-nguyên, Hội-nguyên và Đình-nguyên.

<sup>44</sup> Thần thoại kỳ thú *Dương Minh Hoàng du nguyệt điện* rất quen thuộc, thường được trình diễn trên sân-khấu hát-bội. Minh Hoàng (712-756), tên tục là Lý-Long-Cơ, tên thỏ nhỏ là A-Men, tên theo thứ tự trong gia đình là Tam-Leng vì nhà vua là con trai thứ ba của Hoàng-đế Duệ-Tôn, lên lên ngôi là Huyền-Tôn Minh Hoàng-Đế. Văn học Việt-Nam thường gọi là Minh-Hoàng. Đó là một ông vua độc đáo, lòng danh trong văn-học bình dân, một văn gia nghệ-sĩ.

Nhà vua trị vì khôn ngoan trong mấy năm đầu.

Sau này, Minh Hoàng quá say mê Dương Quý-Phi đến nỗi bị nàng chi phối, hoá ra một vị hôn quân dâm dăng, dùng toàn hoạn-quan làm cận thần, mê tín những thủ đoạn của Đạo giáo trá hình. Do đó, có cuộc phản loạn của An-Lộc-Sơn. Nhà vua bị thất thế (756), ái phi, các em của nàng và các cận thần đều bị giết.

Tuy nhiên, nhà Đường không mất nghiệp, con trai Minh-Hoàng kế vị và nhà vua mặc nhiên được tôn lên làm Thái-Thượng-Hoàng.

<sup>50</sup> Phan-Kế-Bính, Phong tục Việt Nam, Đông dương tạp-chí, số 26, trang 24-25 1915.

<sup>51</sup> Tục truyền rằng: Chủ-tể của đạo giáo là Thần-Thiên-Sư và thầy Pháp-sư La-Công-Viên có đi hộ-vệ trong cuộc lễ-hành của Minh-Hoàng.

Có truyền thuyết chỉ nói đến La Công Viên, có truyền thuyết khác chỉ nói đến Diệp-Pháp-Hi. Nhưng nhiều truyền thuyết đều cho rằng La-Công-Viên đã vớt gậy hay thất lưng lên trời để làm một cái cầu cho Hoàng-Đế lên cung trăng. Khi ngài trở về trần gian thì ngài say đắm âm-nhạc và khiêu vũ ở cung trăng đến nỗi ngài lập ngay một gánh hát-bội, dạy những điệu nhạc và những nhịp bước đã được thưởng thức trên cung trăng. Gánh hát ấy đặt tên là *Lê-Huyền-Tử-Đệ*. Hiện nay, bên Tàu, vẫn gọi kếp hát là *Lê-Huyền*.

<sup>52</sup> *Quảng Hàn* nghĩa là mặt trăng, cung trăng, cũng như non Bồng, nước Nhược, là tiên-cảnh của những vị bất tử ném những lạc thú thần-tiên trườg-cửu của Thường-Nga hay Hằng-Nga.

Tinh-tử *Hàn* có thể giải thích được: theo vũ-trụ-quan thông thường của người Tàu, mặt trăng thuộc về âm cũng như khí lạnh, các chất lỏng, hắc ám...

Một thần thoại kể rằng: xưa Thường-Nga, vợ của Hậu-Nghê, lấy trộm được thuốc tiên của Tây-Vương-Mẫu, tức thuốc trường-sinh bất lão, bèn trốn lên cung trăng, thay hình đổi dạng ra con cóc (hay Thiềm-Thù). Do đó, trên mặt trăng, tục truyền có hình heo heo giống con cóc (?) Tác-giả bài tiêu-khảo này đã nhiều lần ngắm trăng trong, chú ý đến bóng đen lơ lơ ở mặt trăng, nhưng không thấy hình nào heo heo giống con cóc.

<sup>53</sup> *Khúc nghệ thường* là nghệ thường vũ y khúc nói tắt.

Theo *Hán-Việt từ-diện* của ông Đào-Duy-Anh, nghệ thường là xiêm sắc rắng, tức sắc đồ (rắng: là mây sắc đỏ); xiêm là áo che đàng trước. Vậy theo Đào-Quân, nghệ thường là áo che đàng trước màu đỏ.

Theo *Hán-Việt từ-diện* Thiệu-Chửu, xiêm cũng là cái áo choàng trước ngực.

Theo *Khang-Hy từ-diện*, xiêm là một phần của y phục, che ở phía trước, như khăn lá đấp (tablier), và ở phía dưới từ eo hay thất lưng đến đầu gối. Xiêm có thể che áo ở phía dưới hay quần.

*Khang-Hy từ-diện* định nghĩa quần là hạ thường và thường là hạ quần; có ý đồng-nhất.

hóa quần với thường. nhấn mạnh vào điểm quần và thường đều là phần dưới của y-phục, nhưng không cho biết rõ quần hay thường ngày xưa hình như thế nào, có ống như cái quần hay không có ống như cái váy.

Vậy người ta có thể hiểu thường là quần hay váy, chứ không thể hiểu thường là xiêm, và định-nghĩa xiêm là áo che đậy trước như Đào-Quần.

Trong Từ-nguyên có thành ngữ *Xiêm quần*.

Từ-nguyên giảng: xiêm quần là một phần y-phục đàn-bà, thường thường màu đen hay màu tía, ở trên có thêu trổ một nhánh hoa, quần chung quanh người ở phía dưới. Như vậy, xiêm quần là một thành-ngữ được định-nghĩa gần như chữ xiêm trong Khang-Hy.

«Vũ y nghệ thường» là y-phục riêng cho vũ-nữ: với áo lông chim, váy đủ màu cầu vòng huy-hoàng rực-rỡ, các vũ-nữ và nhất là Dương-Quý-Phi hẳn phải tăng bội phần về điểm-lệ, yêu-khiêu.

Nói xiêm, người ta thường liên tưởng đến đàn bà.

Tuy nhiên, ngày xưa, đàn ông và nhất là triều thần có thể mặc xiêm. Cho nên người ta nói: «Mặc áo xiêm đi châu.»

Trong Kiều, Từ-Hải thốt ra một câu hiên-ngang:

*Áo xiêm ràng buộc lấy nhau*

*Vào luồn ra cúi, công hầu mà chi?*

Theo từ-điển Từ-Hải, *nghệ thường* là thường màu cầu vòng.

Sau khi định nghĩa thường là quần, Từ-Hải cho biết thêm, một cách tổng quát, phần trên của y-phục là y, phần dưới là thường. Vậy thường, như đã nói ở trên, có thể là quần hay váy. Ông Huỳnh-Khắc-Dụng cho rằng *Nghệ thường* và *Vũ-y* đều chỉ áo dài để múa và không nên phân biệt nghệ thường với vũ y: «Nghệ-thường et vũ-y signifient indifféremment robe de ballet». [Cung-Dân ngâm-khúc. (Les Plaintes d'une Odelisque), Elégie traduite en français par Tuần-lý Huỳnh-Khắc-Dụng p. 23]. Thiết tưởng không đúng.

Ông Hoàng-Xuân-Hân cho rằng «thường là phần dưới vạt áo phía trước rủ xuống thấp, cũng gọi là xiêm» (Bích-câu-kì-ngộ, tr. 20). Như vậy, theo Hoàng-Quần, thường và xiêm là một; thường hay xiêm chỉ là phần dưới của vạt áo trước, chứ không phải một bộ-phận của y-phục.

Nordemann giảng: «Nghệ-thường là váy hồng-nghê. Phần dưới những quần áo vũ-kỹ thì ruộm đủ các thứ màu của cầu vòng. Người ta kể lại rằng: Dương-Quý-Phi, cung tần vua Minh-Hoàng, xưa hay thích múa theo điệu một bài hát đặt tên là «Váy hồng-nghê và áo ngắn có đính lông chim. Áo đó, chính Dương-Quý-Phi đã sáng tác ra, còn tên áo đó nhắc lại những màu sắc và bản chất những áo mà Dương-Quý-Phi mặc để nhảy theo điệu đó.»

[Chú-thích (19). 36. Dân Việt-Nam phần tiếng Việt, số 1, tháng 5, 1948.]

Maurice Durand dịch lời chú thích của Nordemann và đoạn dịch có chỗ sai: *Jupes arc-en-ciel. Les vêtements inférieurs des danseuses sont colorés de toutes les teintes de l'arc-en-ciel. On raconte aussi que Yang-Koei-Fei, la concubine de l'Empereur Minh-Hoàng aimait à danser sur l'air d'une chanson intitulée «Jupes arc-en-ciel et vestes de plumes.» Elle l'aurait (C: chanaan) (c'est nous qui, avons souligné) elle-même composée et le titre rappellerait la couleur et la nature des vêtements qu'elle portait pour danser sur cet air...» [Note (17). Jupes Arc-en-ciel p. 35, Le Peuple Vietnamien, No 1, Mai 1948.]*

Nghĩa là, nếu chúng ta dịch trở lại tiếng Việt: ... Nàng (Dương-Quý-Phi), đã sáng tác ra bài hát và nhan-đề bài hát nhắc lại màu sắc và bản-chất những quần áo mà nàng mặc để múa theo điệu hát đó.; thành ra: theo câu dịch của Durand thì Dương-Quý-Phi đã sáng tác khúc *Nghệ thường vũ-y*.

Thật ra, Minh-Hoàng đã dạy điệu hát và Quý-Phi đã sáng chế ra xiêm áo Minh-Hoàng muốn ghi nhớ những gì mà Hoàng-Đế đa-tình đã thấy ở cõi tiên, còn Quý-Phi là một tuyệt thế giai nhân, có lẽ thích làm nhà vụng về mà không những bằng nhan-sắc, mà còn bằng vũ-diệu và y-phục nữa.

54 *Múa bài bông* là một điệu múa mỹ lệ; những vũ-nữ đứng xếp thành hai hàng đối diện nhau, mỗi người đeo mỗi vai một cái đèn bằng giấy có kết hoa giả. Do đó, có tên là *múa bài bông* nghĩa là *múa có hoa*.

55 *Đèn cù* là thứ đèn thường treo khi có hội hè lớn.

*Đèn xé rãnh* chỉ những thứ đèn quay giống như đèn cù hay đèn kéo quân.

Những tên ấy căn cứ vào một đặc điểm của cái đèn: cái khung tròn quay (đèn cù); những hình người bán-diện dán ở cái khung quay nhờ hơi nóng và như kéo nhau quay vòng tròn (đèn kéo quân), những khía hõm xuống xé một đèn thành những rãnh (đèn xé rãnh).

Ở Bắc-ninh (Bắc-phần), thứ đèn quay vòng tròn như đèn kéo quân thì gọi là *tàu mã đàng* (đèn ngựa chạy).

56 *Bát Tiên* là tám vị tiên mà hình ảnh được phổ biến ở đời, chường, diễm trạm-trở chung quanh các điện thờ ở đền chùa; đó là: Hán Chung Ly, Trương-Quá-Lão, Hàn-Tương-Tử, Lý-Thiết-Quài, Tào-Quốc-Cửu, Lã-Đông-Tân, Hà Tiên Cô, Lam-Thái-Hòa. Thần thoại liên hệ nổi tiếng nhất là *Bát Tiên quá hải*.

57 Nordemann, *Cổ Văn Tuyền Tập Việt-Nam*, Hà nội, 1898, số 49, trang 42.

58 Nordemann cho *Trống quân* nghĩa là *dây trống quân*. Ông tả kỹ càng cái đàn bầu, có một dây mà ngày nay ta dùng để hòa vào cách hát đó. Vì rằng các người hát, đàn ông, đàn bà, chia ra làm hai phe đối chọi nhau, nên ông cho rằng *quân* nghĩa là *bọn, phường*.

Tại sao *trống quân* lại có nghĩa là *dây trống quân*, làm sao có thể đi từ cái trống đến cái dây?

Cordier giải thích *trống quân* như sau: « *hát trống quân*, hay là hát có kèn trống (mà nhiều tác giả cho là trống của quân đội, nhà binh) là vì có cái đàn mà người ta đánh vào để lấy nhịp »; ông cũng kể cả cái đàn bầu mà Nordemann đã tả.

Rồi ông dựa vào nhiều nhà văn Việt-Nam và cho rằng *trống quân* là *tống quân* nói cái biến: đời xưa, người ta tiễn một nhện vật bằng một câu hát biệt ly. Bọn bè đưa người ra đi đến một địa điểm, mỗi người hát một bài điem tiếng đàn bầu.

Cách giải thích của ông không ăn khớp với bản tính của hát trống quân là một lối hát ái ân vui vẻ giữa trai gái chứ không phải hát biệt ly buồn rầu giữa bọn bè.

Phan Kế Bính thuyết minh giản dị hơn cả. Thoạt kỳ thủy, *trống quân* là một cái trống để ra trận. Sau này, vì không có trống, người ta mới dùng dây đàn để bắt chước tiếng trống. Rồi *trống quân* vẫn dùng để chỉ một cách hát dù không còn kèm tiếng trống nữa. Rồi dây đàn bầu được gọi là *dây trống quân*, vì tiếng hơi giống tiếng *trống quân*.

Thuyết của Phan Kế Bính hợp lý, nhưng có lẽ ông lầm ở chỗ cho rằng hát trống quân mới có từ đời Nguyễn Huệ (cuối thế kỷ thứ 18), mà có từ thời thượng cổ và tiêu biểu cho một xã hội nông-nghiệp trong đó, từ ngàn xưa trai gái âu-yếm ca-hát vui-vẻ theo nhịp của các mùa là điều kiện của công-việc đồng-áng và phát-sinh ra những hội hội đình-đám (fêtes saisonnières).

Người ta dùng một tên mới để chỉ một lối hát cổ. Quân đội đánh nhịp tự nhiên bằng cái *trống quân*, rồi sau này, người ta thay bằng cái đàn hoặc sợi dây đàn mà nhiều nhà văn gọi là *dây trống quân*.

H.V.D... *Cúng ông Táo*, Dân Việt-Nam, phần tiếng Việt, số 1, tháng 5, 1948, trang 57.  
(còn nữa)

## nguyễn - trường - tộ

viết tặng BÙI-BÍCH-NGA

Mở đầu tiểu-sử Nguyễn-Trường-Tộ, *Việt-Nam Nhân-Vật Chí Vựng Biên* viết: 'Cách đây một thế-kỷ ở nước ta có một vi-nhân, tài trí hơn người, đại học-vấn, đại tư-trưởng, đại nghị-luận, mà đời không biết dùng, rốt cục cứ ôm tài trí ấy mà uất ức trọn đời không thi-thố gì được. Thật đáng thương, đáng tiếc biết dường nào! Vi-nhân ấy là ai? là NGUYỄN-TRƯỜNG-TỘ tiên-sinh vậy''.

Đi xa hơn những lời thương tiếc trên, nhà học-giả Đào-Đặng-Vỹ với loạt bài "Nguyễn-Trường-Tộ et son temps" trong báo *La Patrie Annamite* (năm 1937-1938), cho rằng Nguyễn-Trường-Tộ không những là nhà nho tiến-bộ, sáng-suốt nhất thế-kỷ 19, mà còn là một trong những người đồng thời ở Á-Châu và đã uyên thâm nho học, lại thấu-thái được tinh-hoa của nền Tây học nữa. Tài-năng, học-lực ấy theo Đào tiên-sinh, nếu được vua Tự-Đức và triều-đình khai thác, cuộc-diện Việt-Nam kể từ hồi ấy đã thay đổi, mà cả vùng Á-Châu có lẽ cũng sẽ chịu ảnh-hưởng rất nhiều.

Cũng theo Đào tiên-sinh, kể về tài-năng, học lực, Nguyễn-Trường-Tộ là bậc đàn anh so với Y Đẳng Bác Văn (Ito Hirobumi), bạn tha-hương của Nguyễn-Trường-Tộ hồi ở Pháp mà người Nhật đã tôn-sùng như một bậc vi-nhân, nhưng vì hoàn cảnh, thời-thế hai nước khác nhau, người thành công, kẻ tài năng mai một..

Người học sinh khác thường.

Nguyễn-Trường-Tộ sinh năm Minh-Mạng thứ 9 (1828) ở thôn Bùi-Chu, huyện Hưng-Nguyên, tỉnh Nghệ-An. Thân sinh Nguyễn-Trường-Tộ là Cụ Nguyễn-Quốc-Thư, một nhà đông-y lại có tiếng hay chữ, Nguyễn-Trường-Tộ thuộc nhỏ học chữ

nhỏ với cha cho đến năm lên 17 tuổi theo học ông Tú Giai. Thông-minh, lại thêm đặc-biệt có tinh thần cầu-tiến và thực-tế, mỗi lần đọc xong cuốn sách nào hay nghe thầy giảng có điều gì chưa được vừa ý, Nguyễn-Trường-Tộ suy cứu kỹ lưỡng, nhờ thầy giải thích thêm, đến nỗi có chỗ Nguyễn-Trường-Tộ hỏi-han quá cận kề, thầy cũng dậm bị không trả lời được.

Năm Tự-Đức thứ 8 (1855), thầy học cũ là Công-Sinh Hiệu thấy cậu có tài, có chí hơn người liền giới-thiệu đến học với viên Tri-huyện Địa-Linh. Tuy học vậy, nhưng lúc này Nguyễn-Trường-Tộ đã bắt đầu cảm thấy chán lối học từ-chương, hư-vấn mà ước mong có một chương-trình học mới, thực-dụng hơn có thể giúp đời được, trong hiện-tại và tương-lai.

Việc quân Pháp gây hấn ở Đà-Nẵng, hẳn chìm đắm chiến thuyền Việt-Nam năm 1847 đã làm tâm hồn cậu lâu nay giao-động, nay càng thêm dứt-khoát hơn với ý nghĩ bỏ lối học thi-cử để theo đường thực-dụng. Thường thường Nguyễn-Trường-Tộ đi đâu cũng có một cuốn sổ, nghi-ngợi điều gì hay bất thần nhận xét điều gì thì ghi ngay vào. Một hôm cùng thầy và bạn lên núi Lô-Sơn chơi. Trong lúc các bạn đồng-môn kẻ ngắm vịnh, người họa thơ, một mình Nguyễn-Trường-Tộ ngồi ngắm trời đất; quan sát xong Nguyễn-Trường-Tộ hỏi thầy:

— Núi này cao bao nhiêu trượng, tầm rộng bao nhiêu? Hai ngọn núi kia cách nhau mấy thước? Toàn những câu hỏi không làm sao trả lời được vì có bao giờ học đến mà biết.

Học được 3 năm với tri-huyện Địa-Linh, nề lời thầy dạy, Nguyễn-Trường-Tộ chỉ dự thi có một lần.

Đầu đề khảo-thi theo lối văn cử nghiệp: "Xa Giá Tây Đô Trường An Phú", một đề-thi và một lối học Nguyễn-Trường-Tộ lâu hay không mấy thích. Thầy giục lắm, nề lòng Nguyễn-Trường-Tộ mới phải làm. Chấm bài thi, kết quả Nguyễn-Trường-Tộ đỗ đầu, lúc bấy giờ mới 27 tuổi. Như thế đủ rõ tài văn-chương của Nguyễn-Trường-Tộ nào kém ai! Nếu muốn tiếp tục trau-đồi huấn hớ trên đường cử-nghiệp, hẳn cũng ngất-ngưỡng bằng vàng bia đá như ai. Nhưng thấy rõ lối học lối-thời ấy không bổ ích gì trong thực-tế, suốt đời chàng trai thôn Bùi-Chu không thi cử

gi thêm nữa.

Năm Tự-Đức thứ 11, miễn tài học người tin-hữu minh, cha sở họ đạo Tân Ấp mời Nguyễn-Trường-Tộ đến dạy Hán-tự. Đức Giám-Mục Gautier (Đức Cha Hậu) thoáng nhìn ông thấy đồ mới về mặt thông-minh, ăn nói hoạt bát, bèn ra công dạy cho học chữ, Pháp cũng một ít môn khoa-học phổ-thông và dần dà tìm sách báo Âu-Châu đã được dịch ra Hán-văn đưa cho đọc. Mời có hơn 2 năm gần gũi đức Cha Gautier, sức học Nguyễn-Trường-Tộ đã tiến bộ khá nhiều. Năm 1860 (năm Tự-Đức thứ 13), hoàn-cảnh cấm đạo trong nước không cho phép đức Cha Hậu ở lại với đoàn chiên. Trở về nước, đức Cha Hậu mang theo người giáo-hữu thông-minh khác thường ấy. Lúc này Nguyễn-Trường-Tộ được 31 tuổi. Trên đường về Pháp, hai thầy trò ghé lại La-Mã, vào bệ kiến đức Giáo-Hoàng.

Lưu học tại Ba-Lê trong 3 năm, Nguyễn-Trường-Tộ không bỏ qua môn học nào. Khảo cứu từ chính-trị, kinh-tế sang thương-mại, kỹ-nghệ, Nguyễn-Trường-Tộ học hỏi, tìm tòi cả đến các khoa kiến-trúc, mỹ-nghệ, quân-sự. Môn học nào Nguyễn-Trường-Tộ cũng chăm chú ghi chép, hỏi han đến tận cùng vì môn học nào đối với ông cũng mới lạ, cũng bổ ích vì tánh cách thực-dụng của nó. Tất cả những tài-liệu, sách vở quý báu ấy học hỏi, nghiên cứu được, Nguyễn-Trường-Tộ thu-thập kỹ-lưỡng mong ngày kia về nước sẽ dịp đem ra áp dụng<sup>1</sup>.

Vi hoàn-cảnh phải tha hương, nhưng tuy lao-đạo lận đận ở quê người, lòng Nguyễn-Trường-Tộ vẫn hướng về tổ-quốc hy-vọng ngày kia sẽ có dịp đem tài học mình ra giúp nước như trong bức thơ trần-tình gửi về Triều-dinh (ngày 20 tháng ba năm Tự-Đức thứ 16 (7.5.1863) Nguyễn-Trường-Tộ đã viết:

"Tôi nay phiêu lưu ở hải ngoại, trong nhà không có hệ-lụy vợ con, ở ngoài không bị ai kiềm chế, mà lòng vẫn nghĩ đến tổ-quốc, muốn diệt quân xâm lăng. Sau này mà thành sự cũng biết rõ rằng khó tránh khỏi lời nghi-luận ghen ghét, và cũng

<sup>1</sup> Theo một vài tác giả viết về Nguyễn-Trường-Tộ thì những sách vở, tài-liệu này trên đường từ Hương-Cảng về nước giữa đường bị giặc bẻ cướp mất chỉ còn lại mấy bộ sách bằng Hán-văn.



biết rằng tội trước khó chuộc, mà tài của người ta là cái mối chuộc lấy tai họa. Lại nữa tôi vốn tin theo đạo giáo, phạm sự được thua, sang hèn ở đời đều coi là ngoại vật, duy chỉ giữ lấy điều chí quý của con người ở trong thân là đủ rồi. Nhưng mà thấy có sự bất-bình của người nào, thì tất cũng đem thân mà giúp không mong gì ai đền ơn cả. Duy kỳ không mong gì đền ơn, mới có thể làm được việc phi thường mà không nề hà gì...

"Dám mong quan lớn bỏ ngoài giới hạn, mà soi xét sự không may của tôi, bỏ hình-tích, chỉ xét đến tâm lòng. Nếu có thể dùng được chút nào chẳng, tôi sẽ kính dâng các điều: Thiên hạ chân hợp đại thể luận, Tế cấp luận và Giáo môn luận, để cho nước ở khe lạch cũng được do các sông lớn mà thông ra biển; hoặc có thể giúp vào việc nước, việc dân chút nào chẳng. Như thế thì tôi tuy có chết ở đất man-di cũng có thể được gọi là không vong bản"<sup>2</sup>.

Trên đường về cố hương, tàu ghé lại Hương-cảng. Tại đây Nguyễn-Trường-Tộ tiếp xúc, làm quen với các giới văn-học, và kinh-tế Trung-Hoa, những bạn hữu mà sau này Nguyễn-Trường-Tộ định sẽ nhờ cậy trong vấn đề phát-triển kinh tài cần-thiết cho xứ sở.

Những ngày lặn-dạn.

Ba mươi tư tuổi trở về quê-hương, cái tuổi hăng say hoạt động; càng hăng say hơn khi người trai họ Nguyễn đang ôm mộng cải cách đất nước đem phú cường về cho quốc-dân xứ-sở.

Đất nước Việt-Nam lúc này (năm 1862) đang trải qua một thời kỳ loạn-ly, khủng-hoảng đến cùng độ. Xâm-lăng bên ngoài, biến-loạn bên trong như giặc Tam Đường ở Thái-Nguyên, loạn Cai Tông Vàng ở Bắc-Ninh, Cờ Đen, Cờ Vàng đang khuấy phá ở Miền Thượng Du Bắc-Việt, âm mưu đảo-chính ở kinh đô của Hưởng Bảo...

Nhân tâm ly-tán, mọi người nơm-nớp lo sợ cho ngày mai. Cả cơ-

<sup>2</sup> Nguyễn-văn bằng chữ Hán, trích tạp-chí Nam Phong, Bản dịch Việt-Văn của Nông-Sơn (Văn-Hóa Á-Châu).

đồ, sự-nghiệp nhà Nguyễn cơ hồ muốn sụp đổ trong phút chốc. Trước hoàn-cảnh đó, thấy rõ hơn ai cả, Nguyễn-Trường-Tộ không thể đứng nhìn. Du học về, nguyện vọng của Nguyễn-Trường-Tộ là làm sao đem cái học thức, hiểu biết của mình ra áp dụng, phổ biến trong đồng bào dân chúng. Nhưng vì hoàn cảnh, cứ lặn dạn lọng đong mại, vẫn chưa xoay trở được trong lúc tình thế bên ngoài mỗi ngày một thấy cấp bách hơn.

Vốn thông thạo Pháp-văn, trong lúc người Pháp đang cần người, muốn có địa-vị, danh vọng lúc này đối với ông không phải là việc khó. Nhưng đó không phải là chí nguyện, hoài bão của con người đầy chí khí như Nguyễn-Trường-Tộ.

Nam-kỳ đã bị người Pháp chiếm-đóng, miền Trung cũng đang bị dòm ngó. Nguyễn-Trường-Tộ nóng lòng muốn thấy đất nước mau thoát khỏi tình trạng chậm-tiến, bế tắc bằng giải-pháp hòa-bình, giao thiệp với các nước Âu-Châu vì đó là con đường cứu-quốc duy nhất trong hoàn cảnh lúc bấy giờ:

"...Hãy tạm cho dân nghỉ, giữ vững lấy căn bản. Dân có được yên, nhiên hậu phái người hiền tài đi các nước tìm học lấy phương pháp Công-Thủ Ly-Hợp của các nước lớn, ở lâu bên nước chúng mà do đức, do lực, biết hết tình-trạng của chúng. Có học giỏi thời mới có tinh-xảo, rồi mới mạnh được: dưỡng oai xúc nhuệ, đợi thời mà hành động, bị mất đảng này thì sẽ lấy lại đảng khác, chưa phải muộn gì..." (Khải Trần Tình, Bản dịch của Nông-Sơn. — Văn-hóa Á-Châu).

Với chủ-dịch và kỳ-vọng đó, Nguyễn-Trường-Tộ nhận lời làm thông-ngôn trong cuộc điều-đinh giữa Việt-Nam và phái bộ Charner. Cứ vào tình hình chính-trị và quân-sự lúc bấy giờ, nhiệm vụ này thật vô cùng khó-khăn, tế-nhi như Nguyễn-Trường-Tộ đã trần tình:

"...Tuy rằng thân tôi như mũi tên đặt lên đầu cung, mà trong đó các vị nói năng cần phải giữ; phạm những tiếng khinh mạn, thô-tục tất phải sửa đổi ngay, để được thẳng-thần nhả-nhận. Cờ-nhân ở trong chốn hàng trận vẫn không trái lễ nghĩa vua tôi. Chỉ một việc này có thể làm nên danh được, mà tôi

thể không cậy nhờ quyền thế của chúng.

"Lại còn ở trong đó điều đình, làm bớt sự hà-hắc của họ để cứu khổ cho dân. Phạm các sự giúp đỡ ngầm ngầm đó, không lấy làm khoe khoang; gặp có việc gì mà quan của Triều-đình bị nhọc, tất phải coi như cha mẹ, ngấm ngấm cung kính an-ủi liệu cách cứu-xử để tránh sự ngược-đãi của chúng; nhưng cũng phải bênh-vực thế nào không để lộ hình-tích, sợ chúng ngờ vực."

"... Nay tôi ở Gia-định, ở vào hoàn-cảnh tang-tổ. Ngoài từ thóc viên của Triều-đình, duy còn có một mình tôi, vì rằng trước đây đồng-hành với chúng, bắt đầu đi mà phải dùng cách thâm ở với Hán, mà lòng vẫn nghĩ đến Hán. Thâm-tâm tuy không có gì đáng hổ thẹn, những hình-tích của mình ai lường cho. Có ai có nhiều người vì tôi được mà cứ phải đi dài. Tuy ở nước khác, mà mỗi người một chí hướng, chưa từng lãng quên cố-quốc.

"Sở-di các kỳ si không gặp vận may thường đến thân danh đều bại-hoại, không lấy lại được; những khi-khái uất-ức lâm-ly đem chôn vùi ở nơi cát vàng, cỏ úa mới thôi. Chính là việc hiện nay của tôi. Tuy cảnh-ngộ có hơi khác, nhưng bản-linh vẫn không biến đổi, sống bên cạnh chúng mà thể không bày mưu chước gì cho chúng... (Khải Trần Tình, bản dịch của Nông-sơn, Văn-hóa Á-Châu).

Tâm sự bộc-lộ cũng như việc làm, lòng trung-nghĩa của tiên-sinh thật đã rõ ràng. Nhận làm thông-ngôn chỉ vì chủ đích cứu quốc. Và đã làm thì phải cố gắng bảo-tồn nhân-cách, giúp ích người đồng bang; khó khăn, nhưng làm sao ý-nghĩ, hành động mình ảnh-hưởng đến công việc giúp nước sau cùng. Mục đích hành-động Nguyễn-Trường-Tộ là như vậy.

Bênh vực quốc-thể, giữ gìn uy-tín cho triều đình trong khi phiên dịch các giấy tờ, văn kiện như đã làm trên khi sang vào phái bộ Charner đối với Nguyễn-Trường-Tộ chỉ là việc làm nhỏ có tính cách nhất-thời. Chẳng qua chưa làm được gì lớn lao hơn đành tạm gắng-gượng thế thôi. Ước vọng độc nhất của tiên-sinh trước viễn ảnh đen tối của nước nhà là làm sao tìm con đường hòa-bình để kịp thời canh tân xã-hội. Đất nước có hùng mạnh mọi-mong được đối-đãi bình-đẳng với đối-phương, nhất là khi đối-phương đó đã làm chủ một phần đất của mình.

Dù biết được qua sự tiếp-xúc với Phái-bộ Pháp, ba tỉnh Nam kỳ còn

lại sẽ bị thôn-tính luôn, Nguyễn-Trường-Tộ mật viết thư sai người đem đến cho Nguyễn-Tri-Phương. Nội-dung bức thư đại ý tỏ bày thiệt hơn, nên quyền biến lựa cách điều đình sớm để cứu-vãn tình thế. Nguyễn-Trường-Tộ cũng yêu cầu Nguyễn-Tri-Phương cho người đến gặp riêng để bàn kỹ hơn vấn đề.

Đợi mãi không thấy ai đến, rồi Charner xuống tàu về nước. Cơ-hội bỏ lỡ, ông dậm chân thở dài, cho rằng có lẽ lòng trời muốn thế, mưu người khó cưỡng lại. Tâm-sự này Nguyễn-Trường-Tộ sau đó lại tỏ bày cùng Phan-Thanh-Giản trong một bức thư có câu: "Ly hoa tha niên chưng khắc phục, Quang kim thủ độ tạm xưng hùng"<sup>3</sup>.

Biết công việc mình làm sẽ không đi đến đâu, sau mấy tháng làm việc, Nguyễn-Trường-Tộ xin từ chức trở về quê.

Đất nước bên trong rối rên, bên ngoài thua kém ngoại bang về đủ mọi phương-diện. Triều-đình lại chân chủ, chấp nề, đổ-ty, còn làm gì hơn được nữa nếu không báo nguy lên nhà vua, cảnh-tình giới sĩ-phu mà tiên-sinh cho rằng có trách-nhiệm trước thời cuộc đất nước.

"Hiện nay Quân Pháp đã chiếm mất tỉnh Gia-Định và các Phủ Huyện tỉnh ấy. Họ đã cho đào hào, đắp lũy, khác nào hổ đã về núi, rồng đã ra bể rồi. Nay ta muốn đóng chặt thành, mong quân họ phải chết thì cũng như muốn quét sạch lá rừng hay tát cạn nước biển. Lúc này không bàn hòa mà chỉ bàn đánh có khác chi muốn cứu lửa mà lại đổ dầu thêm. Tôi đã xét rõ sự thế và cho rằng chỉ có sự giao-hào là thượng-sách mà thôi.

"... Nếu ta không theo thời mà ứng-biến, nếu ta không chịu nhường một phần đất để giữ lấy nền tự-chủ, nếu chẳng may ta bị thua vỡ tan nát thì ta sẽ mất tất cả đất đai còn lại của nước ta. Các bậc có chí giữ lấy thiên-hạ bao giờ cũng biết đành chịu những điều thiệt nhỏ để giữ lấy cái lợi lớn.

"... Nuôi chí lấy hơi sức, đợi thời mà hành-động thì cái mất buổi sáng, tôi có thể thu lại, cũng chưa muộn gì (Điều trần Thiên hạ đại-thế — Bản dịch của Nông-Sơn, Văn-hóa Á-Châu.)

<sup>3</sup> Thời kỳ khảo-phục đất đã mất, đã có dự định sau này, theo con đường ấy thì mới được, không phải tìm ở bản quốc, phải tìm ở thiên hạ mới xong.

Lời lẽ thiết-tha, suy xét, cân nhắc lợi hại rõ ràng, nhận định tình thế chính xác thur thế, nhưng Triều-đình vẫn như mù-tịt không mảy-may hiểu biết gì về thời-cuộc. Phải kêu gào thật to hơn, nhưng còn sợ Triều-đình không nghe, Nguyễn-Trường-Tộ phải tự nguyện đem thân mình bảo đảm cho lời nói:

"... Hàn Công nói: Biết mà không nói là bất nhân, nói mà không hết lời là bất nghĩa. Thế cho nên thân tôi tuy ở chốn giang hồ mà lòng vẫn gửi nơi để khuyết. Tôi không nở nhìn nước nhà đổ nát, trăm họ lưu ly, cho nên không xét phận hèn mọn mà dám phạm vào lời nói ngay thẳng. Nếu cho lời tôi nói là khí trá hoặc có ai xúi dục, xin đem tờ biểu này treo ở quốc môn để sau này làm chứng..." (Điều trần về Thời-sự ngày 3-9-1866).

#### Mộng ước không thành

Một mặt dâng biểu, một mặt tiên-sinh phụng mạng vua lên đường sang Pháp (tháng 9 năm 1866 năm Tự-Đức thứ 19) cùng với đức Giám-Mục Gautier, Linh-Mục Nguyễn-Điền và hai tùy-viên Trần-Vân-Đạo, Nguyễn-Tăng-Đoãn. Phái bộ này sang Pháp theo lời thỉnh cầu của tiên-sinh, có nhiệm-vụ mua các sách báo tài-liệu về khoa-học, địa-chất-học, hải-quân, phương pháp biến chế quân nhu, vũ khí cũng tuyển mộ các chuyên-viên, kỹ-sư, giáo-sư về nước mở trường dạy học theo lối Âu-Tây.

Nhưng ra đi vui vẻ bao nhiêu, đến nơi chưa được mấy ngày thì Triều-đình vịn vào tình hình rối ren, hai lần gọi giấy gọi về. Tiên-sinh đành tuân lệnh đình-chỉ mọi việc để sớm về nước.

Không buồn rầu sao được khi từ Pháp, mặc dù bận-rộn công việc, nhưng tin tưởng ở sự quyết đoán của nhà vua, tiên-sinh thảo sớ trình Viện Cơ Mật về vấn đề khai mở Triều-đình đang thương-lượng với một Công-Ty Pháp. Đồng thời với sự xúc tiến đó, tiên sinh gửi thêm, cũng từ Pháp về Huế, một bức trần tình quan trọng khác, bản Tế Cấp Bất điều.

Hoài-bảo, ước-vọng Nguyễn-Trường-Tộ to lớn như vậy, kết quả trái lại không làm được gì. Tiên-sinh đâm buồn rầu, thấy mình bất lực trước thái độ thủ-cựu đố-kỵ của Triều-đình.

Đất nước mỗi lúc một rối ren, bệnh mỗi ngày một nặng thêm, tiên-sinh ở nay phải nằm nhà không đi đâu được. Còn gì khổ tâm bằng khi muốn nói

muốn kêu gào thật to mà không ai nghe, muốn hoạt-động mà phải nằm yên một nơi. Mọi cố gắng hầu như tan biến theo hư-không mây khói. Nhưng tuy thất-vọng, chán-chường vẫn một lòng, một dạ không đổi chí, như có lần tiên-sinh đã tâm-sự với cụ Phan-Thanh-Giản:

*Nhật ngữ tuy vô hồi chiếu xứ,*

*Quỳ tâm nhưng hữu hướng dương thâm*<sup>4</sup>

Tình hình lại thêm biến chuyển mau lẹ và càng biến chuyển càng có lợi cho đối-phương. Nhưng cả sĩ-phu và Triều-đình vẫn không thôi nuôi ảo-vọng tìm cách khôi phục lại Nam-kỳ trong khi Nguyễn-Trường-Tộ hiểu rõ thời-thế, biết là chưa thể nào thực hiện được với hoàn cảnh yếu kém của nước ta hồi đó.

Khi ở Pháp về, trước lời bàn nghị của Triều-đình nên gửi một Phái-bộ sang Pháp chuộc lại các tỉnh Miền Đông, Nguyễn-Trường-Tộ đã dâng sớ bày tỏ sự vô hiệu của công cuộc vận-động này. Đối với Nguyễn-Trường-Tộ, người quá hiểu tình-hình ta và địch, công việc chính là cấp thời chấn chỉnh nội-bộ và canh tân xứ-sở cho bằng người, phải tỏ cho địch thấy sức mạnh của nước mình trước mới nói chuyện điều-đình với họ sau.

Năm 1868, Nguyễn-Trường-Tộ được chỉ sang công-cán bên Pháp và hai năm sau, ngày 11 tháng chạp năm Tự-Đức thứ 23 (1870) lại được triệu mời đưa một phái đoàn du học sinh sang Pháp, nhưng tiên-sinh không đi được vì bệnh nặng, Triều-đình liền cử Linh-Mục Nguyễn-Điền đi thay.

Thế rồi bệnh tình mỗi lúc một trầm-trọng, thân sắp tàn, lực sắp kiệt, Nguyễn-Trường-Tộ còn gắng-gượng một lần chót đem hết sức lực của tim óc mình viết lên những lời tâm-huyết khác. Đó là bản điều-trần cuối cùng về Nông-Chính và Học-Tập Trữ Tài.

"Hiện nay tôi đau bệnh tê-thấp, gần thành người phế tật, phải nằm ngửa trên giường mà viết". Không oán-hờn, không trách móc, khi ý-kiến mình không được nghe. Đất nước còn điêu linh, dân trí còn thấp kém, quốc-dân, Triều-đình còn chưa thức tỉnh, Nguyễn-Trường-Tộ còn chưa chịu đầu hàng về ước-vọng cải-cách.

Những bản điều trần dâng lên vua được hơn một tháng, thì ngày 10 tháng 10

<sup>4</sup> Lòng như hoa quỳ vẫn hướng về mặt trời, mặc dù mặt trời chẳng soi đến.

năm Tân-Vị (22-11-1871) Nguyễn-Trường-Tộ mất, thọ 41 tuổi, để lại hai câu thơ ngẫu hứng :

*Nhất thất tác thành thiên cổ hận*

*Tái hồi đầu thị bách niên thân.*

như một lời di-chức trao lại cho quốc dân.

#### Chương-trình cải-cách của Nguyễn-Trường-Tộ.

Đề cứu-vãn tình thế suy đốn, làm sao cho phú quốc cường dân hùng dũng thực lực đối phó với cuộc xâm lăng của Pháp, theo Nguyễn-Trường-Tộ phải có một cuộc cải-cách sâu rộng, một cuộc chấn-chỉnh toàn diện quốc gia. Canh cánh bên lòng chủ-trương cách mạng cứu-quốc đó, kể từ khi theo đức Cha Gautier sang Pháp du học, trở về nước xong trở sang Pháp công cán, cho đến ngày uất-ức, buồn rầu lâm bệnh nặng, trước sau Nguyễn-Trường-Tộ đã dâng lên nhà vua và Triều-đình mười mấy bản điều trần như :

Điều trần về tôn-giáo (29-3-1863).

Điều trần Lục-Lợi (bản về sáu điều lợi) từ 1-9-1866).

Điều trần Du-học Ngoại-quốc (12-7 — 9-8-1866).

Điều trần về thời sự (3-9-1866).

Điều trần Tế Cấp Bát Điều (bản về 8 điều cấp cứu, 15-11-1867).

Điều trần giao thông sự Nghi Bầm Minh (Trình bày cụ-sự nghi về việc giao thông với nước Ngoài) 12-3-1867.

Điều trần về việc Thông-Thương với nước ngoài 30-3-1871.

Điều trần về tình hình Tây-Phương (16-9-1871).

Điều trần về Tu chính Võ Bị (19-6-1871).

Điều trần về Nông-Chính (4-10-1871).

Điều trần về kinh-tế (20 tháng 8 năm Tự-đức thứ 24).

Điều trần Học tập Trữ-tài trần thỉnh tập (14-10 — 12-11-1871).

Và mấy bản khác không ghi rõ ngày tháng.

Các bản điều-trần này bao gồm cả một chương-trình cải-tạo, canh tân xứ sở về đủ các phương-diện chính-trị, giáo-dục, xã hội, kinh-tế, tài-chánh, võ bị và ngoại giao. Những vấn đề này liên quan mật thiết với nhau ; để hiểu rõ hơn tài-năng Nguyễn-Trường-Tộ, chúng ta thử tổng-hợp đại-cương nội-dung các bản

điều-trần nói trên.

#### 1. Về Chính-trị.

Là một nhà nho, Nguyễn-Trường-Tộ chủ trương "quốc vị là quý, quan vị là trọng". Muốn cải tạo xã-hội, trước hết phải cải tạo bộ máy quan lại Triều-đình từ trung ương xuống đến phủ huyện. Nên hành-chánh cũ đã lỗi-thời, phải cải-tổ lại ; đó là ý kiến dứt khoát của tiên-sinh.

Cần chăm-chước, dung-hòa chế độ dân-chủ của Tây-Phương khi đem áp dụng vào nước ta để những người tài giỏi trong dân chúng được tham gia ý kiến về việc nước. Đề quan lại không chuyên-chế, độc-tài, quốc-gia cần phải áp dụng chế độ pháp-trị. Cần phải biệt lập hai quyền hành-pháp và tư-pháp. Cần phải nghiêm trị sự hối-lộ và bất công. Thực hiện được những điều này, tức là tạo được căn-bản cho một nền chính-trị vững mạnh.

#### 2. Về Giáo-dục.

Muốn có người tài-đức ra làm quan, giúp việc Triều-đình nhà nước phải huấn luyện nhân tài, phải cải cách giáo-dục. Lối học cũ đã lỗi thời vì chú trọng từ chương và hư văn. Ông Nghè, Ông Cống dù đỗ đạt đến đâu đi nữa lâu nay cũng chỉ biết gọt dũa văn chương, ngâm nga thi phú. Gặp vấn-đề cấp bách, thông thường đến mấy, mà không biết đường giải-quyết thì cái học đó cũng vô dụng.

"... Ngoài Trung-Quốc, Nhật-bản, Cao-ly và nước ta ra, không còn nước nào đem văn chương mà lựa chọn nhân tài. Mà thực ra, thi phú cũng chẳng đặng lui được giặc giã. Lối học cũ là cái lò đào luyện một hạng người vô dụng, cản trở sự tiến bộ của Quốc-gia". Theo Nguyễn-Trường-Tộ thì bọn hủ nho có trách nhiệm trước đất nước. Chính vì lớp hủ nho lạc-hậu, phản-động này mà nước nhà còn suy yếu, dân trí còn thấp kém mãi.

Muốn thích hợp với sự tiến bộ chung trên thế-giới phải thiết lập những môn học mới có lợi ích thiết thực như ngoại-ngữ, luật-học, cơ-học, canh-nông, kỹ nghệ, vạn-vật học, địa-lý học. Về ngoại-ngữ, Nguyễn-Trường-Tộ cho rằng không phải chỉ học tiếng các cường quốc Âu-Tây, mà phải thông thạo ngôn-ngữ các nước Á-Châu, nhất là các nước láng giềng như Trung-Hoa, Chà-Và, Thái, Lào, Mên, Mọi...

Ngoài việc đề-nghị gởi du học sinh ra ngoại-quốc, Nguyễn-Trường-Tộ còn đề-nghị mời giáo-sư ngoại-quốc đến dạy học nhờ họ dịch sách kỹ-thuật và khoa học Âu-Tây để phổ-biến trong lớp nho sĩ. Đề nghị cấp tiến và táo bạo nhất của Nguyễn-Trường Tộ là dùng quốc âm thay thế chữ nho vay mượn của người ngoài đã không xứng đáng với một quốc-gia tự chủ mà còn bất tiện, khó học. Không những dùng quốc âm trong học-đường mà cả trong công việc hành-chánh, cai-trị nữa.

"...Nước nào có chữ nước ấy là khi đọc chữ lên thành ngay ra tiếng nói hằng ngày, ai nấy đều hiểu. Thế mà nước ta chỉ vì quá trọng một thứ chữ ngoại-quốc không dám đặt ra một thứ chữ bản quốc mà dùng... Nếu có thứ chữ riêng riêng âm ta thì việc học ở nước ta sẽ dễ dàng biết chừng nào. (Điều trần : Tế Cấp Bất Điều).

### 3. Về Xã-hội.

Nước nhà đã được cai-trị xứng đáng rồi, nhưng muốn bền vững, xã-hội phải lành mạnh, vậy phải cấp thời cải-tạo xã-hội. Chú trọng đến sự cải lương phong tục nhân dân, Nguyễn-Trường-Tộ nêu ra ba tính xấu thông thường của dân ta hồi đó : ích-kỷ (không biết trọng công ích công lợi) lười-biếng và mê-tin.

Nguyễn-Trường-Tộ đề nghị những kế hoạch thiết thực như đánh thuế nặng về xa-xì và du-hí để ngăn chặn bớt thói ăn chơi, nghiêm cấm tệ-tục ở hương thôn. Nguyễn-Trường-Tộ cũng chú ý đến việc giáo hóa bọn côn đồ vô lại cùng những phạm-nhân để họ trở thành những phần-tử hữu dụng cho xã-hội.

Để hỗ trợ cho cuộc cải cách xã-hội, Nguyễn-Trường-Tộ đề nghị thêm nhiều kế hoạch cứu-tế xã-hội khác như lập các hội từ thiện tương trợ, các nhà dục-anh mà Nguyễn-Trường-Tộ đề-nghị trong buổi đầu nên mời các hội, dòng tu công-giáo nhờ họ trông nom, điều khiển như ở Âu-Châu.

### 4. Về Kinh-tế.

Dân có giàu, nước mới mạnh và dân-sinh mới hạnh-phúc. Cải cách chính-trị, giáo-dục là để nâng cao dân trí, cho nước mau mạnh.

Nhưng nước muốn mạnh, trước hết dân phải giàu, vậy phải lo vấn đề sinh tài.

"...Quốc-gia cũng là đại gia-đình của muôn dân, không dạy cho dân biết làm giàu mà chỉ biết thu thuế, không dạy dân biết cách dưỡng dục mà chỉ đòi hỏi cung-cấp mọi khoản, gọi là cha mẹ nuôi dân thế nào được (Điều trần ngày 20-8 năm Tự-Đức thứ 24).

Phương pháp sinh tài của Nguyễn-Trường-Tộ không ngoài 3 phần chính :

#### a. Canh-nông

Nông-nghiệp là nền tảng kinh-tế xưa nay của nước ta. Nhưng kỹ-thuật nông-nghiệp ta còn cở sơ, thô vụng vì trí thức, hiểu biết của nông-dân ta còn thấp kém. Nông nghiệp vì thế không phát đạt, nông dân còn đói khổ. Ngoài ra nông dân còn phải chịu hai tai nạn : hạn hán và bão lụt. Lỗi lầm chính vì Triều-đình không biết chăm lo đến chính sách canh-nông. Muốn cải tiến, trước hết phải huấn luyện nông dân hiểu biết về cái nghề của họ. Cần soạn sách canh nông phổ biến trong nông dân ; đặt ra ngạch nông quan từ cấp trung ương đến cấp huyện xã để hướng dẫn, giảng dạy dân chúng trong việc làm ruộng trồng cây. Hiện nay thiên hạ còn có sách có người, mà sách nho nói về nghề nông cũng nhiều, sao không tìm tòi rộng ra mà chỉ soạn toàn sách văn-chương, khi dói có thể nấu chữ mà ăn được đâu? (Điều-trần ngày 20 tháng 8 năm Tự-Đức thứ 24).

Để đề phòng nạn hạn và nạn lụt, Nguyễn-Trường-Tộ trình bày cặn kẽ cả một kế hoạch công-tác trị thủy (đắp đê, khai cừ) và dẫn thủy nhập điền.

Để tăng thêm nguồn lợi cho dân, Nguyễn-Trường-Tộ đề nghị chính sách dinh-diễn, khẩn hoang và di-dân với kế hoạch áp dụng rất tỉ mỉ, chu đáo. Sự rằng để dân chúng khẩn hoang bừa bãi sẽ có hại đến rừng rú, Nguyễn-Trường-Tộ đề nghị thêm một chương-trình bảo vệ rừng rú, bảo tồn thiên nhiên rất tiến-bộ.

Cuối cùng, muốn khuyến khích nông nghiệp, tăng gia mức sản xuất, Nguyễn-Trường-Tộ đề-nghị nhà nước mở các cuộc triển lãm, đấu xảo về canh nông, cấp bằng thưởng-lệ, huy chương cho những nông dân có công lao trong việc tăng gia sản-xuất.

## b. Kỹ-nghệ

Muốn mở mang kỹ nghệ phải tỏ cho dân biết nhà nước không những quý trọng "kẻ sĩ" mà cũng quý trọng "nhà nghề" nữa.

Muốn cho dân biết kỹ-nghệ, phải có trường, có thầy và có sách. Nguyễn-Trường-Tộ lưu ý Triều-đình về việc khai mỏ (khai những mỏ người mình đã biết như mỏ đồng, mỏ sắt và tìm những mỏ chưa biết như than đá). Ngoài việc đề-nghị cho người đi học nghề khai mỏ ở ngoại quốc, Nguyễn-Trường-Tộ còn thỉnh nguyện tự mình đi khảo sát các nơi để tìm mạch lạc của khoáng chất, lập bản đồ và tiếp xúc với các công-ty hầm mỏ ngoại quốc.

## c. Thương-mại

Muốn mở mang việc buôn bán, trước hết phải có đường giao thông tiện lợi, phải mở mang thêm đường sá. Nguyễn-Trường-Tộ thỉnh nguyện điều khiển việc đào một con sông từ Hải-Dương đến kinh thành.

Về vận tải, Nguyễn-Trường-Tộ đề nghị: đóng thuyền theo kiểu Tây-phương (thuyền nhỏ mà chở được nhiều) và đắp đường dọc hai bên bờ sông, dùng bò ngựa để kéo thuyền để đỡ sức cho người.

Nguyễn-Trường-Tộ cũng chủ trương việc giao thương với ngoại quốc, cách thức đem hàng hóa ra bán ở nước ngoài làm sao cho có lợi.

Để bảo vệ sự đi lại trên mặt biển, Nguyễn-Trường-Tộ phác họa cả một chương-trình thành lập đội tuần dương để tiêu trừ giặc Tàu Ô.

Để bảo vệ sản phẩm trong nước, Nguyễn-Trường-Tộ chủ trương chế độ bảo hộ mậu dịch. Song song với việc xin Triều-Đình lập các công ty thương mại và trọng thưởng những người góp vốn từ trăm vạn trở lên, Nguyễn-Trường-Tộ còn đề nghị mở mang các thị-xã theo quy mô chính trang các nước tân tiến.

## 5. Về Tài-chánh.

Chủ-chốt của tài chánh là thuế khóa. Nhưng muốn cho thuế khóa được dồi dào mà công-bằng phải biết rõ tình hình nhân-khẩu, tài-lực trong nước.

Nguyễn-Trường-Tộ đề xướng phương-pháp thống kê, việc kiểm tra các thị-nghuyên, nhân khẩu, đặc điểm và thiết lập bản đồ.

"...Một nước có núi sông, ruộng đất hiện cương cũng như một nhà có vườn

áo, điền thổ, nếu người gia chủ không biết hết cơ nghiệp mình có cơ đồ là thứ gì, bao nhiêu, tức là thiếu sót lớn về gia đạo. Triều-đình vì với nhà dân thì lại rộng lớn khác xa, việc kinh lý phải rõ ràng hơn mới hợp thể-thống. Nay không biết hết tỉ mỉ, chỉ biết đại cương thôi các điều như tôi trình bày trên, thật rất thiếu sót về quốc thể. (Điều trần ngày 20.8, năm Tự-Đức thứ 24).

Những công-tác trên thi-hành cần thận, đầy đủ thì thuế khóa, theo Nguyễn-Trường-Tộ, sẽ công-bằng hơn mà việc cai-trị cũng dễ-dàng.

Về chế độ thuế khóa, Nguyễn-Trường-Tộ chủ trương tính cách công-bằng, hợp lý trong việc thu thuế, như bãi bỏ lệ miễn sưu lâu nay dành cho hạng khố-sinh và tùy theo gia thế mà đánh thuế đình; so sánh vốn canh tác và số hoa lợi mà thu thuế diển cho phân minh.

Nguyễn-Trường-Tộ cũng đề-nghị đặt thêm các loại thuế xa-xỉ, thuế du-hí (như chè Tàu, tơ lụa Tàu, thuế rượu, thuốc lá, thuế đồ bạc và thuế hí trường) tăng thuế nhập cảng, thuế đánh vào hạng người giàu có được hưởng nhiều ân huệ và có nhiều quyền lợi phải bảo vệ.

## 6. Về võ-bị.

Muốn giữ nước, phải có võ bị mà Nguyễn-Trường-Tộ cho là vấn đề khẩn cấp trong hiện tình nên thường nhắc đi nhắc lại trong các bản điều-trần.

Muốn chấn chỉnh võ bị, phải cải đổi tâm lý trọng văn khinh võ lâu nay của dân ta, phải hậu đãi quân lính để ngành võ-bị được tôn trọng. "Đến khi hữu sự, nếu không có võ-bị trấn áp, thì tất nhiên cả quốc gia, quan quyền, luật lệ, chính trị phải giao vào tay giặc, phỏng các quan văn lấy gì mà trị nước." (Điều trần Tế cấp bát điều).

Theo Nguyễn-Trường-Tộ, phải phát huy tinh-thần thượng võ, phải chú trọng việc đào luyện tướng sĩ bằng cách mở trường võ bị ở mỗi tỉnh. Đề phù hợp với tình hình quân-sự mới, phải mời huấn luyện viên ngoại quốc đến hợp lực với võ quan ta, giảng dạy cho quân đội ta chiến-lược, chiến-thuật mới.

Nguyễn-Trường-Tộ cũng đề-nghị một chương-trình và chính sách tuyển binh nuôi quân và dưỡng quân, việc thành lập đội quân thường trực và chế tạo vũ khí.

Về chương-trình tổ chức lực lượng và thủy quân, bảo vệ, canh phòng duyên

hải và phòng thủ biên giới, kỹ-thuật thực hiện công sự-bổ phòng, Nguyễn-Trường-Tộ trình bày một kế-hoạch khá đầy đủ như một nhà chuyên môn quân sự, điều mà trước nay không ai nghĩ tới.

### 7. Về Ngoại-giao.

Muốn giữ nước không phải chỉ nhất triết dùng võ lực. Một sức yếu giữa thế giới cạnh tranh, muốn giữ được bờ cõi yên ổn, ngoại-giao còn quan trọng hơn võ bị.

“... Hiện nay ta chỉ còn một cách tự-vệ là thuật ngoại-giao. Ta không còn cách gì hay hơn nữa. Mà nếu ta không biết quyết định và hành động cho mau, ta càng hồ-nghi, trì hoãn chừng nào, họ càng tiến bộ chừng ấy. Khi họ đã tới một trình độ tiến hóa quá cao, ta có tịnh ngộ cũng quá chậm, mà có phản động lại lúc đó cũng đã muộn rồi (Điều trần về sự lợi ích của việc giao thông, Bản dịch của Dương-quảng-Hàm. V.N.V.H.S.Y).

Ngày sau hòa ước 1862, Nguyễn-Trường-Tộ đã tâu lên Triều-đình :

“Sự thế bây giờ thì hòa với Pháp là thượng sách”. Về sau, khi mất trọn đất Nam-Kỳ, Nguyễn-Trường-Tộ cũng vẫn chủ-trương giảng hòa, mở cửa thông thương với nước ngoài. Đã giao hảo với Pháp xong sẽ giao thiệp với các cường-quốc khác và lợi dụng thế cạnh-tranh giữa các quốc với nhau để riêng mình được bình yên lo việc cải cách. Mỗi nước đều có lợi khi giúp đỡ nước ta, họ sẽ liên-minh với ta, không để nước khác để họ mà chuyên hưởng quyền-lợi.

Về đường lối ngoại-giao đương thời, xét tình hình chung ở Á-Châu, Nguyễn-Trường-Tộ khuyên Triều-đình trước hết giao thiệp với nước Anh là nước có thế lực đang bành trướng ảnh hưởng ở Á-châu, xong đến Tây-Ban-Nhà và Tòa

Thánh-La-Mã. Nguyễn-Trường-Tộ xin Triều-đình theo gương Trung-Hoa đã biết thuê mượn người Âu-châu lập nhà máy, đóng tàu bè; theo gương Nhật-Bản đã nhờ giao thiệp với người Hòa-Lan, Bồ-Đào-Nhà, Hoa-kỳ mà trở nên cường thịnh; theo gương Xiêm lấy nước Anh, nước Pháp làm bạn, lấy Tây-Ban-Nhà, Bồ-Đào-Nhà làm khách, để họ tự do đến buôn bán mà mình nghiêm nhiên là chủ nhân ông, không ai xâm lấn được.

Nguyễn-Trường-Tộ cũng đề-nghị Triều-đình nên vay tiền các nước tư bản

để có tiền kiến thiết, Nguyễn-Trường-Tộ tình nguyện xin đảm-đương việc đi vay tiền các nhà tư-bản Hong-Kong.

Nguyễn-Trường-Tộ, tinh-hoa của giếng ngọc.

Với chương-trình cải-cách quy tóm trong mười mấy bản điều trần có tinh cách khởi xướng một cuộc cách-mạng toàn diện như trên, chúng ta thấy rõ Nguyễn-Trường-Tộ quả là một nhân tài hiếm có, thông hiểu đủ mọi vấn-đề quốc kế dân sinh phức-tạp. Không phải với lý-thuyết suông, Nguyễn-Trường-Tộ còn đề-nghị lên Triều-đình kế-hoạch thực hành được nghiên-cứu tỉ mỉ đến nơi chốn, ngày nay đem thi-hành vẫn còn hợp thời.

Là một nhà cải cách xã-hội, một chính-trị-gia, một kinh-tế-gia đi đôi với một nhà quân-sự và ngoại-giao, Nguyễn-Trường-Tộ cũng là một kỹ-thuật-gia, một chuyên-viên rành nghề.

“Về học vấn, điều gì tôi cũng đề ý. Trên thiên-văn cao xa, dưới địa-lý sâu sắc, giữa là nhân sự phiến phức, cho đến luật-lịch binh thư bách nghệ, cách-trị, tôn-giáo, thuật-số, tôi đều đề ý đến nơi cả. (Điều trần : Trần Tinh Khái).

Không phải Nguyễn-Trường-Tộ khoe tài, khoe giỏi lên Triều-đình mà chủ ý làm sao để Triều-đình xét đề-nghị của mình vì chính Nguyễn-Trường-Tộ trong nhiều trường-hợp đã tình nguyện đứng ra đảm-nhận công việc nếu được nhà vua giao phó.

Từ lý-thuyết nguyên tắc, đến phương-pháp thực hành, Nguyễn-Trường-Tộ thấu đáo tận tường mọi chi-tiết. Từ việc nhỏ đến việc lớn, từ việc trị thủy ở Bắc-Kỳ đến việc sửa chữa máy móc như máy đồng hồ, Nguyễn-Trường-Tộ đều làm được cả. Quả là một bộ óc xuất-chúng, phi-thường của một con người ưa thực-tế như chính Nguyễn-Trường-Tộ đã trần tình :

“... Học thực sự thì có thực-dụng, học vụn-vặt thì trở lại bằng cái vụn-vật : trong đẩu thì được đẩu, lẽ thường là thế” (Điều trần : Học tập Trừ Tài).

Khi đề-nghị mở mang kinh thành Huế cũng như đào sông, khai mỏ, lập dinh-diện, kiến thức Nguyễn-Trường-Tộ không khác gì kiến-thức một kỹ-thuật-gia thành thạo trong vấn-đề.

Chưa làm được những lớn, ông không từ chối những việc nhỏ mục đích đem lợi ích phần nào cho dân chúng.

Năm 1863, nhận thấy có thôn Xuân-Mỹ đất xấu dân nghèo, Nguyễn-Trường-Tộ đi tìm một vùng đất khác, đất đai tốt hơn di-dân Xuân-Mỹ đến đó lập nghiệp. Trong thôn ấp mới định cư, ông cho mở đường ngang dọc thông liền nhau như hình bàn cờ, bên ngoài mở thêm đường nối tiếp thôn trang mới với các vùng khác để dân chúng dễ dàng đi lại làm ăn, buôn bán.

Kênh Sát hay kênh Gai, nối liền Cửa Lò với Vinh là một chứng-cớ của tài kỹ-thuật Nguyễn-Trường-Tộ. Năm Tự-Đức thứ 19 (1866), Tổng Đốc An-Tĩnh là Hoàng-tá-Viem được lệnh ra đào kênh Sát. Nhưng đào mãi không xong phải viết thư nhờ ông Con kênh này hơn 1000 năm về trước từ Cao-Biên đến Hồ-Quý-Ly, hai lần khởi công rút cuộc không thành.

Mặc dù còn bệnh, tiếp được thư ủy-thác ông không từ nan, lên võng ngồi nhờ người khiêng đi khảo sát địa hình địa vật. Đường sông dài mấy mươi dặm, có một đoạn vòng cung. Chính đoạn này là đoạn khó nhất làm bể tắc công tác lâu nay. Nhưng khó với Tổng Đốc Hoàng-tá-Viem mà không khó với Nguyễn-Trường-Tộ vì tiên-sinh hiểu rõ địa chất học, biết chỗ nào có đá ẩn sâu, chỗ nào không. Không có dụng cụ hay cốt mìn như kỹ-thuật Âu-Châu, chỉ còn một cách là đào tránh đi tuy xa hơn nhưng dễ-dàng mà mau chóng.

Tổng Đốc Hoàng-tá-Viem không tin lời ông nói, cho đào thử quả đúng như vậy. Luôn mấy lần khởi sự, công lao khó nhọc mà không thành, với Nguyễn-Trường-Tộ chỉ một tháng con kênh đào xong.

Trước kỳ công đó, Tổng Đốc Hoàng-tá-Viem làm só tiên-cử ông lên vua Tự-Đức; Nguyễn-Trường-Tộ sau đó được ban thưởng Kim Khánh, Kim Tiên.

Đào kênh, trị thủy, Nguyễn-Trường-Tộ còn là một kiến-trúc-sư tuy không tốt nghiệp ở một trường Kiến-Trúc nào ở Âu-Châu, nhưng công nghiệp để lại còn chứng-minh hơn cả những mảnh bằng to lớn thiên hạ khát khao.

Khu nhà Tây, cao ba tầng hình chữ thập và một ngôi nhà khác hai tầng ở Xã Đoài của địa-phận Vinh là công-trình kiến-trúc của Nguyễn-Trường-Tộ từ thuở xa xưa khi nước ta còn chưa có những ngôi nhà lầu cao ngất-ngưỡng, như bây giờ bây giờ như ngày nay.

Nhưng tác-phẩm kiến-trúc tuyệt hảo của Nguyễn-Trường-Tộ đã vượt quá thượng thọ bách tuế (1874) phải kể là nguyên đường tại trường Nhà Trắng ở Điện Lộ Cường-Đề của thủ-đô Saigon ngày nay.

Đi thăm ngôi thánh đường này, cảm nghĩ về nghệ-thuật kiến-trúc của Nguyễn-Trường-Tộ, Kiến-trúc-sư Ngô-Việt-Thụ, đệ nhất giải La-Mã đã phê-bình như sau:

“... Thật là một kiệt tác phẩm! Cụ Nguyễn đã dùng vật-liệu tại chỗ mà xây nên một giáo đường huy hoàng với đường nét thẩm mỹ lối gồ gốt. Các khu vòm hình liên cung đưa nhau vượt lên đến 20 thước không một chút chạm trở hoa hờ. Sự cân đối của diện-tích tạo nên một hòa điệu hoan hỉ lạ lùng. Thêm vào đó một thứ ánh sáng huyền ảo làm cho khách tưởng nhớ ngay đến giáo đường Sainte Chapelle ở Ba-Lê, một kỳ công kiến trúc của Pierre Montreuil xây dưới đời vua Thánh Louis thế kỷ XIII”.

Có một điều lạ hơn nữa là cảm giác khi nhìn chung công trình ấy, khách liên tưởng đến một khúc nhạc hòa-tấu của Bach. Thật là một sự thành công mỹ-mãn của công-trình kiến trúc tôn giáo.”<sup>5</sup>

Từ địa hạt kiến trúc, mỹ-thuật sang giáo-đục, văn hóa kỳ lạ thay Nguyễn-Trường-Tộ cũng chứng-tỏ tài năng mình một cách chắc-chắn, vững vàng.

Chỉ đọc mấy bản điều trần của Nguyễn-Trường-Tộ không cũng đủ thấy rõ tài văn-học uyên bác của tác-giả. Ngoài giá trị thực tiễn trên phương diện chính-trị, kinh-tế, những bản điều trần ấy còn là một công trình văn chương đáng được ghi vào văn-học sử nước nhà.

Đã từng dạy học, làm thơ, nhưng cái học của tiên sinh chủ trương là cái học thực-dụng cũng như văn thơ của tiên sinh là thứ văn thơ cảm-khái, chân thành. Tiên-sinh đã dùng thơ văn ký thác tâm sự mình mà cũng là tâm sự chung của những ai thiết tha với sự sống còn đất nước, hồi đó. Với những tác-phẩm để lại, Nguyễn-Trường-Tộ đáng được liệt vào các bậc văn-hào Việt-Nam. Hay nói như lời Nguyễn-Lân, tác-giả cuốn Nguyễn-Trường-Tộ: “Cái thi hứng phóng-dạt và nhất là tấm lòng thiết-tha của ông đối với đất nước, chỉ một cái nhiệt tâm đối với tiền đồ tổ-quốc biểu lộ trong lời thơ cũng đủ để ông có một địa-vị xứng đáng trong thi đàn nước nhà vậy”.<sup>6</sup>

Đi thăm miếu Hạng Vũ, Nguyễn-Trường-Tộ đã đề một câu đối nói lên cái khi-phách trượng-phu của mình:

<sup>5</sup> Văn-Dàn, Số 4 (1962).

<sup>6</sup> Nguyễn-Trường-Tộ, Nguyễn-Lân Từ-Ngọc, Nhà in Viễn-Độ Huế, 1941.



*Ảnh hưởng của phi vô địa*

*Chiến thắng thành công cái hậu thiên.*

Rất nhiều bài thơ của Nguyễn-Trường-Tộ bằng chữ nhỏ đã chứng tỏ, thêm rằng không những kỹ-thuật điêu luyện, tâm-hồn Nguyễn-Trường-Tộ là tâm hồn một thi nhân phong phú. Lời mới, ý mới, cảm-tác mới, đúng như nguyên-vọng cái cảnh văn-học của tiên-sinh.

Trong địa-hạt văn-hóa, còn một điểm son khác đáng nêu cao bên cạnh đề-nghị, đồng quốc âm thay thế chữ Hán vay mượn của người Tàu, là đề-nghị xuất bản báo-chí. Đề-nghị này nếu không thực hiện được trong lúc Nguyễn-Trường-Tộ còn sống, thì mười mấy năm sau, hai người đồng thời, đồng đạo và đồng chí-hướng với tiên-sinh, Trương-Vinh-Kỳ và Huỳnh-Tinh-Chùa, đã đem ra thi-hành, mở đầu kỷ nguyên báo chí cho nước nhà. Dù sao, chính Nguyễn-Trường-Tộ đã cùng với các nhà văn công-giáo, khác dựa văn-chương từ ngưỡng cửa tôn-giáo tràn vào đại chúng Việt-Nam. Chính Nguyễn-Trường-Tộ là nhà văn tiên phong mở đầu cho kỷ nguyên văn học mới, kỷ nguyên chữ quốc-ngữ sau này.

"Là một học giả hơn là một văn sĩ. Cái văn chương học giả của Nguyễn-Trường-Tộ đã tạo được thành công, lớp lớp là kẻi đồng nên một đợt sóng trên mặt ao tù tư-tưởng Việt-Nam, phát động một luồng tư-tưởng mới ảnh hưởng mạnh trong lớp người đi sau"<sup>7</sup>.

Đi trước thời đại, lúc sinh thời Nguyễn-Trường-Tộ đã kêu gọi cho phong trào văn học mới. Tiếng kêu ấy sau này đã gây được tiếng vang lớn trong lớp người văn học của cuối thế kỷ 19 và 20: phá đổ lối học từ chương và chữ nhỏ, đại chúng hoá chữ quốc-ngữ, dịch sách ngoại-quốc, làm tự điển, ra báo... toàn những công trình văn-hóa nhờ đó giúp dân ta mỗi ngày một tiến xa hơn.

*Chân giá-trị lịch-sử.*

Nhận xét cuộc đời Nguyễn-Trường-Tộ tiên-sinh trong giai đoạn bi-đát sau

<sup>7</sup> Cùng với ý-kiến trên, giáo-sư Thanh-Lãng còn nhận định công lao Nguyễn-Trường-Tộ như sau: "Ngần ấy công việc rồi đây các nhà cách mạng nhóm Đông Kinh Nghĩa Thục chỉ thực hiện một cách hăng-hái vô cùng. Nguyễn-Trường-Tộ bởi vậy có thể coi là Ông tổ của phong trào Văn Học Mới và là linh-hồn của Đông Kinh Nghĩa Thục. (Biểu Nhật Lãm Văn Học Cận Đại - Thanh Lãng).

cùng, có người cho rằng vua Tự-Đức hai ba lần triệu mời Nguyễn-Trường-Tộ vào kinh cũng phải đi công-cám ở ngoại-quốc, như thế tỏ ra vua Tự-Đức đã biết trọng-dùng bậc hiền-tài. Như vậy cơ hội thi-thố tài năng cũng đã đến với Nguyễn-Trường-Tộ.

Sự việc ấy có thật, nhưng đó không phải vì vua Tự-Đức hiểu rõ đại tài của Nguyễn-Trường-Tộ mà dùng vào đại sự. Chẳng qua vì hoàn cảnh, thiếu người giao-thiệp với Pháp nên chỉ dùng tiên-sinh trong những công tác liên-lạc, tiếp-xúc thường và đang xong rồi lại thôi.

Học-văn, kiến-thức, nguyên-vọng Nguyễn-Trường-Tộ bộc lộ rõ trong mấy bản điều-trần như phơi gan-trái mật, vua Tự-Đức và Triều-đình đâu có xét tới và thu dụng một điều gì. Như vậy còn thi-thố tài năng vào đâu được.

Trước ai hết, người trong cuộc là tiên-sinh đã phải uất-ức, nghẹn ngào đến nỗi một lần phải thốt lên:

"... Cách đây bảy năm tôi có dâng lên Triều-đình một bản điều-trần, Triều-đình không buồn xét đến. Triều-đình đời một trăm năm nữa mới nghĩ đến chăng!"

Như thế đã rõ sự thất-vọng của Nguyễn-Trường-Tộ đến bực nào. Đoán biết Triều-đình sẽ e ngại khó khăn không làm được, nên mỗi lần đề-nghị điều gì, chính Nguyễn-Trường-Tộ cam đoan, tình nguyện tự mình đảm đương công việc và nếu không thành công xin chịu tội trước Triều-đình.

Hơn một lần tiên-sinh phải biện bạch: "Tôi từ nhỏ đã cần-thận sự giao-du chỉ quý sự yên lặng trầm-mặc. Hết thấy các điều mới cầu công danh, tranh dành lợi lộc đều phở-mặc hành văn lưu-thúy, lại không chăm lo sản-nghiệp, không đăm-mê vợ-con, đoạn-tuyệt với hai cái bầy tài và sắc. Người đời sở-di không tự-do, chìm đắm trong vòng tiền-tục, trụy-lạc vào đường bại-nghiệp, đều là do cái bầy ấy làm cho động lòng. Tôi thì siêu-thoát hẳn cho nên làm việc gì cũng khác người như vài điều sau này là bằng-cớ thiên-nhiên..."

"... Tôi là kẻ tự biết mình, hiểu việc đời, phạm những sự nam hiềm của thế-tinh, ba đào trong biển hoạn, cũng đều biết rõ, mà cam tâm nhận ba tội kẻ trên này, chỉ ấy cũng khá thú-lắm. Cỗ-nhân luận người ta bắt tất

nói đến công việc thành hay bại, mà chỉ xét tâm lý có thật hay không. Có tâm mà gặp thời làm được nên việc là may; có tâm mà không gặp thời đến nỗi luân là lạc không may, có tâm mà gặp buổi loạn ly, không chỗ nương nhờ, chung quy vẫn bị tội là đại không may.»

Thờ-than, bệch-bạch đến như vậy, tâm sự Nguyễn-Trường-Tộ, nhưng nào vua và Triều-đình có nghĩ đến! Thương tiếc cho ý-nguyên không thành, giáo-sư Lê-Thước ngày trước có viết:

“Hỡi ôi Nguyễn-Trường-Tộ là nhà văn-học, nhà chính-trị và cũng là nhà tân học nước ta. Tư-tưởng và kiến-thức tiên sinh hơn người đồng-thời muốn nghìn. Giữa lúc người trong nước mê hồn cứ giữ thói đóng cửa làm hơn mà tiên sinh dám hô to là lớn, chỉ chỗ lợi hại về nội-chính, về ngoại-giao. Tài trí của tiên sinh so với Phú-Trạch, Bó Sơn bên Nhật thì có phần hơn chớ chẳng chỗ kém. Nhưng tiếc vì trong Triều lúc ấy, vua không biết xem người, bề tôi thì có tính vi-kỷ, khiến nên lời tiên sinh nói không ai nghe, mưu tiên sinh bày không ai làm, đến nỗi tiên sinh ôm chái mà chết. Vận nước suy bại, non sông đổi khác, thành quách thay thế phần nữa...”<sup>8</sup>

Gần đây hơn, nhà sử-học Đào-Duy-Anh, đã nhìn sự thất-bại của Nguyễn-Trường-Tộ dưới một khía cạnh khác có tính cách biện-chứng:

“Những đề-nghị cải cách ấy, chính là thuộc về hệ-thống ý-thức tư-sản mà Nguyễn-Trường-Tộ đã chịu ảnh hưởng. Muốn thực hiện cần phải có người hưởng-ứng và thi-hành để gây một biến chuyển lớn. Nhưng tình hình xã-hội nước ta bấy giờ không có thể dẫn đến một cuộc biến-cách như thế. Trong xã-hội phong kiến suy tàn chưa phát sinh được lực-lượng sản xuất mới, giai cấp thống trị cũ là quan liêu và sĩ phu còn chiếm địa vị độc tôn. Những đề-nghị cải cách của Nguyễn-Trường-Tộ tất bị bọn hủ nho ấy phản-đối kịch liệt.”

“Sau khi phải ký hiệp-ước đầu hàng rồi, năm 1874, Triều-đình lại thấy rõ hơn cái nguy cơ sẽ mất cả nước; khi ấy mới bắt đầu phái người ra ngoài

<sup>8</sup> Nam-Phong Tạp-chí, Nguyễn-Trường-Tộ tiên sinh tiểu sử (Lê-Thước).

quốc để dụ học và tìm đường giao thiệp, cầu viện với các nước Tây-Phương. Song những việc có ý duy tân rụt-rè ấy không sao cứu vãn được thế nguy trước mắt. Và chẳng Triều-đình nhà Nguyễn trước sau vẫn hy-vọng vào sự giúp đỡ của nhà Thanh nước Trung-Hoa chớ không tin-tưởng gì vào việc duy tân<sup>9</sup>.”

Không đặt vấn-đề thành bại luận anh-hùng, không bàn đến ý-kiến của giáo-sư Lê-Thước mà nhà học-giả Đào-duy-Anh cho là duy-tâm, cũng như không nói đến quan niệm phê-bình nhuộm màu mác-xít của Đào-quân trong cuốn Lịch-sử Việt-Nam nói trên, trước chương-trình cải cách đại quy-mô của một nhân-vật đã đi vào lịch-sử, tưởng nên nhìn lại bối-cảnh lịch sử đã qua, phân tích hoàn-cảnh và tình-thế để nhận định rõ sự thật cùng giá-trị lịch-sử của nó.

Hoàn-cảnh, tình-trạng ấy như thế nào, nhà sử-học Trần-Trọng-Kim đã đã phác-họa khá rõ rệt:

“... Từ thế kỷ 19 trở đi, văn-minh và học-thuật của thiên hạ đã tiến bộ khá nhiều và sự cạnh tranh của các nước càng kịch liệt hơn.

“Thế mà những người giữ trách nhiệm chính-trị nước mình chỉ chăm việc văn-chương, khéo nghề nghiên bút, bàn đến quốc sự thì phi Nghiêu, Thuấn lại Hạ, Thương, Chu, việc mấy ngàn năm trước cứ đem làm gương cho thời hiện tại. Rồi cứ nghiền ngẫm tự xưng mình hơn người, cho thiên hạ là đã man. Ấy Triều-đình nước ta lúc bấy giờ phần nhiều như thế cả.”

“Tuy có một vài người đã đi ra ngoài, trông thấy cảnh tượng thiên hạ về nói lại, thì các cụ nhà nho cho là nói bậy làm hủy hoại mất kỷ cương. Thành ra người không biết cứ một niềm tự đắc, người biết thì đành phải làm câm, làm điếc, không thò ra với ai được, phải ngồi khoanh tay mà chịu.”

“Các quan đi sứ các nơi về tâu bày mọi sự, vua hỏi đến, đành thần thì mọi người đều bác đi, cái gì cũng cho là không hợp thời<sup>10</sup>.”

<sup>9</sup> Lịch-sử Việt-Nam, Quyển hạ, Đào-Duy-Anh, Hà-Nội 1955. Nhà Xuất Bản Xây Dựng.

<sup>10</sup> Việt-Nam sử lược, Trần-trọng-Kim.

Xét hoàn cảnh lịch-sử đương thời như Trần-Trọng-Kim đã nói ở trên, nghiên cứu kỹ các bản trần-tình cùng hành-dộng Nguyễn-Trường-Tộ qua cuộc đời tiên-sinh, chúng ta thấy rằng Nguyễn-Trường-Tộ quả đã đi trước mọi người hồi đó đến hàng chục năm. Đầu óc cấp tiến, chủ trương cách-mạng đó hẳn là khó đứng-vững trước một lớp người bảo-thủ đời vua Tự-Đức.

Thật vậy, trước đề-nghị của tiên-sinh, nhà vua ngại ngùng và Triều-đình đổ-ky cũng vì tinh-thần bảo-thủ ấy. Đám si phu thủ cựu không hiểu thời thế thiên hạ, mãi mê cho rằng chỉ có Trung-Hoa là cường quốc văn hiến đáng bắt chước, còn các nước Tây-Phương chỉ là bọn mọi rợ, man di, không biết lễ nghĩa. Chính bọn hủ-nho mà Nguyễn-Trường-Tộ mạt sát đang bao vây vua Tự-Đức là một người không quyết-đoán, đã làm hỏng đại sự quốc-gia.

Trừ một vài vị cao-cấp như Phan-Thanh-Giản, Phạm Phú-Thư, Trần-Tiến-Thành là những bậc đại thần nhờ tai nghe, mắt thấy tại chỗ cái giầu mạnh của Tây-phương nên phần nào có tinh thần mới, tạm được gọi là tiến-bộ nhất thời đó. Ngoài ra cả Triều-thần, các bậc đại quan khác như Trương-Đảng-Quốc, Nguyễn-Tri-Phương, Võ-Trọng-Bình và trên hết cả Từ-Dũ, đều nhất quyết "bề môn tòa cảng". Các vị này lại là những bậc lão thần thờ vua trải mấy đời rất cố-uy-tín trong Triều và được vua Tự-Đức kính trọng.

Vốn người thiếu quả cảm, quyết đoán; lại ham mê từ-chương, thiếu thực-tế và sáng suốt, mỗi lần đình-nghị việc gì, nhà vua dễ dàng bị ảnh hưởng của nhóm đa số thủ cựu và nhất là của bà Từ-Dũ; mà vua Tự-Đức lại là người con có hiếu không muốn làm trái ý mẹ. Quan lại thủ cựu thì chấp nê, ganh ghét sợ rằng nếu chương-trình cải cách của Nguyễn-Trường-Tộ được đem ra áp dụng thì địa-vị họ tất sẽ lung lay, nên đã bắt bớ, đánh đập, khép Nguyễn-Trường-Tộ vào tội "yêu ngôn hoặc chửi" (nói bậy để người khác làm theo), một trong tội đáng chết chém thời đó.

Vua Tự-Đức, như lịch sử đã chứng tỏ, suốt đời không có một quyết-định nào mạnh-bạo dứt-khoát, canh tân cũng như thủ cựu. Ngay cả đối với vị lão thần Phan-Thanh-Giản, vua vẫn tỏ ra nghi-ngờ cho rằng cụ Phan trong việc điều đình có "bảo ý với Tây-phương", còn nói gì đến Nguyễn-Trường-Tộ,

người mà tư-trưởng, ý kiến lâu nay đã làm nhà vua và Triều-đình khó chịu hơn là hài lòng.

Trong hoàn cảnh tâm-lý xã-hội-và chính-trị ấy, chương trình cải cách mà Nguyễn-Trường-Tộ đã đem bao nhiêu tâm lực để thảo ra bị bãi-bỏ, công-kích và không thực hiện được là một việc dễ hiểu.

Đồng thời với Nguyễn-Trường-Tộ cũng có một số ít người hiền biết thời-thế nhờ đã đi ra ngoài được học hỏi ít nhiều và cũng muốn cải cách, thay đổi như Nguyễn-Đức-Hậu, Linh-mục Nguyễn-Điều, Bùi-Viện, Đinh-văn-Điền, Nguyễn-lộ-Trạch. Nhưng trong những người đương thời, xuất sắc nhất, độc đáo nhất là Nguyễn-Trường-Tộ.

Thật đáng tiếc! Xuất sắc tài ba, tâm huyết có thừa mà không làm được. Nhưng hoài bão tuy không thành, chí-nguyện tuy không đạt, mà tiếng vang còn lại không những trong buổi đương thời mà cả mấy mươi năm sau, để những người khác lại tiếp tục noi theo chỉ hướng ấy<sup>11</sup>. Tiếng vang ấy sau này đã làm sôi động, cảnh tỉnh lớp sĩ phu, ảnh hưởng mạnh trong quảng đại quần chúng Việt-Nam, qua bao nhiêu phong trào canh tân cách-mạng như lịch-sử Việt-Nam cận-đại đã chứng-minh.

Địa vị Nguyễn-Trường-Tộ và ảnh hưởng tiên-sinh trong lịch-sử là ở đó và đó cũng là chân giá-trị lịch-sử ngày nay chúng ta cần tìm kiếm và học hỏi.

<sup>11</sup> Trong số những người này, có trường hợp Nguyễn-lộ-Trạch là một trong những trường hợp điển hình đáng nói.

Nguyễn-lộ-Trạch người tỉnh Thừa-Thiên, con của Tuân-Vũ Nguyễn-quốc-Oai và con rồ của Trần-tiến-Thành. Học giỏi, có tinh thần tiến bộ, lại thêm hấp thụ được tư tưởng Nguyễn-Trường-Tộ nhờ được đọc các bản điều trần của Nguyễn tiên-sinh ở nhà nhạc-gia, Nguyễn-lộ-Trạch càng thêm phần khởi trong nghĩ ý duy tân cải cách, đã thảo luận lâu nay với Trần-tiến-Thành. Năm 1877 (sáu năm sau khi Nguyễn-Trường-Tộ mất) Nguyễn-lộ-Trạch dâng lên Vua một Thờai-vụ-Sách, và năm sau thêm một tờ sớ khác. Nội dung hai văn kiện này trình bày kế hoạch cải cách quốc gia, nhấn mạnh hơn cả các giao thiệp với ngoại quốc, mở cửa buôn bán với Tây-phương, tổ chức quân đội, thành lập hải-quân, đóng tàu bè, ... những vấn đề mà Nguyễn-Trường-Tộ đã nhiều lần nêu lên Vua Tự-Đức ngày trước.

## cung oán ngâm khúc

### bình chú

(xin đọc V.H.T.S., số 1, 1968)

- 209 Trong cung quế âm thầm chiếc bóng,  
210 Đêm năm canh trông ngóng lặn lặn.  
211 Khoảnh làm chi bấy chửa xuân,  
212 Chơi hoa cho rữa nhĩ đàn lại thời.

#### bình chú

209 *Cung quế.* *Cung* là nơi sang trọng của vua ở. *Quế* là cây quế. *Cung quế* là cây quế trong cung trăng theo sự huyền-hoặc.

Hai chữ này có nghĩa khác nhau :

1. Cây quế ở trong trăng để nói sự đồ đạt về khoa-cử.
2. Cái buồng của các cung-phi ở trong cung cấm do chữ 'quế dịch'. (Xem thêm chú-thích chữ *cung quế* trong câu thơ số 1 về chữ *vách quế*).

Truyện Kiều có câu thơ số 1339-1340 nói :

*Vả trong thêm quế cung trăng,*

*Chủ trương đã có chị Hằng ở trong.*

Trong bài "Tần cung nữ oán Bái công" có câu nói :

"Phòng tiêu cung quế cũng cam lòng".

*Âm thầm.* Âm do chữ 'âm' là không rõ ràng, không ai hay. *Âm thầm* là

[Tập XVII, số 2 (Tháng 11, 1968)]

tiếng đôi để nói lẳng lẳng một mình.

Truyện Kiều có câu thơ số 2249-2250 nói :

*Đêm ngày lưỡng những âm thầm,*

*Lửa bình đầu đã âm âm một phương.*

*Chiếc.* *Chiếc* (chéch) do chữ *chích* là một, cô đơn.

Truyện Kiều có câu thơ số 2231-2232 nói :

*Nàng thì chiếc bóng song mai,*

*Đêm thâu dằng dẳng nhất cài then mây.*

Câu thơ số 209 ý nói cung-phi lúc giờ bị vua bỏ rơi, cho nên một mình trong khuê-phòng vắng vẻ ngâm ngùi với bóng chiếc.

210 *Đêm năm canh.* Theo tục xưa bên Tàu một đêm chia ra làm năm canh gọi là *ngũ dạ*. Ở đây có nghĩa là suốt đêm, trọn đêm. (Xem thêm chú-thích chữ *canh* trong câu thơ số 78).

*Trông ngóng.* *Trông* là chờ đợi. *Ngóng* là chờ đợi mong mỏi. *Trông ngóng* là tiếng đôi để nói chờ mãi mà không thấy ai đến.

Câu thơ số 210 ý nói cung-phi lẻ loi trong buồng the chờ đợi vua đến sum vầy, canh này sang canh nọ kéo dài suốt đêm.

211 *Khoảnh.* *Khoảnh* là thâm độc, không nghĩ đến kẻ khác.

*Bấy.* *Bấy* là đường ấy, thế ấy. Ở đây có ý than tiếc hay tránh móc.

*Chửa xuân.* (Xem chú-thích chữ này trong câu thơ số 200).

212 *Chơi hoa.* *Chơi* là làm điều gì để cầu vui. *Hoa* là cái tinh-anh của thảo-mộc có màu sắc hương thơm, nghĩa bóng dùng chỉ đàn bà con gái xinh đẹp. *Chơi hoa* có hai nghĩa :

1. Thường thức sắc và hương các thứ kiềng hoa.
2. Tìm con gái đẹp để làm việc phong-tình.

Truyện Kiều có câu thơ số 835 - 836 nói :

*Dưới trần mấy mặt làng chơi,*

*Chơi hoa đã để mấy người biết hoa.*

Hai chữ *chơi hoa* cũng có nghĩa *chơi xuân*, vì mùa xuân là lúc khí trời mát mẻ làm vạn vật vui tươi, thân-thể này nở và tâm-tĩnh, bông bột, như trong

câu thơ của nữ-thi-sĩ Hồ-Xuân-Hương có nói :

Chơi xuân *đi hết xuân chẳng rã ?*

*Rũa*. Rũa (vữa) là rã rời, nát vụn, không còn liền nhau nữa, tàn héo. Truyện "Lục-Văn-Tiền" có câu thơ số 1577-1578 nói :

*Chưa đồng rã khỏi vườn xuân,*

*Hoa tàn nhị rã như rừng bỏ hoang.*

*Nhị*. (Xem chú-thích chữ này trong câu thơ số 11).

*Dần*. *Dần* (lần) ở đây có nghĩa là dần dần, từ từ, lần hồi.

Phạm-Gia-Kinh dịch sai chữ *dần* ra thành *mutiles* (bầm giập), phải dịch lại như vậy : peu à peu, par degrés.

Câu thơ số 212 nhắc lại ý kiến và hình bóng trong câu thơ số 208, *cái hang sâu không bóng sáng cũng như cái hoa mất nhị đều chịu thiệt thòi cả hai*.

Hai câu thơ số 211-212 ý nói cung-phi trách chúa xuân (vua) có lòng ích-kỷ quá độ khiến chơi hoa (cung-nữ) cho rã nhị giập màu, nài làm lần bỏ rơi không ngờ đến nữa.

Phạm-Gia-Kinh dịch chữ *nhị* ra thành "organes secrets de la fleur" (bộ phận kín của bông hoa), đó là sai. *Nhị* không phải là bộ phận, tức là một thứ phần màu vàng để làm hoa được đậu hoa cái rồi thành ra quả, tiếng Rháp gọi là 'pollen'.

Cũng vì Phạm-Gia-Kinh thấy chữ *hoa* dùng vì đàn bà, cho nên mượn ý bóng bẩy đó mà dịch ra tiếng cổ ám-chỉ không được thanh bai.

★

213 *Lầu đài nguyệt đứng ngồi dạ vũ.*

214 *Gác thừa lương thức ngủ thu phong.*

215 *Phòng tiêu lạnh ngắt như đồng,*

216 *Cương loan bê nửa dải đồng xé đôi.*

bình chú

213 *Đài nguyệt*. *Đài* là chò đợi. *Nguyệt* là mặt trăng. *Đài*

*nguyệt* là chò mặt trăng lên. Ở đây tức là tên một lầu trong cung cấm.

Huỳnh-Khắc-Dụng không dịch chữ *lầu đài nguyệt* là nơi lầu trong chò trăng mọc, cũng vì có hai chữ *dạ vũ* là đêm mưa. Nhưng ở đây mấy danh-từ như *đài nguyệt* và *thừa lương* (214) là tên riêng đặt cho gác lầu như Lâm-Xuân (170), gác phương lầu xanh (247), cũng như trong truyện Kiều có nói cái hiện *Lâm Thúy* và cái lầu *Ngưng-Bích*.

*Dạ vũ*. *Dạ* là ban đêm. *Vũ* (vở) là mưa.

*Dạ vũ* là trận mưa ban đêm, thường dùng tả cảnh đêm mùa thu khí trời rét lạnh.

Câu thơ số 213 ý nói nàng cung-phi xa cách vua nhưng vẫn hy-vọng vua sẽ trở lại, cho nên lòng tri phập phồng khi đứng khi ngồi giữa đêm mưa gió lạnh lùng.

214 *Thừa lương*. *Thừa* là thường thức, chịu lấy. *Lương* là mát. *Thừa lương* là hóng gió mát. Ở đây tức là tên một lầu trong cung cấm.

Truyện Kiều có câu thơ số 1371-1372 nói :

*Mượn điều trúc viện thừa lương,*

*Rước về hỡi tạm giấu nàng một nơi.*

*Thu phong*. (Xem chú-thích chữ này trong câu thơ số 98).

Câu thơ số 214 ý nói nàng cung-phi mong đợi đêm này qua đêm khác, ngủ rồi lại thức dưới luồng gió thu thổi hiu hắt.

Hai câu thơ số 213-214 đối chiếu từng chữ từng câu rất ăn khớp :

Lầu = gác

đài nguyệt = thừa lương

đứng ngồi = thức ngủ

dạ vũ = thu phong

215 *Phòng tiêu*. (Xem chú-thích chữ *tiêu phòng* trong câu thơ số 3).

*Lạnh ngắt như đồng*. Bốn chữ này lặp lại một nghĩa cùng bốn chữ

trong câu thơ số 2 đề nói rất lạnh.

Câu thơ số 215 ý nói cung-phi ở trong tiêu-phòng có mùi thơm ấm, nhưng thân mình lúc giờ đơn chiếc vẫn nghe hơi lạnh như đồng, vì không còn được nhà vua sủng ái nữa.

Câu thơ số 215 dùng cách đối nghĩa rất hay, tiếng Pháp gọi là 'antithèse' (đối ngẫu phép): Cái phòng-tiêu là nơi có hơi ấm mùi thơm mà phải trở ra lạnh lẽo, đề nói cung-phi bị bỏ rơi ở một mình trong buồng thê, vì tình-ái nguội lạnh nên dầu có hơi tiêu ấm đi nữa mà thân đơn chiếc nàng cũng vẫn nghe lạnh như đồng vậy.

216 *Gương loan*. Hai chữ này do chữ 'loan kính'. *Gương* do chữ *kính* là mặt phẳng bằng thủy-tinh dùng để soi. *Loan* là con chim kỳ lạ có lông ngũ sắc, con trống là phụng, tiếng Pháp gọi là 'phénix'. *Loan phụng* dùng nói vợ chồng sum-hiệp.

Hai chữ *gương loan* có thể hiểu ba cách:

1. Cái gương soi mặt chạm hình chim loan ở phía sau lưng.
2. Cái giá gương chạm hình chim loan.
3. Có điển nói Đàm-Tân-Vương có chim loan nuôi trọn ba năm mà

không kêu một tiếng vì mắt chim trống. Phu-nhân nghe thấy bảo cho nó soi gương rồi sẽ kêu. Quả nhiên loan thấy trong gương bóng mình nhớ chim phụng, bèn kêu suốt đêm rất thảm thiết rồi chết. Vì vậy Vương-Bộ có viết câu:

Nguyệt khai loan kính hoài tình giám dĩ phân hình

« Gương mở kính loan soi bóng tình-tường mà lẽ phân hình-đạng.

Phạm-Gia-Kính dịch không đúng nghĩa chữ *gương loan* ra thành: le miroir du phénix, phải dịch lại như vậy cho rõ ràng hơn: le miroir orné de phénix.

*Gương loan bề nửa*. Bốn chữ này dùng nói mảnh gương phân hai, nghĩa bóng nói không có đôi bạn, không chồng (vua), lẻ loi, như tấm gương hình chim loan chỉ còn phân nửa.

*Dải đồng*. Hai chữ này do chữ 'đồng tâm ái' hoặc 'đồng tâm kết'. *Dải*

do chữ 'dải' là dây làm bằng tấm lụa dài để thắt vào lưng hoặc bỏ hai mối buộc xuống. 'Đồng' là hợp lại làm một. *Dải đồng* là cái dải thắt lưng bằng gấm thêu có hai mối nhập lại giữa nhau.

Ngày xưa cái vật quý đó vua Tùy-Vương-Đế tự niêm phòng gởi ban cho bà phu-nhân, để thề nguyện kết hợp cùng nhau.

Hai chữ này dùng nói về nhân-duyên vợ chồng.

Truyện Kiều có câu thơ số 1341-1342 nói:

Bảy lầu khăng khít dải đồng,

Thêm người người cũng chia lòng riêng tủy.

*Dải đồng xẻ đôi*. Bốn chữ này dùng nói làm rã mối buộc của dải đồng, nghĩa bóng nói chia ra làm hai lòng hai tình.

Câu thơ số 216 ý nói cung-phi thân bảy giờ nàng bị xa cách quàn-vương như mảnh gương bị ai bẻ nửa hoặc tấm dải bị tháo rời ra làm hai mối. Chữ thơ số 216 cần sắp chữ lại cho xuôi chảy như vậy: Bẻ nửa gương loan, xẻ đôi dải đồng.

Cổ bản chép:

*Gương loan bề nửa giải đồng xẻ đôi*.

Chữ *giải* (cởi ra) viết sai, còn chữ *xẻ* là chữ *xẻ* đọc rồi viết theo giọng địa-phương ngoài Bắc thường đọc x như s.

Câu thơ số 216 chia ra làm hai về đối nhau từng chữ từng ý rất tài:

gương	=	dải
loan	=	đồng
bẻ	=	xẻ
nửa	=	đôi

217 *Chiều ủ dột giắc mai trư sớm,*

218 *Vẽ băng khuâng hôn bướm vắn vơ.*

219 *Thâm khuê vắng ngắt như tờ,*

220 *Cửa châu gió lọt tằm gà sương treo.*

binh chú

217 *Chiều.* Chiều tức là cái vẽ, cái nét mặt, cái gì phát-lộ trên mặt. Ở đây chữ này dùng đối với chữ vẽ ở đầu câu thất dưới (218), vì vậy nên không thể có nghĩa là buổi chiều được. Truyện Kiều có câu thơ số 347-348 nói:

*Lặng nghe lời nói như ru,*

*Chiều xuân dễ khiến nê thu ngại ngủng.*

*Ủ dột.* Ủ do chữ 'ru' (lo lắng) là rầu rí. *Ủ dột* là tiếng đôi để nói bộ mặt buồn bã ngẩn ngơ. Truyện Kiều có câu thơ số 1323-1324 nói:

*Nàng càng ủ dột thu ba,*

*Đoạn trường lúc ấy dở mà buồn tênh.*

*Giắc mai.* Hai chữ này do chữ 'mai mộng'. *Giắc* do chữ 'giắc' là một hồi ngủ. *Mai* là cây mai.

*Giắc mai* là giấc ngủ nằm dưới gốc cây mai, nghĩa bóng nói giấc ngủ.

Có tích Triệu-Sư-Hùng đời nhà Tùy qua núi La-Phù trời vừa tối, thấy có người gái đẹp bán rượu mời vào quán uống say nằm ngủ quên, chiêm-bao thấy có người gái tuyệt đẹp đến trò chuyện, khi tỉnh dậy thì thấy mình nằm dưới cây mai.

Trong Cổ thi có câu:

*Trương tư nhất dạ mai hoa phát,*

*Hốt đáo song tiền nghi thị quán.*

*Một đêm nhớ chông thấy cây mai trở hoa;*

*Bỗng thức dậy thấy trước cửa sổ tường lang quán.*

Ở đây hai chữ *giắc mai* dùng nói cung-phi nằm ngủ thân cốt cách đẹp như cây mai.

*Giắc hoa, giắc vàng cùng đồng nghĩa để ví thân mình đàn bà với hoa đẹp và vàng quý.*

Truyện Kiều có câu thơ số 2727-2728 nói:

*Giết mình thoát tình giắc mai,*

*Băng khuâng nào đã biết ai mà nhìn.*

Câu thơ số 217 ý nói cung-phi mặt mày khô héo buồn bã, rồi trư sớm thân mình yếu điệu phải theo giắc vàng hôn say bóng lẩn.

218 *Băng khuâng.* *Băng khuâng* là tiếng đôi để nói sự say ngây trong lòng, sự lòng bối rối tỏ ra bề ngoài với cái vẻ ngẩn ngơ.

Truyện Kiều có câu thơ số 259-260 nói:

*Băng khuâng nhớ cảnh nhớ người,*

*Nhớ nơi kỳ ngộ vội dời chân đi.*

*Hôn bướm.* Hai chữ này do chữ 'diệp hôn'. *Hôn* là cái phần thiêng-liêng vô hình của con người. *Bướm* do chữ *diệp* là tên một loài côn trùng cánh có phấn, bay trên bông hoa, tiếng Pháp gọi là 'papillon'.

Có điển ông Trang-Chu-Tử nói khi thức là mình ông, khi nằm ngủ thấy hôn hóa ra con bướm, theo lời ông khai:

*Mộng thân hóa vì hồ điệp.*

*« Trong chiêm-bao thân mình hóa ra con bướm.*

Hai chữ *hôn bướm* dùng nói hòa trong giấc mộng. *Giắc Trang, giắc điệp, giắc hồ, giắc bướm, bướm Trang* cùng một nghĩa.

Truyện Kiều có câu thơ số 3199-3200 nói:

*Khúc đầu dằm ăm dương hoá,*

*Ấy là hồ điệp hay là Trang sinh.*

*Vắn vơ.* *Vắn* là không nhất định. *Vắn vơ* là tiếng đôi để nói lòng tri lẩn quẩn gần xa. Câu thơ số 218 ý nói cung-phi trong bụng không yên sánh mình với con bướm bay đi bơ vơ như hôn Trang-sinh nằm chiêm-bao.

Hai câu thơ số 217-218 đối nhau về ý nghĩa rất hay:

chiều = về

đốt = bằng kim cương

giác mai = hồn bướm

219 *Thâm khuê*. *Thâm* là sâu. *Khuê* là chỗ con gái ở. *Thâm khuê* là cái buồng the kín đáo của đàn bà.

*Vắng ngắt*. *Vắng* do chữ *hoang* là không có tiếng động, không có người qua lại, im lặng. *Ngắt* là tiếng trọ-tỏ-đề nói quá lăm. *Vắng ngắt* là tiếng dỗi để nói rất vắng.

Thường nói vắng tanh, vắng teo, vắng hiu, vắng bặt, chờ ít khi nói vắng ngắt như lạnh ngắt, nhưng trong câu lục này (219) chữ thứ tư phải giữ vần trắc theo luật vận của thể thượng lục hạ bát chữ:

O B O T O B  
O B O T O B O B

Vì vậy cho nên dùng chữ *ngắt* để thay thế chữ *tanh* thuộc về vần bình. *Như tờ*. *Tờ* do chữ *từ* (cái miếu thờ thần) đọc trạnh ra.

Trong câu thơ số 219 lấy tiếng *vắng* để sánh với chữ *tờ* thì rất đúng ý, vì trong cái buồng không hoặc cái đèn thờ, thường chẳng có một tấm hơi gì cả, như người ta thường nói: lặng lẽ như chùa.

Trong truyện Kiều có câu thơ số 71 viết đúng theo ý nghĩa trình-bày ở trên:  
*Buồng không lặng ngắt như tờ.*

Trái lại vì cái buồng bỏ trống với một tờ giấy trải thẳng ra thì vô nghĩa, trừ ra muốn nói về sông biển thì được như câu thơ sau đây của Bà Huyện Thanh Quan trong bài "Cảnh sông hui" dùng chữ rất tinh anh:

*Trăng xóa trang giang phẳng lặng tờ.*

vì trên sông biển im lặng không có sóng động thì mặt nước bằng phẳng như tờ giấy trải dài ra.

Đình-Xuân-Hội chú hai tiếng *như tờ* mà viết: *tờ* giấy thì sai lầm cũng

như Phạm-Gia-Kính dịch thành: *comme papier nu*, cần dịch lại như vậy: *come l'intérieur d'un temple*.

220 *Cửa châu... Rèm ngà*. *Châu* là viên ngọc sinh ở trong mình con trai sông dưới biển, tiếng Pháp gọi là 'perle'. *Rèm* là bức sáo treo trước cửa phòng đan bằng tre, tiếng Pháp gọi là 'store'. *Ngà* là cái răng của một vài con thú như con voi, màu trắng đục dùng làm đồ nữ-trang, tiếng Pháp gọi là 'ivoire'.

Bốn chữ *cửa châu... rèm ngà* dùng ta cách ở sang trọng của hạng thượng lưu, lấy vật quý để trang-hoàng nhà cửa, chớ thật ra không có cửa cân bằng hạt châu hay rèm đan bằng ngà voi.

Hai câu thơ số 219-220 ý nói cung-phi một mình buồn rầu trong phòng the kín đáo mỗi tương-tư vương rớt trong lòng, trong lúc ngọn gió thu lạnh lẽo thổi hiu hắt lọt vào cửa có treo bức sáo mà sương rơi xuống lác đác đọng lại từng hạt ở trên.

Có bản chép:

*Cửa châu gió lọt rèm ngà sương gieo.*

Chữ *gieo* cũng không khác nghĩa chữ *treo*, đây muốn nói sương rơi xuống ròi đọng lại trên rèm như hạt nước treo.

Nhưng chính-tả chữ *gieo* ở đây là do giọng địa-phương ngoài Bắc đọc ròi viết tr hoặc r như gi, mà ta thường thấy trong "Cung Oán Ngâm Khúc" này như:

trắng = giăng  
gười = giới  
râm = giâm  
râm = giâm

Hai câu thơ số 219-220 đối chiếu cùng hai câu thơ số 215-216 từng chữ từng ý rất xứng.

Câu thơ số 219 nhắc lại một ý kiến chung trong câu thơ số 215:

phong tiêu = thâm khuê  
lạnh ngắt = vắng ngắt  
như đồng = như tờ



Còn câu thơ số 220 đối với câu thơ số 216 cũng gần sát ý tứ :

gương loan = cửa châu

bè nửa = gió lọt

dải đồng = rèm ngà

xè đôi = sường treo

Câu thơ số 220 cần sắp lại cho ý tứ xuôi chảy hơn như vậy :

Gió lọt cửa châu sường treo rèm ngà.

Câu thơ số 220 chia ra làm hai vế đối nhau rất xứng :

cửa châu = rèm ngà

gió lọt = sường

lot = treo

Trong hai câu thơ số 219-220 chữ *từ* ở cuối câu lục (219) phải hòa vận với chữ *ngà* của câu bát (220), nhưng ở đây hai chữ này không đồng âm, cho nên có thể coi như cưỡng-vận vậy.

221 Ngấn phượng liền chòm râu lỗ chỗ,

222 Dấu dương xa đám cỏ quanh co.

223 Lầu Tần chiều lạt về thu,

224 Gối loan tuyết đóng chân cù giá đông.

biên chú

221 Ngấn. Ngấn là cái dấu in hay khắc vào một vật gì.

Phượng liền. Phượng (phụng) là một linh điều lông ngũ sắc, thuộc về tứ linh (Xem thêm chú-thích chữ rồng trong câu thơ số 153). Liễn là cái xe vua ngồi. Phượng liền là cái kiệu hoặc cái xe của vua có chạm hình chim phượng.

Truyện Kiều có câu thơ số 2265-2266 nói :

Sẵn sàng phượng liền loan nghi,

Hoa quan chấp chới hà y rõ ràng.

Rêu. Rêu là một loài rong cỏ rất nhỏ đóng vào đá hoặc cây bỏ lâu ngày, tiếng Pháp gọi là 'mousse'.

Truyện Kiều có câu thơ số 2749-2750 nói :

Sập sè ên liêng lâu không,

Cỏ lan mặt mặt đất rêu phong dấu giầy.

Lỗ chỗ. Lỗ chỗ là tiếng đôi để nói chỗ này chỗ kia.

Câu thơ số 221 ý nói nàng cung-phi có lúc tìm nơi kiệu vua đến cung cấm, mà chỉ thấy rêu xanh mọc lại rai lấp dấu xe ngày xưa.

Phạm-Gia-Kính dịch không đúng chữ *phượng liền* ra thành : *le char du phénix*, có nghĩa cái xe chở chim phượng, phải dịch lại như vậy mới đúng ý tứ : *le char orné de phénix* (xe chạm hình chim phượng).

Trong hai câu thơ số 220-221 chữ *treo* ở cuối câu bát (220) phải hòa vận với chữ *rêu* trong câu thất nhất (221), nhưng vì không đồng âm cho nên có thể coi như chuyết-vận.

222 Dương xa. Dương xa tức là xe dê. (Xem chú-thích chữ *xe dê* trong câu thơ số 160).

Quanh co. Quanh là không ngay. Quanh co là tiếng đôi để nói không theo một đường thẳng, đi quẹo bên này xéo bên kia.

Câu thơ số 222 ý nói cung-phi sực nhớ lúc trước vua đến viếng trên xe dê, mà nay chỉ thấy một đám cỏ mọc theo dấu quanh co trên mặt đất.

Hai câu thơ số 221 - 222 đối nhau từng chữ từng câu rất hay :

ngấn = dấu

phượng liền = dương xa

chòm râu = đám cỏ

lỗ chỗ = quanh co

223 **Lầu tần.** Hai chữ này do chữ 'Tần lầu'. **Lầu** do chữ 'lầu' là cái gác cao. **Tần** là tên một nước xưa bên Tàu, mà vua Thủy-Hoàng làm nổi tiếng trong lịch-sử. **Lầu Tần** tức lầu cao của vua Tần-Mục-công xây dựng cho Tiêu-Sử có tài thổi sáo, để ở mà dạy nhạc cho nàng công-chúa Long-Ngọc, rồi sau hai người kết duyên cùng nhau.

Hai chữ **lầu Tần** dùng tượng-trưng nơi hai tình-nhân duyên tuyền.

Câu thơ số 223 cần sắp chữ lại cho xuôi chảy như vậy: Lầu Tần (trong) chiều thu (có) về lại.

Câu thơ số 223 ý nói cung-phi đưa chiếc trong cung cấm xưa có đàn ca múa hát, mà bây giờ chỉ có bóng chiều lạt lẽo, xơ xác trong mùa thu buồn bã, cho nên vì mình với công-chúa Long-Ngọc được duyên may mắn, còn nàng thì ở một mình quạnh hiu.

Trong hai câu thơ số 222-223 chữ **co** ở cuối câu thất nhi (222) phải hòa vận với chữ **thu** ở cuối câu lục (223) theo luật vận của thể song thất lục bát, nhưng hai chữ này không đồng âm lắm, cho nên có thể coi như chuyêt-vận.

224 **Gối loan.** **Gối** do chữ **châm** theo bộ **mộc** (cây) là một thứ đồ dùng gác đầu nằm có hình bình-hành diện thể dài xưa làm bằng gỗ, sau này bằng cái bọ vương hay tròn dòn bông gòn cho mềm, tiếng Pháp gọi là 'oreiller'. **Loan** là chim loan. Xem thêm chú-thích chữ này trong câu thơ số 216. **Gối loan** là cái gối thêu hoặc chạm hình chim loan để nhắc đời lữ.

Phạm-Gia-Kinh dịch không đúng chữ **gối loan** ra thành: 'l'oreiller du phénix, phải dịch lại như vậy: l'oreiller brodé (orné) de phénix.

**Đông.** **Đông** ở đây có nghĩa là kết thành khối thành về dùng nói về móc, rong, tuyết, muối.

**Chăn cù** **Chăn** là cái mền đắp trong lúc ngủ. **Cù** là một loài rồng không sừng tục thường nằm dưới đất, chỗ nó dậy lên thành sóng. **Chăn cù** là cái mền dệt hình con quái-vật nói trên.

Tồn - Thất - Lương giải nghĩa chữ **chăn cù** mà viết: "Cái chăn bông lông cù, lông ấm (chiên)". Dường như theo ý của quyền «Việt-Nam từ

điền" của Hội Khai Trí Tiến Đức (1931, trang 96 cũng nói gần giống như vậy: «Cù du: tên gọi cái đệm lông làm ở Cao-Ly,» nhưng ở đây thì nói cái đệm lông chó không phải cái chăn.

Nếu ta xét lại cho kỹ câu bát số 224, ta nhận thấy bốn chữ trước đối chiếu cùng bốn chữ sau rất hay, như là:

gối loan = chăn cù

Hai thú vật như chim loan và cù loan là bịa đặt, không hề có được, chẳng khác gì chuyện thần-thoại mà trong tiêu-thuyết Tàu nhắc đi nhắc lại cho thi thơ có thú-vị.

Vậy ở đây chữ **cù** dùng để đối với chữ **loan** mà thôi, chứ đâu có cái chăn mà dệt bằng lông ấm con chiên, cũng như trong câu bát số 220 mấy chữ **chầu châu** và **rem ngà** dùng đối nhau cho hay, cho câu văn có bóng bẩy.

**Giá đông.** **Giá** là nước mùa đông cứng lại rất lạnh, tiếng Pháp gọi là 'givre'. **Đông** do chữ **đống** là vật lỏng như nước thành đặc lại. **Giá đông** là mùa rét nước trở nên cứng.

Câu thơ số 224 ý nói nàng cung-phi vì buồn lòng nản trí không dùng gối thêu hình loan và chăn ấm dệt hình con cù, để hơi tuyết sương thấm vào số lạnh ngắt, cũng như mảnh vũ y (2) mà phải chịu lạnh lẽo.

Câu thơ số 224 chia ra làm hai vế đối nhau rất hay.

gối = chăn

loan = cù

tuyết = giá

đông = đông

(Còn nữa)

## giai-thoại về Nguyễn-công-trứ

hồi 79 tuổi

"xuân đình-tý (1857)"

Nguyễn-công-Trứ, tự Tôn-chất, biệt-hiệu Hy-văn và Ngộ-Trai, tục gọi Tống-đốc Củng hay là Thượng-Trứ, là một người tài-hoa lỗi-lạc, khoáng-khái và hào-hung.

Gần ba mươi năm lăn-lộn trong quan-trường, Hy-văn Tiên-sinh đã từng lập nên nhiều công-nghiệp vi-đại, ích quân lợi dân, danh lưu muôn thuở mà mọi người đều tôn-sùng.

Song-song với tài kinh-bang tế-thể, lập ấp chiêu dân và đi đánh giặc, Tiên-sinh còn lưu lại nhiều mâu chuyện hài-hước trong khi đương làm quan cũng như trong lúc về hưu nhàn tĩnh-dưỡng.

Năm Tự-đức nguyên-niên (1848), Tiên-sinh đã 70 tuổi, sau ba lần xin hồi-hưu, mới được vua Tự-đức chấp thuận ; đến năm Tự-đức thứ 12 (1859), thời tạ-thể vào tuần 81 tuổi.

Trong khoảng thời-gian hơn mười năm hưu-tri, Hy-văn tiên-sinh thường ngày tu ở chùa Cẩm-sơn (núi Đại-nài) ở về phía nam tỉnh-thành Hà-tĩnh độ ba cây số. Tiên-sinh lại hay cỡi con bò cái vàng đi ngao-du sơn thủy, ngâm vịnh gió trăng, vui cùng cây cỏ, non nước bầu rượu túi thơ. Đôi khi Tiên-sinh lại về bên Giang-đỉnh gần làng Uy-viễn là nơi chánh-quán đề câu cá và hóng gió mát, sống một cuộc đời nhàn-tản phong-lưu, ngoài vòng danh-lợi, khi nào cũng hào-

phóng say-sưa khi nào cũng hiên-ngang với tiết tháo.

Tiên-sinh thật là người phi-thường, suốt đời ngang dọc, cho nên người đương-thời có mừng Tiên-sinh một đôi câu-đối :

"Sự-nghiệp kinh nhân thiên-hạ hữu ;

Phong-lưu đảo lão thế gian vô."

Xin tạm dịch như sau.

"Sự-nghiệp kinh-đời, trong thiên-hạ còn có người theo kịp.

Phong-lưu mãn kiếp, giữa thế-gian khôn có kẻ sánh tày."

Hằng ngày, hai cô hầu trẻ tuổi diu Tiên-sinh lên Phật-đài ở chùa Cẩm-sơn để tụng kinh niệm Phật, cho nên trong bài ca-trú « Ngắt-ngưỡng » của Tiên-sinh có câu : "... Sau lưng lẻo-đẻo một đôi di, Bụt cũng nực cười ông ngắt ngưỡng..." và trong bài thơ của Cụ Phan Sào-Nam lên thăm chùa Cẩm-sơn có câu :

"Túy bảo hồng-nhi thượng pháp-môn..." nghĩa là "Say giữa hầu non tới Phật-đài..."

Đến năm Đinh-tý (1857), niên-hiệu Tự-đức năm thứ 10, Cụ Thượng Trứ đã được 79 tuổi. Nhân ngày đầu xuân, cũng như thường năm, Cụ cỡi con bò cái màu vàng về thăm Từ-đường ở làng Uy-viễn, huyện Nghi-xuân (Hà-tĩnh). Từ lúc bừng sáng, Cụ cỡi con bò ấy đi mãi đến xế chiều thời tới gần con đường tỉnh-lộ rẽ vào làng Cụ. Thấy bò quá đói và mệt, Cụ trượt xuống đất nó ăn cỏ dọc theo quốc-lộ.

Được một lúc, bỗng thấy một đoàn đông người có mang cờ, lọng, trống, chiêng, vông đôn-cong v.v..., từ bên địa-phận tỉnh Nghệ-an qua sông Bến-Thủy (Lam-Giang) đi vào địa phận tỉnh Hà-Tĩnh để đón rước quan tân án sát từ tỉnh Quảng-Nam dời tới đình Nghệ-An.

Đến khi đám rước quan án đi ra, trước đoàn đông người, có một anh cai lính giản-đội nón đỏ và bận áo quần đều có nếp đỏ, cầm ống loa gọi lớn :

"Hỡi mọi người khách đi đường, phải tránh về một bên để cho đám rước quan-lớn đi".

Nghe người cai kêu gọi ầm-ỹ như vậy. Cụ Trứ làm bộ sợ hãi rồi hai tay

nắm kéo dây con bò từ bên đường quan đi qua bên kia đường quan.

Người cai lại cầm loa kêu gọi nữa. Cụ Trứ bấy giờ làm ra bộ quá hoảng-hốt, rồi hai tay lại nắm kéo dây con bò từ bên kia đường quan đi qua bên này đường quan nữa.

Tức giận quá, người cai tới gần Cụ Trứ và trừng cặp mắt lên rồi hỏi :  
"Tại sao ông già cứ dắt bò chạy qua chạy lại như thế? Ông cố ý không cho đám rước tân đường-quan đi hay sao?"

Cụ Trứ già-vờ run-rẩy cả thân mình và lầm-cầm thưa :

"Tôi già, điếc, nghe không rõ. Tôi đã dắt bò về một bên đường rồi, ông còn kêu gọi nữa, nên tôi lại tưởng phải dắt qua bên khác mới khỏi phạm-tất."

Người cai liền nắm tay ông già kéo về một bên đường, tức-thì ông già té xuống đất nằm chổng hai tay hai chân lên trời, miệng thì rên-rỉ, tay thì nắm chặt lấy dây con bò.

Không biết làm thế nào, anh cai bèn tới trình với quan án đương-nằm ngựa trên võng đòn-cong, có hai người lính đi kèm hai kèm hai bên với hai cây long-xanh. Anh cai thưa :

"Bẩm Cụ lớn ! Con có hôn-phận đi trước dẹp đường cho đám rước Cụ lớn đi, thế mà có một ông già nhà quê chặn bò cứ dắt bò chạy lại trên đường cái làm ngăn-trở đám rước đi không được, bắt-dắt đi con phải nắm tay ông ấy kéo về một phía đường, không ngờ ông ấy nằm vạ, và hai tay ông ta vẫn còn nắm chặt lấy dây con bò, không cho đám rước đi. Xin Cụ lớn chỉ-giáo cho chúng con tuân-hành..."

Nghe trình-bày như vậy, quan án nghiêm-nghi lên giọng quát-lớn : "Tên lão-phu vô-lễ, vô-hạnh, cần phải trừng-trị gắt-gao mới được". Thế rồi quan án hạ lệnh : "Nay truyền cho viên cai cứ thi-hành phận-sự dẹp đường, và truyền cho hai lính-giàn khác phải dẫn-giải tên lão-phu ngoan-mạnh kia sang dinh Án-sát-tỉnh Nghệ-an, ta sẽ xét-xử đích-đáng, để làm gương cho những hạng diên-phu đã-tốt một nết vô-tri khác..."

Lập-tức, hai người lính tới khiêng ông già đặt nằm một bên đường để cho

đám rước đi, rồi mới sắp-đặt công-việc áp-giải ông già đi sau.

Hai người khuyển-lớn ông già hãy ngồi dậy rồi cùng đi với họ sang dinh Án-sát-tỉnh Nghệ-an để hầu Thượng-quan xét-xử. Ông già nói :

"Tôi thân già, sức yếu, nhà nghèo, chỉ trồng cây vào con bò này kéo cày nuôi sống, và tôi có đi đâu cũng nhờ nó chở đi. Nay hai ông đã áp-giải tôi, thì phải áp-giải cả con bò này nữa, vì mất nó đi thì tôi phải chết, rồi nó ra là tôi bước không được, bởi hai đầu gối tôi đã lỏng rồi..."

Hai người lính bèn năn-nỉ ông già cỡi lên con bò để theo họ về tỉnh Nghệ-an : một người lính đi trước và một người lính đi sau con bò.

Về tới tỉnh-thành Nghệ-an, thì trời vừa tối, hai người lính không biết làm thế nào để giữ ông già và con bò đứng sáng ngày sau dẫn trình quan án. Suy đi nghĩ lại rồi hai người dẫn ông già và con bò vào gửi tạm-giam tại nhà lao tỉnh Nghệ-an, để đến sáng ngày mai sẽ tới nhận ra dẫn trình quan án.

Còn quan lớn án, khi tới tân-ly, phải bận-rộn về việc thủ-tiếp các quan phủ, huyện và các ty, tào, cùng các hàng văn-thần, tổng lý tấp-nập tới mừng tân đường-quan, nên quên hẳn việc ông già chặn bò bị giải.

Sáng ngày sau, vừa nghe trống hầu, hai người lính vội vàng vào nhà lao nhận ông già và con bò. Vừa ra khỏi cửa lao, chưa kịp dẫn trình quan án, thì đã thấy quan án trong chiếc áo rộng xanh đương đi qua dinh Tổng-đốc để yết-kiến quan thủ-hiến (quan đầu tỉnh).

Ông già chợt thấy quan án bệ-vệ đi vào dinh Tổng-đốc với bộ áo rộng xanh tha-thướt, liền nói với hai người lính : "Hai ông hãy coi giùm con bò cho tôi để tôi chạy theo quan án, liệu Ngài xét-xử thế nào cho tôi nhờ..."

Quan án đi trước, cứ nhìn thẳng về dinh Tổng-đốc, không hề quay nhìn đường sau, nên không biết ông già đương leo-đèo chạy theo mình.

Vào đến sân dinh Tổng-đốc, quan án trông thấy quan Tổng-đốc đương đứng trên bực tam-cấp nhìn xuống, liền cúi đầu vái một cái, nhưng không được quan thủ-hiến gật đầu đáp lại, vì quan thủ-hiến đương chăm chú nhìn ông già lồm-cồm đi sau quan-án.

Quan án lên đến tam-cấp, vừa vái, quan Tổng-đốc hai ba vái, thì vừa thấy quan Tổng-đốc bước xuống tam-cấp rồi hai tay diu-dắt ông già cùng nhau lên hèm và vào phòng khách.

Quan Tổng-đốc chấp tay thưa chuyện với ông già :

“Kính thưa cụ lớn : Mấy lúc này, tiêu-đệ hằng trông mong Cụ lớn qua chơi mà không thấy. Tiêu-đệ có gửi thư hầu cụ lớn cũng không được phúc-đáp, nên tiêu-đệ rất lo cho sức khoẻ của Cụ lớn lắm. Hôm nay, Cụ lớn qua đây, sao lại qua trong giờ này mà không cho tiêu-đệ biết trước để đưa vòng lòng rước Cụ lớn. ?”

Quan án bấy giờ đứng khấp-nép một bên tường, mặt thì xanh ngắt như lá rau, cứ cúi đầu nghe qua Tổng-đốc nói chuyện với ông già.

Quan Tổng-đốc đây là Ông Võ-trọng-Bình (đỗ Tiến-sĩ, quán làng Mỹ-lộc, huyện Lệ-thủy, tỉnh Quảng-bình, tuổi vào lứa em Cụ Nguyễn-công-Trứ, nhưng đồng-thời làm chức Tổng-đốc với Cụ Trứ), một vị quan đầu tỉnh mà tiếng thanh-liêm và oai-tín đã vang khắp trong nước.

Ông già thưa :

“Kính thưa Quan lớn ! mấy lâu nay tôi đã nhiều lần định qua hầu thăm Quan lớn để ôn lại những câu chuyện bạn-bầu ngày xưa. Nhưng vì gia bản thân lão, lại thêm tật bệnh luôn, cứ lần quần mãi không qua được, “gà què ăn quần cối xay”, rất mong Quan lớn lượng tình miễn chấp cho. Hôm qua, tôi cỡi con bò về thăm nhà quê, đến khúc đường gần rẽ vào làng tôi, thấy bò đối quá, tôi trượt xuống đất nó ăn cỏ dọc theo thiên-lý-lộ. Nhân có đám rước quan án đi qua, người cai cầm loa gọi, tôi đã tránh về một bên đường rồi, lại nghe gọi nữa, nên tôi lăm tưởng phải tránh về bên khác mới hợp lễ. Thế rồi anh cai kéo tôi té xuống đất, rồi quan án truyền áp-giải tôi qua đây...”

Cụ lớn bị áp-giải sang đây, như vậy cả đêm qua, Cụ lớn nghĩ-ngợi ở đâu ? Ăn uống như thế nào ? Và được đối đãi ra sao ?

Cả đêm bị ký-giam tại nhà lao quý tỉnh, nhịn đói từ chiều hôm qua đến nay, và được muối và rệp cắn suốt đêm, ngủ không được...

Quan Tổng-đốc dò mắt tía tai, trừng mắt nhìn quan án mà lớn tiếng :

“Quan án có biết cụ già nào đây không ? Đây là Cụ Thượng-thư hưu-tri Nguyễn-công-Trứ. Chẳng những triều-đình và hàng Đốc-phủ (Tổng-đốc và Tuần-phủ đều là chức quan đầu tỉnh) như chúng tôi phải kính trọng Cụ là hàng sư-trưởng mà thôi, cho đến đức Hoàng-Thượng cũng quý mến và ưu đãi Cụ, nên đã mấy lần ân ban lựa là và tiền bạc cho Cụ để ủy-lạc một vị công-thần có nhiều sự-nghiệp huy-hoàng. Nay quan án được dời tới đây, chưa đáp chân xuống đất Nghệ-an, đã ngang-nhiên hành-hạ một vị lão-thần vào lứa tuổi thúc-phụ. Như vậy là quan án đã coi thường phạm-tước của Triều-đình cũng như sắc-phong của nhà Vua, khinh-thị bậc công thân vô-song của nhà nước, miệt-thị danh-vọng và xâm-phạm thể-diện của Cụ, Thượng-Nguyễn hành-động như vậy quả thật không xứng-đáng một vị đường-quan cầm cần công-lý trong tỉnh hạ Nghệ-an là một trọng-trần. Tôi nhưt-định giao-hoàn ngay quan án về Bộ hậu cứu ...”

Quan Tổng-đốc lại cho gọi viên Bát-phẩm phòng mật và ra lệnh cho viên ấy phải thảo gấp tờ tư Bộ Lại để giao trả quan án-sát về Bộ.

Quan án-sát bấy giờ mặt mày càng xanh ngắt, tay chân càng run-rẩy như người bị cơn sốt rét, không nói được một tiếng nào, chỉ cúi đầu, chấp tay vái quan Tổng-đốc một vái, lại vái Cụ Thượng Trứ một vái, cứ vái mãi như thế.

Quan Tổng-đốc lại nói :

“Việc quan án làm thì quan án phải chịu. Thôi, đứng vái nữa, quan về dinh Án để sửa-soạn hành-lý mà về kinh...”

Đến đây, quan Tổng-đốc ân-cần mời Cụ Thượng Trứ vào tư-thất để dùng trà và điềm-tâm.

Quan Tổng-đốc diu Cụ Thượng Trứ vào nhà trong, quan án cũng theo chân vào mà vái nữa.

Quá cảm-động vì cử-chỉ tự-hối của quan, Cụ Thượng Trứ mới thưa với quan Tổng-đốc :

“Kính thưa Quan lớn : Quan án sở-hành đối với tôi thật là quá đáng. Nhưng

xét ra vì quan án không biết tôi, nên mới có sự hành hạ tôi như vậy, nay xin Quan lớn vì tôi mà tha lỗi cho quan án, tôi xin cảm ơn Quan lớn. . .

— Kinh thưa Cụ lớn: Quan án này bị đời ra đây cũng vì dân việc hồng-hách. Nay lại hồng-hách quá, thật là đáng tội. Đại-phẩm bắt giải một người, nào, thì cần phải biết người ấy là ai đã. Nay quan án bắt giải Cụ lớn như vậy, nói rằng vì quan án không biết Cụ lớn thời không có lý, vậy xin Cụ lớn cứ để mặc tôi nghĩ xem thế nào cho thích đáng.

— Xin quan lớn thương hại đến gia-cảnh quan án có một bầy con dại; nếu Quan lớn thẳng tay trừng-trị, thì tôi ở quan án sẽ bị lỗi nặng, rồi bầy con dại sẽ bị khổ sở. . .

Cụ lớn quá rộng-trọng đối với quan án, nên tôi không biết nói thế nào nữa, nay tôi xin theo ý Cụ lớn.

Thế rồi quan Tổng-đốc quay nhìn quan án mà nói:

“Đây là tôi vì Cụ Thượng Nguyễn mà tha lỗi cho quan. . .”

Quan án bấy giờ mới mở miệng nói được:

“Nay Quan lớn và Cụ lớn xướng phước tái-sanh cho tôi, ơn ấy tôi xin minh tâm khắc cốt. . .”

Quan án vái mấy vái nữa rồi xin trở về dinh án nhậm chức. Về đến dinh án rồi, quan án cho gọi gấp hai người lính đã áp-giải Cụ Trứ, và giục họ cắt cỏ cho con bò Cụ Trứ ăn cho thật no.

Lưu lại dinh Tổng-đốc Nghệ-an một ngày đêm rồi, Cụ Trứ xin về cho được. Bất-đắc-di quan Tổng-đốc phải để Cụ về và đưa chân Cụ ra khỏi dinh Tổng-đốc.

Qua dinh An-sát để nhận bò rồi, Cụ Trứ thung-dung cỡi lên con bò mà sau đuôi vẫn còn cái mo cau treo tòng-teng che lấp âm-hộ.

Các quan tỉnh Hà-tĩnh đã nhiều lần được mục-lich Cụ Trứ cỡi bò như thế, còn các quan tỉnh Nghệ-an thì mới thấy lần đầu, nên có một vị quan hỏi:

“Sao lại có cái mo cau treo lên đuôi con bò lạ lùng như thế thưa Cụ?”

Cụ Trứ mỉm cười và đáp lại bằng một câu thành-ngữ rất là thong-thỉnh: “Đó là che lỗ miệng thế-gian”.

Cụ Trứ cỡi con bò ra khỏi tỉnh-thành Nghệ-an trước sự ngạc-nã và xàm-xi của những đám người hai bên phố xá.

Qua sự việc đã kể trên, chúng ta càng thấy rõ con người đặc-biệt Nguyễn-công-Trứ, bao giờ cũng ngang-tàng bất-khuất, bao giờ cũng hãnh-diện về-vang, chẳng sợ ai mà cũng chẳng khinh ai vậy. Thật vậy, trong con người ngạo-mạn Nguyễn-công-Trứ có con người đạo-đức, trong con người đạo-đức, có con người phóng-khoáng hào-hùng, nửa tiên nửa tục.

Tưởng nếp người như Nguyễn-công-Trứ xưa nay vốn hiếm lắm vậy.

## THỦ - TƯỚNG ĐẶT VIÊN ĐÁ ĐẦU TIÊN XÂY THƯ - VIỆN QUỐC - GIA.

Saigon 28-12. Thủ-tướng Trần-Văn-Hương, sáng 28-12 đã chủ-tọa lễ đặt viên đá đầu tiên xây Thư-viện Quốc-gia tại số 69 đường Gia-Long Saigon.

Tuyên bố trong dịp này, Thủ-tướng nói một dân-tộc hiếu học như dân-tộc Việt-Nam không thể quên đi những gì cao quí của nền văn-hiến Quốc-gia. Thủ-tướng nhấn mạnh « nói đến văn-hiến là không thể không có một Thư-viện Quốc-gia tương xứng ».

Vấn theo Thủ-tướng « Tòa Thư-viện Quốc-Gia được khởi công xây cất hôm nay sẽ là trung-tâm lý-tưởng cho công-kuộc bồi đắp tâm-trí, phát huy Văn-Hóa và chấn-hưng đạo-đức của thế-hệ này, một công-kuộc tiêu-biểu cho sự nghiệp xây-dựng hòa-bình vậy ».

Thủ-tướng cho biết Ông xem việc thiết lập thư-viện là một phương-tiện cấp thiết để vận-động tiềm-lực trí-thức, hỗ-trợ cuộc đấu-tranh cho tự-do Quốc-gia mà chúng ta đang nỗ lực theo đuổi.

Theo Thủ-tướng, hoàn cảnh chiến-tranh chẳng những không thể là duyên cớ trì hoãn mà trái lại còn là lý-do thúc đẩy chúng ta sớm hoàn thành công-kuộc xây cất cơ-sở văn-hóa đó.

Thủ-tướng giải-thích gặp thời loạn, nhân tâm lý-tán, đạo-đức suy-vi, phong-hóa trụy-lạc, nếu không bồi tâm dưỡng trí bằng văn-hóa thì lấy nghị-lực ở đâu mà thắng cơn bi cực, biết đường hướng nào để tái tạo hòa-bình, hạnh phúc ?

Trước đó, Ông Mai-Thọ-Truyền, Quốc-Vu-Khanh đặc trách Văn-Hóa đọc diễn-văn cho biết sau 10 năm chờ mong, chúng ta sẽ có một thư-viện tương đối đồ-sộ, kiến-trúc theo kỹ-thuật Tây-phương với những đường nét dân-tộc, gồm một kho sách 16 tầng, biệt lập với những phòng triền-lâm, phòng họp hội đồng. Tất cả chia thành 4 khu : Sách vở, báo chí, họa đồ và phim ảnh, kinh phí dự trữ cho công tác này là 120 triệu đồng. Công trình xây cất Thư-viện

Quốc-gia được dự trù hoàn tất trong 2 năm, nghĩa là sẽ hoàn thành vào cuối năm 1970.

Hiện diện trong buổi lễ này có ông Vũ-Quốc-Thức, Quốc-Vụ-Khanh; Ông Âu-Ngọc-Hồ, Tổng-trưởng Kinh-tế và nhiều quan khách Việt-Nam và ngoại-quốc.

### ÔNG QUỐC-VỤ-KHANH MAI-THỌ-TRUYỀN ĐƯỢC BỒ-NHIỆM ĐẶC TRÁCH VỀ VĂN-HÓA.

Saigon 19-11. Tổng-Thống hôm 19-11-66 đã ký sắc-lệnh bổ-nhiệm Quốc-Vụ-Khanh Mai-Thọ-Truyền đặc-trách về Văn-Hóa.

### TRIỂN-LÂM TẠI PHÁP - VĂN ĐÔNG-MINH-HỘI.

Saigon 19-11. Nghệ-sĩ khắc ngà Đới-Ngoan-Quân mở cuộc triển-lâm những tác-phẩm mới của ông tại Pháp-văn Đông-Minh hội, số 24 đường Gia-Long.

Buổi lễ khai-mạc được tổ-chức hồi 18 g 30 chiều Thứ bảy 23-11, với sự hiện diện của ông Jacques Trihoreau, Phó-Cố-Vấn Văn-Hóa Pháp tại Việt-Nam.

Cuộc Triển-lâm đặc-biệt này kéo dài đến hết ngày 12-1, mở cửa mỗi ngày từ 9 giờ đến 12 g 30 sáng và từ 16 giờ đến 19 giờ chiều.

Nghệ-sĩ Đới-Ngoan-Quân tốt-nghiệp Đại-học Viện Mỹ-Thuật Bắc-Kinh và hiện là giáo-sư trường Quốc-Gia Cao-đẳng Mỹ-thuật Gia-định.

### "LIÊN-ĐOÀN A-CHÂU TỰ-DO" TẠI HOA-KY NÓI VỀ CUỐN BẠCH-THƯ 1968 CỦA VIỆT-NAM.

Saigon 21-11. Ước-mong cuốn "Bạch-Thư nói về chiến-tranh V.N. : ai

là kẻ giải-phóng, ai là kẻ xâm-lãng" này sẽ được toàn-thể các bạn Hoa-Kỳ, hàng quan tâm đến chiến-cuộc V.N đọc và suy ngẫm: có như vậy mới mong nó sẽ giúp các bạn được sáng tỏ và thông suốt vấn-đề.

Trên đây là một đoạn trong lời đề tựa của ông David I. Wyllie, Giám-Đốc "Liên-Đoàn A-Châu Tự-Do" tại Cựu-Kim-Son (San Francisco) khi ông đúc-kết cuốn Bạch-Thư 1968 của Bộ Ngoại-Giao VNCH thành một cuốn nhỏ với mục-đích làm nổi bật chủ-trương hiếu-hòa của Chánh-phủ VNCH và chủ-tâm xâm-lãng hiếu chiến của Cộng-Sản Bắc-Việt và các lực-lượng phụ-thuộc.

Trình bày trang nhã, ấn-loạt mỹ-thuật, khuôn-khổ thông dụng với thị-hiệu của người Hoa-Kỳ, đó là tru-điểm hình thức của cuốn sách trên.

"Liên-Đoàn A-Châu Tự-Do", tru-sở tại Cựu-Kim-Son, còn xuất-bản nhiều tài-liệu khác hiện đã phổ-biến khắp Hoa-Kỳ, nhất là miền Tây mà tại đó một tòa Tổng-Lãnh-Sự V.N. được thiết-lập ít lâu nay. Tài-liệu đáng kể là cuốn "Hòa-bình ở Việt-Nam với lập-trường của Chánh-phủ VNCH" và cuốn "Liên-minh với ai?" nghiên-cứu sâu rộng cái gọi là "Mặt trận Giải-phóng miền Nam".

Tương-cũng cần nhắc "Bạch-Thư 1968" đã được Ngoại-Trưởng Trần-Chánh-Thành công bố ngày 30-9-1968 và phổ-biến cùng ngày lại hầu hết các Quốc-Gia Tự-Do.

### ĐOÀN VĂN-NGHỆ V.N. ĐƯỢC HOAN-NGHÈNH TẠI THỦ-ĐỒ ANH-QUỐC.

Saigon 20-11. Đoàn Văn-nghệ VN do kịch-sĩ lão-thành Năm-Châu hương dẫn, từ Paris sang trình-diễn hai đêm văn-nghệ tại Thủ-đồ Anh-Quốc đã được đặc-biệt hoan-ghènh.

Với sự hỗ-trợ tích-cực của Tòa-Đại-sứ VNCH tại Anh-Quốc, đoàn ca-vũ-nhạc đã ra mắt giới-mệ-điệu tại rạp Seymour Hall. Các vị Đại-sứ, Cao-Ủy các nước bạn đã có mặt cùng với đại-diện của nhiều đoàn



thể chánh-trị, văn-hóa, nghệ-thuật, báo-chí và các viên - chức khác thuộc ngoại-giao-đoàn. Gần hai ngàn khán-giả gồm các sinh - viên và kiều-bào đã đến tụ trong 2 buổi trình diễn 7 và 8-11.

Khán-giả đã chăm chú theo dõi nồng nhiệt tán thưởng các màn ca vũ, các điệu dân-ca, các điệu cổ VN, vũ-điệu múa trống...

Báo - chí Anh cũng đặc biệt chú ý đến 2 buổi trình diễn - của đoàn văn - nghệ Việt-Nam.

#### ĐOÀN VĂN - NGHỆ V. N.

#### ĐƯỢC - NHIỆT LIỆT-HOAN NGHÈNH Ở RABAT.

Saigon 22 - 11. Hội-viện Quốc-Gia « Mô-ha-mét Đê Ngũ » với 2.400 ghế đã không còn chỗ trống trong buổi trình diễn văn-nghệ mà Đoàn Văn-Nghệ V.N. tối Thứ hai tuần qua tại Rabat, Thủ-đô Maroc.

Trong đêm trình-diễn, có sự hiện diện của các vị Tổng, Bộ-Trưởng trong Chánh-phủ Maroc, các vị Đại-sứ các quốc-gia Ả-Rập, Phi-Châu và Âu-Châu.

Khán giả Maroc và kiều-bào V.N. tại Rabat đã nhiệt liệt hoan nghênh các màn trình-diễn.

Buổi trình-diễn được đặt dưới quyền Chủ-tọa của Quốc-Vụ-Khanh Maroc Bontaleb và được đài Vô-tuyến truyền-hình địa-phương trực-tiếp truyền đi các tỉnh lỵ.

Tướng cũng cần nhắc, các sứ-giả Văn-Nghệ VN trong chuyến viễn du này đã thành công rực rỡ tại các Thủ-đô Paris và Londres và lần này tại Rabat, Thủ-đô Maroc ở Bắc-Phi.

#### PHÁI ĐOÀN VĂN-NGHỆ VIỆT - NAM - CỘNG - HÒA

#### TRÊN - VÔ TUYẾN TRUYỀN - HÌNH MÀU PHÁP.

Saigon 28 - 11. Trước khi rời Ba-Lê, phái-đoàn Văn-Nghệ V.N.C.H. đã trình diễn trên màn ảnh truyền hình màu của Pháp ngót 2 tiếng đồng hồ.

Những màn trình diễn chiếu trong giờ phát hình thời-sự, gồm có nhiều vũ-điệu, đặc biệt các vũ-điệu « múa nón » và « múa trống ».

Buổi phát hình này sẽ được chiếu tại các đài địa-phương.

Tướng cũng cần nhắc lại, trong những lần trình-diễn tại khu Đại-học Tổng-Hội Sinh-Viên VN và nhà VN tại Ba-lê, phái đoàn Văn-Nghệ V.N.C.H. cũng đã đặc biệt được tán thưởng, nhất là tại hi-viện Khu Đại-học, không còn một ghế trống.

Chủ-tịch Tổng-hội sinh - viên Việt-Nam đã ngõ lời tri ân Chánh-Phủ đã gởi phái đoàn văn-nghệ sang Pháp mà họ coi như là như một « món quà » đặc biệt dành cho kiều-bào và sinh-viên VN tại Pháp.

#### CUỐN PHIM « XIN NHẬN NƠI NÀY LÀM QUÊ - HƯƠNG »

#### ĐƯỢC CHIẾU VÀO DỊP TẾT NGUYÊN-ĐÁN.

Vũng-Tàu 8-12. Cuốn phim « Xin nhận nơi này làm quê - hương » dài 1 giờ 45 phút do đoàn chuyên-viên Nha Điện-Ảnh quay tại Vũng - tàu sẽ được chiếu cho đồng-bào xem vào dịp Tết Nguyên-đán tới.

Cuốn phim này do đoàn chuyên-viên của nhà Điện-Ảnh thuộc bộ Thông-tin thực hiện.

Một đoàn chuyên-viên của Nha Điện - ảnh thuộc Bộ Thông-tin gồm 22 người trong số có nam tài-tử Đoàn-châu-Mậu, nữ tài-tử Ngọc-Minh v.v. do ông Hoàng-Vinh-Lộc làm đạo-diễn, tuần qua đã đến Vũng-tàu thực hiện cuốn phim nói trên.

Theo chương-trình công-tác đoàn chuyên-viên Điện - ảnh sẽ lưu lại đây 10 ngày, lấy các bãi biển, rừng Chí-Linh làm bối cảnh cho cuốn phim.

#### PHIM « VIỆT - NAM, VIỆT - NAM »

#### CHIẾU TẠI TRUNG - TÂM VĂN - HÓA MỸ.

Saigon 9 - 12. Một phim màu « Việt-Nam, Việt-Nam » được trình chiếu

lúc 16 giờ ngày 12 và 14 - 12 tại Trung-Tâm Văn-Hóa Mỹ số 8 đường Lê-Qui-Đôn, Saigon.

Phim mô tả những nỗi đau khổ, nguyên-vọng và tinh-thần tranh đấu bất khuất của dân-tộc Việt-Nam. Phim còn chứng minh nước Việt-Nam là một mảnh đất hiền hòa, đầy những vẻ đẹp dịu dàng nhưng có ý chí muốn tiến bộ mặc dù bị Cộng-Sản xâm lăng.

Trong dịp này, phim « *Date with West Virginia* » cũng sẽ được chiếu, mô tả phong cảnh và đời sống miền Tây xứ Virginia để cho công-chúng giải trí.

QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA  
VIANG THAM CÁC CƠ-SỞ VĂN-HÓA.

Saigon 11-12. Ông Mai-Thọ-Truyền, Quốc-Vụ-Khanh đặc trách Văn-Hóa trong các ngày 7 và 9 tháng 12 đã đến viếng thăm các cơ-quan trực-thuộc để có một khái-niệm chính xác về tổ-chức và hoạt-động của mỗi nơi, đồng thời tiếp-xúc thân mật với cộng-sự-viên các cấp, các ngành và ghi nhận những nguyện-vọng của giáo-sư cũng như của sinh-viên học-sinh.

Ông Quốc-Vụ-Khanh ngày 9-12 đã đến viếng trường Trung-học Trưng-tri Mỹ-Thuật Gia-định do ông Đỗ-Đình-Hiệp làm hiệu-trưởng.

Ban Giám-đốc và Giáo-sư trình bày sinh-hoạt nhà trường rất mạnh, sự sáng-tác phong phú, nhưng vì thiếu phương-tiện tài-chánh, trường thành lập từ năm 1953 bị hư đốn nát-nhiều nơi cần được tu-bổ, khắc-trương để tạo thêm điều-kiện thuận lợi cho sự làm việc của giáo-sư lẫn học-sinh.

Ông Mai-Thọ-Truyền đã ghi nhận các nguyên-vọng của nhà trường trong đó có dự-án xin cải-tổ thành trường Quốc-gia Trưng-tri Mỹ-Thuật tiến đến bậc Cao-Đẳng, và hứa tùy hoàn-cảnh và phương-tiện sẽ cố-gắng giúp đỡ.

Sang qua trường Quốc-gia Cao-Đẳng Mỹ-Thuật Saigon do ông Nguyễn-

Văn-Quốc điều khiển, ông Quốc-Vụ-Khanh nhận xét tại chỗ sự cố-gắng vượt bực và tinh-thần hoạt-động đầy đủ của các giáo-sư và sinh-viên. Tuy nhiên, vì tình-trạng chung của nước nhà mà mỗi cơ-quan đều thiếu thốn phương-tiện tài-chánh để đáp-ứng đúng nhu-cầu của sinh-viên.

Ông ghi nhận ý-định của nhà trường tổ-chức vào thượng tuần tháng 2-1969 một cuộc triển-lãm họa-phẩm do sinh-viên sáng-tác, và việc nâng đờ trường lên thành một phân-khoa đại-học với một học-khóa từ năm đến bảy năm, nhằm đào tạo những họa-sĩ ưu tú trong tương lai, ông hứa sẽ cố-gắng tùy phương-tiện mà cứu xét để thực hiện những điều thỉnh-nguyện trên.

Trước đó, ngày 7-12, tại Trường Quốc-Gia Âm-Nhạc và Kịch-Nghệ Saigon (do ông Nguyễn Phụng làm giám-đốc) Ông Quốc-Vụ-Khanh đã nghe thuyết-trình về tổ-chức cơ-quan, mục-đích sự học-tập có phương-pháp và kết quả mỹ-mãn của sinh-viên dưới sự hướng-dẫn tận-tình của những giáo-sư âm-nhạc và kịch-nghệ tên tuổi và đã ghi nhận tình-trạng thiếu-kém về vật-chất của trường.

KY - GIÁ THANH-CHIÊU DIỄN - THUYẾT VỀ ĐỀ - TÀI  
"KY - GIÁ VÀ CHIẾN - TRƯỜNG".

Saigon 16 - 12. Ký-giả Thanh-Chiêu đặc phái-viên nhật-báo Chính-Luận ngày 15-12 tại trường Quốc-Gia Âm-Nhạc đã phản ảnh trong ngót một tiếng đồng hồ mọi khía cạnh của sinh-hoạt nghề-nghiệp của người phóng-viên chiến-trường tại Việt-Nam.

Ông Thanh-Chiêu đã trình bày cặn-kẻ về sự tham-gia tích-cực của người cầm-bút trong việc nói lên những khía cạnh sôi-động của chiến-trường và đời sống chiến-đấu hào-hung của quân-lực Việt-Nam.

Nhân dịp này ông Thanh-Chiêu cũng đã nói lên nhiều trở-ngại của người phóng-viên chiến-trường Việt-Nam trong việc hành-nghề như phương-tiện di-chuyển tới chiến-trường, sự hỗ-trợ yếu-kém của một số đơn-vị quân-đội tại

mặt trận. Ông lên tiếng yêu cầu Chính-quyền, nhất là Tổng-cục Chiến-tranh Chính-trị quan tâm tới vấn-đề này và tạo thêm sự thuận lợi cho phóng-viên theo dõi hoạt động chiến-trường.

Ông Thanh-Chiêu quan niệm rằng, ngoài nhiệm vụ thông-tin, người phóng-viên chiến-trường còn « làm công việc giải-độc trong và ngoài nước », khích lệ tinh thần chiến đấu của binh-sĩ và nói lên nguyện-vọng thầm kín của các cấp quân-nhân.

Trong phần II của bài thuyết-trình, ký-giả Thanh-Chiêu đã nhận định về sự sai lầm trong việc thông-tin của một số phóng-viên báo chí ngoại-quốc.

Ông cho rằng các phóng-viên này chưa hiểu rõ tính chất của cuộc chiến Việt-Nam, không theo sát hoạt động của quân-lực Việt-Nam nên qua những bài tường-thuật đã gây sự hiểu lầm trong dư-luận quốc-tế và từ đó làm suy giảm chính-nghĩa của cuộc chiến-đấu chống Cộng. Về vấn-đề này, ký giả Thanh-Chiêu yêu cầu Chính-quyền cần có chính-sách cụ-thể hơn, đối với báo giới ngoại-quốc, tạo cơ-hội cho họ đi sát với các đơn vị quân lực Việt-Nam để họ nói lên trung thực tinh-thần chiến-đấu đấng cảm của quân-lực Việt-Nam Cộng-Hòa và giá trị đích thực của chiến-trường Việt-Nam.

Buổi diễn-thuyết quy tụ lối 100 người gồm đại-diện hành-pháp, lập pháp và các ký-giả trong và ngoài nước.

#### HỘI - THẢO VỀ NHỮNG SỰ THAY ĐỔI PHONG TỤC

##### VIỆT-NAM DO ẢNH HƯỞNG ÂU-MỸ ĐEM TỚI.

Saigon 17-12. Hội Việt-Mỹ, ngày thứ tư 18-12-1968 đã thảo luận đề tài : « Những sự thay đổi về phong-tục Việt-Nam do ảnh-hưởng Âu-Mỹ đem tới, kể cả y-phục, có đáng được khuyến khích không ? »

Cô Anne Crolius, cố-vấn về hoạt vụ phụ-nữ của phòng xã-hội, cơ quan Cords, hướng-dẫn cuộc hội-thảo này tại trụ-sở Hội Việt-Mỹ.

#### DU ÂM HAI ĐÊM TRÌNH - DIỄN VĂN - NGHỆ TẠI PARIS.

Saigon 17-12. Đối với các bà con đã lớn tuổi qua Pháp từ lâu, một số lớn đã nghẹn ngào không cầm được nước mắt khi thấy lại những hình ảnh linh động của đất nước.

Ông Lương-Ngọc-Châu, kiều-bào Việt-Nam ở Pháp, hiện ngụ tại số 45 Đại lộ Général Leclerc (Yerres) đã phát-biểu cảm-tưởng riêng như trên, trong một bức thư gửi tổng lãnh-sự-quân Việt-Nam Cộng-Hòa tại Paris, sau khi thưởng thức 2 buổi trình diễn của phái-đoàn văn-nghệ Việt-Nam ở kinh-đô ánh sáng hai đêm 2 và 3 tháng 11 năm 1968 vừa qua.

Ông Châu viết tiếp : chúng tôi như thức tỉnh sau một giấc mơ, nhận rõ trong hiện-tại chỉ là nơi đất khách quê người, vì sinh sống, vì hoàn cảnh phải bôn ba nơi hải-ngoại và tự nhiên trong lòng nảy ra sự mong ước được chóng trở lại quê-hương.

Là một kiều-bào đã cư ngụ lâu năm trên đất Pháp, ông Châu nhận định rằng đối với dân-chúng Pháp và các ngoại-kiều khác, những buổi trình-diễn Văn-Nghệ như vậy vẫn là những cơ hội tối nhứt để gây thiện cảm.

Các nước Anh, Mỹ, Đức, Nhật, Đại-Hàn, (không năm nào là không cử một đoàn Văn-Nghệ sang trình diễn tại Ba-Lê hàng tháng vì họ đã hiểu rõ tác dụng tuyên truyền, liên lạc của hoạt-động Văn-Nghệ.

Tác-giả bức thư còn tỏ ý tiếc rằng thời-gian trình-diễn của đoàn Văn-Nghệ Việt-Nam ở Paris quá ngắn ngủi, và, với tư cách Việt-kiều hải-ngoại, Ông rất hãnh diện trước những thành công về vang của các nghệ-sĩ tên tuổi Việt-Nam.

Mới đây sau khi về nước, phái-đoàn Văn-Nghệ Việt-Nam đã được Thủ-Tướng Chánh-Phủ khen ngợi và ban thưởng Chương-Mỹ bội-tinh và huy-chương Tâm-lý-chiến.

#### DIỄN-THUYẾT VỀ « NHÀ LÊ » TẠI TRUNG-TÂM-VĂN HÓA ĐỨC.

Saigon 18-12. Cô Đặng-Phuong-Nghi, Giám-Đốc Nha Văn-Khố và Thư

Viện Quốc-Gia, diễn-thuyết vào hồi 19 giờ ngày 18-12 tại thành-đường Trung-Tâm Văn-Hóa Đức, số 120 đường Phan-Đình-Phùng về đề tài : "La Structure de la Monarchie sous la Dynastie des Lê" (Cơ cấu nền Quân-Chủ dưới triều Lê).

Buổi diễn-thuyết bằng Pháp-ngữ được đặt dưới quyền Chủ-tọa của Ông Quốc-Vụ-Khanh, Đặc-Trách Văn-Hóa.

**ÔNG QUỐC-VỤ-KHANH MAI-THỌ-TRUYỀN  
CHỦ-TỌA LỄ KẾT MINH HUYNH - ĐỆ  
SAIGON — ĐÀI BẮC.**

Saigon 17-12. Ông Mai-Thọ-Truyền, Quốc-Vụ-Khanh đặc trách Văn-Hóa, lúc 18 giờ 15 hôm 17-12-1968, đại-diện Thủ-Tướng Trần-Văn-Hương đến chủ-tọa lễ "Kết minh huynh-đệ Saigon — Đài-Bắc", tổ chức tại tòa ĐĐ-Chính Saigon.

Ngò lời trong dịp này, ông Truyền nói cùng chung một số phận bị nạn Cộng-Sản đe dọa hàng ngày, hai Quốc-Gia Việt-Nam và Trung-Hoa Dân-Quốc cần phải đoàn-kết chặt-chẽ, để có thêm sức mạnh chống kẻ thù chung.

Ông Mai-Thọ-Truyền trình bày : Buổi lễ hôm nay, mặc dầu là sơ giao nhưng sẽ được cụ-thể-hóa trong tương-lai bằng những sự trao-đổi văn-hóa, những hợp-tác trong việc khuyếch-trương nền kinh-tế thương-mại, công-kỹ-giê và cải tiến dân-sinh cho đồng-bào hai thủ-đô Saigon và Đài-Bắc.

Theo ông Truyền, "Hai đô-thị nói cho đúng, vẫn có nhiều mối liên-quan mật thiết, về phương diện chủng-tộc, văn-hóa phong-tục cũng như về mối liên quan như tình cật ruột, là trong số non hai triệu dân của đô-thành đã có gần 1/4 người Việt gốc Hoa."

Ông Truyền nói : Điều đáng lưu ý là các thanh-niên người Việt gốc Hoa đã từng quân chiến-đấu ngoài mặt trận chống xâm-lãng Cộng-Sản, cũng như thanh-niên Việt-Nam.

Ông Quốc-Vụ-Khanh nhấn mạnh kể từ nay, hai đô-thị Đài-Bắc và Saigon sẽ có một sức mạnh tăng gia gấp bội trong thể chung sức đương đầu với Cộng-Sản Quốc-tế xâm-lãng.

Bản văn kết-minh huynh-đệ giữa đô-thành Saigon và Đài-Bắc mang nội dung "kết minh huynh-đệ giữa 2 thủ-đô Saigon và Đài-Bắc để thắt chặt tình hữu nghị và thực hiện việc tương-trợ lẫn nhau trên phương-diện văn-hóa, xã-hội kinh-tế và nhất là trong chương-trình phát triển đô-thị và cải-tiến dân-sinh".

Bản văn trên được ký kết giữa ông Chủ-tịch Hội-đồng Đô-thành Đài-Bắc Trương-Tường-Truyền, Chủ-tịch Hội-đồng Đô-thành Saigon Phó-Thái-Gia, ông ĐĐ-trưởng Đài-Bắc Cao-Ngọc-Thọ và Đại-tá ĐĐ-Kiến-Nhiều, ĐĐ-Trưởng Saigon.

Trước đó, Đại-sứ Trung-Hoa Dân-Quốc Hồ-Liên đọc diễn-văn nói rằng "Trung-Hoa Dân-Quốc chúng tôi hiện đang đeo đuổi quốc sách Tam-dân chủ-nghĩa. Tinh-thần lập quốc của chúng tôi luôn luôn tìm cách thân-thiện với các lân bang giúp đỡ kẻ yếu hầu thể hiện sự thân-thiện với các quốc-gia bạn trên nguyên-tắc bình-đẳng và tương trợ lẫn nhau".

Nhân dịp này Đại-tá ĐĐ-Trưởng Saigon tuyên bố nhân-dân Việt-Nam Cộng-Hòa cũng như nhân-dân Trung-Hoa Dân-Quốc không chiến-đấu trong lễ loi. Ông nói "lập-trường và chính-nghĩa Quốc-gia của chúng ta sáng chói".

Ông Phó-Thái-Gia, Chủ-tịch Hội-đồng Đô-thành Saigon cho biết ông mong ước một ngày gần đây, Saigon sẽ được hân hạnh kết huynh-đệ với các thủ-đô của các quốc-gia Á-Đông và Đông-Nam-Á như Hán-Thành, Đông-Kinh, Mani, Vọng-Các và Kuala Lumpur.

Hiện diện trong buổi lễ có nhiều Nghị-sĩ, Dân-biểu, Tổng-trưởng, Tướng lãnh, Nghị-viên Đô-thành.

Các phái-đoàn Liên-Minh Á-Châu chống Cộng cũng có mặt trong buổi lễ này.

**TRIÊN - LÂM HỘI - HOA TẠI HỘI VIỆT - MỸ.**

Saigon 21-12. Trên mười trong số 34 họa-phẩm của họa-sĩ Nguyễn-Văn-

Chuộc đã được bán ngay trong vòng 15 phút sau buổi khai mạc phòng tranh hội Việt-Mỹ đêm 20-12 tại biệt thự số 28 đường Phùng-Khắc-Khoan.

Đây là kết-quả kỷ-lục so với các cuộc triển-lãm tranh trong tháng tại Saigon. Họa-si Nguyễn-Văn-Chuộc 53 tuổi, sinh-quán tại Kiến-Hòa, đã có tám con và sáu cháu ngoại, là một họa-sĩ đã không ngừng sáng-tác suốt 33 năm qua.

Họa-sĩ chuyên vẽ sơn dầu và màu nước và theo họa phái tân cổ điển. Bức số 13 "Họa" trong phòng tranh lần này là bức tiêu-biểu nhất cho họa-phái của ông.

Ông được khách thưởng-lãm ưa thích hơn cả trong lối dùng màu từng khối làm tranh nổi bật lên nhất là những bức vẽ hoa.

Ông thường lấy đề-tài trong đời sống hàng ngày, hoặc giản-dị như học sinh, bò, ngựa, đám cưới hoặc độc đáo như pháo kích.

#### CHƯƠNG - TRÌNH VĂN-NGHỆ KẾT THÚC ĐẠI HỘI L.M.T.G.C.C.

Saigon 22-12. Cô Năm Đò và bạn Minh-Tơ tối 21-12 đã được các đại-biểu tham dự Đại-hội Liên-minh Thế-giới và Á-châu chống-Cộng và các tân-khách hoan hô nồng nhiệt qua vở hát bộ "Tổng Tiêu Đơn Hùng Tín" được diễn tại "Maxim" đường Tự - do Saigon.

Các tân-khách cũng tán thưởng các màn biểu diễn y-phục Việt-Nam qua các thời-dại và các miến với các bộ quần áo kim tuyến chói lọi rực rỡ.

Ngoài ra các ban vũ Lư-Hồng, Trĩnh Toàn, các ban hợp-ca biệt đoàn văn nghệ trung-trương, nhạc kịch *Cô gái diên* của Hoàng-Thị-Thơ cũng được ủng hộ nồng nhiệt không kém.

Chương-trình văn - nghệ nói trên đã kết thúc cho 7 ngày Đại hội liên - minh Thế - giới và Á-Châu chống Cộng được tổ chức năm nay tại Saigon Việt-Nam.

#### HỘI "GANDHI MEMORIAL FUND" GIÚP CHIẾN NAN VIỆT - NAM.

Saigon 24-12. Hội "Gandhi Memorial Fund" tại Ấn-Độ vừa nhờ Tổng lãnh-sự-quán Việt-Nam Cộng-Hoà tại New Delhi chuyển về Bộ Ngoại-giao một chi phiếu 1.333,77 Mỹ Kim (lỗi 157.500 đ. VN) do hội này quyên tặng nạn-nhân chiến cuộc Việt-Nam Cộng-Hòa.

Ban Chấp-hành của hội khi tặng số tiền này có yêu cầu ngân-khoản ấy sẽ được dùng để mua sữa phân phát cho đồng-bào nạn-nhân chiến-cuộc.

Chi phiếu trên sẽ được Bộ Ngoại-giao chuyển đến Bộ Y-tế, xã-hội và cứu-trợ để thực hiện mỹ ý của hội Gandhi Memorial Fund.

#### TRIỂN - LÃM TRANH TẠI ĐÀ - LẠT.

Đalat 25 - 12. Phòng triển-lãm tranh của họa-sĩ Đỗ-Kỳ-Hoàng đã khai mạc sáng 21-12-1968 tại Hợp-tác-xã Công-Chức ở đường Thống-Nhất, Đalat.

Có 26 họa-phẩm được trưng - bày từ 21 đến 28-12-68 trong đó có 3 tấm sơn mài, mười bức vẽ trên lụa, còn lại là họa-phẩm vẽ trên vải, lồng khung nhiều cỡ.

Họa-sĩ Đỗ-Kỳ-Hoàng hiện là Chuẩn-Ủy dạy vẽ tại trường Đại-học Chiến-tranh Chính - trị ở Đalat.

Đại-tá Thị - trường Hồ-Văn-Di-Hình đã cắt băng khai-mạc trước sự hiện diện của Trung-tá Tỉnh-trưởng Tuyên-Đức Nguyễn-Văn-Bích và Hải-quân Đại - tá Lâm-Ngươn-Tánh, Chi - Huy-Trưởng-Trưởng Đại-học Chiến - tranh Chính-trị cùng một số đồng - sĩ-quan nhân-vật Việt-Nam và đồng-minh.

#### NHẠC VIỆT-NAM ĐƯỢC HOAN NGHÊNH TẠI ABIDJAN.

Saigon 27 12. Dân-chúng thủ đô Abidjan nước Côte D'Ivoire (Tây Phi) đã nhiệt liệt hoan nghênh âm-nhạc Việt-Nam khi được nghe những bản nhạc và

bài hát Việt-Nam.

Tin tức tòa Đại-Sứ Việt-Nam tại Abidjan cho biết nhân ngày lễ Quốc-Khánh Việt-Nam 1968 vừa qua, Đài vô-tuyến truyền-thanh và truyền-hình Abidjan đã đặc-biệt giới-thiệu một chương-trình âm-nhạc Việt-Nam, và nhiều khán-thính-giả đã bày tỏ sự hoan-nghech khi thưởng-thức món ăn tinh thần đó.

Được biết trong phạm-vi thông-tin quốc-ngoại, Bộ Ngoại-giao đã nhờ vào sự giúp đỡ tích-cực của Bộ Thông-tin (truyền-thanh, truyền-hình, điện-ảnh) và nhất là Bộ Quốc-Phòng (Cục Tâm-Lý-Chiến) nên những hình-ảnh và âm thanh Việt-Nam đã được quảng bá nhiều nơi trên thế-giới, mang lại nhiều cảm-tình cho dân-tộc Việt-Nam.

#### PHÒNG TRIỂN - LÂM TRANH TÀU KHAI MẠC

##### TẠI PHÒNG - THÔNG TIN ĐỒ THẠNH.

Saigon 28 - 12. Ông Mai-Thọ-Truyền, Quốc-Vụ Khanh-độc trách Văn-Hóa, và ông Paul Mur, Tổng-trưởng Phát-triển sắc-tộc chiểu 28-12 đã đến cắt băng khai-mạc Phòng Triển-lãm tranh Tàu tại Phòng Thông-tin Đồ-thành, đường Tự-do, Saigon.

Cuộc triển-lãm này trưng bày hơn 400 tranh Tàu của 206 họa-sĩ Trung-Hoa từ Đài-Loan, Hồng-Kông, Tân-Gia-Ba, Cao-Miên và ngay tại VN gọi biểu Ủy-ban cứu-trợ đồng-bào thiếu số Thương-Du Bắc-Việt đi cư.

Số tranh hầu hết vẽ về các đề tài thông thường của lối tranh Tàu như núi sông, tre trúc, thiếu-nữ Trung-Hoa, con công, Đức Phật, v.v... Giá bán từ 5.000 đến 500.000 đồng mỗi bức.

Số tiền bán tranh sẽ được dùng xây cất hai trường Trung-học tại Bình-tuy và Long-Khánh.

Hai ông Mai-Thọ-Truyền và Paul Nur đã mua ủng hộ mỗi người hai bức

tranh. Cũng nhân dịp này, ông Công-sứ Âu-Dương Trung-Dung, đại-diện Đại-sứ Hồ-Liên, đã chuyển lại số tiền 100.000 đồng của Đại-Sứ Trung-Hoa Dân-Quốc gởi tặng Ủy-ban cứu-trợ nói trên.

#### VIỆT-NAM CỘNG-HÒA THAM-DỰ

##### 'HỘI-NHỊ HỘI-ĐỒNG TỔNG-TRƯỞNG GIÁO-DỤC ĐÔNG-NAM-Á'

Saigon 7-1. Phó Thủ-Tướng đã chấp-thuận đề-nghị của Bộ Ngoại-Giao và Bộ Giáo-Dục cử Phái-đoàn tham-dự Hội-Nghị lần thứ tư của Hội-Đồng Tổng-Trưởng Giáo-Dục Đông-Nam-Á (SEAMES) tại Djakarta từ 7 đến 11-1-1969.

Thành-phần Phái-đoàn gồm có : Ông Lê-Minh-Liên Thứ-Trưởng Giáo-Dục và Thanh-Niên, Xứ-Lý Thường-vụ Bộ Giáo-Dục và Thanh-Niên, Trưởng phái-đoàn ; Giáo-sư Lê-văn-Thời, Tổng-Cuộc-Trưởng Nguyễn-Tử-Lực Cuộc Việt-Nam, đoàn-viên ; Giáo-sư Trần-văn-Tấn, Khoa-Trưởng Đại-Học Sư-Phạm' Cổ-văn và ông Lý-chánh-Đức, Giám-Đốc Trung-Tâm Học-Liệu, Cổ-văn.

Phái-đoàn đã khởi hành ngày 2-1-1969 ghé Tân-Gia-Ba trước khi nhập nội Indonesia.

Được biết mỗi năm 7 vị Tổng-Trưởng Giáo-Dục hội-viên SEAMES : Indonesia, Mã-Lai-Á, Phi-Luật-Tân, Tân-Gia-Ba, Thái-Lan, Lào và Việt-Nam họp một lần để kiểm-điểm chương-trình hoạt-động trong năm, cùng hoạch-định chương-trình hoạt-động năm tới.

Trong kỳ họp lần thứ 4 này, Phái-đoàn Việt-Nam sẽ đưa ra một đề-án về Việt-Nam lãnh tổ-chức một khóa hội-thảo giữa các Quốc-Gia hội-viên SEAMES trên phương-diện ứng-dụng Nguyên-tử-năng.

#### ĐẶC-SAN VỀ VIỆT-NAM PHÁT-HÀNH TẠI HUƠNG-CẢNG.

Saigon 9-1. Nguồn tin Ngoại-giao vừa cho biết nhân dịp lễ Giáng-Sinh 1968,

Toà Tổng Lãnh-Sự Việt-Nam tại Hương-Cảng đã cho phát-hành một đặc-san Hoa ngữ bốn trang lấy tên là "Kim Nhật Việt-Nam" để giới-thiệu Việt-Nam Cộng-Hòa với độc-giả địa-phương.

Nội-dung tờ báo phổ biến lập-trường của VNCH trong việc tranh-thù hòa-bình và giải-quyết chiến-tranh, vạch rõ chính-nghĩa của cuộc chiến-đấu của VNCH và phơi bày bộ mặt thật của cái gọi là MTGPMN, tổ chức tay sai của Cộng-sản Bắc-Việt.

Tờ báo cũng nêu lên những thành-tích về công-kuộc xây-dựng dân-chủ tại VNHC trái với chế-độ độc-tài đảng-trị, dã-man, tàn-bạo và vô-nhân của chính-phủ Hà-Nội và bày tỏ lòng tri-ân của nhân-dân VNHC đối với sự ủng-hộ của các dân-tộc bạn.

Hình-thức tờ báo rất mỹ-thuật, hợp với thị-hiệu của độc-giả địa-phương, in hình của Tổng-Thống VNCH Nguyễn-Văn-Thiệu, Thủ-Tướng Trần-Văn-Hương và Ngoại-Trưởng Trần-chánh-Thành cùng các hình ảnh chiến-đấu kiêu-hùng, xây-dựng kiên-trì của quân-dân Việt-Nam.

Tờ báo được phát hành kèm với Thiên-Tân Nhật Báo, lớn nhất Hương-Cảng, nên đã phổ cập đến quảng-đại quần-chúng.

#### TRIỂN-LÂM ĐIỀU-KHẮC VÀ NHIẾP-ẢNH CỦA HỘI VĂN-NGHỆ-SĨ QUÂN-ĐỘI TẠI ĐÀ-LẠT.

Đà-lạt 9-1. Phòng triển-lâm điêu-khắc và nhiếp-ảnh của hội Văn-nghệ-sĩ Quân-đội đã được Thiệu-Tướng Lâm-Quang-Thị, Chỉ-huy-trưởng trường Võ-bị Quốc gia cắt băng khai-mạc sáng 6-1-69 tại Phòng hội của Tòa Đại-biêu Chánh Phủ ở Đà-lạt.

Cuộc triển-lâm này mở cửa tới ngày 12-1-69 với ngót một trăm tác-phẩm trưng-bày gồm họa-phẩm của các họa-sĩ Hiếu-Đệ, Trịnh-Cung, Đỗ-Kỳ-Hoàng và Quốc-Cường, tác-phẩm điêu-khắc bằng thạch cao của điêu-khắc gia Nguyễn-

Thanh-Thu và tác-phẩm nhiếp-ảnh của Nguyễn-ngọc-Hạnh. Những tác-phẩm ıra kờ hình dung cuộc chiến-đấu gian - khổ nhưng anh-dũng của Quân Dân Miền Nam.

Hiện diện trong buổi lễ có ông Cao-Xuân-Thiệu, Phụ-tá Hành-Chánh cạnh Tư-lệnh vùng II Chiến-Thuật, Đại-Tá Hồ-văn Di-Hình, Thị-Trưởng Đà-lạt Trung-Tá Nguyễn-văn-Bích, Tỉnh-Trưởng Tuyên-Đức, cùng một số sĩ-quan cao-cấp, trong đó có Đại-Tá Chi-Huy-Trưởng trường Đại-học Chiến-tranh Chính-trị và Đại-Tá Chủ-Tịch Hội Văn-Nghệ Quân-Đội.

#### PHÒNG ĐỌC SÁCH NHI - ĐỒNG THUỘC THƯ - VIỆN QUỐC - GIA ĐƯỢC KHÁNH - THÀNH.

Siagon 13-1. Ông Châu-ngọc-Thời, Đồng-Lý VP đại-diện ông Quốc-Vụ-Khanh Đặc-trách Văn-Hóa Mai-thọ-Truyền, sáng nay đã đến cắt băng Khánh thành phòng đọc sách Nhi-Đồng thuộc Nhà Văn-Khố và Thư-Viện QG, tại số 194<sup>D</sup> đường Pasteur, Saigon.

Trong bài diễn-văn đọc tại buổi lễ Khai-mạc, ông Đồng-Lý cho biết rằng việc thiết lập Phòng Đọc sách này đã góp phần hoàn bị cho các cơ sở văn-hóa QG tại Thủ-Đô.

Ông Đồng-lý còn tỏ ý hy-vọng rằng Phòng Đọc Sách này là 1 khởi điếm cho dự-án thiết-lập một Thư-Viện Nhi Đồng QG với nhiều chi-kuộc sau này tại các tỉnh và các quận.

Nói về mục-dích thành lập, ông cho rằng các phòng đọc sách Nhi-Đồng sẽ đáp ứng nhu-cầu đọc sách Thiếu-nhi. Những ấn-loát-phẩm chọn lọc tại Phòng Đọc Sách sẽ hướng-dẫn các em trong những giờ nhàn rỗi, khai thông tinh thần và cung ứng phương-tiện giải trí tao nhã cho toàn thể độc-giả thiếu-nhi nước nhà.

Ngỏ lời với các độc giả thiếu-nhi có mặt tại Phòng Đọc sách, ông Đồng-Lý nói :

"Phòng Đọc Sách này được tổ-chức cho các em. Sau những giờ học-tập ở nhà trường, các em sẽ tìm thấy trong sách nơi đây những nguồn vui thanh cao, những món ăn tinh-thần bổ-ích".

VĂN-HÓA TÙNG-THU

do NHA VĂN-HÓA, PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA  
xuất-bản

1. **SỬ-LIỆU VIỆT-NAM**  
Tuần-Lý Huỳnh-Khắc-Dung biên-soạn  
(246 trang) . . . . . 258
- 2-3. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ: LỤC-TỈNH NAM-VIỆT**  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch  
Tập thượng (152 trang) . . . . . 208  
Tập hạ (132 trang) . . . . . 158
- 4-5. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ: TRUNG-PHẦN**  
A-Nam Trần-Tuân-Khê phiên-dịch  
Tỉnh Thanh-Hóa Tập thượng (122 trang) . . . . . 158  
Tập hạ (174 trang) . . . . . 158
6. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ: TRUNG-PHẦN**  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch  
Kinh-Sur (96 trang) . . . . . 158
- 7-8. **CỔ-ĐỒ HUẾ: Lịch-sử, Cổ-tích, Thắng-cảnh và Thi-ca**  
Thái-Văn-Kiểm biên-soạn  
(487 trang, gồm 53 tranh ảnh và bản đồ) . . . . . 708
- 9-12. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ: TRUNG-PHẦN**  
Quảng-Trị và Quảng-Bình (208 trang) . . . . . 208  
Thừa-Thiên-Phủ Tập thượng (144 trang) . . . . . 188  
Tập trung (152 trang) . . . . . 158  
Tập hạ (134 trang) . . . . . 158
- 13-14. **VIỆT-NAM NHÂN-VẬT-CHỈ VÙNG-BIÊN**  
Thái-Văn-Kiểm và Hồ-Đắc-Hàm biên-soạn  
(290 trang) . . . . . 558
15. **HIGHER EDUCATION IN THE REPUBLIC OF VIETNAM**  
(Nền Cao-học tại Việt-Nam Cộng-Hòa)  
«VIETNAM CULTURE SERIES», No. 6  
Nguyễn-Đình-Hòa biên-soạn (32 trang) . . . . . 68

16. **LA LITTÉRATURE VIETNAMIENNE**  
(Văn-chương Việt-Nam)  
COLLECTION «ASPECTS CULTURELS DU VIETNAM», No. 7  
Nguyễn-Khắc-Kham biên-soạn (26 trang) . . . . . 68
17. **DEMOCRACY IN TRADITIONAL VIETNAMESE SOCIETY**  
(Nền dân-chủ trong xã-hội cũ-truyền Việt-Nam)  
«VIETNAM CULTURE SERIES», No. 4  
Nguyễn-Đặng-Thục biên-soạn (12 trang) . . . . . 68
18. **INTRODUCTION TO VIETNAMESE POETRY**  
(Khái-luận về Thi-ca Việt-Nam)  
«VIETNAM CULTURE SERIES», No. 3  
Lý-Chánh-Trung biên-soạn (20 trang) . . . . . 88
19. **INTRODUCTION TO VIETNAMESE CULTURE**  
(Khái-luận về Văn-hóa Việt-Nam)  
«VIETNAM CULTURE SERIES», No. 1  
Nguyễn-Khắc-Kham biên-soạn (28 trang) . . . . . 68
20. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ: TRUNG-PHẦN**  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch  
Tỉnh Bình-Định (196 trang) . . . . . 388
21. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ: TRUNG-PHẦN**  
Tu-trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch  
Tỉnh Quảng-Nam (282 trang) . . . . . 258
22. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ: TRUNG-PHẦN**  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch  
Tỉnh Quảng-Ngãi (212 trang) . . . . . 258
23. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ: TRUNG-PHẦN**  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch  
Phủ-Yên và Khánh-Hòa (238 trang) . . . . . 258
24. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ: TRUNG-PHẦN**  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch  
Tỉnh Bình-Thuận (cả bản chữ Hán, 206 trang) . . . . . 258



25. **ĐẠI-NAM NHẤT THỐNG-CHÍ TRUNG-PHẦN**  
 Đông-Minh Đặng-Chu-Kinh phiên-dịch  
 Tỉnh Nghệ-An (cả bản chữ Hán 308 trang) 388
26. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**  
 Đông-Minh Đặng-Chu-Kinh phiên-dịch  
 Tỉnh Hà-Tĩnh (cả bản chữ Hán, 206 trang) 258
27. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN**  
 Đông-Minh Đặng-Chu-Kinh phiên-dịch  
 Tỉnh Hà-Nội (cả bản chữ Hán, 250 trang) 258
28. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN**  
 Tu-Trai Nguyễn-Tạo dịch  
 Tỉnh Bắc-Ninh (cả bản chữ Hán, 206 trang) 258
29. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN**  
 Tu-Trai Nguyễn-Tạo dịch  
 Tỉnh Sơn-Tây (cả bản chữ Hán, 354 trang) 508
30. **ỨC-TRAI TƯỚNG-CÔNG DI TẬP**  
 Dư-Địa-Chí (cả bản chữ Hán, 290 trang) 508
31. **LA PERSONNALITÉ CULTURELLE DU VIETNAM**  
 (Cá-tính Văn-Hóa Việt-Nam)  
 COLLECTION « ASPECTS CULTURELS DU VIETNAM » No. 8  
 Trịnh-Huy-Tiến biên-soạn  
 (56 trang) 128
- 31<sup>B</sup> **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN**  
 Tu-Trai Nguyễn-Tạo dịch  
 Tỉnh Hưng-Yên (cả bản chữ Hán, 90 trang) 288
24. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN**  
 Đông-Minh Đặng-Chu-Kinh phiên-dịch  
 Tỉnh Cao-Bằng (cả bản chữ Hán, 92 trang) 288

Có bán tại các hiệu sách lớn tại Thủ - đô, các Tỉnh và tại Nha Văn - Hóa  
 8, NGUYỄN-TRUNG-TRỰC — SAIGON

phụ trương

RALPH HAUPERS

Summer Institute of Linguistics

University of North Dakota

## stieng phonemes

### 0. Introduction

#### 1. Syllable and word structure

#### 2. Vowels

#### 3. Consonants

### 0. Introduction.

Stieng is a language of the Mon-Khmer family spoken in southern Viet Nam and eastern Cambodia. In Phước Long province they are said to number about 20,000, and Bình Long province 10,000. We have seen no figure for Cambodia. This study represents the Bulo dialect, which is geographically the central Stieng dialect in Phước Long. Data was gathered while resident in the village of Bukrôai, near the foot of the Bara Mountain, in the Phước Bình district of Phước Long.

#### 1. Syllable and word structure.

Stieng syllables are of two types: **pre-syllables** and **main syllables**. The pre-syllable can be symbolized as POS, where P may be any stop or /s/, O is a neutral vowel, noncontrastive in quality and length, and S is a syllabic (cf. §3.2). A pre-

syllable may be composed of PO /bɔnan/ '24-hr period', S /ndah/ 'not yet', or POS /kɔmlab/ 'health'.

The main syllable can be symbolized as CHWVF. C may be any consonant, H represents the phonemes /h,w,l,r/, W represents /w,l/, V any vowel, and F any consonant except a voiced stop or a glottalized consonant (§3.1; 3.3).

Clusters of up to three consonants may occur in the main syllable. The only 3-consonant clusters that have been found are /thl, khw/. /thlây/ 'expensive', /khwan/ 'dare', /khwah/ 'lack'.

Two consonant clusters may be formed with /h,w,l,r/ in H position. All simple stops can combine with /h/ (but with a voiced stop and /h/ there cannot be a presyllable). /bhûy/ 'breezy'. /w/ combines with only /k,g/. /gwâl/ 'to herd'. /l/ combines with only /p/b/k/g/. /plòk/ 'to open'. /r/ can combine with any simple or glottalized stop. /ʔbrûs/ 'immediately'.

Words then may be monosyllabic (/ʔê/ 'repair', /khwah/ 'lack') or disyllabic (/bɔnan/ '24-hr period'). Disyllabic words are stressed on the main (second) syllable. No words have been found with the full POSCHWVF structure — POS and W slots are mutually exclusive except in a few reduplicated forms. /kɔkhwan/ reduplicated from /khwan/ 'dare'. /pɔndrɪj/ (pəndri ɔn) 'nourishing' illustrates the maximum phonemic positions which can be filled in one word.

A few items do not fit the predominant pattern. Some, usually showing reduplication, have a cluster in P position. /khòkhurt/ 'stir'. Others, perhaps onomatopoeic, have a non-syllabic in S position. /ʔokʔay/ 'a lizard'.

2. Vowel phonemes.

The vowels of Stieng are:

	Front	Central	Back	
High	i	ɨ	u	
Mid	ê	o	ô	prosody:
Low	e	a	o	length

/i/ [i.] high front close unrounded, phonetically long but functioning phonemically as short /i/. [iə] high front close unrounded gliding off to mid central, functioning phonemically as long /i/. [ri ɔ.] /ring/ 'dangerous', [tiəŋ] /ting/ 'tail'. This analysis avoids having to posit vowel clusters, and also fills the otherwise empty short /i/ slot.

/ê/ [ɛ.l.] high front open unrounded, occurs in closed syllables except before /h/. [e.e.] mid front unrounded, occurs in open syllables or before /h/. [tɔn] /təŋ/ 'follow', [ʔi.n] /ʔèn/ 'alone', [mɛ] /mê/ 'mother', [tɛh] /têh/ 'big'.

/e/ [ɛ-æ.ɛ.ɔ.æ.] low front close to open unrounded, short (usually [æ] before /h,ʔ/, long (usually [ɛ]) elsewhere. [dɛh, dæh] /deh/ 'grass', [ʔæ.n, ʔɛ.n] /ʔen/ 'magpie'.

/u/ [ɪ.l.] high central unrounded. /kɪrt/ 'able', /kɪrt/ 'frog'.

/o/ [ʌ.A.] mid central unrounded. /kòt/ 'sunrise', /kot/ 'tie'. In the presyllable it varies phonetically over a wide range of articulatory positions, under the influence of surrounding consonants.

/a/ [a.a.] low central unrounded. /kàt/ 'roughen', /kat/ 'cut'.

/u/ [u.] high back close rounded, phonetically long but functioning phonemically as short /u/. [uə] high back close rounded gliding off to mid central, functioning phonemically as long /ù/ (cf. /i/). [ʔu.t] /ʔut/ 'hug', [ʔuət] /ʔút/ 'sleep uncovered'.

/ô/ [u, o.] high back open partially rounded short, and mid back rounded long [tuk] /tòk/ 'cloud', [to.k] /tòk/ 'to place'.

/o/ [ɐ.c.] low back slightly rounded short, and mid-low back rounded long. [kʰɔŋ] /kong/ 'wheel', [kɔ.ɔ] /kòng/ 'bracelet'.

Length is not contrastive in open syllables or in the presyllable, but in closed syllables length is contrastive on all vowels except /e/.

Alternatives to an emic prosody of length would be to describe the phonemic system as having 17 vowel phonemes and consider the articulatory differences between long and short vowels as significant. Or one could describe it in terms of 15

vowel phonemes and 2 vowel clusters.

No distinction of voice quality (register) has been found in Stieng.

**3. Consonant phonemes**

	Bilabial	Dental	Palatal	Velar	Glottal
<b>Stops</b>	p b	t d	c j	k g	
<b>Syllabics</b>	m	n r l	ɲ	ŋ	
<b>Glottalized</b>	ʔ m	ʔ d n	ʔ j		
<b>Other</b>	w		y	s	h

3.1 Stops are that class of consonants which may occur in P and C positions in the word. Voiceless stops also occur in F position, but voiced stops do not.

- /p/ voiceless bilabial stop. /pɔl/ 'dull', /kəp/ 'bite', /pɔrman/ 'fessen'.
- /t/ voiceless dental stop. /tɔl/ 'to pedal', /dat/ 'very', /tɔrman/ 'all'.
- /c/ voiceless palatal stop. /cəl/ 'wind', /cɔbap/ 'permission'. All palatal phonemes in syllable-final position are preceded by an [i] onglide. [ta<sup>i</sup>c]/tac, 'sell'. [ta<sup>i</sup>ɲ]/ta<sup>i</sup>ɲ 'hot', [ka<sup>i</sup>ɲjɔh]/kɔ<sup>n</sup>jɔh/ 'fetish pole', [ru<sup>i</sup>cɪY]/ru<sup>s</sup>ɔs/ 'elephant'.
- /k/ voiceless velar to back velar stop. /kəp/ 'bite', /dək/ 'water', /kɔnat/ 'clothe'.
- /b/ voiced bilabial stop. /bɔl/ 'thick', /bɔkəw/ 'tobacco'.
- /d/ voiced dental stop. /da/ 'duck', /dɔlu/ 'young man'.

- /j/ voiced palatal stop. /ja/ 'thatch' /jɔɔð/ 'dark'.
- /g/ voiced velar stop. /gɔ/ 'cow' /gɔnɔɔ/ 'fang'.

3.2 Syllabics are that class of consonants which occur in the S, C, and F positions in the word. With the exception of /r/, in F position they may freely be preceded by a lenis voiced homorganic stop ([d], [b], [d<sub>n</sub>], etc.), except after /a, o, ɔ/. This is especially noticeable with /n/ and /l/; with the other syllabics it has been heard only in the slow precise speech of the informant while teaching.<sup>1</sup>

- Nasal syllabics occur only in S, C, and F positions.
- /m/ bilabial nasal. /ma/ 'right side', /rom/ 'beautiful', /kɔmbra/ 'grey haired'. When /m/ alone constitutes the presyllable before /h/, it can vary freely to /mɔ/. /mlɔmɔ/ mɔlɔm/ 'one'.
- /n/ dental nasal. /net/ 'hair ornament', [ju. d<sub>n</sub>] /jun/ 'deer', /ʔa<sup>n</sup>/ 'give', /cɔndrɔh/ 'caterpillar', /nda<sup>n</sup>/ 'not yet'.
- /ɲ/ palatal nasal. /ɲɛt/ 'drink wine' /ta<sup>n</sup>/ 'hot', /kɔ<sup>n</sup>jɔh/ 'fetish pole' /ɲhəp/ 'smelly'.
- /ŋ/ velar nasal. /ŋat/ 'leak', /lɔŋ/ 'on top', /sɔŋgar/ 'drum', /ŋɔhɔ/ 'empty'.

- Liquid syllabics may further occur in H position following a stop.
- /l/ dental lateral. /lap/ 'cut' /bɔl/ 'tired', /tɔ<sup>l</sup>ɔ<sup>l</sup>/ /tɛ<sup>l</sup>/ 'tracks', /lhɔh/ 'papaya' /kləy/ 'wife's brother'.
- /r/ alveolar retroflex, varying from trill to flap. Word-initially a non-distinctive vocoid is often heard preceding the onset of the trill. /a<sup>r</sup>ic/ /ric/ 'to flood', /bɔr/ 'raise pigs', /rɔhɔ/ 'foose', /kɔrmac/ 'twist', /kray/ 'guard'.

3.3 Glottalized consonants are limited to C position in the word. Pre-glottalized stops can occur in consonant clusters, other glottalized consonants only occur alone.

<sup>1</sup> For further details see R. Haupers, 'Word final Syllabics in Stieng', *Văn Hóa Nguyệt San* 11:846 848 (1962).

/b/ preglottalized bilabial stop. /b̥an/ 'bamboo shoot', /b̥an/ 'hen', /mb̥aŋ/ 'type of people', /b̥òr/ 'goat' /b̥òr/ 'raise pigs', /br̥ùs/ 'immediately'.

/d/ preglottalized dental stop. /ʔa d̥òh/ 'the same', /ʔa d̥òh/ 'suffer burns'.

/j/ preglottalized palatal semivowel /ʔy/. It is interpreted phonemically as a preglottalized stop because its distribution is like /b̥, d̥/, and also because phonetically it is preglottalized like /b̥, d̥/, rather than conglottalized like /m, n, l/ in which the glottalization is concurrent with the consonant. /jar/ 'bamboo', /yar/ 'cast a beam', /jar/ 'arrow poison', /jruh/ 'a personal name'. Glottalized continuants never occur first in a consonant cluster. Phonetically, in isolation the voicing may start before the glottalization, and is then heard again before the vowel.

/m/ glottalized bilabial nasal. /m̥me/ 'mê' 'new', /m̥m̥/ 'mô' 'mother', /s̥m̥/ 'murt' 'paper with writing'.

/n/ glottalized dental nasal. /n̥naw/ 'naw' 'before', /r̥n̥àr/ 'a saw', /nar/ 'sun'.

/l/ glottalized dental lateral. [l̥? l̥òy] 'lòy' 'poor', /l̥òy/ 'leave'. /l̥òh/ 'cool', /l̥òh/ 'work'.

3.4 There are five remaining consonants which have no single feature in common. /y, ʔ/ may occur in C and F positions, but not in the presyllable or in clusters. /s/ may occur in P, C, and F positions but not in clusters. /w, h/ may occur in C, H, and F positions, but not in the presyllable. /w/ also occurs in W position.

/y/ palatal semivowel. /yùn/ 'Vietnamese', /khay/ 'moon', /khây/ 'confess' (fr. VN khai). The combination /t̥y/ is realized as [ue]. [rue] /rùt/ 'a fly', [ruy] /ruy/ 'to make yarn'. The combination /ly/ is realized as [ie], and has been found only in three personal names (Miê, Liê, Iê).

/ʔ/ glottal stop. In C position, without a presyllable, it is frequently dropped in rapid conversation. It has not been found in F position after /i, u/. It occurs following either long or short vowels. /baʔ/ 'carry a child', /bàʔ/ 'which types?', /ʔòh/ 'answer', /dòʔur/ 'woman'.

/s/ [s] voiceless alveolar fricative in P and C positions. [Y] voiceless palatal fricative in F position, [sa] /sa/ 'eat', [sonuk] /sonòk/ 'easy', [ga<sup>h</sup>y] /gàs/ 'outside', /ʔo.iy/ /ʔòs/ 'familiar'.

/h/ voiceless vocoid. It has been found after all vowels except /u/. /ha/ 'open one's mouth', /pòh/ 'last year's field', /pòh/ 'clattering bamboo pole for scaring birds', /pò/ 'parent-in-law'.

/w/ bilabial semivowel. /wan/ 'wear around the neck', /kaw/ 'flower', /kaw/ 'owl'. The combination /iw/ is realized as [io]. [lio] /liw/ 'to lead', [liw] /liw/ 'button'.

/a, à/ occur before both /w/ and /y/. /i, i, ê, e/ occur before /w/. /u, ù, ð, o, u/ occur before /y/. /σ, ð/ do not occur before /w/ or /y/.

VĂN-HÓA TẬP-SAN NĂM  
THỨ XVII, SỐ 2 (THÁNG  
11, 1968). IN 1.500 CUỐN  
TẠI NHÀ IN TƯƠNG-LAI,  
133 VÕ-TÁNH, SAIGON  
GIẤY PHÉP XUẤT-BẢN:  
NGHỊ-ĐỊNH SỐ 332  
CAB / SG NGÀY 5.5.1952.

Tòa-soạn : Nha Văn-Hóa (Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa)  
8, Nguyễn-Trung-Trực, Saigon. Điện-thoại 92.038

Chủ-nhiệm kiêm Chủ-bút : Trịnh-Huy-Tiến

Thư-ký : Nguyễn-Văn-Ninh

Quản-ly : Lê-Văn-Định.

Thư-từ, ngân-phiếu xin đề :

Ô. Giám-đốc Nha Văn-Hóa

8, Nguyễn-Trung-Trực, Saigon

## THẺ-LỆ GỬI BÀI SOẠN ĐĂNG VĂN-HÓA TẬP-SAN

Tòa-soạn Văn-Hóa Tập-San thành-thực đa-tạ cảm-tình nòng-hậu của các bạn xa gần có bài gửi đăng V.H.T.S. Về vấn-đề bản thảo, xin trân-trọng lưu-ý các bạn về mấy điểm sau đây :

1. Bài soạn gửi đăng Văn-Hóa Tập-San, xin gửi về Ô. Chủ-bút Văn-Hóa Tập-San, 8 Nguyễn-Trung-Trực, Saigon.
2. Bài soạn xin cho đánh máy dòng đôi (có dành lề ở cả hai bên), hoặc viết rõ-ràng trên một mặt giấy (để giúp ấn-công xếp chữ đỡ thiếu sót, nhầm lẫn).
3. Đầu bài soạn, xin ghi rõ, ngoài bút-hiệu, tên thực, chức-vụ và địa-chỉ hiện tại của tác-giả đề tòa-soạn liên-lạc hội-ý thêm, mỗi khi cần tới.
3. Nếu trong bài có đoạn nào trích-dẫn, xin ghi rõ xuất-xứ (tên tác-giả, tên sách, nơi xuất-bản, nhà xuất-bản, năm xuất-bản và trích dẫn ở trang nào).

Thí-dụ : Nguyễn-văn-X... Văn-Học Việt-Nam (Saigon xuất-bản-cục, 1960) trang...  
Trần-văn-X... "Điền cổ", Văn-Hóa Tập-San, Tập...  
Số... (tháng... năm...), trang...

5. Bao nhiêu cước-chú đặt ở cuối mỗi trang, xin ghi số liên-tiếp cho toàn bài.
6. Những danh-từ kỹ-thuật và khoa-học khi dịch ra Việt-văn xin ghi rõ cả nguyên-văn ngoại-ngữ (Anh, Pháp...).
7. Bài nào đã gửi đăng báo khác, xin miễn gửi đăng V.H.T.S. Khi bài đã gửi đăng V.H.T.S., mà soạn-giả sau muốn gửi bài ấy đăng báo khác, xin báo tin ngay cho tòa-soạn V.H.T.S. để kịp thời hoãn đăng, ngõ hầu tránh sự trùng điệp.
8. Tòa-soạn tùy-nghị lựa chọn, sửa chữa và xếp đặt các loạt bài đăng V.H.T.S. Nhưng bài đã nhận đăng sẽ đăng dần, còn đăng sớm hay muộn là tùy nhiều lý-do kỹ-thuật, chuyên-môn, v.v... mong các bạn thông-cảm.
9. Những bản thảo gửi quá ba tháng mà không thấy đăng hay trả lời, có thể coi như là không đăng. Những bài không đăng được, không có lệ trả lại bản thảo.
10. Mỗi tác-giả hoàn-toàn chịu trách-nhiệm về bài của mình.

CORNER  
UNIVERSITY  
OCT 10 1969  
LIBRARY

**GIÁ BÁN TOÀN QUỐC :**

1 số (tư nhân) . . . . . 24 \$

1 số (công sở) . . . . . 48 \$

(ở xa thêm tiền cước - phí)